

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH**

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

NGUYỄN THỊ THU HIỀN

**ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NINH LÃNH ĐẠO
XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ
TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2020**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

HÀ NỘI, 2026

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH**

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

NGUYỄN THỊ THU HIỀN

**ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NINH LÃNH ĐẠO
XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ
TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2020**

Chuyên ngành: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Mã số: 9229015

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS NGUYỄN MẠNH HÀ
TS. NGUYỄN THỊ HẢO**

HÀ NỘI, 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án

Nguyễn Thị Thu Hiền

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	7
1.1. Những công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án	7
1.2. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án và những vấn đề luận án tiếp tục tập trung nghiên cứu	29
Chương 2: ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NINH LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ (2010 - 2015).....	34
2.1. Các yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh trong xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở.....	34
2.2. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh về xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở (2010 - 2015)	47
2.3. Sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2010 - 2015)	53
Chương 3: CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NINH (2015 - 2020).....	85
3.1. Những yếu tố mới và chủ trương của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở	85
3.2. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh về xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở (2015 - 2020).....	89
3.3. Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh chỉ đạo xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở (2015 - 2020).....	95
Chương 4: NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM.....	136
4.1. Nhận xét quá trình Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở (2010 - 2020)	136
4.2. Kinh nghiệm từ thực tiễn quá trình Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở (2010 - 2020).....	159
KẾT LUẬN	177
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	180
TÀI LIỆU THAM KHẢO	181
PHỤ LỤC	200

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Stt	Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
1	HTCT	Hệ thống chính trị
2	HĐND	Hội đồng nhân dân
3	MTTQ	Mặt trận Tổ quốc
4	QCDC	Quy chế dân chủ
5	TCCSĐ	Tổ chức cơ sở đảng
6	TTHC	Thủ tục hành chính
7	UBND	Ủy ban nhân dân
8	XHCN	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG

<i>Bảng 4.1: So sánh kết quả đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng tại xã, phường, thị trấn năm 2020.....</i>	<i>146</i>
<i>Bảng 4.2. So sánh kết quả đánh giá xếp loại đảng viên tại xã, phường, thị trấn năm 2020</i>	<i>147</i>
<i>Bảng 4.3. So sánh kết quả đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ tại xã, phường, thị trấn năm 2020</i>	<i>149</i>

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Việc tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (HTCT) theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả là chủ trương lớn, xuyên suốt của Đảng trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đặc biệt, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 (sửa đổi) có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, mô hình chính quyền địa phương hai cấp (tỉnh và cơ sở) chính thức được triển khai, đánh dấu bước chuyển quan trọng trong tổ chức và vận hành HTCT. Theo đó, cấp cơ sở trở thành cấp cuối cùng trong hệ thống chính trị ba cấp (Trung ương, tỉnh, cơ sở), trực tiếp gánh vác vai trò tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong đời sống xã hội.

Sự thay đổi này càng khẳng định vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của hệ thống chính trị ở cơ sở, nơi gần dân, sát dân nhất, nơi trực tiếp phản ánh hiệu quả lãnh đạo của Đảng và năng lực quản lý của chính quyền. Trong bối cảnh mới, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh không chỉ là yêu cầu mang tính tổ chức bộ máy, mà trở thành vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với việc giữ vững ổn định chính trị - xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế - văn hóa, nâng cao đời sống nhân dân, đồng thời củng cố quốc phòng, an ninh ngay từ nền tảng cơ sở. Đây là yêu cầu cấp thiết, mang tính chiến lược, lâu dài đối với sự phát triển bền vững của đất nước nói chung và các địa phương nói riêng.

Nhận thức rõ tầm quan trọng đó, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, kết luận quan trọng nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5, khóa IX (18/3/2002) về *“Đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở xã, phường, thị trấn”* đã xác lập những quan điểm nền tảng về vị trí, chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức trong HTCT cơ sở, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng phục vụ nhân dân, sát dân, được nhân dân tin cậy. Tiếp đó, Kết luận số 64-KL/TW ngày 28/5/2013 của Hội nghị Trung ương 7, khóa XI *“tiếp tục khẳng định mục tiêu đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở”*, gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ,

công chức đủ phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đặc biệt, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6, khóa XII về *“Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”* đã tạo ra bước chuyển mạnh mẽ trong tư duy và hành động của toàn Đảng đối với công tác tổ chức bộ máy. Nghị quyết xác định rõ yêu cầu đổi mới HTCT bắt đầu từ cơ sở, khắc phục tình trạng chồng chéo chức năng, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội.

Quán triệt sâu sắc các chủ trương, đường lối của Đảng, tỉnh Quảng Ninh đã sớm khẳng định vai trò là một trong những địa phương đi đầu trong đổi mới tổ chức và hoạt động của HTCT, đặc biệt ở cấp cơ sở. Thực tiễn triển khai với nhiều mô hình sáng tạo, cách làm hiệu quả không chỉ góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của HTCT ở địa phương mà còn cung cấp cơ sở thực tiễn quan trọng để Trung ương nghiên cứu, tổng kết và ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017. Tuy nhiên, trong bối cảnh Quảng Ninh chuyển đổi mô hình tăng trưởng xanh với cơ cấu kinh tế dịch vụ - công nghiệp hiện đại, tốc độ đô thị hóa và hội nhập quốc tế nhanh, yêu cầu đổi mới năng lực quản trị địa phương ngày càng cao, HTCT ở cơ sở bộc lộ những hạn chế như: Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng chưa theo kịp yêu cầu tình hình mới; hiệu lực; hiệu quả quản lý của chính quyền cơ sở trên một số lĩnh vực còn bất cập; trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức cấp xã, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Những hạn chế này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện mô hình tổ chức và phương thức lãnh đạo xây dựng HTCT ở cơ sở.

Trong bối cảnh mô hình chính quyền địa phương hai cấp được triển khai trên phạm vi cả nước, việc tổng kết một cách hệ thống, khoa học quá trình Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo xây dựng HTCT ở cơ sở trong giai đoạn 2010 - 2020, một giai đoạn có nhiều đổi mới mạnh mẽ, mang tính đột phá và có giá trị tham khảo thực tiễn cao là đặc biệt cần thiết. Đây cũng là nội dung đến nay chưa được nghiên cứu, tổng kết nhiều. Việc nghiên cứu không chỉ góp phần làm rõ kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh, mà còn cung cấp luận cứ

khoa học phục vụ việc tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HTCT ở cơ sở trong điều kiện mới. Đây cũng là nội dung chưa được nghiên cứu, tổng kết nhiều nên không có sự trùng lặp về nội dung.

Xuất phát từ những lý do trên, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài ***“Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở từ năm 2010 đến năm 2020”*** làm luận án Tiến sĩ Lịch sử Đảng.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án nghiên cứu, làm sáng tỏ quá trình Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở từ năm 2010 đến năm 2020. Từ đó, đưa ra một số nhận xét về ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân, đúc rút một số kinh nghiệm có giá trị tham khảo, vận dụng vào xây dựng HTCT ở cơ sở trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến nội dung luận án;
- Phân tích những yếu tố tác động đến quá trình Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo xây dựng, củng cố HTCT ở cơ sở từ 2010 đến năm 2020;
- Phân tích, làm rõ chủ trương, quá trình chỉ đạo thực hiện xây dựng HTCT ở cơ sở của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh qua 2 giai đoạn: 2010 - 2015 và 2015 - 2020.
- Nhận xét, đánh giá những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân, từ đó đúc rút một số kinh nghiệm chủ yếu của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh trong quá trình lãnh đạo xây dựng HTCT ở cơ sở.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở từ năm 2010 đến năm 2020.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung nghiên cứu:

Trong giai đoạn 2010 - 2020, hệ thống chính trị Việt Nam bao gồm có 4 cấp: Trung ương, tỉnh, huyện, cơ sở. Hệ thống chính trị xã, phường, thị trấn được xác định là HTCT ở cơ sở gồm: Đảng bộ, chi bộ cơ sở; chính quyền cơ sở; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở.

Giới hạn nội dung nghiên cứu của luận án là chủ trương và sự chỉ đạo xây dựng HTCT ở cơ sở (xã, phường, thị trấn) của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh trên các mặt: xây dựng tổ chức cơ sở đảng; xây dựng chính quyền và đội ngũ cán bộ, công chức; xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh).

Về không gian: Địa bàn tỉnh Quảng Ninh (cụ thể 177 đơn vị hành chính cấp xã bao gồm: 98 xã, 72 phường, 7 thị trấn)

Về thời gian: Từ năm 2010 đến năm 2020 (năm 2010 là năm Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XIII. Năm 2020 được chọn là năm kết thúc theo nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV).

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng HTCT ở cơ sở.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, Luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu của khoa học lịch sử, trong đó chủ yếu là phương pháp lịch sử và phương pháp logic.

Phương pháp lịch sử được sử dụng chủ yếu trong chương 2 và chương 3 của đề tài nhằm thu thập tư liệu, thông tin thứ cấp về các vấn đề có liên quan đến đề tài, tác giả tổng hợp, sắp xếp tài liệu theo thời gian, lĩnh vực nghiên cứu đề cập đến. Qua đó, tiến hành tái hiện tiến trình lịch sử đề ra chủ trương và chỉ đạo thực hiện của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh qua hai nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ từ năm 2010 đến năm 2020.

Phương pháp logic được dùng để làm rõ mối liên hệ giữa các quan điểm, chủ trương với quá trình chỉ đạo thực hiện, những kết quả đạt được. Qua đó tổng hợp, khái quát những ưu điểm, hạn chế và rút ra một số kinh nghiệm trong quá trình Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo xây dựng HTCT ở cơ sở từ năm 2010 đến năm 2020.

Ngoài ra, luận án còn kết hợp sử dụng một số phương pháp tổng hợp, thống kê, so sánh... để giải quyết nhiệm vụ nghiên cứu của luận án.

5. Đóng góp mới của luận án

Cung cấp hệ thống tư liệu phong phú, cập nhật về quá trình Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo xây dựng HTCT ở cơ sở từ năm 2010 đến năm 2020.

Góp phần tái hiện quá trình Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo xây dựng HTCT ở cơ sở từ năm 2010 đến năm 2020, trên 03 nội dung cơ bản: xây dựng tổ chức cơ sở đảng; xây dựng chính quyền và đội ngũ cán bộ, công chức; xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở.

Trên cơ sở nhận xét, đánh giá khách quan, khoa học về những ưu điểm và hạn chế, nguyên nhân, luận án rút ra một số kinh nghiệm từ thực tiễn quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh xây dựng HTCT ở cơ sở từ năm 2010 đến năm 2020, có thể vận dụng trong bối cảnh thực hiện chính quyền địa phương hai cấp hiện nay và thời gian tới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu luận án góp phần khẳng định tính đúng đắn về chủ trương xây dựng HTCT ở cơ sở của Đảng tại một địa phương cụ thể là tỉnh Quảng Ninh, tổng kết quá trình thực hiện xây dựng HTCT ở cơ sở của Đảng qua thực tiễn tỉnh Quảng Ninh từ năm 2010 đến năm 2020.

Cung cấp thêm luận chứng để Đảng, Nhà nước tiếp tục hoàn thiện chủ trương và thực hiện xây dựng HTCT ở cơ sở trong thời gian tới.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Trên cơ sở tìm hiểu thực tiễn quá trình Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo xây dựng HTCT ở cơ sở từ năm 2010 đến năm 2020, giúp cho Đảng bộ đánh giá thực trạng công tác xây dựng HTCT ở cơ sở. Từ đó, kịp thời phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế, vận dụng những bài học kinh nghiệm để thực hiện tốt hơn nữa công tác xây dựng HTCT ở cơ sở tại tỉnh trong thời gian tới.

Bằng những kinh nghiệm đúc rút từ thực tiễn quá trình Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh xây dựng HTCT ở cơ sở từ năm 2010 đến năm 2020, có thể vận dụng đối với những địa phương có điều kiện tương đồng.

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy lịch sử địa phương, biên soạn lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục các công trình của tác giả đã công bố liên quan đến đề tài luận án và phụ lục, Luận án gồm 4 chương.

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.

Chương 2: Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở (2010 - 2015)

Chương 3: Chủ trương và sự chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2015 - 2020)

Chương 4: Nhận xét và kinh nghiệm.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Các công trình nghiên cứu của người nước ngoài

Nghiên cứu về HTCT Việt Nam, Đảng lãnh đạo xây dựng HTCT ở cơ sở là vấn đề thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học và học giả nước ngoài như:

Mattner Mark (2004), với cuốn sách “Power to the People. Governance and Local Politics in VietNam” (Quyền lực thuộc về Nhân dân. Quản trị và Chính trị địa phương ở Việt Nam) [186]. Ấn phẩm viết về những cải cách hướng tới quản trị địa phương có sự tham gia của người dân ở Việt Nam. Tác giả phân tích các lý do dẫn đến sự ra đời của Nghị định 29/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã và xem xét ý nghĩa chính trị tổng thể của quá trình này. Tác giả cho rằng việc đưa mô hình quản trị địa phương có sự tham gia của người dân vào các lĩnh vực như: người dân được biết thông tin, được tham vấn, được quyết định và được giám sát ở cấp cơ sở là một quá trình mang tính chính trị sâu sắc và có thể được xem như quản lý của chính quyền Trung ương trước những vấn đề phát sinh ở cấp địa phương. Khẳng định tác động chính trị lâu dài của quá trình này phụ thuộc trực tiếp vào mức độ thể chế hóa và hiệu quả triển khai các cơ chế tham gia của người dân ở cấp cơ sở trong thực tiễn.

Masaya Shiraishi (2006), với ấn phẩm “越南政治、经济制度研究” (Nghiên cứu về chế độ chính trị và kinh tế Việt Nam) [187]. Đây là công trình nghiên cứu chuyên sâu về thể chế chính trị và kinh tế của Việt Nam, trong đó tập trung chủ yếu vào giai đoạn sau đổi mới năm 1986. Tác giả tiếp cận Việt Nam như một trường hợp tiêu biểu của quốc gia xã hội chủ nghĩa tiến hành cải cách theo hướng kinh tế thị trường. Sách nghiên cứu tổng quan về các cơ quan Đảng và Nhà nước, hệ thống luật pháp, Quốc hội, hệ thống tư pháp, hệ thống công chức, cải cách hành chính, tài chính quốc gia, các cơ quan hoạch định chính sách đối ngoại, các tổ chức hành chính quốc gia và địa phương, doanh nghiệp nhà nước, trong đó, nghiên cứu sâu về hệ thống quản lý nông thôn của Việt Nam.

林怀艺, 洪谊雅 (Lâm Hoài Nghệ - Hồng Nghị Nhã) (2018), với bài viết “越南共产党在革新开放中对政治建设的探索 (Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình đổi mới, mở cửa sự khám phá về xây dựng chính trị) [189]. Tác giả nhấn mạnh Đảng Cộng sản Việt Nam là một trong những đảng cầm quyền theo chủ nghĩa Mác có ảnh hưởng lớn trên thế giới hiện nay. Trong quá trình đổi mới, mở cửa, Đảng Cộng sản Việt Nam kiên trì và không ngừng hoàn thiện sự lãnh đạo của Đảng, liên tục tìm tòi các biện pháp xây dựng chính trị phù hợp với điều kiện của Việt Nam; tiến hành những điều chỉnh phù hợp trong phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền; tích cực phát triển dân chủ trong Đảng và dân chủ trong nhân dân, đồng thời thúc đẩy sự tương tác giữa hai loại hình dân chủ này. Những nỗ lực xây dựng HTCT của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đạt được những kết quả tích cực, song đồng thời cũng đang phải đối mặt với không ít thách thức từ bên trong và bên ngoài Đảng, cả trong nước lẫn quốc tế.

郭权锋 (Quách Quyền Phong) (2020), với bài viết “越南共产党重视新时期党的基层组织建设”, (Phân tích vai trò của các tổ chức xã hội trong sự phát triển nền chính trị dân chủ ở Việt Nam) [192]. Tác giả khẳng định ở Việt Nam các tổ chức xã hội ở cả cấp độ quốc gia và cơ sở đã tham gia ngày càng tích cực vào quá trình xây dựng nền dân chủ chính trị. Đóng vai trò trung gian giữa Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước và chính quyền các cấp trong việc triển khai chính sách và quản lý xã hội; góp phần thiết lập mối quan hệ tương đối ổn định và mang tính hỗ trợ giữa Nhà nước và xã hội. Một mặt, các tổ chức xã hội là kênh truyền tải thông tin hai chiều giữa Nhà nước và xã hội, mặt khác, thông qua các hoạt động cụ thể, các tổ chức xã hội góp phần nâng cao năng lực quản trị quốc gia. Bài viết cũng đi sâu vào phân tích mức độ tham gia của các tổ chức xã hội vào quá trình xây dựng nền chính trị dân chủ ở Việt Nam phụ thuộc vào các yếu tố như: vị trí, tính chất của từng tổ chức và mức độ tham gia thực tế của tổ chức đó trong đời sống xã hội.

冯定国 (Phùng Định Quốc) (2024), với bài viết “越共革新开放以来的政治制度革新研究”, (Nghiên cứu về cải cách hệ thống chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam kể từ khi đổi mới và mở cửa) [188]. Dưới góc độ nghiên cứu chức năng của đảng chính trị, tác giả phân tích từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thực hiện những cải cách mang tính phát triển đối với HTCT. Đổi mới HTCT Việt Nam được thực hiện trên hai phương diện: (1) Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức nội bộ thông qua: Thực hiện nguyên tắc

tập trung dân chủ, cải cách các cơ quan Trung ương; duy trì sự ổn định của đội ngũ lãnh đạo thông qua quy hoạch nhân sự chiến lược; thực hiện kỷ luật nghiêm minh tạo sự đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng; (2) Mở rộng phạm vi ảnh hưởng, thông qua cải cách phương thức lãnh đạo của Đảng; củng cố vị trí của Đảng trong HTCT; tăng cường năng lực lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Bài viết nhấn mạnh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thực hiện đoàn kết trong Đảng, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với HTCT.

闫杰花 (Diêm Kiệt Hoa) (2025), với bài viết “革新以来越南共产党的基层组织” (Xây dựng tổ chức cơ sở của Đảng Cộng sản Việt Nam từ sau công cuộc đổi mới) [190]. Tác giả nghiên cứu từ khi được thành lập đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam không ngừng lớn mạnh, trở thành hạt nhân lãnh đạo kiên cường của sự nghiệp XHCN ở Việt Nam. Trong quá trình đó, TCCSĐ đã phát huy vai trò hết sức quan trọng trở thành nền tảng của Đảng, hạt nhân chính trị ở cơ sở. Bài viết đã hệ thống các biện pháp chủ yếu mà Đảng Cộng sản Việt Nam tăng cường xây dựng TCCSĐ: Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của TCCSĐ; Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên cơ sở; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với TCCSĐ. Tác giả cũng chỉ ra đây là những tổng kết kinh nghiệm thực tiễn tại Việt Nam, nhằm cung cấp những gợi mở tham khảo hữu ích cho các chính đảng Mác-xít khác trong xây dựng TCCSĐ.

文责(Văn Trách) (2025), với bài viết “越南共产党: 重视党的基层组织建设” (Đảng Cộng sản Việt Nam coi trọng xây dựng tổ chức cơ sở đảng) [191]. Tác giả khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi trọng việc xây dựng TCCSĐ, xác định đây là nền tảng của Đảng, đồng thời quyết định hiệu quả lãnh đạo và năng lực cầm quyền của Đảng. Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành nhiều nghị quyết và quy định quan trọng, đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa X (2008), nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của TCCSĐ và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nghiên cứu thực tiễn Việt Nam tác giả nhận định: chất lượng TCCSĐ từng bước được nâng cao, tỷ lệ TCCSĐ “trong sạch, vững mạnh” tăng lên, trong khi tỷ lệ đảng viên vi phạm kỷ luật giảm. Điều này khẳng định vai trò then chốt của xây dựng TCCSĐ trong chiến lược xây dựng Đảng cầm quyền ở Việt Nam.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu của học giả nước ngoài đã có

những đóng góp đáng kể cho việc nghiên cứu HTCT ở cơ sở tại Việt Nam. Thông qua phân tích quá trình đổi mới HTCT từ sau năm 1986, các nghiên cứu này đã cung cấp một khung tiếp cận mang tính so sánh và khách quan, góp phần làm rõ bối cảnh, động lực và xu hướng vận động của HTCT, trong đó có cấp cơ sở. Những phân tích về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã giúp khẳng định vị trí hạt nhân chính trị của TCCSD, từ đó làm sáng tỏ cơ chế Đảng lãnh đạo và sự chi phối đối với toàn bộ hoạt động của HTCT từ Trung ương đến cơ sở. Các nghiên cứu đã làm rõ các yếu tố và điều kiện bảo đảm hiệu quả hoạt động của HTCT ở cơ sở, như phát triển dân chủ, mở rộng sự tham gia của người dân vào quản trị nhà nước và phát huy vai trò của các tổ chức xã hội. Qua đó, cung cấp cơ sở lý luận và gợi mở thực tiễn nhằm nâng cao tính công khai, minh bạch và hiệu quả trong vận hành HTCT ở cơ sở. Qua góc nhìn từ các học giả nước ngoài đã bổ sung cách tiếp cận đa chiều, nâng cao tính khách quan trong nghiên cứu HTCT ở cơ sở.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu trong nước

Nghiên cứu về HTCT, xây dựng HTCT ở cơ sở, Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng bộ địa phương lãnh đạo xây dựng HTCT ở cơ sở là vấn đề thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học và giới nghiên cứu trong nước.

1.1.2.1. Các công trình liên quan đến hệ thống chính trị, hệ thống chính trị ở cơ sở

Nghiên cứu về HTCT của các nước trên thế giới đã có các công trình:

Nguyễn Xuân Tế (1999), trong công trình “*Thể chế chính trị một số nước ASEAN*”[105], đã khái quát những đặc trưng cơ bản của thể chế chính trị tại một số quốc gia thành viên ASEAN như Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan và Singapore. Tác giả chỉ ra rằng, dù tồn tại nhiều khác biệt về mô hình thể chế, song các yếu tố như văn hóa, truyền thống lịch sử và vai trò của các đảng phái chính trị vẫn giữ vị trí chi phối trong đời sống nói chung cũng như trong vận hành của thể chế chính trị ở mỗi quốc gia. Mặc dù công trình chưa bao quát đầy đủ tất cả các nước ASEAN để phản ánh toàn diện tính đa dạng của tổ chức này, nhưng có ý nghĩa tham khảo quan trọng đối với Việt Nam “quá trình hội nhập việc tìm hiểu nghiên cứu thể chế chính trị và hệ thống công vụ các nước ASEAN là rất cần thiết, góp phần giúp Việt Nam định hình hướng đi phù hợp trong quá trình hội nhập ASEAN” [105, tr.6].

Nguyễn Văn Huyền (2007), trong cuốn sách “*Hệ thống chính trị của Anh,*

Pháp, Mỹ - mô hình tổ chức và hoạt động”[66] đã phân tích và so sánh đặc trưng của HTCT ở ba quốc gia này. Tác giả chỉ ra điểm tương đồng cơ bản là cả ba đều vận hành theo nguyên tắc “tam quyền phân lập” trong tổ chức quyền lực nhà nước. Đồng thời, mỗi quốc gia lại chịu sự chi phối bởi các điều kiện lịch sử, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và những đặc thù riêng. Trên cơ sở đó, tác giả rút ra những gợi mở có ý nghĩa đối với Việt Nam “Xây dựng hệ thống chính trị Việt Nam một mặt phải dựa trên truyền thống, đặc điểm dân tộc và hoàn cảnh cụ thể, nhưng mặt khác cũng phải thể hiện được những giá trị phổ biến của lịch sử và thời đại; nó tồn tại độc lập và đồng thời cũng là một thành tố của hệ thống chính trị thế giới”[66, tr.328].

Tô Huy Rúa (2008), với công trình *“Mô hình tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị một số nước trên thế giới”*[92]. Ấn phẩm là một công trình nghiên cứu công phu, đã khái quát một cách hệ thống về cấu trúc và cơ chế vận hành của HTCT ở một số quốc gia tiêu biểu như Anh, Pháp, Mỹ, Thụy Điển, Đan Mạch, Nhật Bản, Malayxia, Trung Quốc, Nga; phân tích những tác động của tư tưởng chính trị, điều kiện lịch sử, truyền thống văn hóa, tính chất dân chủ, tiến bộ của các hệ thống này; chỉ rõ tính phổ biến, tính đặc thù của các mô hình của HTCT các nước, từ đó, tác giả đi đến nhận định “không có mô hình hệ thống chính trị hoàn thiện, hoàn mỹ, có thể coi các mô hình ấy là những phương án của loài người giải quyết những vấn đề đặt ra của xã hội trong những điều kiện lịch sử nhất định, có những thành công trong những giới hạn nhất định và có những khiếm khuyết” [92. tr.198]. Qua đó, tác giả đưa ra các khuyến nghị cần tham khảo trong quá trình nghiên cứu tiếp tục đổi mới HTCT Việt Nam.

Doãn Trung Khanh (2010), với cuốn sách *“Chế độ chính trị Trung Quốc”*[69] đã khái quát một cách hệ thống các thành phần cơ bản của chế độ chính trị Trung Quốc, bao gồm: bộ máy nhà nước; chế độ bầu cử; chế độ đại biểu nhân dân; chế độ Chủ tịch nước; chế độ hành chính; chế độ tư pháp; chế độ quân sự; chế độ hợp tác đa đảng và hiệp thương chính trị; cùng với chế độ dân chủ ở cơ sở. Tác giả nhấn mạnh rằng “chế độ hợp tác đa đảng và Hiệp thương chính trị là một chế độ chính trị cơ bản ở Trung Quốc. Nó khác với chế độ hai đảng hoặc đa đảng ở các nước phương Tây. Chế độ này lấy Đảng Cộng sản Trung Quốc và các đảng phái dân chủ với phương châm “tồn tại trường kỳ, giám sát lẫn nhau”” [69, tr.115], qua đó làm rõ đặc trưng của mô hình chính trị dưới

sự lãnh đạo cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc kể từ khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Lê Văn Đính (2012) trong ấn phẩm *“Về hệ thống chính trị Singapore”* [46], đã khái quát hoạt động của HTCT Singapore trên các phương diện chủ yếu như: tổ chức và hoạt động của Đảng Nhân dân hành động (PAP); bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội; cùng với sự phát triển của xã hội công dân và tiến trình dân chủ hóa. Tác giả khẳng định “Singapore là hệ thống chính trị đa nguyên, đa đảng với một đảng nổi trội có vị trí và vai trò quan trọng trong đời sống chính trị, đảm bảo ổn định chính trị - xã hội ở Singapore trong một thời gian dài” [46, tr.22]. “Đảng Nhân dân hành động (PAP) là đảng chính trị thành công trong việc lãnh đạo đất nước, kinh nghiệm quý báu về sự cầm quyền của Đảng PAP có thể nghiên cứu, tham khảo” [46, tr.22].

Nguyễn Ngọc Lan (2025), với cuốn sách *“Tình hình chính trị, đối ngoại, kinh tế, xã hội của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào giai đoạn 2011 - 2021”* [74], đã tiếp cận một cách hệ thống và toàn diện các lĩnh vực chủ yếu của Lào trong suốt một thập niên. Công trình tập trung phân tích các nhân tố quốc tế, khu vực và trong nước tác động đến quá trình phát triển của Lào, đồng thời làm rõ thực trạng về kinh tế, chính trị, xã hội và đối ngoại của quốc gia này. Trong lĩnh vực chính trị, tác giả khẳng định “Lào là một trong số ít các quốc gia theo chế độ xã hội chủ nghĩa do một Đảng lãnh đạo, vận hành theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Hệ thống chính trị, cơ cấu nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội ở Lào hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật” [74, tr.192]. Trên cơ sở phân tích thực trạng phát triển của Lào, tác giả đánh giá những thành tựu, chỉ ra những hạn chế, khó khăn trong quá trình phát triển đất nước, đồng thời nhấn mạnh ý nghĩa của việc tăng cường quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào. Theo tác giả, “Việt Nam và Lào chỉ có thể duy trì sự ổn định chính trị, phát triển nhanh và bền vững khi hai nước tiếp tục củng cố sự đồng thuận và tăng cường hợp tác chặt chẽ trên cả lĩnh vực chính trị và kinh tế” [74, tr.230]. Từ đó, công trình đưa ra một số hàm ý chính sách nhằm góp phần tăng cường quan hệ hữu nghị đặc biệt giữa Việt Nam và Lào trong bối cảnh mới.

Các công trình nghiên cứu về HTCT của một số quốc gia đã đóng góp quan trọng cho việc nghiên cứu HTCT nói chung và HTCT ở cơ sở nói riêng tại Việt Nam. Trước hết, sự đa dạng về mô hình tổ chức và vận hành trong các bối

cảnh khác nhau cung cấp cơ sở tham chiếu và so sánh, giúp nhận diện rõ hơn đặc trưng, vị trí và phương thức hoạt động của HTCT ở cấp cơ sở. Đồng thời, các nghiên cứu này còn góp phần mở rộng cách tiếp cận, khung phân tích và phương pháp nghiên cứu, qua đó làm sâu sắc hơn nhận thức lý luận và gợi mở những hướng đi phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức và vận hành HTCT ở cơ sở trong điều kiện Việt Nam.

Nghiên cứu HTCT ở Việt Nam đã có nhiều công trình:

Cuốn sách của tác giả Lê Minh Thông (2007), “*Cơ sở lý luận về tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*” [112], đã tiếp cận HTCT như một chỉnh thể tổ chức quyền lực chính trị được hình thành trên nền tảng dân chủ xã hội chủ nghĩa, bao gồm Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Theo tác giả, xây dựng HTCT không chỉ là kiện toàn tổ chức bộ máy mà còn là xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, cơ chế vận hành và mối quan hệ giữa các thành tố trong toàn hệ thống “Xây dựng hệ thống chính trị là làm rõ nội hàm các nhiệm vụ, chức năng của hệ thống chính trị, các cấu trúc tổ chức của hệ thống chính trị, các quan hệ trong hệ thống chính trị tạo ra cơ sở lý luận để xây dựng hệ tiêu chí xác định tư cách thành viên của mỗi tổ chức trong hệ thống chính trị” [112, tr. 422]. Công trình góp phần làm rõ những tiêu chí lý luận để xác định vị trí, vai trò của từng tổ chức trong HTCT ở Việt Nam.

Tác giả Nguyễn Duy Quý (2008), với cuốn sách “*Hệ thống chính trị nước ta trong thời kỳ đổi mới*” [90], đã làm rõ những chuyển biến về nhận thức và cấu trúc của HTCT Việt Nam trong bối cảnh đổi mới, khác với khái niệm “*hệ thống chuyên chính vô sản*” trước năm 1989. Theo tác giả, HTCT hiện nay đã “*thể hiện rõ hơn tính hệ thống, tính chỉnh thể trong mối quan hệ giữa các bộ phận hợp thành hệ thống chính trị của xã hội chủ nghĩa. Định hình rõ các bộ phận hợp thành của hệ thống chính trị là các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, các tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp và các tổ chức xã hội khác trong hệ thống chính trị*” [90, tr. 16]. Trên cơ sở phân tích thực trạng của HTCT nước ta từ năm 1986 đến nay, đưa ra các giải pháp hoàn thiện HTCT trong thời gian tới.

Tác giả Trần Đình Hoan (2008), với cuốn sách “*Quan điểm và nguyên tắc đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam giai đoạn 2005 - 2020*” của [55], tiếp cận HTCT như khuôn khổ tổ chức quyền lực chính trị phản ánh cơ chế vận hành đặc

trung ở Việt Nam: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN. Tác giả cho rằng: “Đổi mới hệ thống chính trị không phải là thay đổi bản chất của hệ thống chính trị hiện nay. Đổi mới hệ thống chính trị nhằm khắc phục những yếu kém, bất cập trong hệ thống chính trị và trong từng tổ chức thành viên của hệ thống chính trị” [55, tr.276]. Từ đó, tác giả đề xuất các giải pháp đổi mới HTCT hiện nay.

Nguyễn Hữu Đồng (2009), trong cuốn *“Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay”* [47], đã xác định vị trí, vai trò, nhiệm vụ của các thành tố trong HTCT Việt Nam “Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội vận hành theo những nguyên tắc, cơ chế và mối quan hệ nhằm thực thi quyền lực chính trị. Mỗi thành tố của hệ thống chính trị đều có những vị trí, chức năng nhất định và vận hành theo những nguyên tắc, cơ chế riêng nhưng vẫn đảm bảo sự vận hành thông suốt, thống nhất, mang tính chỉnh thể” [47, tr.99]. Khẳng định vai trò lãnh đạo, dẫn dắt của Đảng đối với việc xây dựng các tổ chức trong HTCT “Đảng lãnh đạo đối với tổ chức, hoạt động của Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội. Đây là những nguyên tắc cơ bản nhất và có tính định hướng chính trị” [47, tr.64]. Công trình cũng chỉ ra sự lãnh đạo của Đảng trong HTCT còn tồn tại hạn chế như: Chưa phân biệt rõ chức năng lãnh đạo của Đảng với chức năng quản lý của Nhà nước nên vẫn còn tình trạng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng quản lý, hạn chế này là nguyên nhân cơ bản làm suy yếu HTCT hiện nay. Qua đó, đưa ra một số giải pháp đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng đối với HTCT, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Phạm Ngọc Trâm (2011) với công trình *“Quá trình đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam (1986 - 2011)”* của [162], khẳng định đổi mới HTCT là yêu cầu khách quan gắn liền với tiến trình đổi mới đất nước, nhằm nâng cao chất lượng vận hành của bộ máy. Trên cơ sở phân kỳ lịch sử, công trình tập trung phân tích sự chuyển biến của ba bộ phận cơ bản: đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng các đoàn thể nhân dân. Từ việc tổng kết thực tiễn, tác giả chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế còn tồn tại và rút ra 4 kinh nghiệm: Đổi mới HTCT phải gắn với “đổi mới về tư duy lý luận và nhận thức, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ

nghĩa Mac - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh” [162, tr.365]; “dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, từng bước hoàn thiện nền dân chủ” [161, tr.367]; “đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị” [162, tr.368]; “đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị” [162, tr.369].

Hội đồng lý luận Trung ương (2019), với công trình *“Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong tình hình mới”* [59], tập hợp 11 bài viết của các nhà lãnh đạo, quản lý, nhà nghiên cứu lý luận Việt Nam và Lào tại Hội thảo nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn giữa hai Đảng, hai nước Việt Nam và Lào. Các nhà khoa học hai nước trao đổi kinh nghiệm về những vấn đề đặt ra từ thực tiễn xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong tình hình mới dưới sự lãnh đạo của hai Đảng, hai Nhà nước Việt Nam, Lào. Các bài viết khẳng định xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa quyết định trong công cuộc đổi mới; xây dựng Đảng và HTCT là nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả của HTCT, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị; từ phân tích những kết quả đạt được, rút ra một số bài học kinh nghiệm, đề ra các giải pháp trọng tâm trong công tác xây dựng Đảng, HTCT trong thời gian tới.

Nhóm tác giả Nguyễn Văn Giang, Đinh Ngọc Giang và Nguyễn Ngọc Ánh đồng chủ biên (2022), với công trình *“Xây dựng hệ thống chính trị ở Việt Nam trong tình hình mới”* [50], tập trung luận giải cả phương diện lý luận và thực tiễn của việc hoàn thiện mô hình tổ chức tổng thể HTCT Việt Nam trong bối cảnh mới. Sách đã chỉ ra những bất cập của HTCT “Chưa có sự phân biệt rõ cấp Trung ương (cấp ban hành chủ trương, chính sách) với cấp trung gian (cấp tổ chức thực hiện) và cấp cơ sở (vừa là cấp tổ chức thực hiện vừa là cấp tự quản)” [50, tr.229]; “Sự song trùng về tổ chức, chồng chéo chức năng trong bộ máy của Đảng với các cơ quan nhà nước, làm giảm hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị” [50, tr.234]; “Hệ thống kiểm soát quyền lực còn bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém. Khả năng tự kiểm soát, tự kiểm tra trong từng tổ chức, cơ quan còn yếu, dẫn đến việc chưa ngăn chặn kịp thời các sai phạm” [50, tr.238]. Qua đó, đặt ra yêu cầu “cần đẩy mạnh kiện toàn, đổi mới tổ chức bộ máy của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị” [50, tr.359]. Trên nền tảng đó, các tác giả đề xuất mô hình và giải pháp tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy HTCT trong điều kiện mới.

Nguyễn Phú Trọng (2024), với cuốn *“Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị*

trong sạch, vững mạnh, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng” [164], đã tuyển chọn các bài viết, bài phát biểu và chỉ đạo quan trọng của Tổng Bí thư về công tác xây dựng Đảng và HTCT. Cuốn sách nhấn mạnh yêu cầu “tiếp tục đẩy mạnh và làm tốt hơn nữa công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh, đồng thời phải nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị” [164, tr.55]. Trên cơ sở đánh giá toàn diện những kết quả đạt được, chỉ rõ những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân trong công tác xây dựng Đảng và HTCT, các bài viết đề xuất những định hướng, nhiệm vụ và giải pháp nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HTCT. Đây là nguồn tài liệu có giá trị định hướng lý luận và thực tiễn, góp phần giúp các cấp, các ngành, địa phương xây dựng chương trình hành động phù hợp, phát huy tinh thần đổi mới, sáng tạo, tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

Đề tài khoa học cấp Nhà nước do Vũ Minh Giang làm Chủ nhiệm (1995), *“Hệ thống chính trị Việt Nam - quá trình xây dựng và đánh giá thực trạng”* [49]. Nhóm tác giả đã chỉ ra đặc trưng cơ bản của lịch sử HTCT Việt Nam, phân tích những hạn chế của HTCT trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH, thực trạng song trùng quyền lực giữa Đảng và Nhà nước dẫn đến tình trạng bao biện làm thay hoặc trông chờ ỷ lại, kết quả là sự kém hiệu quả trong quản lý và điều hành. Từ đó, kiến nghị những giải pháp khắc phục yếu kém của HTCT cơ sở.

Nguyễn Hữu Khiển (1998), với đề tài khoa học *“Hệ thống chính trị Việt Nam”* [71], tác giả đã bổ sung những khái niệm cơ bản của chính trị và HTCT từ cách tiếp cận của Mac - Lênin. Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn hình thành HTCT ở Việt Nam, từ đó, đề xuất các nhóm giải pháp đổi mới HTCT như: (1) Đổi mới tổ chức, hoạt động của các tổ chức trong HTCT và mối quan hệ của Đảng với các thành tố khác trong HTCT; (2) Phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng đối với các thành tố trong HTCT; (3) củng cố, hoàn thiện tổ chức và phương pháp hoạt động của Đảng.

Nghiên cứu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với HTCT có các bài viết của tác giả Nguyễn Văn Huyền (2008) *“Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị”*[67]; Nguyễn Xuân Phương (2009) *“Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội”*[88]; Lê Quốc Lý (2013) với bài viết *“Những nhân tố cơ bản*

bảo đảm ổn định và phát triển hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay” [79], Lê Hữu Nghĩa (2015), *“Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị ở nước ta”* [84], các bài viết đều làm rõ sự cần thiết phải đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với HTCT. Khẳng định tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo là nhiệm vụ trọng yếu, được thực hiện xuyên suốt qua các nhiệm kỳ Đại hội Đảng. Mục tiêu của đổi mới phương thức nhằm đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, phát huy tốt hơn tính chủ động, sáng tạo của các cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Qua phân tích những thành tựu và hạn chế trong quá trình đổi mới các bài viết nhấn mạnh đổi mới phương thức lãnh đạo đối với HTCT là con đường để Đảng giữ vững vai trò dẫn dắt, đảm bảo đất nước phát triển, phồn vinh.

Nhìn chung, các nghiên cứu về HTCT ở Việt Nam đã đóng góp trực tiếp cho việc nghiên cứu HTCT ở cơ sở. Việc làm rõ các vấn đề lý luận cơ bản như khái niệm, cấu trúc, chức năng và nguyên tắc tổ chức và vận hành của HTCT đã cung cấp nền tảng lý luận vững chắc để nhận diện đầy đủ vị trí, vai trò của HTCT ở cấp cơ sở trong tổng thể hệ thống. Sự thống nhất về các thành tố cấu thành HTCT, đặc biệt là vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp làm sáng tỏ cơ chế vận hành và mối quan hệ giữa các chủ thể trong HTCT ở cơ sở. Bên cạnh đó, các phân tích về hạn chế, bất cập và những đề xuất đổi mới đã cung cấp luận cứ khoa học quan trọng để nhận diện các vấn đề đặt ra đối với HTCT ở cơ sở, đồng thời gợi mở các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Trên cơ sở đó, các nghiên cứu này góp phần hình thành cách nhìn tổng thể, có hệ thống về HTCT từ Trung ương đến cơ sở, tạo nền tảng lý luận và thực tiễn quan trọng cho việc nghiên cứu chuyên sâu HTCT ở cơ sở, trong đó có thực tiễn tại tỉnh Quảng Ninh.

Liên quan đến nội dung HTCT ở cơ sở có thể kể đến các công trình khoa học như:

Nguyễn Quốc Phẩm (2000) với cuốn sách *“Hệ thống chính trị cấp cơ sở và dân chủ hóa đời sống xã hội, nông thôn miền núi, vùng dân tộc thiểu số”* [87], đi sâu vào nghiên cứu những yếu tố tác động đến HTCT ở vùng nông thôn miền núi, vùng dân tộc thiểu số như: điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, trong đó nhấn mạnh *“Bên cạnh những yếu tố tích cực thiết chế xã hội truyền thống ở nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số cũng tác động ảnh hưởng tiêu cực đến tổ chức vận*

hành, điều hòa các quan hệ của hệ thống chính trị ở cơ sở” [87, tr.14]. Cũng theo tác giả để đẩy mạnh dân chủ hóa nông thôn cần phải phát huy mặt tích cực cũng như hạn chế các tiêu cực từ thiết chế xã hội cổ truyền, chú ý đến đội ngũ cán bộ, vai trò của các già làng, trưởng bản trong xây dựng HTCT ở khu vực này.

Vũ Hoàng Công (2002) với công trình *“Hệ thống chính trị cơ sở - đặc điểm, xu hướng và giải pháp”* [34], cho rằng HTCT cơ sở là nền tảng của chế độ chính trị. Tuy nhiên “chúng ta ít quan tâm một cách thích đáng đến việc củng cố hệ thống chính trị cấp xã, thậm chí chúng ta coi thường, đánh giá thấp vai trò của quần chúng nhân dân” [34, tr.89]. HTCT cơ sở đang tồn tại nhiều bất cập như: Đội ngũ cán bộ, công chức hầu như chưa được đào tạo bài bản; chất lượng hoạt động của HTCT cơ sở phụ thuộc rất lớn vào cá nhân người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, khối Mặt trận; chịu sự tác động rất lớn của các mối quan hệ dòng họ, văn hóa ứng xử truyền thống và đặc điểm cộng đồng dân cư. Tác giả chỉ ra nguyên nhân chủ yếu của hạn chế này và khẳng định “phải chú ý hơn nữa đến cấp xã, coi đó là vấn đề vừa cấp bách, vừa cơ bản chiến lược, lâu dài” [34, tr.90]. Từ đó, kiến nghị những giải pháp trong việc củng cố, nâng cao hiệu quả của HTCT cấp cơ sở.

Hoàng Chí Bảo (2005), tại công trình *“Hệ thống chính trị ở cơ sở nông thôn nước ta hiện nay”* của [28], đã luận giải tương đối toàn diện những vấn đề lý luận và phương pháp tiếp cận đối với nghiên cứu HTCT ở cơ sở nông thôn. Chỉ rõ đặc điểm tổ chức, cơ chế vận hành và mối quan hệ giữa các thành tố tại địa bàn nông thôn. Khẳng định HTCT ở cơ sở nông thôn có vai trò quan trọng trong việc tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước “cơ sở xã, phường, thị trấn chỉ thực sự phát huy được vai trò, tác dụng của mình đối với sự phát triển mọi mặt của xã hội của cả nước khi hệ thống chính trị ở cơ sở, từ tổ chức Đảng, chính quyền đến Mặt trận và các đoàn thể thực sự trong sạch, vững mạnh hoạt động có hiệu quả, được dân chúng tin tưởng và ủng hộ” [28, tr.383]. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, tác giả đề xuất một số phương hướng và giải pháp nhằm tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của HTCT ở nông thôn trong điều kiện phát triển mới.

Nhóm tác giả Đỗ Thị Thạch, Phạm Thành Nam (2006), với công trình *“Hệ thống chính trị cấp cơ sở với việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân hiện nay”* [107], nhấn mạnh mối quan hệ trực tiếp giữa hiệu quả hoạt động của

HTCT ở cơ sở với việc củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước. Theo các tác giả, khi các tổ chức trong HTCT cơ sở kịp thời giải quyết những kiến nghị, yêu cầu chính đáng của người dân sẽ góp phần hạn chế phát sinh mâu thuẫn, giữ vững ổn định tại cơ sở. Ngược lại, nếu buông lỏng trách nhiệm, thiếu tôn trọng pháp luật hoặc chậm xử lý các bức xúc của Nhân dân thì dễ dẫn đến khiếu kiện kéo dài, hình thành điểm nóng. Trên cơ sở phân tích thực trạng giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân ở cơ sở, các tác giả cho rằng “phát huy vai trò, trách nhiệm của hệ thống chính trị cấp cơ sở gắn với thực hiện nghiêm Quy chế dân chủ ở cơ sở là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước” [107, tr.252]. Từ đó, tác giả khẳng định: phát huy vai trò trách nhiệm của HTCT cơ sở gắn với thực hiện nghiêm Quy chế dân chủ ở cơ sở là giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo từ cơ sở.

Chu Văn Thành (2008), với cuốn *“Hệ thống chính trị cơ sở - Thực trạng và một số giải pháp đổi mới”* [109], đã luận giải HTCT cơ sở “là toàn bộ các thiết chế chính trị như tổ chức đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc nhất định và gắn bó hữu cơ với nhau nhằm thực hiện sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở” [109, tr.10]. Trên cơ sở khảo sát thực trạng tại 48 xã, phường, thị trấn thuộc 16 tỉnh, thành phố, tác giả đã đề xuất các nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT cơ sở.

Nguyễn Văn Bạo (2024), với cuốn *“Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn các tỉnh biên giới. Một số vấn đề lý luận, thực tiễn và vai trò của bộ đội biên phòng”* [30]. Tác giả đã tiếp cận tương đối toàn diện vấn đề xây dựng HTCT ở cơ sở vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn các tỉnh biên giới dưới góc độ lý luận và thực tiễn gắn với chức năng, nhiệm vụ của Bộ đội Biên phòng. Trên cơ sở yêu cầu đặt ra đối với việc xây dựng HTCT tại vùng dân tộc thiểu số, tác giả khẳng định “Bộ đội Biên phòng không chỉ thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia mà còn là lực lượng nòng cốt tham gia củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân và phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực biên giới”

[30, tr.210]. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm phát huy hiệu quả vai trò của lực lượng này trong xây dựng HTCT cơ sở vùng dân tộc thiểu số, đáp ứng yêu cầu bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên khu vực biên giới trong tình hình mới.

Các đề tài, bài viết, luận án nghiên cứu về HTCT ở cơ sở bao gồm:

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước của tác giả Tô Huy Rứa làm chủ nhiệm (2003), *“Các giải pháp đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị các tỉnh miền núi nước ta hiện nay”* [91]. Trên cơ sở kết quả khảo sát tại một số tỉnh miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, nhóm nghiên cứu đã đề xuất các nhóm giải pháp nhằm đổi mới hoạt động của HTCT các tỉnh miền núi: (1) Phải xuất phát từ thực tiễn các tỉnh miền núi với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, văn hoá, phong tục, tập quán... đặc thù để vận dụng phù hợp, sáng tạo chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; (2) Xây dựng HTCT phải đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị, ổn định trật tự xã hội, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, củng cố an ninh, quốc phòng ở khu vực miền núi; (3) Đổi mới sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng là nhân tố quan trọng, quyết định đến đổi mới hoạt động của HTCT các tỉnh miền núi.

Đoàn Minh Huân (2005), Chủ nhiệm đề tài khoa học cấp bộ *“Tạo nguồn cán bộ hệ thống chính trị cơ sở ở các tỉnh Tây Bắc nước ta hiện nay”* [64]. Dựa trên kết quả khảo sát thực trạng đội ngũ cán bộ ở các tỉnh Tây Bắc, nhóm nghiên cứu đã chỉ ra: cán bộ chính là yếu tố quan trọng, cơ bản ảnh hưởng đến chất lượng HTCT ở cơ sở Tây Bắc yếu kém trong nhiều năm qua. Tạo nguồn, xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực chính là giải pháp trọng tâm, chiến lược trong xây dựng, củng cố HTCT ở cơ sở tại các tỉnh Tây Bắc.

Bài viết của Phạm Gia Khiêm (2000), *“Thực hiện Quy chế dân chủ gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở”* [70], đã khẳng định vai trò của việc thực hiện Quy chế dân chủ với việc xây dựng HTCT ở cơ sở. Qua đó, tác giả đề xuất những giải pháp nhằm gắn thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở với xây dựng HTCT ở cơ sở.

Tác giả Bùi Thế Đức (2004), với bài viết *“Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở”* [48], tập trung vào việc cải thiện hiệu quả hoạt động và chất lượng của HTCT ở cơ sở. Bài viết bao gồm các nội dung như: đánh giá thực trạng HTCT cơ sở, đề xuất các giải pháp đổi mới, và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở.

Nguyễn Huy Kiệm (2013), với bài viết *“Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở trong giai đoạn hiện nay”* [72], cho rằng để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của HTCT ở cơ sở cần xác định đầy đủ vai trò trung tâm lãnh đạo của tổ chức đảng trong toàn bộ hệ thống. Trên cơ sở đó, tác giả nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức chính quyền phù hợp với đặc điểm từng địa bàn, đồng thời đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng sát dân, hiệu quả hơn; xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ cơ sở, kịp thời củng cố những địa bàn còn yếu; tăng cường điều kiện vật chất phục vụ hoạt động của HTCT ở cơ sở nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Nguyễn Thị Thuỷ (2013), với bài viết *“Những khó khăn, bất cập và giải pháp xây dựng HTCT ở cơ sở”* [115], đã phân tích kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế sau hơn 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX) về đổi mới nâng cao chất lượng HTCT ở xã, phường, thị trấn. Qua đó, đưa ra các nhóm giải pháp và nhiệm vụ nhằm tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng HTCT ở xã, phường, thị trấn.

Luận án của Nguyễn Hồng Lương (2006), *“Phát huy vai trò nhân tố chủ quan trong hoạt động của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở Bà Rịa-Vũng Tàu hiện nay”* [78]. Trong các nhân tố tác động đến hoạt động của HTCT cấp cơ sở, tác giả xác định vai trò quan trọng của đội ngũ cán bộ, đảng viên hoạt động trong HTCT. Những kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho thấy việc quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở đủ phẩm chất, năng lực thực thi nhiệm vụ đóng vai trò quyết định đến xây dựng, củng cố HTCT ở cơ sở. Trong các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của HTCT ở cơ sở, tác giả đặc biệt nhấn mạnh đến giải pháp: tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác cán bộ cơ sở.

Tác giả Nguyễn Đức Ngọc (2009) với Luận án *“Đổi mới hệ thống chính trị cấp cơ sở vùng dân tộc Chăm ở nước ta hiện nay”* [86], đã phân tích, làm rõ thực trạng, chỉ ra kết quả đạt được cũng như những hạn chế, xác định nguyên nhân của những hạn chế trong tổ chức và hoạt động của HTCT cấp cơ sở vùng dân tộc Chăm. Luận án đề xuất các nhóm giải pháp nhằm đổi mới có hiệu quả chất lượng HTCT vùng dân tộc Chăm ở nước ta trong thời gian tới.

Luận án của Nguyễn Viết Toàn (2019), *“Vai trò của hệ thống chính trị*

cấp cơ sở trong quá trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay” [161] đã tập trung luận giả cơ sở lý luận về vai trò của HTCT cấp cơ sở trong thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới. Qua khảo sát thực trạng thực hiện vai trò của HTCT cấp cơ sở trong thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hà Nội, tác giả đã đề xuất các giải pháp nhằm phát huy vai trò, tính hiệu quả của HTCT cấp cơ sở trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở thành phố Hà Nội.

Kham Kieng Cho Houa Thor (2024), với luận án *“Vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng bản phát triển ở tỉnh Luông Pha Bang hiện nay”* [113]. Tiếp cận vấn đề từ góc độ nghiên cứu xã hội học, tác giả làm rõ nội hàm của các khái niệm, vai trò HTCT cấp cơ sở, xây dựng bản phát triển; xây dựng khung lý thuyết đánh giá vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng bản phát triển ở tỉnh Luông Pha Bang; Đánh giá thực trạng vai trò của HTCT cấp cơ sở trong xây dựng bản phát triển ở tỉnh Luông Pha Bang trong giai đoạn 2014 - 2023; Đề xuất các giải pháp phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở như: Nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhân dân về vai trò xây dựng HTCT ở cơ sở [113, tr.141]; Phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện của TCCSĐ; Nâng cao năng lực của chính quyền cơ sở [113, tr.141] ; Đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể [113, tr.143]; Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ cơ sở [113, tr.145]; Tăng cường công tác kiểm tra giám sát [113, tr.147]; Tăng cường vai trò chủ thể của nhân dân trong xây dựng bản phát triển[113, tr.149].

Các nghiên cứu nhìn chung đã khẳng định vai trò nền tảng, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng của HTCT ở cơ sở trong tổng thể HTCT. Đồng thời, các công trình cũng làm rõ đặc điểm, cơ chế vận hành, các yếu tố tác động và chỉ ra nhiều hạn chế, bất cập như chất lượng đội ngũ cán bộ, hiệu quả hoạt động chưa đồng đều, tác động của điều kiện kinh tế - xã hội và yếu tố văn hóa cộng đồng. Trên cơ sở đó, các nghiên cứu đã cung cấp những luận cứ khoa học và gợi mở giải pháp nhằm củng cố, kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức hoạt động và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của HTCT ở cơ sở. Từ những kết quả nghiên cứu này, tác giả luận án có điều kiện nhận diện những điểm tương đồng trong tổ chức và vận hành của HTCT ở cơ sở tỉnh Quảng Ninh so với các địa phương khác trong cả nước, đồng thời làm rõ những đặc thù riêng về điều kiện kinh tế - xã hội, văn hóa và mô hình tổ chức. Đây là cơ sở quan trọng phục vụ cho việc phân tích, đánh giá khách

quan, toàn diện kết quả xây dựng HTCT ở cơ sở tại tỉnh Quảng Ninh.

1.1.2.2. Nhóm công trình nghiên cứu sự lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ địa phương trong xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở

Nghiên cứu sự lãnh đạo của Đảng về xây dựng HTCT ở cơ sở có thể kể đến các công trình sau:

Phan Xuân Biên chủ biên (2005), cuốn sách “*Một số vấn đề đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cấp cơ sở*” [31]. Cuốn sách bao gồm 30 bài viết, các tác giả đều nhận định vai trò của HTCT ở cơ sở, nâng cao chất lượng HTCT ở cơ sở là vấn đề cấp bách. Để nâng cao chất lượng HTCT cấp cơ sở cần đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Trong đó, trọng tâm là đổi mới phương thức lãnh đạo của TCCSĐ, vì đây là hạt nhân, nền tảng chính trị ở cơ sở “*Tổ chức cơ sở đảng định hướng và lãnh đạo tất cả các mặt hoạt động, nhân tố quyết định tới với sự ổn định chính trị - xã hội và phát triển kinh tế văn hóa ở cơ sở*” [31, tr.100]. Công trình đã cung cấp hệ thống giải pháp cốt lõi để củng cố HTCT từ gốc rễ.

Nhóm tác giả Nông Đức Mạnh, Trần Đình Hoan, Chu Văn Thành (2005), với cuốn “*Chủ trương, chính sách và quy định của Đảng về xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở trong sạch, vững mạnh*” [80]. Cuốn sách hệ thống các quan điểm, đường lối của Đảng về xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng ở cơ sở theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX). Trong đó, trình bày chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ cơ sở, chi bộ cơ sở; chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở; đặc biệt cuốn sách giới thiệu một số bài viết, bài nói chuyện của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các nhà khoa học về vai trò của HTCT ở cơ sở.

Luận án của Bùi Thị Hồng Tiến (1994), “*Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo quá trình xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị cơ sở từ năm 1975 đến 1993*” [116]. Thông qua khảo sát, nghiên cứu thực trạng một số tỉnh Nam Trung Bộ, tác giả đã tái hiện quá trình Đảng lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt trong HTCT cơ sở ở một số tỉnh Nam Trung Bộ từ năm 1975 đến năm 1993. Từ đó, rút ra những bài học kinh nghiệm nhằm tiếp tục đổi mới công tác xây dựng HTCT ở cơ sở.

Luận án Phó tiến sĩ khoa học Lịch sử của Nguyễn Nghĩa Vụ (1996), “*Sự*

lãnh đạo của Đảng đối với việc củng cố, hoàn thiện chính quyền cấp xã vùng cao phía Bắc” [183]. Tác giả làm rõ sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền cấp xã vùng cao qua các thời kỳ cách mạng; thực trạng về sự lãnh đạo, bộ máy chính quyền, đội ngũ cán bộ cấp xã. Quan điểm phương hướng và giải pháp nhằm củng cố hoàn thiện sự lãnh đạo của Đảng với chính quyền cơ sở; đặc điểm tình hình của các xã vùng cao ảnh hưởng đến sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của chính quyền xã; một số giải pháp hiệu quả trong công tác lãnh đạo của Đảng đối với việc củng cố, hoàn thiện chính quyền cấp xã vùng cao phía Bắc, cụ thể là ở Lào Cai.

Luận án Tiến sĩ của Lê Tân Lập (2007), *“Sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng trong việc thực thi quyền lực của nhân dân ở nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long”* [75]. Từ khảo sát thực tiễn tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long, công trình đánh giá hiệu quả lãnh đạo của TCCSĐ trong việc tổ chức, định hướng và phát huy sự tham gia của người dân vào quản lý xã hội, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng lãnh đạo của TCCSĐ đối với việc thực thi quyền lực của Nhân dân trong điều kiện hiện nay.

Các công trình nghiên cứu có liên quan đến Đảng bộ tỉnh lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở bao gồm:

Ngô Minh Vương (2021), với cuốn sách *“Quá trình xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai - Kết quả và kinh nghiệm thực tiễn (1991-2021)”* [185]. Tác giả phân tích bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội tỉnh Đồng Nai từ sau khi tái lập tỉnh năm 1991 đến năm 2021. Khẳng định vai trò của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai trong xây dựng, củng cố HTCT ở cơ sở sau khi thành lập tỉnh. Thông qua đánh giá những thành tựu cũng như hạn chế trong quá trình xây dựng HTCT ở cơ sở, tác giả rút ra những bài học kinh nghiệm nhằm tiếp tục xây dựng và hoàn thiện HTCT ở cơ sở tại Đồng Nai trong thời gian tới.

Tác giả Hoàng Chí Bảo (2005), trong bài viết *“Đảng bộ xã lãnh đạo việc xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở nông thôn hiện nay”* [29], tập trung phân tích năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của TCCSĐ ở địa bàn nông thôn, coi đây là nhân tố quyết định chất lượng vận hành của HTCT ở cơ sở. Nhấn mạnh quá trình đổi mới HTCT nông thôn cần bắt đầu từ việc củng cố tổ chức đảng. Xác định cấp cơ sở là nơi chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đến với nhân dân; vì vậy nghị quyết của cấp ủy cơ sở cần bảo đảm tính ngắn gọn, rõ

nhiệm vụ, sát điều kiện địa phương và mang tính khả thi.

Hồ Đức Thành (2005), với bài viết “*Nghệ An nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở vùng dân tộc thiểu số*” [108]. Bài viết nêu những kết quả của tỉnh Nghệ An trong xây dựng HTCT ở cơ sở. Bên cạnh đó, chỉ ra những hạn chế còn tồn tại như: HTCT ở cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn yếu. Nhiều nơi chưa có tổ chức đảng, các đoàn thể. Để khắc phục tình trạng đó, tác giả đề xuất các giải pháp: Xây dựng nhận thức đúng đắn về vấn đề dân tộc và công tác dân tộc; Coi trọng công tác tư tưởng, công tác vận động quần chúng tạo sự thống nhất trong toàn xã hội; Đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số; Nâng cao vai trò quản lý điều hành của chính quyền vùng dân tộc thiểu số; Xây dựng và nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ cán bộ ở cơ sở.

Tác giả Bùi Minh Châu (2019), với bài viết “*Kết quả và bài học kinh nghiệm trong xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở của tỉnh Phú Thọ*” [32], đã khẳng định những kết quả quan trọng đạt được trong xây dựng HTCT cơ sở Từ đó, đúc kết những bài học kinh nghiệm trong xây dựng, củng cố HTCT ở cơ sở: Sự đoàn kết, thống nhất cao nhất là trong cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở; Kiên trì giữ vững nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện, trực tiếp, tuyệt đối đối với HTCT; Thường xuyên lắng nghe ý kiến nhân dân, thực hiện tốt QCDC ở cơ sở, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo hiệu quả; Sự năng động, sáng tạo trong việc cụ thể hóa các chủ trương của Đảng thành chương trình hành động phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương.

Luận án của Nguyễn Thị Thu Hà (2015), “*Đảng bộ Thái Bình lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị cấp cơ sở nông thôn từ năm 1997 đến năm 2013*” [51], đã tái hiện quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Thái Bình trong xây dựng HTCT ở cơ sở từ năm 1997 đến năm 2013. Qua đó, rút ra các bài học kinh nghiệm: nhận thức đúng về HTCT và vai trò của HTCT ở cơ sở là vấn đề quan trọng; nâng cao sự lãnh đạo của Đảng, vai trò của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với xây dựng HTCT ở cơ sở; xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất đạo đức, trình độ năng lực thực thi nhiệm vụ; thực hiện tốt QCDC ở cơ sở. Đây là công trình nghiên cứu có hệ thống về HTCT ở cơ sở tại nông thôn Thái Bình bằng phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử Đảng.

Luận án của Ngô Minh Vương (2020), “*Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo*

xây dựng hệ thống chính trị cơ sở từ năm 1991 đến năm 2015” [184], đã đi sâu khảo sát, phân tích những chủ trương, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai về xây dựng HTCT ở cơ sở giai đoạn 1991 - 2015. Trên cơ sở thực trạng luận án rút ra bài học kinh nghiệm: Nhận thức đúng về vai trò của cơ sở và xây dựng HTCT ở cơ sở; Thường xuyên củng cố tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ của các tổ chức trong HTCT ở cơ sở; Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cho HTCT ở cơ sở phù hợp với đặc điểm địa phương và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ từng thời kỳ; Phát huy dân chủ dựa vào dân để xây dựng HTCT ở cơ sở vững mạnh.

Nhìn chung, các công trình đã hệ thống hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng HTCT ở cơ sở, đồng thời làm sáng tỏ mối quan hệ giữa xây dựng tổ chức đảng với xây dựng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Các nghiên cứu cũng nhấn mạnh vai trò hạt nhân chính trị của TCCSD, đội ngũ cán bộ cơ sở, coi đây là nhân tố then chốt ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu lực, hiệu quả vận hành của HTCT ở cơ sở. Thông qua các trường hợp nghiên cứu tại nhiều vùng, miền khác nhau, đã cung cấp những luận cứ thực tiễn phong phú về quá trình lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng HTCT ở cơ sở; chỉ ra những kết quả, hạn chế và nguyên nhân, từ đó đúc kết các bài học kinh nghiệm có giá trị. Các công trình không chỉ góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với HTCT ở cơ sở, mà còn cung cấp khung phân tích, cách tiếp cận và hệ thống các giải pháp có giá trị tham khảo trực tiếp cho việc nghiên cứu, đánh giá và đề xuất giải pháp xây dựng HTCT ở cơ sở tại Quảng Ninh.

1.1.2.3. Các công trình nghiên cứu có liên quan đến Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở.

Nguyễn Đăng Thành (2015), Chủ nhiệm Đề tài khoa học cấp Nhà nước “*Đổi mới tổ chức bộ máy của Đảng, bộ máy chính quyền địa phương*” [110]. Trên cơ sở đánh giá thực trạng và những kết quả của quá trình đổi mới hệ thống chính trị tại một số địa phương trong đó có tỉnh Quảng Ninh, đồng thời phân tích các yêu cầu, thách thức đặt ra trong bối cảnh phát triển mới, đề tài khẳng định sự cần thiết phải triển khai các giải pháp mang tính đột phá. Nhóm tác giả đề xuất các nhóm giải pháp đổi mới HTCT ở địa phương: (1) Đổi mới bảo đảm không vi phạm nguyên lý đồng bộ, hệ thống, không vi phạm các thể chế hiện hành; (2) Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng để tăng cường năng lực cầm quyền của Đảng; (3) Bảo đảm nhất thể hóa có kiểm soát để ngăn ngừa nguy cơ

tha hóa quyền lực; (4) Đẩy mạnh cải cách hành chính, tiến tới đổi mới toàn diện, đồng bộ hệ thống chính trị ở địa phương; (5) Xây dựng cơ chế vận hành để phù hợp với đặc điểm từng địa phương.

Trình Thị Hạnh (2018), với bài viết *“Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị”* [52]. Bài viết đi sâu phân tích kết quả hoạt động của HTCT ở Quảng Ninh thời gian qua. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn, rút ra một số kinh nghiệm quan trọng như: Thường xuyên coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với nâng cao chất lượng hoạt động của HTCT; Phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường trong lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội; Chú trọng giải quyết hài hòa các vấn đề xã hội, thúc đẩy phát triển văn hóa, bảo đảm an sinh, công bằng xã hội và từng bước nâng cao đời sống Nhân dân, giảm chênh lệch giữa các vùng, miền trong tỉnh.

Tác giả Hà Chi (2018), với bài viết *“Quảng Ninh tập trung xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ ở cơ sở”* [33], nhấn mạnh vai trò của cán bộ xã, phường, thị trấn thực trong thực hiện nhiệm vụ chính trị tại cơ sở. Tác giả làm rõ thực trạng số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở, kết quả của công tác xây dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở tại Quảng Ninh thời gian qua, chỉ ra những hạn chế, bất cập. Qua đó, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở như: Đầu tư nguồn lực cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chú trọng trang bị về kiến thức chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước; Tăng cường luân chuyển cán bộ từ tỉnh, huyện về cơ sở; Quan tâm công tác tuyển dụng cán bộ nhằm bổ sung nguồn lực cán bộ trẻ, được đào tạo bài bản cho HTCT ở cơ sở.

Nguyễn Xuân Ký (2020), với bài viết *“Đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở tỉnh Quảng Ninh”* [73], cho rằng trong quá trình phát triển tỉnh Quảng Ninh đang đối diện với các mâu thuẫn, thách thức lớn. Đòi hỏi thực tiễn phải đẩy mạnh đổi mới tổ chức và hoạt động của HTCT từ tỉnh đến cơ sở. Bài viết nhấn mạnh, việc đổi mới này có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của HTCT, qua đó bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước.

Luận án của Lê Hồ Hiếu (2018), *“Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo phát triển nguồn nhân lực từ năm 2005 đến năm 2015”* [53], tái hiện quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh trong phát triển nguồn nhân lực trong

giai đoạn (2005 - 2015). Tác giả chỉ rõ những hạn chế trong nguồn nhân lực của tỉnh hiện nay, đặc biệt là nguồn nhân lực ở cấp cơ sở. Luận án đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả lãnh đạo phát triển nguồn nhân lực ở Quảng Ninh: (1) Đổi mới công tác đào tạo - bồi dưỡng; (2) Tăng cường hợp tác quốc tế; (3) Hoàn thiện cơ chế thu hút, sử dụng nhân lực; (4) Nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy Đảng và chính quyền.

Luận án của Lê Thị Hồng Thuận (2020), *“Đảng bộ Tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chức cơ sở đảng từ năm 2005 đến năm 2015”*[114]. Dưới góc độ Lịch sử Đảng, tác giả đã làm rõ vai trò quan trọng của TCCSĐ đối với năng lực lãnh đạo của Đảng. Quảng Ninh có địa hình tự nhiên, đơn vị hành chính, cơ cấu kinh tế đa dạng vì vậy hệ thống TCCSĐ cũng đa dạng về loại hình. Luận án khẳng định nâng cao chất lượng sinh hoạt của TCCSĐ trên địa bàn tỉnh là yêu cầu khách quan đặt ra; tái hiện khách quan quá trình Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo nâng cao chất lượng sinh hoạt của TCCSĐ từ năm 2005 đến năm 2015. Từ đó, khẳng định tính đúng đắn, sáng tạo trong chủ trương, chỉ đạo thực hiện của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh trong nâng cao chất lượng sinh hoạt của TCCSĐ. Qua đánh giá ưu điểm, hạn chế và rút ra những kinh nghiệm lịch sử vận dụng vào nâng cao chất lượng sinh hoạt của TCCSĐ hiện nay.

Các công trình nghiên cứu về Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo xây dựng HTCT ở cơ sở đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Trước hết, các nghiên cứu đã làm rõ quá trình đổi mới tổ chức bộ máy, phương thức lãnh đạo và hoạt động của HTCT trên địa bàn tỉnh, đặc biệt nhấn mạnh các đột phá của Quảng Ninh trong sắp xếp tổ chức bộ máy, cải cách hành chính, nhất thể hóa một số chức danh và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị. Đồng thời, nhiều công trình đi sâu phân tích các yếu tố then chốt của HTCT ở cơ sở như đội ngũ cán bộ, chất lượng TCCSĐ, phát triển nguồn nhân lực. Các nghiên cứu cũng bước đầu tổng kết thực tiễn, rút ra một số bài học kinh nghiệm có giá trị về đổi mới phương thức lãnh đạo, phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương và gắn xây dựng HTCT với phát triển kinh tế - xã hội. Đây là những luận cứ quan trọng để tác giả luận án nhận diện đặc điểm, đánh giá thực trạng và rút ra bài học kinh nghiệm trong xây dựng HTCT ở cơ sở của tỉnh Quảng Ninh.

Tuy nhiên, phần lớn nghiên cứu tiếp cận từng khía cạnh riêng lẻ như tổ

chức bộ máy, công tác cán bộ, sinh hoạt đảng hay nguồn nhân lực mà chưa có nhiều công trình nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện về HTCT ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Một số nghiên cứu thiên về tổng kết thực tiễn hoặc mô tả chính sách, chưa đi sâu phân tích cơ chế vận hành, mối quan hệ giữa các thành tố trong HTCT ở cơ sở, cũng như chưa làm rõ đầy đủ những đặc thù của tỉnh Quảng Ninh. Đây cũng chính là khoảng trống mà nội dung luận án xác định nghiên cứu làm rõ.

1.2. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TIẾP TỤC TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.2.1. Kết quả của các công trình khoa học liên quan đến đề tài luận án đã tổng quan

Các công trình nghiên cứu được xuất bản trong nước và các nghiên cứu của học giả nước ngoài liên quan đến nội dung của luận án, đã hình thành một hệ thống nghiên cứu tương đối toàn diện, góp phần làm rõ vấn đề trên các phương diện về tư liệu, phương pháp tiếp cận và nội dung nghiên cứu.

1.2.1.1. Về tư liệu

Về thể loại, các công trình nghiên cứu liên quan đến HTCT và HTCT ở cơ sở, Đảng, Đảng bộ địa phương lãnh đạo xây dựng HTCT ở cơ sở có thể phân theo nhiều thể loại khác nhau, tương đối phong phú và đa dạng, bao gồm sách chuyên khảo, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp và các bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành, luận án. Sự đa dạng về loại hình công bố cho thấy vấn đề HTCT ở cơ sở đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu từ nhiều cấp độ và nhiều hướng tiếp cận khác nhau.

Về nội dung, các công trình đã đề cập tương đối toàn diện đến nhiều khía cạnh của HTCT ở cơ sở, từ cơ sở lý luận về khái niệm, cấu trúc, chức năng, cơ chế vận hành; vai trò lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ địa phương; hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền; vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tập hợp, vận động Nhân dân và thực hiện dân chủ ở cơ sở. Nhiều nghiên cứu còn đi sâu phân tích thực trạng, chỉ ra những hạn chế, bất cập và đề xuất giải pháp nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của HTCT ở cơ sở trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội

nhập quốc tế.

1.2.1.2. Về cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Về cách tiếp cận, các công trình nghiên cứu tiếp cận vấn đề HTCT ở cơ sở dưới nhiều góc độ khác nhau như: Lịch sử Đảng, chính trị học, xây dựng Đảng, kinh tế học, nhà nước và pháp luật, xã hội học... Sự đa dạng trong cách tiếp cận góp phần làm rõ vấn đề cả ở bình diện lý luận và thực tiễn, từ phân tích tiến trình lịch sử hình thành, phát triển đến đánh giá cơ chế vận hành và hiệu quả hoạt động của HTCT ở cơ sở trong từng giai đoạn cụ thể.

Về phương pháp nghiên cứu, các công trình chủ yếu sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic để tái hiện quá trình hình thành, phát triển và đổi mới HTCT cơ sở; đồng thời vận dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa nhằm làm rõ cấu trúc, chức năng và mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành hệ thống. Các công trình công bố của người nước ngoài tiếp cận HTCT Việt Nam trong bối cảnh so sánh hoặc nghiên cứu về thể chế chính trị và quản trị nhà nước. Một số nghiên cứu còn sử dụng phương pháp khảo sát thực tiễn, nghiên cứu trường hợp cụ thể ở địa phương để đánh giá thực trạng và đề xuất kiến nghị phù hợp.

Sự kết hợp tương đối linh hoạt giữa các phương pháp đã góp phần nâng cao tính khoa học và độ tin cậy của các kết quả nghiên cứu, qua đó cung cấp thêm những góc nhìn đa chiều, góp phần bổ sung cơ sở tham khảo cho nghiên cứu của luận án.

1.2.1.3. Về nội dung nghiên cứu

Các công trình nghiên cứu đã công bố đã làm rõ các nội dung sau:

Một là, các công trình nghiên cứu về HTCT đã cung cấp cơ sở lý luận quan trọng về khái niệm, cấu trúc, chức năng và nguyên tắc tổ chức, vận hành của HTCT Việt Nam. Dưới nhiều góc độ khác nhau như: chính trị học, xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, luật học, các nghiên cứu đều thống nhất khẳng định HTCT Việt Nam bao gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; trong đó các nghiên cứu trong nước và ngoài nước đều khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong bảo đảm sự thống nhất về mục tiêu, định hướng và hiệu lực, hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống.

Hai là, đối với các công trình về HTCT ở cơ sở, đã đi sâu phân tích vị trí,

vai trò đặc biệt quan trọng của cấp xã, phường, thị trấn, cấp trực tiếp tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và là môi trường chủ yếu để Nhân dân thực hành quyền làm chủ. Nhiều nghiên cứu nhấn mạnh yêu cầu thực hiện dân chủ ở cơ sở; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCCSD; hiệu lực quản lý của chính quyền; vai trò tập hợp, vận động quần chúng của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Đồng thời, các công trình cũng chỉ ra những hạn chế, bất cập trong tổ chức và hoạt động của HTCT ở cơ sở, từ đó đặt ra yêu cầu đổi mới toàn diện các bộ phận cấu thành HTCT ở cơ sở, bao gồm tổ chức đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội, trong đó sự lãnh đạo của Đảng là yếu tố quyết định bảo đảm thành công của quá trình đổi mới.

Ba là, các nghiên cứu về sự lãnh đạo của Đảng và các Đảng bộ địa phương đối với xây dựng HTCT ở cơ sở, chủ yếu được thể hiện trong các luận án, đề tài khoa học và bài viết chuyên ngành. Nội dung tập trung làm rõ phương thức lãnh đạo của cấp ủy thông qua việc ban hành nghị quyết, chương trình hành động; tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát; đồng thời phát huy vai trò của Nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội. Từ thực tiễn các địa phương, các tác giả đã chỉ ra kết quả, hạn chế và những bài học kinh nghiệm trong xây dựng, củng cố HTCT ở cơ sở. Tuy nhiên, đối với trường hợp Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh, các nghiên cứu còn tương đối hạn chế; chủ yếu mới dừng lại ở việc phân tích đổi mới tổ chức bộ máy của HTCT cấp tỉnh hoặc nghiên cứu từng lĩnh vực như xây dựng tổ chức cơ sở đảng hoặc đội ngũ cán bộ ở cơ sở, chưa có công trình chuyên khảo toàn diện về sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong xây dựng HTCT ở cơ sở theo tiến trình lịch sử cụ thể.

Như vậy, hệ thống các công trình nghiên cứu đã tạo dựng nền tảng lý luận và thực tiễn quan trọng cho việc tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh trong xây dựng HTCT ở cơ sở từ năm 2010 đến năm 2020, đồng thời cho thấy khoảng trống nghiên cứu cần được tiếp tục làm rõ.

1.2.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về HTCT và sự lãnh đạo của Đảng về xây dựng HTCT ở cơ sở, tuy nhiên, đến nay có thể khẳng định: dưới góc độ chuyên ngành Lịch sử Đảng chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống về quá trình Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo xây dựng HTCT ở cơ sở. Cụ thể là chưa có công trình nào nghiên cứu về những căn cứ để

Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh xác định chủ trương xây dựng HTCT cơ sở ở giai đoạn từ 2010 đến năm 2020, cũng chưa có công trình nào luận giải có hệ thống những chủ trương và sự chỉ đạo; thành tựu, hạn chế và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh về xây dựng HTCT ở cơ sở từ năm 2010 đến năm 2020 dưới góc độ khoa học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Các công trình nghiên cứu về xây dựng HTCT ở Quảng Ninh tuy phong phú với nhiều mảng màu khác nhau, nhưng mới chỉ dừng lại ở phạm vi nghiên cứu về một số khía cạnh của HTCT, chưa có công trình nghiên cứu tổng thể, chuyên sâu về quá trình Đảng bộ tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng toàn diện HTCT, đặc biệt là HTCT ở cơ sở.

Trên cơ sở kế thừa kết quả của các công trình, nghiên cứu đi trước, những nội dung còn chưa được làm sáng tỏ về chủ trương và quá trình lãnh đạo xây dựng HTCT ở cơ sở của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh, tác giả luận án tập trung giải quyết một số vấn đề cơ bản trong luận án như sau:

Một là, luận án tập trung phân tích những yếu tố tác động, ảnh hưởng đến sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh trong xây dựng HTCT ở cơ sở như: điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội từ năm 2010 đến năm 2020; quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng HTCT ở cơ sở từ năm 2010 đến năm 2020 và thực trạng HTCT ở cơ sở tại Quảng Ninh trước năm 2010.

Hai là, kế thừa những kết quả đã nghiên cứu, trên cơ sở nguồn tư liệu thu thập, luận án hệ thống hóa một cách toàn diện về chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh trong xây dựng HTCT ở cơ sở qua hai giai đoạn: 2010 - 2015; 2015 - 2020 trên các mặt: xây dựng tổ chức cơ sở đảng; xây dựng chính quyền và đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở.

Ba là, từ cách tiếp cận của chuyên ngành Lịch sử Đảng, luận án tiến hành tổng kết thực tiễn quá trình Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo xây dựng HTCT ở cơ sở từ năm 2010 đến năm 2020; qua đó, làm rõ những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân, đồng thời đúc kết một số kinh nghiệm nhằm góp phần bổ sung cơ sở thực tiễn cho việc tiếp tục xây dựng HTCT ở cơ sở trong giai đoạn tới.

Tiểu kết chương 1

Qua khảo cứu các công trình khoa học đã được công bố trong nước và ngoài nước dưới nhiều thể loại khác nhau cho thấy, xây dựng HTCT ở cơ sở là chủ trương chiến lược, xuyên suốt của Đảng, có ý nghĩa quyết định đối với việc giữ vững ổn định chính trị và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Các nghiên cứu đã hình thành một hệ thống tương đối toàn diện, về xây dựng HTCT ở cơ sở trên các phương diện về tư liệu, phương pháp tiếp cận và nội dung nghiên cứu. Hầu hết các công trình đã làm rõ vị trí, vai trò, ý nghĩa đặc biệt quan trọng của HTCT ở cơ sở trong tổng thể HTCT Việt Nam; mối quan hệ giữa các thành tố tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; những hạn chế, bất cập trong tổ chức và hoạt động của HTCT ở cơ sở, từ đó đặt ra yêu cầu đổi mới toàn diện các bộ phận cấu thành HTCT ở cơ sở. Các công trình đã công bố có giá trị khoa học quan trọng, cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn liên quan trực tiếp và gián tiếp đến đề tài luận án. Tuy nhiên, số lượng các công trình nghiên cứu về sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương trong xây dựng HTCT ở cơ sở dưới góc độ chuyên ngành Lịch sử Đảng chưa nhiều, đặc biệt là chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống về Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo xây dựng HTCT ở cơ sở.

Trên cơ sở đánh giá, tiếp thu, kế thừa có chọn lọc các nghiên cứu đi trước, tác giả luận án nhận thấy đối với nội dung “Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo xây dựng HTCT ở cơ sở” là mảng đề tài chưa được tập trung nghiên cứu, khai thác và còn nhiều khoảng trống. Vì thế, tác giả luận án tập trung vào nội dung nghiên cứu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo xây dựng HTCT ở cơ sở từ năm 2010 đến năm 2020 dưới góc độ chuyên ngành khoa học Lịch sử Đảng, nhằm góp phần làm phong phú và đa dạng thêm các công trình nghiên cứu về sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương trong xây dựng HTCT ở cơ sở.

Chương 2

ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NINH LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ (2010 - 2015)

2.1. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NINH TRONG XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ

2.1.1. Chủ trương của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở

Bước vào thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, thế giới chứng kiến nhiều biến động phức tạp và khó lường. Mặc dù hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế chủ đạo, nhưng các xung đột sắc tộc, tôn giáo, ly khai, chiến tranh cục bộ, can thiệp, lật đổ và khủng bố vẫn diễn ra gay gắt. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống như tội phạm công nghệ cao cũng ngày càng trở nên nghiêm trọng. Cuộc cạnh tranh kinh tế, thương mại, tài nguyên, năng lượng, thị trường, công nghệ và vốn... diễn ra ngày càng khốc liệt. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương dù được đánh giá là phát triển năng động, nhưng vẫn tồn tại nhiều nhân tố bất ổn, đặc biệt là các tranh chấp lãnh thổ và biển đảo. Các vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, nước biển dâng cao, thiên tai, dịch bệnh... tiếp tục diễn biến phức tạp tác động sâu rộng đến sự phát triển của nhiều quốc gia. Quá trình toàn cầu hóa và Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ tiếp tục bùng nổ, lan rộng, thúc đẩy hình thành xã hội thông tin, kinh tế tri thức và phương thức quản trị quốc gia hiện đại. Những xu hướng đó vừa mở ra nhiều cơ hội phát triển, vừa đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với các quốc gia trong việc đổi mới mô hình quản trị, nâng cao chất lượng bộ máy nhà nước và hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị.

Sau một phần tư thế kỷ tiến hành công cuộc đổi mới (1986 - 2010), đất nước đã đạt được thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên nhiều lĩnh vực, tạo ra thế và lực mới cho sự phát triển đất nước. Nền kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng khá, quy mô nền kinh tế không ngừng được mở rộng “Nền kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, duy trì được tốc độ tăng trưởng 7,26%/năm. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2010 theo giá thực tế gấp 3,26 lần so với năm 2000; thu ngân sách, kim ngạch xuất khẩu tăng gấp 5 lần so với năm 2000; GDP bình quân đầu người đạt 1.168 USD” [37, tr.20]. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được hoàn thiện; xã hội ổn định, HTCT được giữ vững, quốc phòng - an ninh được đảm bảo, vị thế, uy tín của đất nước trên trường quốc tế ngày càng

được củng cố và nâng cao. Những thành tựu đó tạo tiền đề quan trọng để đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới với yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Tuy nhiên, cùng với những thời cơ mới, đất nước cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền còn lớn; tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên diễn biến phức tạp; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của một số cấp chính quyền chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trên một số mặt chuyển biến còn chậm. Những hạn chế đó đặt ra yêu cầu phải tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, trước hết từ cấp cơ sở, nơi trực tiếp tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và gắn bó mật thiết với Nhân dân.

Trước bối cảnh đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng họp từ ngày 11 đến ngày 19/01/2011 tại Hà Nội với chủ đề: “Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại” [37, tr.13]. Đại hội XI đã thông qua các văn kiện quan trọng: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, tạo cơ sở chính trị và lý luận quan trọng cho quá trình xây dựng và hoàn thiện HTCT từ Trung ương đến cơ sở.

Trong mục tiêu tổng quát giai đoạn 2011 - 2015, Đại hội XI nhấn mạnh yêu cầu xây dựng HTCT trong sạch, vững mạnh, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Những mục tiêu này chỉ có thể được hiện thực hóa khi HTCT ở cơ sở gồm: TCCSĐ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể được củng cố vững chắc, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thực sự gần dân, sát dân và vì dân.

Nghị quyết Đại hội XI đã chỉ rõ yêu cầu: “*Tiếp tục xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và mô hình tổ chức của các tổ chức trong hệ thống chính trị*” [37, tr.258] qua đó, đặt nền tảng cho việc đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động

của HTCT ở cơ sở. Trên tinh thần đó, Đại hội xác định ba định hướng lớn có ý nghĩa trực tiếp đối với cấp cơ sở: (1) Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, coi đây là nền tảng để củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và chính quyền ở cơ sở; (2) Đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong đó chính quyền cơ sở giữ vai trò trực tiếp tổ chức thực thi pháp luật, quản lý xã hội và phục vụ Nhân dân; (3) Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng, trước hết là tổ chức cơ sở đảng.

Nhằm cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu của Đại hội XI, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã ban hành ba nghị quyết chuyên đề quan trọng, định hướng trực tiếp cho quá trình xây dựng HTCT, đặc biệt là ở cấp cơ sở.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (01/2012) *“Về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”*. Nghị quyết xác định mục tiêu: tạo ra chuyển biến rõ rệt trong công tác xây dựng Đảng, khắc phục những hạn chế, yếu kém, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, yêu cầu có ý nghĩa sống còn đối với hoạt động của HTCT từ Trung ương đến cơ sở. Nghị quyết đề ra bốn nhóm giải pháp lớn: (1) tự phê bình và phê bình, nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ lãnh đạo, quản lý; (2) đổi mới công tác tổ chức, cán bộ và sinh hoạt đảng; (3) hoàn thiện cơ chế, chính sách; (4) tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Các giải pháp này hướng trực tiếp vào việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên các cấp; đồng thời xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, làm cơ sở tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong HTCT từ Trung ương đến cơ sở.

Trên cơ sở tổng kết các chủ trương, đường lối về HTCT, đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) *“về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn”* và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa X) *“về đổi mới kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội”*, tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xây dựng HTCT cơ sở, Hội nghị Trung ương 7 (5/2013) đã ban hành Kết luận số 64-KL/TW *“Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện HTCT từ Trung ương đến cơ sở”*. Nghị quyết xác định yêu cầu tiếp tục đổi mới, hoàn thiện HTCT từ Trung ương đến cơ sở theo

hướng tổ chức bộ máy thống nhất, tinh gọn, vận hành ổn định và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cấp, từng cơ quan. Đồng thời, nghị quyết đặt trọng tâm vào xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có cơ cấu hợp lý, bảo đảm phẩm chất chính trị, đạo đức công vụ, trình độ và năng lực chuyên môn ngày càng được nâng cao, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, cùng với chế độ tiền lương, thu nhập phù hợp để ổn định đời sống. Để thực hiện được mục tiêu, Kết luận số 64-KL/TW đã đề ra các giải pháp định hướng cho quá trình xây dựng HTCT ở cơ sở như sau:

Đối với tổ chức đảng: Cơ quan lãnh đạo của Đảng tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, đổi mới hoàn thiện tổ chức, chức năng nhiệm vụ, hoạt động của các tổ chức đảng các cấp; các cơ quan tham mưu giúp việc, đơn vị sự nghiệp của Đảng ở Trung ương giữ ổn định, còn ở địa phương tổ chức, sắp xếp lại cho phù hợp.

Chính quyền địa phương: điều chỉnh cơ cấu, tổ chức chính quyền các cấp ở địa phương; phân định chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn, đặc thù; điều chỉnh chính quyền cơ sở phù hợp yêu cầu mới; tiếp tục thực hiện một số chủ trương trong cơ chế lãnh đạo ở địa phương.

Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội: yêu cầu đặt ra là tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, tránh trùng lặp trong hoạt động. Đồng thời, cần đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, cơ chế quản lý của Nhà nước và chính sách tài chính nhằm tăng tính chủ động, tự chủ cho các tổ chức này; hạn chế xu hướng hành chính hóa để bảo đảm hoạt động gần bó hơn với Nhân dân. Cùng với đó là thực hiện hiệu quả quy chế phối hợp, cơ chế giám sát, phản biện xã hội, tạo điều kiện để Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền; đồng thời hoàn thiện quy định về tổ chức, hoạt động của các hội theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí và tuân thủ pháp luật.

Nhằm tiếp tục đẩy mạnh thực hiện xây dựng HTCT ở cơ sở, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 “*về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức*”. Nghị quyết xác định mục tiêu: Tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thu hút những người có đức, có tài vào hoạt động công vụ trong các cơ quan Đảng, Nhà

nước và tổ chức chính trị - xã hội, đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của HTCT, tiết kiệm, giảm chi thường xuyên, cải cách chính sách tiền lương.

Nghị quyết đã xác định nhiệm vụ, giải pháp đối với tổ chức bộ máy cấp xã trong rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế như sau:

Quy định chặt chẽ điều kiện, tiêu chí thành lập, giải thể, sáp nhập đơn vị hành chính các cấp theo hướng khuyến khích sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã, bảo đảm cơ bản không tăng số lượng đơn vị hành chính ở địa phương.

Đẩy mạnh thực hiện kiêm nhiệm đối với một số chức danh của cán bộ, công chức từ Trung ương đến cấp xã, nhất là kiêm nhiệm đối với các chức danh cán bộ không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố. Khoán kinh phí chi trả phụ cấp để khuyến khích giảm dần số lượng những người hoạt động không chuyên trách và tăng thu nhập của cán bộ, công chức cấp xã. Sớm sửa đổi Quy định về cán bộ, công chức cấp xã theo hướng tinh gọn, giảm bớt chức danh theo tinh thần Kết luận số 64-KL/TW, ngày 28/5/2013 của Hội nghị Trung ương 7 (khóa XI)

Giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ chuyên trách cấp xã khi hết nhiệm kỳ mà không đủ điều kiện tái cử; xây dựng, cơ chế quản lý cán bộ không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố gắn với phát huy quyền làm chủ, giám sát của Nhân dân và đẩy mạnh thực hiện các hình thức tự quản tại cộng đồng dân cư.

Những chủ trương và định hướng lớn tại Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ XI và các nghị quyết chuyên đề cho thấy quyết tâm lớn của Đảng trong xây dựng HTCT ở cơ sở vững mạnh, hoạt động hiệu quả. Đây là định hướng chính trị quan trọng cho quá trình xây dựng HTCT ở cơ sở trong giai đoạn 2010 - 2015; là căn cứ để các địa phương, trong đó có Quảng Ninh, chỉ đạo, cụ thể hóa thành chương trình hành động phù hợp với điều kiện thực tiễn.

2.1.2. Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh Quảng Ninh

Về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên

Quảng Ninh là tỉnh miền núi, biên giới, hải đảo có vị trí địa chiến lược đặc biệt quan trọng, nằm ở địa đầu vùng Đông Bắc của Tổ quốc. Tỉnh có đường biên giới trên bộ giáp Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc); phía Tây giáp các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Ninh và Hải Phòng; phía Đông và Đông Nam

hướng ra vịnh Bắc Bộ. Không chỉ có không gian đất liền, Quảng Ninh còn sở hữu hơn 2.000 hòn đảo lớn nhỏ, chiếm khoảng 2/3 tổng số đảo của cả nước, tạo nên một không gian lãnh thổ rộng mở, liên thông giữa đất liền, biển đảo, biên giới. Với diện tích tự nhiên khoảng 6.207,9 km² [35, tr.8], trước ngày 01/7/2025, Quảng Ninh có 13 đơn vị hành chính cấp huyện (5 thành phố, 1 thị xã và 7 huyện), trong đó, 10 đơn vị thuộc khu vực biên giới, biển đảo. Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp từ ngày 01/7/2025, toàn tỉnh được tổ chức thành 54 đơn vị hành chính cấp xã (22 xã, 30 phường và 2 đặc khu). Quảng Ninh là tỉnh duy nhất trong cả nước có đường biên giới trên cả ba không gian: đất liền, biển và trên không tiếp giáp với nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, càng làm nổi bật vị thế đặc thù về quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Chính sự đa dạng về địa hình, địa chất và không gian phát triển, từ đồng bằng, miền núi, ven biển đến hải đảo và khu vực biên giới đã khiến Quảng Ninh thường được ví như một “Việt Nam thu nhỏ”. Những điều kiện tự nhiên - xã hội đặc biệt ấy không chỉ chi phối phương thức tổ chức đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của cộng đồng dân cư, mà còn tạo nên sự phong phú, đa dạng về mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của HTCT ở cơ sở. Do đó, HTCT ở cơ sở tại Quảng Ninh vừa mang những đặc trưng chung của cả nước, vừa thể hiện rõ tính đặc thù địa phương. Đặc điểm này đặt ra yêu cầu HTCT ở cơ sở phải bám sát địa bàn, linh hoạt, thích ứng phù hợp với điều kiện từng địa bàn.

Quảng Ninh là địa phương có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng, tạo nền tảng quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời cũng đặt ra những yêu cầu đặc thù đối với HTCT ở cơ sở. Nổi bật là tài nguyên khoáng sản, đặc biệt là than đá với trữ lượng chiếm trên 90% của cả nước, đưa Quảng Ninh trở thành trung tâm năng lượng quốc gia và địa bàn sản xuất công nghiệp khai khoáng quy mô lớn. Bên cạnh đó, các loại khoáng sản như đá vôi, cao lanh, đất sét, cát thủy tinh tạo điều kiện phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng và chế biến, kéo theo sự hình thành và phát triển các khu, cụm công nghiệp gắn với các đơn vị hành chính cơ sở. Những yếu tố này tác động sâu sắc đến cơ cấu kinh tế, phân bố dân cư và tổ chức lao động ở địa phương.

Cùng với tài nguyên khoáng sản, Quảng Ninh có không gian biển rộng lớn với hệ thống cảng biển nước sâu hiện đại như Cái Lân, Vân Đồn, vừa là ngư trường trọng điểm, vừa là cửa ngõ giao thương quốc tế quan trọng. Điều đó

không chỉ tạo động lực phát triển kinh tế biển mà còn đặt ra yêu cầu cao đối với công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền biên giới quốc gia trên biển, đảo và giữ vững trật tự an toàn xã hội ở cơ sở.

Đặc biệt, Quảng Ninh còn là địa phương có tiềm năng và lợi thế nổi trội về du lịch với hệ thống di sản văn hóa, lịch sử phong phú. Theo thống kê toàn tỉnh hiện có 630 di tích, trong đó có 08 di tích quốc gia đặc biệt, 56 di tích cấp quốc gia, 101 di tích cấp tỉnh và hơn 400 di tích đã được kiểm kê; 362 di sản văn hóa phi vật thể [35, tr.20]. Trong đó, tiêu biểu là Vịnh Hạ Long - Di sản thiên nhiên thế giới được UNESCO nhiều lần vinh danh, cùng các di tích nổi tiếng như Khu di tích Yên Tử, Đền Cửa Ông, Bạch Đằng. Sự phát triển mạnh mẽ của ngành du lịch đã thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ, đồng thời làm gia tăng yêu cầu quản lý dân cư, bảo tồn di sản, bảo vệ môi trường và giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với gìn giữ giá trị văn hóa truyền thống.

Chính sự đa dạng về tài nguyên và điều kiện phát triển đã tạo nên sự khác biệt rõ nét giữa các vùng trong tỉnh, từ khu vực công nghiệp khai khoáng, đô thị, cảng biển đến miền núi, biên giới, hải đảo và các trung tâm du lịch. Sự khác biệt này tác động trực tiếp đến cơ cấu tổ chức, phương thức lãnh đạo và hoạt động của HTCT ở cơ sở.

Trong bối cảnh đó, HTCT ở cơ sở của Quảng Ninh không chỉ thực hiện chức năng lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, mà còn phải bảo đảm vững chắc ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trong những điều kiện đặc thù, phức tạp của một tỉnh giàu tài nguyên, có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, quốc phòng và đối ngoại. Đây chính là yêu cầu khách quan, đồng thời là cơ sở thực tiễn quan trọng đặt ra nhiệm vụ phải không ngừng củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của HTCT ở cơ sở trong giai đoạn mới.

Về điều kiện xã hội

Theo thống kê, dân số Quảng Ninh năm 2025 có 1.411.579 người [35, tr.11] là địa phương có số dân gần như thấp nhất vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Mật độ dân số trung bình của tỉnh Quảng Ninh tương đối thấp 250 người/km², thấp hơn đáng kể so với mức bình quân cả nước (320 người/km²). Dân cư phân bố không đồng đều, tập trung chủ yếu ở các đô thị, khu công nghiệp, ven biển; trong khi khu vực miền núi, biên giới, hải đảo dân cư thưa

thót, địa bàn rộng, chia cắt phức tạp. Thực tiễn này đặt ra yêu cầu HTCT ở cơ sở phải sát địa bàn, bảo đảm quản lý hiệu quả trong điều kiện không gian cư trú phân tán.

Quảng Ninh đồng thời là tỉnh có cơ cấu dân số trẻ, với tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi chiếm tới 37,6%, trong khi người từ 60 tuổi trở lên chiếm 7,1%; riêng ở các huyện miền núi, tỷ lệ trẻ em dưới độ tuổi lao động có nơi lên tới 45% [35, tr.11]. Cơ cấu dân số này vừa tạo ra nguồn nhân lực tiềm năng dồi dào, vừa đặt ra sức ép lớn đối với HTCT ở cơ sở trong việc tổ chức giáo dục, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, bảo đảm an sinh xã hội và định hướng phát triển nguồn nhân lực tại chỗ. Cùng với đó, quá trình phát triển mạnh của công nghiệp và dịch vụ khiến Quảng Ninh hằng năm thu hút lượng lớn lao động nhập cư ngoại tỉnh. Dòng dịch chuyển dân cư này làm cho cơ cấu dân số ở nhiều xã, phường biến động nhanh, gia tăng tính đa dạng và phức tạp trong quản lý cư trú, lao động, an ninh trật tự và quan hệ xã hội. Đây là yếu tố tác động trực tiếp, thường xuyên đến hoạt động của HTCT ở cơ sở, đòi hỏi đội ngũ cán bộ cơ sở phải nâng cao năng lực quản lý xã hội, kịp thời nắm bắt và giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn.

Một đặc điểm nổi bật khác là tính đa dạng về thành phần dân tộc. Toàn tỉnh có 43 thành phần dân tộc, trong đó 42 là dân tộc thiểu số, với 181.722 người, chiếm 12,31% dân số [35, tr.11], sinh sống chủ yếu ở các địa bàn miền núi, biên giới, hải đảo những khu vực có vị trí trọng yếu về quốc phòng, an ninh. Điều này làm cho HTCT ở cơ sở không chỉ thực hiện chức năng quản lý hành chính xã hội thông thường, mà còn phải đặc biệt coi trọng công tác dân tộc, tôn giáo, tuyên truyền, vận động quần chúng, tăng cường bám nắm địa bàn, giữ vững ổn định chính trị và củng cố niềm tin của Nhân dân. Chính sự đan xen giữa quy mô dân số không lớn, phân bố không đồng đều, cơ cấu dân số trẻ, biến động dân cư mạnh và tính đa dạng dân tộc cao đã hình thành nên những đặc điểm riêng của HTCT ở cơ sở Quảng Ninh. HTCT cơ sở vừa phải bảo đảm vai trò lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ cấp trên giao, hiệu lực quản lý nhà nước, vừa đóng vai trò hạt nhân trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển bền vững của tỉnh trong điều kiện địa bàn rộng, dân cư đa dạng và nhiều yếu tố nhạy cảm, phức tạp.

Về lịch sử, văn hóa, con người

Văn hóa Quảng Ninh được hình thành trên nền tảng sự hội tụ và giao thoa của nhiều dòng chảy văn hóa đặc thù, gồm văn hóa biển đảo, văn hóa công nhân

mở, cùng sự tiếp biến giữa nền văn minh sông Hồng với văn hóa vùng Đông Bắc. Chính sự kết hợp đa chiều ấy đã tạo nên một không gian văn hóa phong phú, đa dạng trong thống nhất. Quảng Ninh là nơi phát tích Thiền phái Trúc Lâm, gắn liền với cuộc đời và tư tưởng của Phật hoàng Trần Nhân Tông, vị vua anh minh sau khi lãnh đạo Nhân dân đánh thắng ngoại xâm, giữ vững non sông đã nhường ngôi, từ bỏ vinh hoa phú quý để tu hành, khai sáng một dòng thiền mang đậm tinh thần nhập thế, gắn đạo với đời, lấy dân làm gốc. Giá trị nhân văn, khoan dung, hòa hợp ấy đã thấm sâu vào đời sống cộng đồng, trở thành nền tảng tinh thần quan trọng của đời sống Nhân dân ở cơ sở. Là vùng đất địa đầu Tổ quốc, Quảng Ninh còn ghi dấu đậm nét trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, tiêu biểu là những chiến công vang dội trên sông Bạch Đằng các năm 938, 981, 1288; đến chiến thắng trận đầu ngày 05/8/1964 khi quân và dân miền Bắc đánh trả cuộc ném bom, bắn phá của đế quốc Mỹ. Truyền thống yêu nước, đoàn kết, kiên cường, bất khuất ấy đã hun đúc nên bản lĩnh chính trị vững vàng của cộng đồng dân cư ở cơ sở, tạo môi trường thuận lợi để HTCT cơ sở phát huy vai trò lãnh đạo, tổ chức và tập hợp Nhân dân. Đặc biệt, Quảng Ninh còn là cái nôi của giai cấp công nhân Việt Nam, gắn với phong trào đấu tranh “long trời, lở đất” của ba vạn thợ mỏ tháng 11/1936. Văn hóa công nhân mỏ với tinh thần kỷ luật, đoàn kết, đấu tranh bền bỉ vì quyền lợi chính đáng đã để lại dấu ấn sâu sắc trong phong cách sinh hoạt chính trị, phương thức lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của các cấp ủy, chính quyền cơ sở, nhất là ở các địa bàn công nghiệp, đô thị mỏ.

Chính sự hội tụ, giao thoa và thống nhất trong đa dạng giữa các giá trị văn hóa từ biển đảo, công nhân mỏ, Phật giáo Trúc Lâm và truyền thống lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước đã tạo nên sự cố kết cộng đồng bền chặt từ thôn, bản đến khu phố. Trên nền tảng đó, HTCT ở cơ sở Quảng Ninh hình thành những đặc điểm riêng: là địa phương hội tụ đồng thời các yếu tố biển đảo, biên giới, công nghiệp khai khoáng, du lịch và giao thương quốc tế. Trên địa bàn tỉnh tồn tại sự đan xen giữa các khu vực đô thị phát triển nhanh với các xã miền núi, biên giới, hải đảo; giữa cộng đồng dân cư công nghiệp Vùng mỏ với các dân tộc thiểu số sinh sống lâu đời ở vùng cao. Sự đa dạng về không gian địa lý, cơ cấu dân cư và điều kiện phát triển đã tạo nên những yêu cầu đặc thù đối với tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở. Bên cạnh đó, truyền thống "Kỷ luật và Đồng tâm" của công nhân Vùng mỏ, giá trị văn hóa biển đảo, văn hóa các

dân tộc vùng Đông Bắc cùng di sản Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử đã góp phần tạo nên môi trường xã hội ổn định, tinh thần đoàn kết cộng đồng và sự đồng thuận cao trong Nhân dân. Những yếu tố này không chỉ là nền tảng văn hóa - xã hội mà còn tác động trực tiếp đến phương thức lãnh đạo của cấp ủy, hiệu lực quản lý của chính quyền và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở trên địa bàn tỉnh.

Về điều kiện kinh tế

Quảng Ninh là vùng kinh tế trọng điểm trong cực tăng trưởng phía Bắc, Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, hội tụ nhiều lợi thế nổi trội về vị trí địa lý chiến lược, tài nguyên thiên nhiên và không gian phát triển đa dạng. Trong đó, thế mạnh đặc biệt là tài nguyên khoáng sản, nhất là than đá, đã tạo điều kiện để tỉnh sớm hình thành và phát triển mạnh ngành công nghiệp khai thác, chế biến than, trở thành một trong những trung tâm công nghiệp năng lượng quan trọng của cả nước. Cùng với đó, Vịnh Hạ Long và quần thể các di tích nổi tiếng như Yên Tử, Đền Cửa Ông, Bạch Đằng... đã mở ra lợi thế vượt trội cho phát triển các ngành kinh tế dịch vụ, du lịch, đặc biệt là kinh tế di sản, góp phần tạo động lực tăng trưởng bền vững cho tỉnh trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Những năm qua, kinh tế Quảng Ninh duy trì mức tăng trưởng cao, vượt bình quân chung của cả nước. Giai đoạn 2010 - 2015, tốc độ tăng trưởng GRDP đạt bình quân 9,2%/năm (cả nước 5,82%); Thu nhập bình quân đầu người năm 2015 đạt 3.900 USD/người/năm [42, tr.18]. Giai đoạn năm 2015 - 2020, bình quân tăng 10,7%/năm (cả nước đạt 6,2%). Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 đạt 6.700 USD [43, tr.20]. Quảng Ninh nằm trong nhóm địa phương dẫn đầu cả nước về thu ngân sách. Những con số phản ánh rõ nét hiệu quả của mô hình phát triển kinh tế năng động, sáng tạo mà tỉnh đã kiên trì theo đuổi. Tuy nhiên, quá trình phát triển dựa nhiều vào khai thác than cũng đặt ra không ít thách thức về bảo vệ môi trường, sử dụng bền vững tài nguyên và nâng cao chất lượng sống của người dân. Trước yêu cầu phát triển mới, Quảng Ninh đã chủ động chuyển đổi mô hình tăng trưởng, từng bước dịch chuyển từ nền kinh tế phụ thuộc vào khai khoáng sang phát triển kinh tế xanh, bền vững, lấy dịch vụ, du lịch, công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao làm động lực chủ yếu. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế này đã và đang tạo ra những biến đổi sâu sắc trong đời sống kinh tế, xã hội ở cơ sở. Nếu như trước đây, ở nhiều xã, phường, HTCT

cơ sở chủ yếu phối hợp với ngành than để quản lý lao động, bảo đảm an ninh trật tự và xử lý các vấn đề môi trường khi chuyển sang phát triển du lịch, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản..., nhiệm vụ của HTCT ở cơ sở đã có sự thay đổi căn bản. Các cấp ủy, chính quyền cơ sở phải đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân chuyển đổi tư duy sản xuất và sinh kế, từ thói quen lao động trong hầm mỏ sang các lĩnh vực mới như du lịch cộng đồng, dịch vụ, thương mại, vốn đòi hỏi tính linh hoạt, kỹ năng giao tiếp, tác phong phục vụ và ý thức xây dựng hình ảnh địa phương thân thiện, văn minh. Việc hình thành nếp sống văn hóa du lịch, gắn phát triển kinh tế với bảo tồn môi trường và bản sắc văn hóa địa phương, đang trở thành nhiệm vụ thường trực đối với HTCT ở cơ sở.

Tóm lại, vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên phong phú, vai trò chiến lược về kinh tế, quốc phòng - an ninh, cùng với quá trình phát triển kinh tế nhanh và đô thị hóa mạnh mẽ đã tạo nên một không gian đa dạng, phức tạp ở cơ sở. Sự đan xen giữa các yếu tố kinh tế, lịch sử, văn hóa và con người không chỉ tạo ra những lợi thế nổi trội cho phát triển, mà còn đặt ra nhiều vấn đề mới trong quản lý xã hội và tổ chức thực thi quyền lực nhà nước ở cơ sở. Những điều kiện này đã tác động trực tiếp đến quá trình Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo xây dựng HTCT ở cơ sở giai đoạn 2010 - 2020. Xây dựng HTCT ở cơ sở vững mạnh không chỉ là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, lâu dài, mà còn là nền tảng quyết định việc phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương và bảo đảm sự phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

2.1.3. Thực trạng công tác lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh trước năm 2010

Nhiệm kỳ 2005 - 2010, Đảng bộ tỉnh chú trọng đến công tác xây dựng HTCT ở cơ sở, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, mang tính chiến lược, góp phần củng cố, tăng cường vai trò lãnh đạo của các TCCSĐ, nâng cao hiệu quả quản lý của chính quyền địa phương, phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân thông qua Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Sau hơn 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII), Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) và Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 30/10/2001 của Tỉnh ủy Quảng Ninh về *“củng cố, xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở giai đoạn 2001 - 2010”*, HTCT ở cơ sở tại Quảng Ninh về cơ bản được củng cố, hoạt động hiệu quả hơn. Công tác xây dựng TCCSĐ trong

sạch, vững mạnh đạt được nhiều kết quả. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được nâng cao và có chuyển biến rõ rệt. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được triển khai thường xuyên, gắn với việc thực hiện phong trào *“Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”*, qua đó góp phần củng cố tổ chức đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCCSĐ và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6, khóa X. Cấp ủy các cấp duy trì nền nếp tự phê bình và phê bình hằng năm, gắn đánh giá chất lượng tổ chức đảng, đảng viên với kiểm điểm trách nhiệm tập thể và cá nhân. Qua đó, từng bước khắc phục biểu hiện buông lỏng lãnh đạo hoặc bao biện làm thay, bảo đảm thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ và tăng cường sự thống nhất trong Đảng. Công tác phát triển tổ chức đảng và đảng viên ở những địa bàn, những cơ sở khó khăn, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tăng cường. Các tổ chức trong HTCT ở cơ sở được sắp xếp lại theo hướng đồng bộ. Công tác phát triển đảng viên mới được chú trọng, chất lượng đảng viên được nâng lên rõ rệt. “Trong 4 năm (2006 - 2009) đã kết nạp được 13.695 đảng viên mới, thành lập thêm 126 chi bộ thôn, bản. Việc triển khai thực hiện thí điểm mô hình Bí thư Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân đã được thực hiện tại 21/186 xã, phường. Công tác tổ chức cán bộ được thực hiện đúng quy định, chăm lo, đào tạo đội ngũ cán bộ cả về lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ. Đến 2009, đội ngũ cấp ủy viên có trình độ Đại học ở cơ sở chiếm 11,49%” [41, tr.43].

Công tác xây dựng TCCSĐ trong sạch, vững mạnh được thực hiện cùng với nhiệm vụ nâng cao hiệu quả của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể ở cơ sở. Bộ máy chính quyền từng bước được kiện toàn về tổ chức và hoạt động hiệu quả. HĐND xã, phường, thị trấn tích cực đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động, thực hiện vai trò là cơ quan quyền lực ở địa phương, cơ quan đại diện của Nhân dân. Bước đầu thực hiện tốt chức năng giám sát các lĩnh vực kinh tế - xã hội, lắng nghe ý kiến nguyện vọng của Nhân dân ở cơ sở. UBND xã, phường, thị trấn hoạt động hiệu quả hơn trong quản lý và điều hành, thực hiện hiệu quả các nghị quyết của HĐND bằng chương trình, kế hoạch cụ thể. Cơ cấu tổ chức của bộ máy chính quyền ở cơ sở được điều chỉnh, sắp xếp theo đúng chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, tỉnh, huyện. Thực hiện hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Cơ chế “một cửa” tại xã, phường, thị trấn được triển khai, bước đầu phát huy tác dụng góp phần đơn giản hóa thủ tục hành

chính. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong bộ máy hành chính nhà nước được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở đạt được nhiều kết quả trong xây dựng, tổ chức và hoạt động. Các hình thức tập hợp, vận động Nhân dân được đa dạng hoá, thu hút và phát triển thêm nhiều tổ chức thành viên, đoàn viên, hội viên. Tăng cường phát huy vai trò, chức năng giám sát, phản biện xã hội, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền; tích cực phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết những phát sinh từ cơ sở. Chú trọng nâng cao chất lượng các cuộc vận động, các phong trào thi đua; động viên các tầng lớp Nhân dân xây dựng nếp sống văn minh, phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo. Thông qua việc thực hiện QCDC ở cơ sở đã phát huy sức mạnh của các tầng lớp nhân dân trong xây dựng Đảng, chính quyền, thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động lãnh đạo xây dựng HTCT ở cơ sở của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh trước năm 2010 còn tồn tại một số hạn chế, bất cập.

Hệ thống TCCSD được củng cố nhưng chưa vững chắc, đặc biệt ở những khu vực nông thôn, miền núi, biên giới. Năm 2009, còn 08/1.573 (chiếm 0,5%) thôn, bản chưa có đảng viên, 89 (chiếm 5,7%) thôn, bản chưa đủ đảng viên để thành lập chi bộ, vẫn còn 03 thôn sinh hoạt ghép, 4 trường mầm non chưa có đảng viên, 73 chi bộ trường tiểu học, mầm non công lập sinh hoạt ghép, hầu hết các trạm y tế xã chưa thành lập được chi bộ [41, tr.50].

Công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước còn chưa phong phú, đa dạng. Việc tuyên truyền, vận động thực hiện đường lối của Đảng, chủ trương của Tỉnh có lúc, có nơi chưa hiệu quả, nhất những vấn đề liên quan đến đất đai và công tác giải phóng mặt bằng tại cơ sở.

“Cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh ở một số nơi còn có biểu hiện hình thức, kết quả làm theo Bác còn ít, có mặt chưa thực chất. Một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, sa sút ý chí, vi phạm kỷ luật. Ở một số, nơi vai trò của người đứng đầu chưa được phát huy. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên tuy có tiến bộ song chưa đạt yêu cầu. Phương thức lãnh đạo của cấp ủy cơ sở chậm đổi mới, chất lượng TCCSD, chất lượng sinh hoạt đảng, vai trò lãnh đạo của cấp ủy còn hạn

chế. Công tác quản lý đảng viên chưa chặt chẽ, có nơi sinh hoạt đảng chưa đều, nội dung nghèo nàn, đấu tranh phê bình còn yếu. Việc đánh giá, phân loại tổ chức đảng và đảng viên ở một số cơ sở chưa sát, có nơi còn chạy theo thành tích. Việc kiểm tra đảng viên, tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm còn thiếu chủ động; chất lượng, hiệu quả công tác giám sát chưa cao, có nơi còn lúng túng” [41, 50].

Hoạt động của bộ máy chính quyền ở cơ sở trên một số lĩnh vực chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên (đất, than), môi trường sinh thái, đô thị, dịch vụ văn hoá... chưa theo kịp yêu cầu. Một số địa bàn dễ xảy ra vi phạm nghiêm trọng. Công tác kiểm tra, đôn đốc, tham mưu, đề xuất của một số địa phương, có mặt, có lúc còn chậm, chưa chủ động. Cải cách thủ tục hành chính tuy đã có nhiều tiến bộ song có mặt chưa đạt yêu cầu, nhất là thái độ phục vụ của một bộ phận công chức. “Chất lượng một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa gương mẫu trong thực thi công vụ, còn vi phạm kỷ luật. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của một số địa phương chưa xử lý dứt điểm, vẫn còn tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp” [41, tr.53].

Công tác giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Nhân dân ở cơ sở hiệu quả còn thấp. Việc tuyên truyền, vận động, tập hợp, thu hút đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia các phong trào, cuộc vận động còn hạn chế. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tuy có cố gắng song vẫn còn hành chính hóa. Từ những hạn chế, bất cập trên đặt ra nhiệm vụ cho Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh phải củng cố, xây dựng HTCT ở cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong thời gian tiếp theo.

2.2. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NINH VỀ XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ (2010 - 2015)

Xây dựng HTCT ở cơ sở vững mạnh là chủ trương có tính chiến lược, xuyên suốt, được Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh kiên trì xác định và khẳng định qua các kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh. Sau gần 25 năm thực hiện đường lối đổi mới cùng với cả nước, Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo nhân dân Quảng Ninh đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh; từng bước đưa Quảng Ninh vươn lên trở thành một trong những cực tăng trưởng kinh tế trọng điểm của khu vực phía Bắc.

Tuy nhiên, quá trình phát triển nhanh cũng đặt ra những thách thức mới, phức tạp, tác động trực tiếp đến nhiệm vụ xây dựng HTCT nói chung và HTCT

ở cơ sở nói riêng. Việc khai thác than trong thời gian dài gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến đời sống Nhân dân ở nhiều địa bàn cơ sở; quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng kinh tế xanh, bền vững (từ nền kinh tế phụ thuộc vào khai thác than sang dịch vụ, du lịch, công nghiệp chế biến - chế tạo công nghệ cao) làm phát sinh vấn đề lao động dồi dư với số lượng lớn. Bên cạnh đó, Quảng Ninh là tỉnh duy nhất có đường biên giới cả trên bộ và trên biển với Trung Quốc, có 42 thành phần dân tộc thiểu số cư trú chủ yếu ở vùng miền núi, biên giới, hải đảo, nơi có vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh. Do đó, yêu cầu phát triển kinh tế luôn gắn chặt với nhiệm vụ giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ tại địa bàn tiền tiêu của Tổ quốc.

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2010 - 2015 xác định tiếp tục củng cố, dựng HTCT từ tỉnh đến cơ sở là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong toàn nhiệm kỳ: “Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng, đảng viên; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp; nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân” [41, tr.62]. Đồng thời đặt ra yêu cầu “Xây dựng HTCT cơ sở vững mạnh, nghiên cứu ban hành chính sách cho cán bộ cơ sở nhằm khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ cơ sở nâng cao trình độ, yên tâm công tác” [41, tr.71].

Để hiện thực hóa mục tiêu đó, Nghị quyết Đại hội XIII đã xác định các nhóm nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm nhằm củng cố HTCT ở cơ sở, bao gồm: Nâng cao hiệu quả công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của TCCSĐ, đảng viên tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng, hiệu quả hoạt động của cấp ủy và các loại hình cơ sở đảng; Tập trung chỉ đạo và triển khai đổi mới tổ chức, hoạt động của bộ máy chính quyền nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả bộ máy chính quyền các cấp; Đẩy mạnh cải cách hành chính và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, thực hiện tốt QCDC ở cơ sở, mở rộng và phát huy dân chủ, phát huy sức sáng tạo của Nhân dân; Đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể hướng mạnh về cơ sở.

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XIII, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, quyết định quan trọng nhằm cụ thể hóa chủ trương xây dựng HTCT ở cơ sở trên từng lĩnh vực như:

Trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng:

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI), Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 15/7/2013 “*về một số nhiệm vụ giải pháp ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên*”. Nghị quyết đặt mục tiêu: tạo chuyển biến căn bản về nhận thức và hành động, củng cố niềm tin của Nhân dân, xây dựng nền hành chính minh bạch, từng bước đổi mới tác phong, lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, đặc biệt ở cơ sở. Nghị quyết xác định 5 nhóm giải pháp cụ thể: (1) Giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống gắn với đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, tiếp tục thực hiện hiệu quả việc học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh; (2) Kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Tập trung xây dựng TCCSD trong sạch vững mạnh; nâng cao chất lượng hiệu quả sinh hoạt chi bộ; (3) Minh bạch hoá các thủ tục hành chính; tập trung phát triển kinh tế - xã hội bền vững; (4) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, thi hành kỷ luật Đảng góp phần giải quyết dứt điểm các vấn đề Nhân dân quan tâm, bức xúc; (5) Đổi mới và phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đối với hoạt động của bộ máy.

Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 5/12/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh “*về phương hướng, nhiệm vụ năm 2014*”, xác định mục tiêu: đổi mới phương thức lãnh đạo tổ chức và hoạt động của HTCT từ tỉnh đến cơ sở với các nhiệm vụ trọng tâm: “Tập trung sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan trong HTCT từ tỉnh đến cơ sở đảm bảo đồng bộ, tinh gọn, khắc phục tình trạng công kênh, chồng chéo, gắn với cơ cấu lại và chuẩn hoá đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với vị trí chức danh việc làm, kiên quyết không tăng biên chế đến năm 2016; từng bước ký kết hợp đồng với người lao động phù hợp với vị trí, việc làm; đổi mới mạnh mẽ hình thức tuyển dụng, sử dụng cán bộ công chức; các địa phương chủ động cơ cấu lại cán bộ hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, khu phố, khe, bản gắn với hiệu quả hoạt động trên cơ sở áp dụng cơ chế phân cấp ngân sách và khoán phụ cấp cho các địa phương tự quyết, tự chịu trách nhiệm về việc sử dụng, bố trí các chức danh theo quy định và phù hợp với thực tiễn địa phương”[3, tr.3].

Nhằm tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đổi mới HTCT từ tỉnh đến cơ sở, Tỉnh ủy đã chỉ đạo xây dựng và thực hiện Đề án “*Nâng cao năng lực, sức chiến đấu; đổi*

mới phương thức lãnh đạo của Đảng; tinh giản bộ máy biên chế” (gọi tắt là Đề án 25). Đề án 25 là cơ sở để Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 3/3/2015 “*về đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế*”. Nghị quyết khẳng định: “Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với hệ thống chính trị, tạo sự chuyển biến tích cực, rõ nét về năng lực, sức chiến đấu và phương thức lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, đảng viên. Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở; sắp xếp tổ chức bộ máy đảm bảo đồng bộ, tinh gọn, hiệu quả; khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp, nhiều tầng nấc trung gian. Xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thông nghiệp vụ, có kỹ năng thực tế, đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế và xây dựng tỉnh Quảng Ninh giàu đẹp, văn minh, hiện đại” [6, tr.3].

Nghị quyết số 19-NQ/TU đặt ra mục tiêu cụ thể trong xây dựng HTCT ở cơ sở như sau:

Xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh đạt 50%; chính quyền tiên tiến đạt 75% trở lên, đoàn thể chính trị xã hội vững mạnh đạt 90% trở lên; cán bộ công chức xã, phường, thị trấn có trình độ đại học trở lên chiếm 70%; 100% cán bộ thôn, bản, khu phố được bồi dưỡng, tập huấn, học tập trao đổi kinh nghiệm; thực hiện bí thư cấp uỷ đồng thời là Chủ tịch UBND hoặc Chủ tịch HĐND cùng cấp, trong đó kiêm nhiệm Chủ tịch UBND tại ít nhất 50% xã, phường, thị trấn; thực hiện thí điểm Nhân dân bầu trực tiếp Chủ tịch UBND cấp xã ở ít nhất 50% xã, phường, thị trấn.

Nghị quyết xác định các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể đối với cơ sở:

Tăng cường xây dựng HTCT ở cơ sở; chăm lo bồi dưỡng, phát triển đảng đối với đội ngũ trưởng thôn, bản, khu phố và trong khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước; tăng cường hơn nữa công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và phát triển toàn diện nguồn nhân lực, nhất là ở cơ sở.

Thực hiện khoán quỹ lương và chi quản lý hành chính đối với cán bộ, công chức cấp xã theo định biên sau khi đã thực hiện tinh giản 10%; khoán số lượng chức danh, phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và thôn, bản, khu phố; khoán kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội. Thôi chi trả phụ cấp thường xuyên đối với vị trí trưởng, phó các tổ chức đoàn thể thôn, bản, khu phố.

Đổi mới các mặt công tác cán bộ, tăng cường hơn nữa công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ ở cơ sở.

Trong xây dựng chính quyền và đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở:

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền, Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh đã ra Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 01/12/2011 “*về phương hướng, nhiệm vụ năm 2012*”, xác định: đổi mới tổ chức, hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm của người đứng đầu; làm tốt công tác giám sát đảm bảo nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các cơ quan quản lý nhà nước; thực hiện tốt chế độ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ chuyên môn và chế độ đãi ngộ, thu hút nhân tài đối với đội ngũ cán bộ công chức, đặc biệt ở cấp chính quyền cơ sở (xã, phường, thị trấn).

Nhằm tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 15-NQ/TU, ngày 6/9/2014 “*về đẩy mạnh cải cách hành chính và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn 2030*”. Nghị quyết xác định mục tiêu cụ thể đối với đội ngũ cán bộ cấp cơ sở: Đến năm 2015, 95% cán bộ, công chức cấp xã đạt tiêu chuẩn theo chức danh, năm 2020, 100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn.

Xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội:

Trong giai đoạn 2010 - 2015, cùng với việc triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã sớm xác định vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc huy động sức mạnh toàn dân. Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 27/10/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*về xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020*”, đề ra mục tiêu cụ thể: Đến năm 2015, toàn tỉnh có 75 xã (chiếm 60% số xã của tỉnh) đạt tiêu chuẩn nông thôn mới; 10/13 huyện đạt chuẩn nông thôn mới và tỉnh Quảng Ninh cơ bản đạt các tiêu chí tỉnh nông thôn mới.

Để thực hiện mục tiêu đó Nghị quyết xác định “Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị từ tỉnh đến cơ sở vững mạnh, hoạt động có hiệu lực và hiệu quả trở thành lực lượng nòng cốt trong thực hiện tuyên truyền để mọi cán bộ người dân hiểu về tầm quan trọng của chương trình xây dựng nông thôn mới; Thường xuyên cập nhật, đưa tin về các mô hình, các điển hình tiên tiến, sáng

kiến, kinh nghiệm hay về xây dựng nông thôn mới trên các phương tiện thông tin đại chúng để phổ biến và nhân rộng các mô hình; Hướng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể về cơ sở”.

Như vậy, qua hệ thống các nghị quyết, chỉ thị và văn bản lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh có thể thấy, chủ trương về xây dựng HTCT ở cơ sở trong nhiệm kỳ 2010 - 2015 đã được xác định tương đối đầy đủ và toàn diện, trong đó tập trung ở các nội dung cơ bản sau:

Về nhận thức: Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh xác định xây dựng HTCT ở cơ sở là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, giữ vai trò nền tảng trong xây dựng Đảng và HTCT, đồng thời là điều kiện quyết định để thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Trong điều kiện Quảng Ninh là tỉnh có vị trí chiến lược, địa bàn rộng, đa dạng về dân cư, dân tộc và đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, việc nâng cao chất lượng HTCT ở cơ sở được xác định là yêu cầu cấp thiết.

Về mục tiêu: Đảng bộ tỉnh hướng tới xây dựng HTCT ở cơ sở trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; xây dựng chính quyền cơ sở gần dân, vì dân; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của tỉnh.

Về quan điểm: Đảng bộ tỉnh xác định xây dựng HTCT ở cơ sở phải được tiến hành đồng bộ giữa xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; gắn đổi mới phương thức lãnh đạo với xây dựng đội ngũ cán bộ, sắp xếp tổ chức bộ máy, cải cách hành chính và phát huy dân chủ ở cơ sở; lấy hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị và sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo kết quả lãnh đạo.

Về phương hướng: Đảng bộ tỉnh chủ trương đổi mới toàn diện tổ chức và hoạt động của HTCT ở cơ sở; nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; từng bước đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng gắn với kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ.

Về nhiệm vụ và giải pháp: Đảng bộ tỉnh tập trung lãnh đạo xây dựng đồng bộ các thành tố của HTCT ở cơ sở, trọng tâm là nâng cao chất lượng công tác xây dựng Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức; nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Đồng thời, thực hiện đồng bộ các giải pháp về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, sắp xếp tổ chức bộ máy, cải cách hành chính, tăng cường kiểm tra, giám sát và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

Những chủ trương của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh về xây dựng HTCT ở cơ sở trong giai đoạn 2010 - 2015 đã quán triệt sâu sắc chủ trương của Trung ương, đồng thời được cụ thể hóa phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Những chủ trương này không chỉ tạo cơ sở chính trị cho quá trình chỉ đạo xây dựng HTCT ở cơ sở trong nhiệm kỳ 2010 - 2015 mà còn đặt nền tảng cho những đổi mới mang tính đột phá của tỉnh trong giai đoạn 2015 - 2020.

2.3. SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NINH (2010 - 2015)

2.3.1. Xây dựng tổ chức cơ sở đảng

2.3.1.1. Công tác chính trị, tư tưởng

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng giai đoạn này tập trung tuyên truyền các Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII nhiệm kỳ 2010 - 2015, các thành tựu về kinh tế, văn hoá, xã hội trên địa bàn tỉnh, các sự kiện lớn của đất nước, địa phương nhằm tạo sự đồng thuận của quần chúng Nhân dân từ cơ sở. Tỉnh uỷ Quảng Ninh chỉ đạo đa dạng các hình thức tuyên truyền, lựa chọn những vấn đề trọng tâm, trọng điểm, tập trung nguồn lực thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng.

Thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW, ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị “*về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”; Quy định số 101-QĐ/TW, ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư “*về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp*”; Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) “*Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*”, Tỉnh uỷ đã ban hành các văn bản như: Kế hoạch số 12-KH/TU, ngày 24/8/2011, của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về “*tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh giai đoạn 2011-2015*”; Kế hoạch số 46-KH/TU, ngày 11/3/2013 của Tỉnh uỷ Quảng Ninh

“về thực hiện chuyên đề tám gương đạo đức Hồ Chí Minh năm 2013”; Kế hoạch số 52-KH/TU, ngày 15/4/2013 *“về tổ chức sơ kết 2 năm thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh”*; Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 15/7/2013 về *“Một số nhiệm vụ, giải pháp ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên”*. Trong 5 năm (2011 - 2015), tỉnh đã ban hành 08 kế hoạch, 10 hướng dẫn, 3 quyết định, 3 kết luận, 8 báo cáo về việc hướng dẫn học tập và làm theo Bác [135, tr.2].

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Tỉnh uỷ, các cấp uỷ cơ sở triển khai tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương của tỉnh. Phương pháp tuyên truyền thường xuyên được đổi mới thông qua việc phát huy vai trò của đội ngũ báo cáo viên hoạt động tại cơ sở; hệ thống phương tiện thông tin đại chúng, đài truyền hình địa phương, hệ thống phát thanh tại cơ sở; lồng ghép nội dung chỉ thị, nghị quyết vào cuộc sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề, trong họp tổ dân, khu phố, hội nghị, hội thảo; gắn nội dung nghị quyết với thực tiễn địa phương, đơn vị để tăng tính thuyết phục. Thông qua đó, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, chủ trương của tỉnh được truyền tải đến toàn thể đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhân dân nhanh và hiệu quả. Nội dung tuyên truyền giáo dục, chính trị tư tưởng trong giai đoạn này còn chú trọng vào việc thực hiện nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên về tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống, xây dựng tác phong làm việc khoa học, gần gũi với nhân dân, gương mẫu, đi đầu trong thực hiện nhiệm vụ.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, các cấp uỷ ở cơ sở đã chú trọng đưa việc học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh trở thành nội dung sinh hoạt thường kỳ hàng tháng của chi bộ gắn với nhiệm vụ chính trị ở cơ sở. Tổ chức các đợt sinh hoạt tư tưởng chính trị sâu rộng, về học tập và làm theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, góp phần phát huy mạnh mẽ tính tiên phong, gương mẫu trong cán bộ, đảng viên, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Chú trọng xây dựng các chuẩn mực đạo đức và đăng ký những việc cụ thể làm theo Bác. Cụ thể hoá trách nhiệm nêu gương trong quy chế làm việc, khái quát hoá thành các khẩu hiệu ngắn gọn, dễ nhớ, dễ thực hiện và được niêm yết tại trụ sở địa phương, đơn vị. Nội dung đăng ký học tập và làm theo Bác cũng được chỉ đạo theo hướng lựa chọn nội dung cụ thể, thiết thực, gắn với nhiệm vụ cán bộ,

công chức, nhiệm vụ chính trị của địa phương như: chấn chỉnh tác phong làm việc, quan hệ với nhân dân, trách nhiệm trong công tác, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ...

Qua thực tế triển khai, đã có nhiều cách làm hay, hiệu quả tại các địa phương được nhân rộng như: xã Đại Dực, Điền Xá, Hà Lâu thuộc huyện Tiên Yên, đảng viên thực hiện nội dung làm theo Bác “nói đi đôi với làm”, “xây dựng hình ảnh người cán bộ trong lòng dân”...; tại các xã Quảng Tân, Tân Lập, Đại Bình thuộc huyện Hải Hà công khai nội dung học tập làm theo Bác của tổ chức đảng và đảng viên để Nhân dân theo dõi, giám sát việc thực hiện; Thị trấn Cái Ròng thuộc huyện Vân Đồn tập trung vào những tồn tại, hạn chế được chỉ ra để đưa ra các giải pháp khắc phục, sửa chữa; Tại các xã Bình Khê, Việt Dân, Yên Đức, Tân Việt... thuộc huyện Đông Triều học tập làm theo Bác được gắn với các chỉ tiêu cụ thể trong thực hiện Chương trình nông thôn mới. “Đến năm 2014, đã có 100% các tổ chức cơ sở đảng xã, phường, thị trấn rà soát, bổ sung tiêu chí và ban hành Bản chuẩn mực đạo đức theo tư tưởng, tấm gương, đạo đức Hồ Chí Minh phù hợp với địa phương” [135, tr.4]. Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, việc triển khai học tập và làm theo tấm gương, đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh được thực hiện nghiêm túc tại cơ sở với nhiều nội dung, hình thức phong phú, đa dạng, cách làm hiệu quả thiết thực tạo thành các đợt sinh hoạt tư tưởng chính trị sâu rộng, làm chuyển biến sâu sắc nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, đảng viên về ý thức tu dưỡng, học tập, rèn luyện theo tấm gương đạo đức của Bác.

Nhằm cụ thể hoá Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI, ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương về *“Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”*, Quy định số 101-QĐ/TW, ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư *“về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp”*, Tỉnh uỷ đã ban hành Kế hoạch số 23-KH/TU, ngày 21/3/2012 *“về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”*”, Thông báo số 865-TB/TU, ngày 12/11/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ *“về thực hiện kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XI)”* và Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 15/7/2013 về *“Một số nhiệm vụ, giải pháp ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên”*, Tỉnh uỷ chỉ đạo các cấp uỷ đảng đưa

việc tự phê bình và phê bình vào trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, coi đó là một nội dung thường xuyên tại các chi bộ, đảng bộ; xác định rõ những nội dung đã khắc phục, những nội dung đang và chưa khắc phục, những nội dung mới nảy sinh; xây dựng kế hoạch và kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch khắc phục những hạn chế, tồn tại sau kiểm điểm tự phê bình và phê bình; tăng cường trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương, chấn chỉnh phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là cán bộ, đảng viên giữ cương vị lãnh đạo, quản lý trong tiếp xúc, giải quyết công việc với nhân dân. Dưới sự chỉ đạo Tỉnh uỷ “100% các cấp uỷ cơ sở đã lập kế hoạch khắc phục các hạn chế, khuyết điểm tập trung vào các nội dung được Tỉnh uỷ, Huyện uỷ hướng dẫn. Các cán bộ, đảng viên đã chủ động xây dựng kế hoạch, cam kết tu dưỡng, rèn luyện gắn với những việc làm cụ thể, thiết thực liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao; tích cực gương mẫu tham gia vào các phong trào thi đua yêu nước của địa phương, đơn vị; coi việc học tập theo Bác, gương mẫu trong kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4, khoá XI là giải pháp thực hiện chống suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, phòng chống quan liêu, tham nhũng” [134, tr.3]. Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, việc thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW, ngày 14/5/2011; Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XI), Quy định 101-QĐ/TW, ngày 07/6/2012, đã góp nâng cao ý thức trách nhiệm, năng lực công tác của đội ngũ cán bộ, đảng viên đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở; ý thức phục vụ nhân dân được nâng lên; “tình trạng suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức lối sống đã bước đầu được ngăn chặn, đẩy lùi đáng kể, một bộ phận đảng viên suy thoái đã bị thu hẹp” [134, tr.3]. Kết quả này đã tác động tích cực đến chất lượng tổ chức đảng và đảng viên tại cơ sở. Năm 2013, số TCCSĐ xã, phường, thị trấn đạt trong sạch vững mạnh chiếm 70,69% tăng 14,9% so với năm 2010 (64,51%) [xem phụ lục 2]; Tỷ lệ đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tăng từ 10,87% (năm 2010) lên 11,36% (năm 2015). [xem Phụ lục 1].

Có thể nói, việc Tỉnh uỷ Quảng Ninh kịp thời ban hành Kế hoạch số 12-KH/TU, ngày 24/8/2011 về “*đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015*”; Kế hoạch số 23-KH/TU, ngày 21/3/2012 “*về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư, Ban Chấp hành Trung*

trong Đảng (khoá XI) “*Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*””, Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 15/7/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “*Một số nhiệm vụ, giải pháp ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên*”, đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm, chuyển biến đáng kể tác phong làm việc sâu sát cơ sở, gần gũi, lắng nghe và đối thoại với nhân dân, kịp thời giải quyết những bức xúc, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, ý thức phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức được nâng lên; tình trạng suy thoái tư tưởng, đạo đức lối sống bước đầu được ngăn chặn, đẩy lùi, qua đó, khẳng định tác động tích cực, thiết thực của nghị quyết.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, Tỉnh uỷ cũng nghiêm túc đánh giá “vẫn còn một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống. Vai trò lãnh đạo của một số TCCSĐ chưa được phát huy, tính chiến đấu của đảng viên ở một số nơi còn yếu” [134, tr.5]. Trong nhiệm kỳ 2010 - 2015, trong tổng số 1.129 đảng viên cấp cơ sở bị thi hành kỷ luật, có 35 đảng viên cấp cơ sở (chiếm 3,1%) bị kỷ luật về vi phạm nội dung tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương [158, tr.20].

2.3.1.2. Công tác cán bộ

Cùng với quá trình không ngừng kiện toàn tổ chức bộ máy của HTCT ở cơ sở, đội ngũ cán bộ cơ sở được xác định là nhân tố quan trọng, khâu then chốt quyết định hiệu quả hoạt động của HTCT ở cơ sở.

Trong công tác cán bộ, Tỉnh uỷ Quảng Ninh tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh phân cấp quản lý, đồng thời nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong quản lý và nhận xét, đánh giá cán bộ. Việc đánh giá được thực hiện gắn với kết quả học tập và làm theo tấm gương Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng thời kết hợp với quá trình tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 15/7/2013. Qua đó, công tác đánh giá cán bộ từng bước đi vào thực chất, gắn chặt hơn với yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng nhiệm vụ trong tình hình mới.

Thực hiện Quy định số 165-QĐ/TW, ngày 18/02/2013 của Bộ Chính trị “*về việc lấy phiếu tín nhiệm hàng năm đối với thành viên lãnh đạo cấp ủy và cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội*”; Quy định số 262-QĐ/TW, ngày 8/10/2014 của Bộ

Chính trị “về việc lấy phiếu tín nhiệm đối với thành viên lãnh đạo cấp ủy và cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã ban hành các quyết định: Quyết định số 1275-QĐ/TU, ngày 20/11/2013 “về ban hành quy chế quản lý tổ chức cán bộ”; Quyết định số 1730-QĐ/TU ngày 13/10/2014 “về tiêu chuẩn cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ quản lý”; Quy chế số 02-QC/TU, ngày 12/11/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “về đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý” nhằm bảo đảm quy trình dân chủ, khách quan, lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, của tổ chức và cá nhân làm thước đo đánh giá cán bộ. Trong đó, xác định rõ thẩm quyền, phân cấp trong quản lý, đánh giá cán bộ; đối tượng thực hiện đánh giá; nội dung đánh giá cán bộ dựa trên các mặt: Chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong, lối sống, lề lối làm việc; năng lực điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ; tinh thần trách nhiệm trong công tác; kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

Dưới sự chỉ đạo Tỉnh ủy, các cấp ủy cơ sở xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện nghiêm túc quy trình nhận xét, đánh giá cán bộ. Cụ thể hóa các tiêu chuẩn, trách nhiệm, chuẩn mực đạo đức với mỗi chức danh, vị trí việc làm gắn với nhiệm vụ cụ thể. Việc đánh giá cán bộ cũng được gắn với việc thực hiện học tập, làm theo Bác và Nghị quyết Trung ương 4, (khóa XI). Việc xây dựng tiêu chí, nội dung rõ ràng cụ thể, gắn với chức trách nhiệm vụ của từng cán bộ đã giúp cho công tác đánh giá cán bộ ngày càng thực chất, góp phần nâng cao chất lượng hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao. Kết quả đánh giá cán bộ qua các năm đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã cho thấy, công tác đánh giá cán bộ dần đi vào nề nếp và đảm bảo thực chất.

Năm 2015, có 95,98% cán bộ, công chức hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, tăng 3,92% so với năm 2010 (92,06%). Cán bộ, công chức không hoàn thành nhiệm vụ từ 0,64% năm 2010 giảm xuống còn 0,34% năm 2015 [xem phụ lục 3]. Kết quả đánh giá, phân loại cán bộ là cơ sở, căn cứ để cấp ủy các cấp xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí sử dụng cán bộ. Đối với những cán bộ chưa hoàn thành nhiệm vụ, sa sút về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống kiên quyết xử lý nghiêm.

Công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ cấp xã được cấp ủy các cấp chú trọng. Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy tại Kế hoạch số 20-KH/TU

ngày 08/11/2007 “*về rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2005 - 2010 và xây dựng quy hoạch giai đoạn 2010 - 2015*”; Kế hoạch số 54-KH/TU ngày 21/12/2009 “*về thực hiện rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2010 - 2015*”; Công văn số 263-CV/TU ngày 05/12/2011 “*về thực hiện bổ sung quy hoạch*”; Kế hoạch số 40-KH/TU ngày 20/12/2012 “*về triển khai thực hiện công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2015 - 2020 (2016 - 2021)*”; Công văn số 1692-CV/TU ngày 06/6/2014 “*về rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý giai đoạn 2010 - 2015 (2011 - 2016); 2015 - 2020 (2016 - 2021)*”, cấp uỷ các cấp xác định công tác quy hoạch cán bộ là công việc hệ trọng, thường xuyên, gắn kết chặt chẽ với yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở cơ sở. Dưới sự chỉ đạo của cấp uỷ cấp huyện, các cấp uỷ cơ sở đã tiến hành công tác quy hoạch theo đúng nguyên tắc, quy trình, dân chủ, công khai, minh bạch. Bám sát các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của tỉnh uỷ, huyện uỷ. Các cấp uỷ cơ sở đã chủ động xây dựng kế hoạch tiến hành rà soát, nhận xét, đánh giá các tiêu chuẩn chức danh làm căn cứ để thực hiện quy hoạch cán bộ. Nhờ quá trình chỉ đạo sát của cấp uỷ cấp trên, sự chủ động của cấp uỷ cơ sở nên đội cán bộ được quy hoạch giai đoạn 2010 - 2015 được đảm bảo số lượng và chất lượng.

Trong nhiệm kỳ 2010 – 2015, đã tiến hành quy hoạch 4.978 lượt Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã, trong đó: cơ cấu nữ có 1.101 người (*chiếm 22,11%*), dân tộc có 493 người (*chiếm 9,90%*); độ tuổi dưới 40 có 1.576 người (*chiếm 31,65%*); Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ có 54 người (*chiếm 1,08%*), Đại học có 3.153 người (*chiếm 63,3%*); Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp có 2.636 người (*chiếm 91,68%*), cao cấp, cử nhân có 239 người (*chiếm 8,31%*) [155, tr.3].

Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo cơ cấu 3 độ tuổi, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số, các cán bộ được quy hoạch đều bảo đảm tiêu chí theo quy định. Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện tốt đã nâng cao tính chủ động trong tạo nguồn cán bộ nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài, chuẩn bị cán bộ ở các chức danh cao hơn tại cấp huyện. Tạo động lực để đội ngũ cán bộ trong quy hoạch không ngừng phấn đấu, rèn luyện vươn lên về mọi mặt.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được các cấp uỷ quan tâm. Để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng các bộ Tỉnh uỷ chỉ đạo UBND tỉnh ban

hành Quyết định 1996-QĐ/UBND, ngày 9/8/2012 về *“phê duyệt đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức đương chức và dự nguồn quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2012 - 2015, định hướng đến 2020”*; Ban Chấp hành Đảng bộ ban hành Nghị quyết số 15-NQ/TU, ngày 09/6/2014 *“về đẩy mạnh cải cách hành chính và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030”*; Chương trình hành động số 28-CTr/TU, ngày 25/9/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy *“về thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao”*”; Quyết định số 293-QĐ/TU ngày 17/11/2014 về *“phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng và phát triển toàn diện nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020”*. Trong đó, đặt ra mục tiêu đến năm 2015, 100% cán bộ công chức cấp xã vùng đô thị, 90% cán bộ, công chức cấp xã vùng đồng bằng, miền núi và 85% cán bộ cấp xã vùng khó khăn đạt chuẩn theo quy định.

Nhằm tạo ra sự chuyển biến tích cực hơn nữa trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ sở, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Quyết định 1798-QĐ/TU, ngày 05/01/2015 *“về việc thành lập Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ”* trên cơ sở hợp nhất Trường Chính trị tỉnh, Trung tâm giáo dục thường xuyên và bồi dưỡng cán bộ tỉnh, Trường huấn luyện cán bộ Đoàn - Đội của tỉnh, nhằm khắc phục tình trạng manh mún, chồng chéo, trùng lặp trong công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở tỉnh. Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ trở thành nơi trực tiếp, duy nhất thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cấp cơ sở tỉnh Quảng Ninh.

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, các cấp ủy cơ sở nghiêm túc xây dựng kế hoạch, rà soát đội ngũ cán bộ đảm bảo đúng, sát đối tượng được cử đi đào tạo. Trong giai đoạn (2011 - 2015), đã có 10.989 lượt cán bộ, công chức cấp xã được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, (trong đó, đội ngũ cán bộ cấp xã là 3.036 lượt, 7.953 lượt công chức cấp xã) [94, tr.4].

Đến năm 2015, đội ngũ Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã, phường, thị trấn có *trình độ chuyên môn*: trên Đại học là 88 người (*chiếm 3,67%*) tăng 3,67% so với năm 2010; Đại học, cao đẳng là 1.707 người (*chiếm 73,01%*), tăng 31,83% so năm 2010 (*chiếm 41,18%*); *Trình độ lý luận chính trị*: cao cấp, trung

cấp có 2.103 người (*chiếm 89,95%*) tăng 22,53% so với năm 2010 (*chiếm 67,42%*) [xem phụ lục 4].

Đối với chức danh Chủ tịch UBND xã đến năm 2015, *trình độ chuyên môn*: Đại học, trên Đại học có 110 người (*chiếm 89,43%*) tăng 19,5% so với 2010 (*chiếm 69,93%*); *Trình độ lý luận chính trị*: Trình độ cao cấp, trung cấp là 118 người (*chiếm 95,93%*) tăng 6,36% so với năm 2010 (*chiếm 89,57%*) [xem phụ lục 9, 10]. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong giai đoạn 2010 - 2015 được quan tâm, chú trọng đã tạo ra chuyển biến căn bản về chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở, qua đó góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo của TCCSĐ, hiệu lực quản lý của chính quyền và hiệu quả vận động quần chúng của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể. Đây là nhân tố trực tiếp góp phần củng cố HTCT ở cơ sở.

Công tác luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở được đẩy mạnh nhằm tạo điều kiện cho cán bộ trẻ có triển vọng trong quy hoạch được rèn luyện, thử thách; khắc phục tình trạng cục bộ, khép kín trong công tác các bộ. Thực hiện Kế hoạch số 09-KH/TU, ngày 6/7/2011 “*về luân chuyển cán bộ giai đoạn 2011 - 2015*”; Quyết định số 1275-QĐ/TU và Quy chế 1276-QC/TU ngày 20/11/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*về luân chuyển, điều động cán bộ*”, các cấp uỷ cơ sở đã kịp thời rà soát, đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ trong diện quy hoạch, xây dựng kế hoạch, bảo đảm thực hiện nghiêm quy chế điều động, luân chuyển đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Trong 5 năm (2010 - 2015), các cấp uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ đã luân chuyển, điều động 452 lượt cán bộ, trong đó, từ huyện, thị xã, thành phố về xã, phường, thị trấn là 255 đồng chí (131 bí thư, 28 phó bí thư, 24 chủ tịch UBND, 36 phó chủ tịch UBND, 5 trưởng ban, ngành, 1 phó ban, ngành). Xã, phường, thị trấn về huyện, thị, thành phố 161 đồng chí (3 bí thư, 1 chủ tịch UBND, 2 phó chủ tịch UBND, 3 ủy viên Thường trực HĐND, 70 trưởng ban, ngành, 82 phó trưởng ban, ngành và tương đương). Từ xã, phường này sang xã phường khác 36 đồng chí (11 bí thư, 5 phó bí thư, 5 chủ tịch UBND, 3 phó chủ tịch UBND, 8 trưởng ban, ngành, 4 phó ban, ngành) [42, tr.16].

Hàng năm, đội ngũ cán bộ luân chuyển đều được đánh giá, nhận xét mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ. Công tác luân chuyển cán bộ đã tạo ra động lực mới trong công tác cán bộ, nhất là cán bộ trong diện quy hoạch có năng lực; bổ sung đội ngũ cán bộ thiếu hụt tại địa phương khó khăn, nhất là các xã vùng

sâu, xa, biên giới, hải đảo. Tạo điều kiện cho cán bộ, công chức được rèn luyện qua các vị trí làm việc khác nhau, tích lũy kinh nghiệm công tác lãnh đạo, quản lý. Cán bộ từ huyện, thành phố về cơ sở có điều kiện gần dân, sát dân, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, qua đó, kịp thời tham mưu chính sách phù hợp thực tiễn tại cơ sở.

2.3.1.3. Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên

Trong nhiệm kỳ 2010 - 2015, Tỉnh uỷ chỉ đạo tiếp tục thực hiện củng cố, kiện toàn TCCSĐ và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên ở cơ sở.

Thực hiện Kết luận số 64-KL/TW ngày 28/5/2013 *“Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở”*, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Quảng Ninh đã ban hành Chỉ thị số 25-CT/TU, ngày 28/2/2014 về *“Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; tinh giản bộ máy biên chế”*; Hướng dẫn số 03-HD/TU, ngày 16/4/2014 *“về thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TU, ngày 28/2/2014 về “Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; tinh giản bộ máy biên chế””*; Kết luận số 47-KL/TU, ngày 08/5/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ *“về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TU, ngày 28/2/2014”*; Quyết định số 1873-QĐ/TU ngày 28/2/2015 về phê duyệt Đề án 25 *“Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; tinh giản bộ máy biên chế”*; Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 03/3/2015 về *“Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế”*. Các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Tỉnh uỷ Quảng Ninh yêu cầu các đơn vị, địa phương chủ động đề xuất việc sắp xếp, giảm đầu mối trung gian thuộc thẩm quyền theo hướng:

Đối với cấp xã: xác định số lượng công chức và cán bộ trên cơ sở căn cứ vào đặc điểm tình hình khu vực dân cư, dân số, tránh tình trạng cào bằng; tăng cường kiêm nhiệm đối với cán bộ không chuyên trách.

Đối với thôn bản, khu phố: chỉ duy trì 3 vị trí chức danh cơ bản là bí thư chi bộ, trưởng thôn, trưởng ban công tác mặt trận. Tăng cường kiêm nhiệm ở mức tối đa; xây dựng TCCSĐ trong sạch, vững mạnh, có năng lực lãnh đạo toàn diện, sức chiến đấu cao; nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, được xác định là nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết, góp phần xây dựng Đảng vững mạnh, toàn diện, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, cấp uỷ các cấp đã xây dựng kế hoạch, chương trình, triển khai thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy HTCT của tỉnh nói chung và HTCT ở cơ sở nói riêng, kiện toàn tổ chức đảng cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ chính trị tại mỗi địa phương.

Theo đó, cơ cấu Ban Chấp hành Đảng bộ xã được sắp xếp lại gồm các chức danh: Bí thư Đảng bộ (kiêm Trưởng ban Tuyên giáo); Phó Bí thư Đảng uỷ chuyên trách (hoặc Uỷ viên Thường vụ - Thường trực Đảng uỷ kiêm Chủ nhiệm Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ); Phó trưởng Ban Tuyên giáo Đảng uỷ; Phó Chủ nhiệm Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ và Văn phòng Đảng uỷ.

Đến năm 2015, TCCSĐ tại xã, phường, thị trấn được sắp xếp, củng cố. Toàn tỉnh có 186 đảng bộ xã, phường, thị trấn với 2.287 chi bộ trực thuộc đảng bộ xã, phường, thị trấn, tăng 247 chi bộ trực thuộc đảng bộ, xã, phường, thị trấn so với năm 2010 (2.040 chi bộ trực thuộc đảng bộ xã, phường, thị trấn) với 1.573 thôn, bản, khu phố [157, tr.6]. Nếu trước năm 2010 có 0,5% thôn, bản chưa có đảng viên, 5,7% thôn, bản chưa thành lập chi bộ. Đến năm 2015, 100% thôn, bản, khu phố, trường học đều có đảng viên thành lập chi bộ riêng, không còn tình trạng sinh hoạt ghép [157, tr.6]. Trong 5 năm 2011 - 2015, đã thành lập mới 178 chi bộ thôn, bản, vùng sâu, vùng xa, có 162/186 (đạt 87,1%) xã, phường, thị trấn thành lập mô hình chi bộ cơ quan theo quy định Trung ương [157, tr.6]. Như vậy, đến năm 2015 bộ máy TCCSĐ xã, phường, thị trấn đã được sắp xếp, kiện toàn theo hướng đồng bộ với bộ máy chính quyền, việc sắp xếp lại các TCCSĐ góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của TCCSĐ, phát huy được vai trò hạt nhân lãnh đạo trong thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng các cấp.

Cùng với việc sắp xếp, củng cố TCCSĐ, Tỉnh uỷ chỉ đạo nâng cao chất lượng đánh giá phân loại TCCSĐ. Thực hiện Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW ngày 25/9/2014 *“về kiểm điểm tập thể, cá nhân và đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên hàng năm”* về việc điều chỉnh số lượng TCCSĐ được phân loại *“Trong sạch, vững mạnh”* không vượt quá 50% tổng số TCCSĐ. Tỉnh uỷ đã kịp thời chỉ đạo Ban Tổ chức Tỉnh uỷ ban hành Hướng dẫn số 06-HD/BTCTU ngày 12/11/2014 *“về đánh giá, xếp loại tổ chức đảng và đảng viên”*, trong đó chỉ rõ trách nhiệm của tập thể, người đứng đầu cấp uỷ, cơ quan, đơn vị, trong thực hiện đánh giá, xếp loại; các nguyên tắc, quy định trong đánh giá tổ

chức đảng và đảng viên. Trên cơ sở Hướng dẫn số 06-HD/BTCTU ngày 12/11/2014, các cấp ủy cơ sở đã tiến hành đánh giá, xếp loại TCCSĐ.

Kết quả đánh giá, xếp loại TCCSĐ hàng năm cho thấy xu hướng chuyển biến tích cực. Năm 2013, tỷ lệ TCCSĐ đạt danh hiệu “trong sạch, vững mạnh” đạt 70,69%, tăng 6,18% so với năm 2010 (64,51%) [xem phụ lục 2]. Từ năm 2014, việc đánh giá, phân loại tổ chức đảng và đảng viên được thực hiện theo Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW, ngày 25/9/2014 và Hướng dẫn số 06-HD/BTCTU, ngày 12/11/2014, với những điều chỉnh về tiêu chí và phương thức đánh giá theo hướng chặt chẽ, thực chất hơn. Do đó, tỷ lệ TCCSĐ đạt “trong sạch, vững mạnh” có sự giảm xuống trong năm đầu áp dụng, còn 52,60% năm 2014. Tuy nhiên, trong các năm tiếp theo, cùng với việc triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng tổ chức đảng, tỷ lệ này đã có xu hướng tăng trở lại, đạt 54,83% vào năm 2015 [xem phụ lục 2]. Nhìn chung, mặc dù cách thức đánh giá có sự điều chỉnh theo hướng nghiêm túc, sát thực tiễn hơn, chất lượng TCCSĐ vẫn từng bước được củng cố và nâng cao.

Cùng với việc nâng cao năng lực lãnh đạo của TCCSĐ, Tỉnh ủy chỉ đạo tăng cường phát triển đảng viên gắn với công tác giáo dục đảng viên. Bám sát sự chỉ đạo Tỉnh ủy các cấp ủy cơ sở xây dựng kế hoạch khắc phục tình trạng thôn, bản chưa có đảng viên. Công tác tuyên truyền, vận động quần chúng được đẩy mạnh, đặc biệt là tại các xã vùng sâu, xa, biên giới, hải đảo, tại các khu công nghiệp có đông công nhân. Với những giải pháp hiệu quả, trong 5 năm 2010 - 2015, Đảng bộ xã, phường, thị trấn đã phát triển được 11.003 đảng viên, trung bình mỗi năm tăng 6,63% [xem phụ lục 1]. Vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra trong 5 năm tăng từ 4 - 5%.

Cùng với công tác phát triển đảng viên, công tác giáo dục, rèn luyện đảng viên cũng được đẩy mạnh gắn với thực hiện Quy định 76-QĐ/TW, ngày 15/6/2000 của Bộ Chính trị *“về việc đảng viên đang công tác ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ với công dân nơi cư trú”*. Việc thực hiện Quy định 76-QĐ/TW, đã tạo điều kiện cho đảng viên đang công tác tại cơ quan, đơn vị có điều kiện gần gũi hơn với nhân dân, khắc phục biểu hiện quan liêu, xa dân, thiếu trách nhiệm với những công việc ở nơi cư trú; củng cố thêm mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân; đồng thời góp phần nâng cao trách nhiệm

và mối quan hệ phối hợp của cấp uỷ nơi đảng viên công tác với cấp uỷ nơi đảng viên cư trú. Đây cũng là cơ sở để tổ chức đảng nơi công tác đánh giá chất lượng đảng viên sát hơn. Nhiều đảng viên là cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện khi về nghỉ chế độ giữ mối liên hệ tại nơi cư trú, có điều kiện tham gia, đóng góp nhiều sáng kiến quan trọng giúp cấp uỷ địa phương có định hướng trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội tại khu dân cư. Công tác rèn luyện đảng viên được thực hiện nghiêm túc góp phần nâng cao chất lượng đảng viên tại xã, phường, thị trấn. Năm 2015, số đảng viên xã, phường, thị trấn đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ là 4.400 đảng viên (chiếm 11,36%) tăng 0,49% so với năm 2010 (chiếm 10,87%). Số đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ giảm từ 141 đảng viên (chiếm 0,47%) năm 2010, xuống còn 112 đảng viên (chiếm 0,28%) năm 2015. [xem phụ lục 1].

Bên cạnh những chuyển biến tích cực trong công tác xây dựng TCCSĐ, Tỉnh uỷ vẫn nghiêm túc chỉ ra những hạn chế còn tồn tại “Công tác phát triển đảng viên và thành lập tổ chức cơ sở đảng có nơi còn biểu hiện hình thức; chất lượng sinh hoạt tổ chức cơ sở đảng chưa cao, tự phê bình và phê bình chưa thẳng thắn, một số tổ chức cơ sở đảng năng lực lãnh đạo, tính chiến đấu bị suy giảm” [42, tr.68]. Những hạn chế này đòi hỏi một quyết tâm chính trị cao hơn để thay đổi diện mạo tổ chức đảng từ cơ sở.

2.3.1.4. Công tác kiểm tra, giám sát, đấu tranh, phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh về nâng cao chất lượng kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng, ngay từ đầu nhiệm kỳ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Chương trình số 02-Ctr/TU, ngày 03/12/2010 “*Chương trình kiểm tra, giám sát toàn khoá nhiệm kỳ 2010-2015*”; Quyết định số 1131-QĐ/TU, ngày 18/7/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về phê duyệt Đề án “*Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*”. Trong nhiệm kỳ 2010 - 2015, Tỉnh uỷ đã ban hành 24 văn bản chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát trong toàn Đảng bộ [42, tr.54]. Dưới sự chỉ đạo của tỉnh uỷ, cấp uỷ cấp huyện ngay từ đầu nhiệm kỳ các cấp uỷ cơ sở đã xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát toàn khoá và hằng năm, bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị. Các chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở thực hiện các cuộc kiểm tra, giám sát (kể cả các cuộc kiểm tra của cấp trên) đúng quy định,

quy trình, tiến độ. Công tác kiểm tra giám sát được đổi mới theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, mở rộng giám sát, linh hoạt về hình thức, đổi mới nội dung để đảm bảo kiểm tra, giám sát hiệu quả. Các Ủy ban kiểm tra cấp ủy cơ sở đã xây dựng quy chế phối hợp với HĐND và Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân ở cơ sở nhằm phát huy vai trò của các cơ quan trong kiểm tra, giám sát.

Công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy cơ sở tập trung vào các nội dung như: kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều 30, Điều lệ Đảng; việc triển khai thực hiện các quy định về việc thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị *“về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”*; Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI; Quy định số 101-QĐ/TW, ngày 7/6/2012 của Ban Bí thư *“về trách nhiệm nêu gương của cán bộ đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp”*; thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU, 27/10/2010 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh *“Xây dựng Nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020”*; việc thực hiện Quy định 47-QĐ/TW, ngày 01/11/2011 của Ban Chấp hành Trung ương (khoá XI) *“về những điều đảng viên không được làm”*...

Trong nhiệm kỳ 2010 - 2015, cấp ủy cấp huyện, Đảng ủy cơ sở, Ban Thường vụ Đảng ủy cơ sở đã tiến hành kiểm tra 5.624 đảng viên cấp cơ sở và 1.469 tổ chức cơ sở đảng. Qua kiểm tra, đã xử lý thi hành kỷ luật đảng 09 tổ chức đảng và 1.129 đảng viên [158, tr.20].

Cấp ủy cấp huyện tiến hành giám sát 856 tổ chức cơ sở đảng, 1.570 đảng viên cấp cơ sở; Đảng ủy cơ sở, Ban Thường vụ Đảng ủy cơ sở tiến hành giám sát 1.996 tổ chức cơ sở đảng với 2.155 đảng viên cấp cơ sở. Qua giám sát đã kịp thời phát hiện 27 tổ chức đảng vi phạm, 22 đảng viên có vi phạm khuyết điểm [158, tr.20].

Qua kiểm tra, giám sát giúp cấp ủy đánh giá đúng tình hình, phát hiện những vấn đề nảy sinh, kịp thời uốn nắn những lệch lạc, yếu kém trong công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành, giúp các cấp ủy kịp thời có giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo sát đúng trong thời gian tiếp theo.

Cùng với chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, tỉnh ủy chỉ đạo đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Trong nhiệm kỳ 2010 - 2015, tỉnh ủy đã ban hành các văn bản quan trọng thể hiện rõ quyết tâm làm trong sạch bộ máy: Chương trình hành động số 11-Ctr/TU, ngày 25/9/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *“Thực hiện Kết luận số 21-Kl/TW, ngày 25/5/2012 của BCHTW*

Đảng (khoá XI) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khoá X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tham nhũng"; Chỉ thị số 130-CT/TU, ngày 15/4/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ “*về giải quyết khiếu nại tố cáo trên địa bàn tỉnh*”; Chỉ thị số 18-CT/TU, ngày 21/3/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ “*về tăng cường thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng*”; Chỉ thị số 29-CT/TU, ngày 18/7/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ “*về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng chống tham nhũng*”; Kết luận số 67-KL/TU ngày, 26/9/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh “*về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí*”; Kế hoạch số 96-KH/TU, ngày 09/5/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ “*về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với kê khai tài sản*”.

Nhằm tăng cường công tác đấu tranh, ngăn chặn đẩy lùi tham nhũng Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Quyết định số 1158-QĐ/TU, ngày 30/8/2013 “*về thành lập Ban Nội chính Tỉnh uỷ*”, nhằm kiện toàn cơ quan chuyên trách phòng chống tham nhũng trong toàn tỉnh. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ các cấp uỷ cơ sở đã chỉ đạo đưa nội dung phòng, chống tham nhũng, lãng phí vào trong các nhiệm vụ trọng tâm, là nội dung trong chương trình kiểm tra, giám sát của các TCCSĐ. Trong các cuộc họp định kỳ của cấp uỷ, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của người đứng đầu trong chống tham nhũng, lãng phí, chịu trách nhiệm khi để tổ chức đảng, cơ quan do mình phụ trách để xảy ra tham nhũng, lãng phí. Bên cạnh đó, các cấp uỷ cơ sở đã tăng cường kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên nhằm phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời hành vi tham nhũng, lãng phí.

Với quyết tâm cao trong toàn HTCT, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí đạt được những kết quả bước đầu. Theo số liệu thống kê, trong tổng số 1.129 đảng viên cấp cơ sở bị thi hành kỷ luật đảng, có 22 đảng viên bị kỷ luật vì tham nhũng [158, tr.20]. Những trường hợp vi phạm đều được xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục đội ngũ các bộ, đảng viên trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện, thực hiện nhiệm vụ, củng cố niềm tin trong nhân dân.

2.3.1.5. Đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp uỷ đối với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở

Trong nhiệm kỳ 2010 - 2015, Đảng bộ tỉnh tập trung chỉ đạo việc đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp uỷ cơ sở đối với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc

và các tổ chức chính trị - xã hội nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HTCT ở cơ sở. Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 5/12/2013 của “*về phương hướng, nhiệm vụ năm 2014*”, xác định mục tiêu: đổi mới phương thức lãnh đạo tổ chức và hoạt động của HTCT từ tỉnh đến cơ sở. Nhằm cụ thể hơn nữa chủ trương ngày 28/2/2014 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 25-CT/TU và Hướng dẫn số 03-HD/TU ngày 16/4/2014 về “*Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng tỉnh giảm bộ máy, biên chế*” qua đó

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, các cấp ủy cơ sở từng bước đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng nâng cao tính khoa học, rõ chức năng, đúng vai trò. Đối với chính quyền cơ sở, cấp ủy chuyển từ phương thức lãnh đạo trực tiếp, can thiệp sâu vào công việc quản lý hành chính sang lãnh đạo thông qua nghị quyết, định hướng nhiệm vụ trọng tâm, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Chính quyền cơ sở chủ động cụ thể hóa nghị quyết của cấp ủy thành chương trình, kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương. Nhờ đó, vai trò lãnh đạo của Đảng được giữ vững, đồng thời phát huy tính chủ động, linh hoạt trong quản lý, điều hành của chính quyền; hiệu lực quản lý từng bước được nâng lên, thể hiện qua chất lượng giải quyết công việc và mức độ hài lòng của người dân ngày càng được cải thiện.

Đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội, phương thức lãnh đạo của cấp ủy có sự chuyển biến theo hướng tôn trọng tính chủ động, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội và tập hợp, vận động Nhân dân. Dưới sự định hướng của cấp ủy cơ sở, Mặt trận và các đoàn thể đã chủ động triển khai nhiều phong trào thi đua, cuộc vận động gắn với thực tiễn địa phương, góp phần tuyên truyền, đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Đồng thời, từng bước thực hiện tốt chức năng giám sát hoạt động của chính quyền, cán bộ, công chức, qua đó khẳng định vai trò là cầu nối giữa Đảng, chính quyền và Nhân dân ở cơ sở.

Để cụ thể hóa mối quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp giữa các chủ thể trong HTCT, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy cơ sở, ngay sau Đại hội Đảng bộ, khẩn trương xây dựng và hoàn thiện quy chế làm việc, trong đó quy định rõ mối quan hệ giữa cấp ủy với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Đồng thời, duy trì cơ chế phối hợp thường xuyên thông qua các chương trình làm việc giữa

Thường trực cấp ủy, HĐND, UBND và Mặt trận Tổ quốc; thực hiện chế độ hội ý định kỳ để thống nhất nội dung lãnh đạo, chỉ đạo ở cơ sở. Đặc biệt, việc tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với nhân dân được duy trì hàng tháng, hàng quý, góp phần kịp thời giải quyết những vấn đề bức xúc phát sinh từ cơ sở. Thông qua các cơ chế này, mối quan hệ giữa cấp ủy, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội từng bước được hoàn thiện theo hướng phối hợp chặt chẽ trong hiện thực hóa Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp tại cơ sở.

Tuy nhiên, trong những năm đầu nhiệm kỳ, việc đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy cơ sở vẫn còn những hạn chế nhất định, thể hiện ở việc “đổi mới phương thức lãnh đạo vẫn còn chưa rõ nét, lề lối làm việc của cấp ủy các cấp chậm đổi mới. Bộ máy chưa tinh gọn, chức năng nhiệm vụ, còn chồng chéo, dễ nảy sinh tình trạng buông lỏng, bỏ sót hoặc phát sinh khâu trung gian; sự phối hợp giữa cấp ủy, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chưa thật sự chặt chẽ, hiệu quả hoạt động chưa cao” [6, tr.2].

Nhận thức rõ những hạn chế đó, Đảng bộ tỉnh đã chỉ đạo tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy lãnh đạo, thể hiện qua việc ban hành Đề án 25 về “*Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; tinh giản bộ máy, biên chế*” và Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 03/3/2015 “*về đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế*”. Các văn bản này nhấn mạnh yêu cầu đổi mới đồng bộ phương thức lãnh đạo của Đảng, trong đó đặc biệt chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy đối với chính quyền và Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở, nhằm tạo chuyển biến thực chất trong hoạt động của HTCT. Đây là sự chuyển biến quan trọng nhận thức của Đảng bộ tỉnh tạo nền tảng cho những đổi mới mạnh mẽ hơn trong giai đoạn tiếp theo.

2.3.2. Xây dựng chính quyền và đội ngũ công chức

2.3.2.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND cấp xã

Nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND cấp xã, Tỉnh ủy chỉ đạo nâng cao chất lượng đại biểu HĐND từ cơ cấu, thành phần, chất lượng. Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015, cơ cấu HĐND cấp xã gồm: 01 Chủ tịch (do đồng chí Bí thư hoặc đồng chí Thường trực Đảng ủy kiêm nhiệm,

đối với đơn vị thực hiện nhất thể hoá sẽ do đồng chí Phó Bí thư Đảng uỷ kiêm nhiệm) và 01 Phó Chủ tịch chuyên trách và các ủy viên là các Trưởng ban HĐND xã. Với 02 Ban là Ban Pháp chế và Ban Kinh tế - xã hội, mỗi ban có cơ cấu từ 03 đến 05 thành viên, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Trong nhiệm kỳ 2011 - 2016, HDND cấp xã có Chủ tịch 186; 182 Phó Chủ tịch; 335 Trưởng ban; 330 phó trưởng ban và 813 uỷ viên.

Số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu HDND cấp xã nhiệm kỳ 2011 - 2016 được đảm bảo theo quy định. Trong số 4.379 đại biểu: Đại biểu là nữ có 1.189 người (chiếm 27,15%), tăng 4,06% so với nhiệm kỳ 2004 - 2011; Đại biểu dân tộc thiểu số có 958 người (chiếm 21,88%), tăng 1,2% so nhiệm kỳ 2004 - 2011; Đại biểu là người ngoài Đảng có 673 người (chiếm 15,37%) tăng 14,23% so với nhiệm kỳ 2004 - 2011; Đại biểu có độ tuổi từ 35 tuổi cho đến 45 tuổi có 1.151 người (chiếm 26,28%) thấp hơn 30,94% so với nhiệm kỳ 2004 - 2011 [xem phụ lục 5]. Cùng với cơ cấu, thành phần, số lượng đại biểu HDND cấp xã được đảm bảo thì chất lượng đại biểu HDND xã cũng được nâng lên.

Về trình độ chuyên môn: Sau Đại học có 22 người (chiếm 0,50%) tăng 0,39% so với nhiệm kỳ 2004 - 2011 (chiếm 0,11%); Đại học, cao đẳng có 1.673 người (chiếm 38,21%) tăng 14,79% so nhiệm kỳ 2004 - 2011 (chiếm 32,42%); trung cấp, sơ cấp có 1.822 người (chiếm 41,61%); chưa qua đào tạo có 862 người (chiếm 19,68%) giảm 6,85% so với nhiệm kỳ 2004 - 2011 (chiếm 26,53%) [xem phụ lục 5]

Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp, cử nhân 91 người (chiếm 2,08%) tăng 0,45% so với nhiệm kỳ 2004 - 2011 (chiếm 1,63%); Trung cấp, sơ cấp có 3.005 người (chiếm 68,62%) tăng 18,98% so nhiệm kỳ 2004 - 2011 (chiếm 49,64%); chưa qua bồi dưỡng có 1.283 người (chiếm 29,30%) giảm 19,41% so nhiệm kỳ 2004 - 2011 (chiếm 48,71%). [xem phụ lục 5]. (chiếm 2,47%)

Chất lượng đại biểu từng bước được nâng lên đã tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động của HĐND xã. Trong nhiệm kỳ 2011 - 2016, HDND cấp xã đã ban hành 9.143 nghị quyết [42, tr.58], liên quan đến các biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội ở khu dân cư; quyết định dự toán và phê chuẩn quyết toán ngân sách xã năm ở địa phương...

Chất lượng các kỳ họp HDND từng bước được nâng lên. Hoạt động tiếp xúc cử tri trước và sau các kỳ họp HDND được thực hiện theo đúng quy định,

cùng với các cuộc tiếp xúc cử tri theo định kỳ đã kịp thời thu thập, ghi nhận các kiến nghị, đề xuất liên quan đến đời sống nhân dân. Từ năm 2011 đến 2014, HĐND cấp xã đã tiến hành 6.530 cuộc tiếp xúc với 345.672 cử tri [82, tr.7]. Các ý kiến, kiến nghị của cử tri được trả lời trực tiếp hoặc phản ánh về Thường trực HĐND cấp xã, yêu cầu UBND xã và các đơn vị liên quan trả lời.

Ngoài các hoạt động giám sát thường xuyên, Thường trực HĐND, các ban HĐND cấp xã đã tổ chức giám sát theo chuyên đề về công tác vệ sinh môi trường; giám sát công tác giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân tại địa phương. Các cuộc khảo sát, giám sát của Thường trực HĐND và các ban HĐND xã đã làm rõ kết quả, hạn chế, nguyên nhân, trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân. Các ý kiến, kiến nghị sau giám sát được UBND nghiêm túc tiếp thu và giải quyết.

2.3.2.2. Tăng cường vai trò quản lý của UBND cấp xã

Công tác kiện toàn bộ máy UBND cấp xã được thực hiện theo Nghị định số 107/2004/NĐ-CP về “*quy định số lượng Phó Chủ tịch và cơ cấu thành viên Ủy ban nhân dân các cấp*”. Đến năm 2015, cơ cấu tổ chức của UBND xã gồm Thường trực UBND: 01 Chủ tịch; 01 Phó Chủ tịch (đối với xã loại II, III) hoặc 02 Phó Chủ tịch (đối với xã loại I) và 02 thành viên UBND (Công an, Quân sự). Thực hiện Quyết định số 1070-QĐ/UBND ngày 24/4/2013 “*về việc điều chỉnh phân loại đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*”. Theo đó, Quảng Ninh có 97/186 xã loại I được bố trí 02 Phó Chủ tịch, 65/186 xã loại II được bố trí 01 Phó Chủ tịch, 24/186 xã loại III, được bố trí 01 Phó Chủ tịch.

Tổng số uỷ viên UBND xã nhiệm kỳ 2011 - 2016 là 840 thành viên, trong đó, Chủ tịch là 186, Phó Chủ tịch là 292, có 362 uỷ viên. *Trình độ chuyên môn*: sau Đại học có 32 thành viên (chiếm tỷ lệ 3,8%), 530 thành viên có trình độ Đại học (chiếm 63,90%); trình độ Cao đẳng và trung cấp, sơ cấp có 273 (chiếm 32,5%), chưa qua đào tạo 5 thành viên (chiếm 0,60%) [xem phụ lục 6].

Tỉnh ủy chỉ đạo UBND các cấp thực hiện hiệu quả Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ “*về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020*”. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành các văn bản: Quyết định số 850/QĐ-UBND ngày 19/4/2012 “*về việc ban hành kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2011 - 2015*”; Quyết định số 2449/QĐ-UBND, ngày 28/9/2012 “*về phê duyệt và triển khai thực hiện Đề án Chính quyền điện tử Quảng Ninh giai*

đoạn 2012 - 2014”; Quyết định số 1528/QĐ-UBND, ngày 28/5/2010 của UBND tỉnh Quảng Ninh “*về Ban hành bộ thủ tục hành chính chung áp dụng cho cấp huyện, xã trên địa bàn tỉnh*”; Quyết định số 2295/QĐ-UBND, ngày 10/10/2014 của UBND tỉnh Quảng Ninh “*về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*”. Nhằm tiếp tục đẩy mạnh chương trình cải cách hành chính, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 997-QĐ/TU, ngày 6/3/2013 “*về việc thành lập Ban Chỉ đạo Đề án xây dựng chính quyền điện tử và Trung tâm Hành chính công*” do Bí thư Tỉnh ủy trực tiếp làm Trưởng ban, định kỳ hàng tháng, quý làm việc trực tiếp với các thành viên Ban chỉ đạo cải cách hành chính ở các cấp huyện, xã để giải quyết các vướng mắc trong thực hiện cải cách hành chính.

Dưới sự chỉ đạo sát sao của cấp ủy các cấp, đến năm 2015, cấp xã đã tiến hành rà soát, cắt giảm 75 thủ tục hành chính (TTHC) trên 07 lĩnh vực (so với năm 2010 là 103 TTHC) [179, tr.12], đơn giản hoá quy trình giải quyết TTHC đảm bảo nhanh gọn, thuận tiện, công khai tại trụ sở làm việc hoặc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Đã có 81/186 xã, phường, thị trấn thành lập bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại, 178/186 xã, phường, thị trấn được cài đặt phần mềm tiếp nhận và trả kết quả TTHC hiện đại tại các UBND [179, tr.13]. Quy trình thủ tục hành chính được công khai trên trang thông tin điện tử từ tỉnh đến xã để người dân, doanh nghiệp theo dõi qua Cổng thông tin điện tử của tỉnh tại 71 cổng thành phần, 19 liên kết website. Những kết quả từ cải cách hành chính đã cắt giảm thời gian, hạn chế phiền hà không cần thiết cho người dân và doanh nghiệp khi đến thực hiện TTHC. Mức độ hài lòng của người dân về tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ công chức ngày càng được nâng lên. Theo thống kê của Bộ Nội vụ về chỉ số SIPAS (sự hài lòng của người dân, tổ chức khi làm các thủ tục hành chính công) cho kết quả: Tại cấp xã chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đạt 98,4%, trong khi đó cấp huyện đạt 77% [179, tr.13].

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác cải cách hành chính cũng được Tỉnh ủy thẳng thắn đánh giá những hạn chế còn tồn tại như “*hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin ở cơ sở thiếu đồng bộ trong liên thông với cấp huyện, tỉnh. Một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ*” [181, tr.30]. Đây được xác định là những nút thắt cần được tháo trong nhiệm kỳ tiếp theo.

Cùng với đẩy mạnh cải cách hành chính, Tỉnh ủy chỉ đạo UBND các cấp thực hiện nghiêm QCDC ở cơ sở. Công tác tiếp công dân được UBND cấp xã thực hiện đúng quy định theo Chỉ thị số 14/CT-UBND, ngày 04/6/2010 “*về việc tăng cường công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo*”; Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 06/3/2012 “*về tập trung chỉ đạo công tác tiếp công dân và giải quyết các vụ việc, khiếu nại, tố cáo đông người phức tạp*”; Chỉ thị số 36-CT/TU ngày 20/4/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh “*về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo*”. Trong 5 năm (2010 - 2015), UBND cấp xã đã tiếp 7.060 lượt công dân, giải quyết 4.437 đơn thư khiếu nại tố cáo, kiến nghị, phản ánh [172, tr.6], góp phần quan trọng vào việc ổn định tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại cơ sở nói riêng và trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh nói chung.

Nhằm thực hiện hiệu quả QCDC ở cơ sở, ngày 14/2/2011 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị 05-CT/TU của “*về xây dựng, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở*”, Chỉ thị yêu cầu các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội các cấp tập trung thực hiện tốt các nội dung về tham gia ý kiến, công khai, minh bạch thông tin, các vấn đề liên quan đến đời sống của người dân. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND các xã, phường, thị trấn đã rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các quy chế, quy định nhằm đảm bảo, thực hiện tốt QCDC ở cơ sở. Đến 2015, toàn tỉnh đã có 98,4% thôn, làng, bản, khu dân cư xây dựng được quy ước, hương ước, rà soát chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện quy ước, hương ước của thôn, bản, khu phố phù hợp với tình hình nhiệm vụ địa phương [133, tr.5].

Các cấp ủy lãnh đạo chính quyền cơ sở thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, công khai các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; công trình đầu tư trên địa bàn; phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết, phương án điều chỉnh khu dân cư, các quy định về thủ tục hành chính... Thông qua hệ thống loa truyền thanh công cộng, công khai trên bản tin, niêm yết tại nhà văn hoá, các thông tin được phổ biến trong hội nghị, thông qua hòm thư góp ý... Việc thực hiện nghiêm QCDC ở cơ sở tạo điều kiện để nhân dân tham gia quản lý nhà nước và quản lý xã hội. Việc triển khai thực hiện quy ước, hương ước ở địa phương đã góp phần hạn chế các thủ tục lạc hậu, các tệ nạn xã hội, thực hiện nếp sống văn hoá văn minh ở địa phương, tạo được niềm tin của nhân dân.

Qua đó, tạo được sự đồng tình, hưởng ứng của người dân trong các chủ trương lớn của tỉnh.

Việc thực hiện QCDC ở cơ sở còn được thể hiện thông qua hoạt động lấy phiếu tín nhiệm đối với cán bộ từ thôn, bản, khu phố đến lãnh đạo HĐND và UBND xã, phường, thị trấn. Năm 2013, thực hiện lấy phiếu tín nhiệm đối với chức danh chủ chốt do HĐND xã bầu, 790 người được lấy phiếu tín nhiệm (380 Chủ tịch và Phó chủ tịch HĐND; 410 Chủ tịch và phó Chủ tịch UBND). Kết quả: 699 người đạt tín nhiệm cao (chiếm 88,48%); 87 người tín nhiệm (chiếm 11,01%); người 4 tín nhiệm thấp (chiếm 0,50%) [82, tr.7].

Năm 2014, thực hiện lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh chủ chốt do HĐND cấp xã bầu có 685 người được lấy phiếu tín nhiệm (320 Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐND; 365 Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND). Kết quả: 610 người đạt số phiếu tín nhiệm từ 70-100% (chiếm tỷ lệ 89%), (trong đó có 73 người đạt 100%) 58 người đạt số phiếu từ 50-69% (chiếm tỷ lệ 89%), (phiếu tín nhiệm thấp dưới 50% (chiếm 2,5%), (trong đó Chủ tịch HĐND 04, Phó Chủ tịch HĐND 03, Chủ tịch UBND 03, Phó Chủ tịch UBND 07) [82, tr.6]. Thông qua việc lấy phiếu tín nhiệm đối với đội ngũ cán bộ đã huy động Nhân dân tham gia vào xây dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở. Qua kết quả của lấy phiếu tín nhiệm sẽ góp phần đánh giá uy tín, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao của cán bộ; giúp cán bộ “tự soi”, “tự sửa”, nâng cao ý thức rèn luyện phấn đấu rèn luyện, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ. Tỷ lệ 2,5% cán bộ có mức tín nhiệm thấp, đã phản ánh rõ những hạn chế còn tồn tại trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở cơ sở, kết quả này cũng phù hợp với đánh giá của Tỉnh ủy về hạn chế trong xây dựng HTCT ở cơ sở “một số cấp ủy, người đứng đầu chưa thật sự quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo; quyết tâm chính trị chưa cao, còn trông chờ, ỷ lại vào cấp trên” [42, tr.37].

2.3.2.3. Xây dựng đội ngũ công chức cấp xã

Đội ngũ công chức xã, phường, thị trấn có vai trò đặc biệt quan trọng trong xây dựng và hoàn thiện bộ máy chính quyền cơ sở, cũng như trong quá trình thực thi công vụ. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ ở cơ sở luôn được các cấp ủy, chính quyền quan tâm, chú trọng. Thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, ngày 22/10/2009 của Chính phủ về “*Quy định số lượng cán bộ, công chức cấp xã được bố trí theo đơn vị hành chính cấp xã*”;

Quyết định số 68/2010/QĐ-UBND, ngày 12/01/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh “*Quy định về chức vụ, chức danh, số lượng cán bộ công chức cấp xã*” theo đó công chức cấp xã bao gồm các chức danh: Trưởng công an; Chỉ huy trưởng Quân sự; Văn phòng - Thống kê; Địa chính - Xây dựng - Đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã); Tài chính - Kế toán; Tư pháp - Hộ tịch; Văn hoá - Xã hội. Tính đến tháng 12/2015, toàn tỉnh có 3.784 cán bộ, công chức cấp xã. Trong đó, đội ngũ cán bộ có 1.886 người, công chức có 1.898 người [xem phụ lục 10].

Xác định nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở trước hết và chủ yếu thông qua công tác đào tạo, bồi dưỡng. Trong nhiệm kỳ 2010-2015, tỉnh Quảng Ninh đã triển khai đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức trên toàn tỉnh với quy mô lớn, gắn với yêu cầu chuẩn hóa theo chức danh và vị trí việc làm. Thực hiện Quyết định 533/QĐ-UBND ngày 12/11/2011 về phê duyệt Kế hoạch và phân bổ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2012 - 2015, Sở Nội vụ Tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Kế hoạch số 1563/SNV-VP ngày 15/01/2012 về Kế hoạch triển khai thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2012 - 2015. Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được chú trọng. Toàn tỉnh đã có 10.986 lượt cán bộ, công chức cấp xã được cử đi đào tạo, bồi dưỡng với tổng kinh phí là 20.492 tỷ đồng [94, tr.5]. Với các giải pháp đồng bộ chất lượng đội ngũ công chức ở cơ sở từng bước được nâng lên, bước đầu đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ.

Tính đến tháng 12/2015, trong 1.898 công chức cấp xã *trình độ chuyên môn*: Đại học có 994 người (chiếm 52,37%) tăng 12,72% so với đầu nhiệm kỳ (năm 2010 chiếm 39,65%) ; số lượng công chức chưa qua đào tạo chuyên môn là 34 người (chiếm 1,79%) giảm 2,92% so với đầu nhiệm kỳ (năm 2010 chiếm 4,71%);

Trình độ lý luận chính trị có 1.298 người đã qua đào tạo, bồi dưỡng (chiếm 68,38%) tăng 27,41% so với đầu nhiệm kỳ (năm 2010 chiếm 40,97%);

Trình độ quản lý nhà nước: có 1.357 người đã được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước (chiếm 71,49%) tăng 60,8% so với đầu nhiệm kỳ (năm 2010 chiếm 10,69%);

Trình độ tin học: có 1.706 người có chứng chỉ đã được đào tạo (chiếm 89,88%) tăng 11,84% so với đầu nhiệm kỳ (năm 2010 chiếm 78,04%) [xem phụ lục 9, 10].

Cùng với trình độ từng bước được chuẩn hóa, ý thức, thái độ, tác phong lề lối làm việc của đội ngũ công chức cấp xã cũng ngày càng được nâng cao. Theo Báo cáo Tỉnh ủy, năm 2014, trong số 1.320 công chức được lấy ý kiến góp ý cho kết quả: Loại tốt, khá có 948 công chức (chiếm 71,80%); loại yếu về chuyên môn, nghiệp vụ và hạn chế về đạo đức, thái độ phục vụ nhân dân là 372 công chức (chiếm 28,1%) [131, tr.5]. Những con số này cho thấy, bên cạnh những chuyển biến tích cực, chất lượng đội ngũ công chức cấp xã vẫn còn những bất cập, đặt ra yêu cầu cần tiếp tục có các giải pháp đồng bộ, hiệu quả nhằm nâng cao năng lực và trách nhiệm phục vụ nhân dân của chính quyền cơ sở.

2.3.3. Xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Trong nhiệm kỳ 2010 - 2015, cùng với việc tập trung xây dựng TCCSĐ và chính quyền, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đặc biệt coi trọng lãnh đạo xây dựng, củng cố và đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở.

2.3.3.1. Xây dựng tổ chức bộ máy, cán bộ

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2010 - 2015 “Tích cực xây dựng, củng cố tổ chức đoàn, hội. Làm tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể và giám sát của Nhân dân” [41, tr.17], Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy tập trung kiện toàn tổ chức bộ máy Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

Trên cơ sở Thông báo số 112/TB/TU ngày 02/12/2011 “*về chỉ tiêu biên chế giao cho Mặt trận Tổ quốc các cấp*”, hệ thống Mặt trận từ tỉnh đến cơ sở được sắp xếp lại đảm bảo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ. Ở cấp xã, Mặt trận Tổ quốc được cơ cấu gồm Chủ tịch và 01 - 02 Phó Chủ tịch; tại khu dân cư bố trí 01 Trưởng ban công tác Mặt trận. Đến năm 2014, toàn tỉnh có 5.233 ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, trong đó 604 ủy viên thường trực; 1573 Trưởng Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư [82, tr.9]. Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở được cơ cấu theo hướng gọn nhẹ, bảo đảm mỗi đoàn thể có cán bộ chuyên trách làm nòng cốt, kết hợp với lực lượng không chuyên trách ở khu dân cư. Mỗi đoàn thể chính trị ở cơ sở được cơ cấu 01 Chủ tịch (là cán bộ chuyên trách) và 01 phó Chủ tịch (là người hoạt động không chuyên trách). Ở khu dân cư bố trí 01 Bí thư chi đoàn hoặc 01 chi hội trưởng.

Đối với từng tổ chức đoàn thể, Tỉnh ủy ban hành các văn bản chỉ đạo chuyên đề nhằm củng cố tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động. Trong công tác thanh niên, Kết luận số 01-KL/TU ngày 06/12/2010 *“về kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết 02-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XI) “về đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên, giai đoạn 2001-2010”*”. Kết luận số 01-KL/TU, xác định các nhiệm vụ trọng tâm đối với công tác thanh niên là: Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện cho thanh niên được hưởng thụ văn hoá lành mạnh, tạo điều kiện để thanh niên làm giàu và tôn vinh những gương mặt thanh niên điển hình, tiên tiến; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động để thu hút tập hợp thanh niên. Quan tâm đặc biệt đến công tác tổ chức hoạt động Đoàn ở địa bàn dân cư, trong các tổ chức doanh nghiệp, trường học. Đẩy mạnh phong trào tuổi trẻ tham gia phát triển kinh tế - xã hội, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ tiên tiến; tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ, chính quyền các cấp đối với công tác thanh niên; tăng cường công tác quản lý nhà nước về thanh niên và công tác thanh niên; nâng cao chất lượng lao động, chú trọng giải quyết việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho thanh niên. Quan tâm đào tạo nghề cho thanh niên khu vực khó khăn, vùng sâu, vùng xa, thanh niên dân tộc ít người. Kết luận số 01-KL/TU, ngày 06/12/2010 thể hiện sự quyết tâm xây dựng, củng cố tổ chức Đoàn từ thật sự vững mạnh đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Chỉ thị số 20-CT/TU, ngày 23/7/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai Kết luận số 55-KL/TW của Ban Bí thư về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị khoá X *“về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”*, xác định mục tiêu đến năm 2020, tỷ lệ cán bộ nữ tham gia cấp uỷ đảng các cấp đạt từ 25% trở lên, tỷ lệ nữ là đại biểu HĐND các cấp từ 30% đến 50%. Các cơ quan, đơn vị có tỷ lệ nữ từ 30% trở lên, nhất thiết có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ; Nhằm tiếp tục chỉ đạo công tác xây dựng Hội phụ nữ các cấp, Tỉnh ủy đã ban hành Quyết định số 507-QĐ/TU ngày 24/4/2014 về phê duyệt Đề án *“Đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Hội nhằm tập hợp phát huy vai trò của phụ nữ trong sự nghiệp CNH, HĐH tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”*. Chỉ thị số 20-CT/TU (23/7/2013) và Quyết định số 507-QĐ/TU (24/4/2014) đã cụ thể hóa chủ trương nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ trong hệ thống chính trị, đồng thời đổi mới phương thức hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ theo hướng thiết thực, hiệu quả, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng gia đình hạnh phúc.

Đối với Hội Nông dân, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 27/10/2010 “*về xây dựng Nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020*”, nhằm mục tiêu xây dựng nông thôn mới bền vững theo hướng phát triển nông thôn nội sinh, khai thác, sử dụng có hiệu quả thế mạnh từ địa phương, từ chính cộng đồng cư dân nông thôn. Nghị quyết xác định Hội Nông dân là lực lượng trung tâm, nòng cốt trong phong trào nông dân tham gia xây dựng Nông thôn mới bền vững, qua đó, nâng cao vai trò của tổ chức Hội Nông dân.

Xác định xây dựng đội ngũ cán bộ là khâu then chốt quyết định hiệu quả của công tác Mặt trận và các đoàn thể trong giai đoạn này, Mặt trận Tổ quốc tỉnh đã chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc huyện và cơ sở rà soát, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hoá đội ngũ cán bộ làm công tác Mặt trận và các đoàn thể ở cơ sở. Trong 4 năm 2011 - 2014, đã có 19.281 lượt cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở được tập huấn, bồi dưỡng (trong đó có 4.020 các bộ Mặt trận; 3.301 lượt cán bộ Đoàn; 5.950 cán bộ Hội Phụ nữ; 5.440 cán bộ chi, tổ Hội Nông dân; 570 cán bộ Chi hội Cựu chiến binh [82, tr.8].

Công tác đào tạo bồi dưỡng được chú trọng nên chất lượng đội ngũ cán bộ Mặt trận và các đoàn thể ở cơ sở cũng từng bước được nâng lên. Đến năm 2015, số lượng Chủ tịch Mặt Trận Tổ quốc cấp xã và Trưởng các tổ chức đoàn thể có *trình độ chuyên môn* Đại học và trên Đại học 327 người (chiếm 34,62%), tăng 11,7% so với năm 2010 (chiếm 22,92%); *Trình độ lý luận chính trị*: cử nhân, trung cấp có 639 người (chiếm 73,53%) tăng 13,17% so năm 2010 (chiếm 60,36%); *Trình độ quản lý nhà nước*: chuyên viên 575 người (chiếm 66,16%), tăng 59,47% so với 2010 (chiếm 6,69%) [xem phụ lục 9, 10].

Số lượng cán bộ Mặt trận và đoàn thể tham gia vào cấp ủy cấp xã được nâng lên. Đã có 80% Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc cấp xã tham gia cấp uỷ và Thường vụ cấp uỷ cấp xã và trình độ được chuẩn hoá theo công chức Đảng, đoàn thể [82, tr.10]. Có 25,5% Chủ tịch Hội Phụ nữ tham gia cấp uỷ cấp xã, có 33,34% Chủ tịch Hội phụ nữ vào HĐND cấp xã [63, tr.4]. Có 90% Bí thư Đoàn thanh niên cơ sở tham gia cấp uỷ cơ sở [45, tr.5]. Có 12,04% cán bộ Hội Cựu chiến binh được bầu giữ các chức danh chính quyền ở cơ sở [58, tr.4].

Có thể thấy trong vòng 5 năm (2010 - 2015), dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của của Tỉnh ủy Quảng Ninh, tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể ở cơ sở từng bước được kiện toàn theo hướng tinh gọn, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ. Việc chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ đã tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng đội ngũ. Qua đó, phát huy

vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, chính quyền với nhân dân, củng cố vững chắc HTCT ở cơ sở.

2.3.3.2. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể ở cơ sở

Cùng với việc kiện toàn tổ chức bộ máy, Tỉnh ủy chỉ đạo đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể theo hướng đa dạng hóa hình thức tập hợp quần chúng. Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 1440-QĐ/TU ngày 07/4/2014 *phê duyệt Đề án về công tác dân vận*, trong đó xác định: công tác dân vận là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trong đó Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể giữ vai trò tham mưu, nòng cốt. Thực hiện Kết luận số 62-KL/TW, ngày 08/12/2009 của Bộ Chính trị về *“tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội”*, Tỉnh ủy Quảng Ninh đã ban hành Công văn 900-CV/TU, ngày 08/9/2010 *“về việc thực hiện Kết luận số 62-KL/TW của Bộ Chính trị”*, yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp xây dựng chương trình, kế hoạch xác định nhiệm vụ trọng tâm nhằm đẩy mạnh đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở các cấp theo hướng rõ việc, rõ trách nhiệm giữa các tổ chức thành viên; xây dựng các mô hình rõ việc, có địa chỉ hướng về khu dân cư theo phương châm “lấy sức dân chăm lo cuộc sống cho dân”, lấy kết quả hoạt động ở khu dân cư là tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể.

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 160/KH-MTTQ-BTT ngày 15/12/2010 về Kế hoạch thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 8/12/2009 của Bộ Chính trị và Công văn 900-CV/TU ngày 08/9/2010 *“về việc thực hiện Kết luận số 62-KL/TW của Bộ Chính trị”*. Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, huyện đã hướng dẫn Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở đổi mới nội dung, phương thức vận động, tập hợp lực lượng. Đến năm 2015, toàn tỉnh có 1.621 Chi đoàn thanh niên với 25.748 đoàn viên; 1.380 Chi hội Nông dân với 97.935 hội viên; 1.625 Chi hội Phụ nữ với 254.111 hội viên; 1.521 Chi hội cựu chiến binh với 50.376 hội viên. Tỷ lệ tập hợp quần chúng tham gia các tổ chức đạt hơn 75% [xem phụ lục 7], phản ánh rõ nét hiệu quả của việc đổi mới phương thức hoạt động trong vận động, tập hợp lực lượng tham gia.

Hoạt động tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho đoàn viên, hội viên của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể ở cơ sở cũng được đẩy mạnh gắn với việc thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh *“học*

tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI về *“một số vấn đề cấp cách về xây dựng Đảng hiện nay”*; Nghị quyết số 08-NQ/TU về *“một số nhiệm vụ giải pháp ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên”*. Thông qua việc sử dụng hiệu quả các phương tiện, loại hình tuyên truyền như băng zon, khẩu hiệu, loa truyền thanh, hội nghị, tọa đàm, sách báo... Mặt trận và các đoàn thể đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền chuẩn bị Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2010 - 2015, bầu cử HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước. Bên cạnh đó, việc tuyên truyền đến đồng bào dân tộc thiểu số và đồng bào có đạo quan tâm và thực hiện theo Chỉ thị số 29-CT/TU, ngày 11/6/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về việc triển khai thực hiện Kết luận số 57-KL/TW của Bộ Chính trị *“về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) “về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc về công tác dân tộc, công tác tôn giáo”*. Nhờ đa dạng hóa hình thức tập hợp, vận động đã phát huy vai trò của các chức sắc tôn giáo trong thực hiện an sinh xã hội, xây dựng khối đại đoàn kết tại khu dân cư.

Dưới sự lãnh đạo sát sao của các cấp ủy đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cơ sở đã chủ động tổ chức các phong trào thi đua, các cuộc vận động sát với thực tiễn địa phương như: *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”*; phong trào *“phòng chống tội phạm ma túy”*, *“toàn dân tham gia đảm bảo trật tự an toàn giao thông”*, *“toàn dân giáo dục, cảm hoá người lầm lỗi tại gia đình và cộng đồng”*. Qua đó, thu hút đông đảo nhân dân tham gia, phát huy vai trò là chủ thể trong xây dựng địa phương.

Cùng với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội cũng tích cực vận động, thu hút đông đảo nhân dân tham gia phong trào thi đua, tạo nên những dấu ấn riêng trong từng tổ chức. Hội Nông dân với phong trào *“Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp đỡ nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới”*; Đoàn Thanh niên phát động phong trào *“5 xung kích phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ Tổ quốc”*, *“4 đồng hành cùng với thanh niên lập thân, lập nghiệp”*; Hội Phụ nữ thực hiện cuộc vận động *“phụ nữ rèn luyện phẩm chất đạo đức: Tự tin - Tự trọng - Trung hậu - Đảm đang”* gắn với phong trào thi đua *“Phụ nữ Quảng Ninh tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”*; Hội Cựu chiến binh phát động phong trào thi đua *“Cựu chiến binh gương mẫu phát huy bản chất Bộ đội Cụ Hồ”*, phong trào *“Thắp sáng đường*

quê”... , các cuộc vận động, phong trào thi đua do Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể phát động với nội dung, hình thức phù hợp, đã huy động được đông đảo nhân dân tham gia, đem lại hiệu quả thiết thực, trở thành phong trào quần chúng rộng khắp toàn tỉnh. “Hàng năm có trên 82% gia đình và 66% khu dân cư đạt danh hiệu văn hóa; giai đoạn 2010 - 2014 có 225 lượt xã, phường đạt danh hiệu tiên tiến cấp tỉnh” [82, tr.10]. Qua các phong trào thi đua đã phát huy được sức dân để xây dựng cuộc sống cho nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Năm 2013, sau khi Trung ương Đảng ban hành Quyết định số 217-QĐ/TW, số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, *“về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền”*, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh ban hành Kết luận số 1305-KL/TU, ngày 08/4/2014 về triển khai thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW, 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị (khoá XI) xác định rõ vai trò của cấp uỷ các cấp và vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể trong thực hiện quy chế, quy định phù hợp với chức trách, nhiệm vụ từng cấp. Nhằm kịp thời hướng dẫn và chỉ đạo hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp trong huy động nhân dân tham gia góp ý xây dựng HTCT trong sạch, vững mạnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Hướng dẫn số 18-HD/TU, ngày 7/4/2014 *“về việc Hướng dẫn thực hiện Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội”*; Chỉ thị số 32-CT/TU, ngày 27/11/2014 *“về việc đẩy mạnh thực hiện Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền”*.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể cơ sở đã tích cực vận động nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền thông qua việc tham gia góp ý kiến vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Tổ chức lấy ý kiến tham gia dự thảo Báo cáo Chính trị Đại hội Đảng các cấp. Các Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư đã tổ chức trên 9.000 cuộc họp khu dân cư [82, tr.10], để nhân dân thảo luận, bàn bạc, góp ý kiến vào dự thảo đề án, quy hoạch xây dựng Nông thôn mới, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Hàng năm, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở, tổ chức các chương trình phối hợp với UBND cùng cấp góp phần động viên, tạo điều kiện để nhân dân tham gia xây dựng chính quyền. Trong giai đoạn từ 2010

- 2014, Mặt trận Tổ quốc đã phối hợp với UBND cùng cấp chỉ đạo, hướng dẫn và chủ trì việc tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với chủ tịch, phó chủ tịch HĐND và UBND cấp xã, đã tổ chức 1.570 hội nghị ở khu dân cư, 186 hội nghị cấp cơ sở [82, tr.10]. Thực hiện Kế hoạch số 11-KH/TU, ngày 30/01/2015 “*về lấy phiếu tín nhiệm đối với thành viên lãnh đạo cấp uỷ và cán bộ trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội*”. Mặt trận Tổ quốc cơ sở đã nghiêm túc tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với 719 lượt các chức danh do HĐND cấp xã bầu theo quy định. Góp ý kiến đối với 1.320 lượt của 5 chức danh công chức cấp xã [82, tr.10].

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Chỉ thị số 05-CT/TU, ngày 14/01/2011 của về việc triển khai thực hiện Kết luận số 65-KL/TW của Ban Bí thư thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khoá VIII) về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Quyết định số 51-QĐ/TU, ngày 15/11/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Quảng Ninh “*về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở của tỉnh Quảng Ninh*”. Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở được kiện toàn từ tỉnh đến cơ sở. Ở xã, phường, thị trấn do Bí thư hoặc Phó Bí thư cấp uỷ làm Trưởng và Phó ban, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc và người đứng đầu các đoàn thể là thành viên của Ban Chỉ đạo. “Đến năm 2015, 100% xã, phường, thị trấn trên địa bàn đều thực hiện nghiêm túc những nội dung công khai để dân biết, dân bàn và quyết định” [133, tr.4]. Đồng thời, chủ động tổ chức triển khai thực hiện tốt các nội dung về QCDC ở cơ sở. Công tác giám sát của MTTQ và các đoàn thể đối với việc thực hiện QCDC ở cơ sở được chú trọng và đạt nhiều kết quả, đã góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao trách nhiệm của cấp uỷ đảng, sự điều hành của chính quyền cơ sở; tăng cường mối quan hệ giữa cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Từ đó, huy động được tối đa nguồn lực trong dân thực hiện thắng lợi các chủ trương lớn của tỉnh.

Bên cạnh đó, nhằm phát huy vai trò giám sát của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở đã triển khai thực hiện Hướng dẫn số 18-HD/BDV, ngày 7/4/2014 của Ban Dân vận Tỉnh uỷ về *Triển khai thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 02/12/2013 của Bộ Chính trị (khoá XI) với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”*. Qua quá trình thực hiện đã có 186/186 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh thành lập Ban thanh tra nhân dân, đã phát hiện, kiến nghị 1.363 vụ việc và đã có 1.219 vụ việc được chính quyền các cấp xem xét, giải quyết. Cùng với 186 Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, đã giám sát 3.744 công trình, dự án, phát hiện, kiến nghị

514 vụ việc vi phạm, nội dung giám sát chủ yếu tập trung vào những vấn đề bức xúc ở địa phương như: Đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư; xử lý chất thải, bảo vệ môi trường... Qua thanh tra, giám sát đã phát hiện sai phạm và kịp thời kiến nghị với các cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết. Thành lập 1.680 tổ hoà giải ở cơ sở, từng bước đổi mới nâng cao chất lượng hiệu quả đã thực hiện trên 12.860 vụ việc hoà giải, trong đó 10.507 vụ việc hoà giải thành công đạt tỷ lệ 81,7% [133, tr.5]. Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể cơ sở thường xuyên lắng nghe, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, dư luận xã hội để kịp thời phản ánh với các cấp ủy đảng, chính quyền, đồng thời cung cấp thông tin đến nhân dân, góp phần định hướng dư luận xã hội và tạo sự đồng thuận trong nhân dân. Đến năm 2015, toàn tỉnh đã có 36 xã cơ bản đạt tiêu chí xã Nông thôn mới, trong đó 14 xã về đích sớm hơn so với lộ trình. Tỷ lệ đường giao thông xã, liên xã được thảm nhựa, đổ bê-tông đạt 72%; tỷ lệ các thôn, bản được sử dụng điện lưới quốc gia đạt 99,45%; 100% số xã có cơ sở vật chất bảo đảm phục vụ tốt các hoạt động văn hóa truyền thống; thu nhập bình quân đã tăng 14,5%, góp phần giảm hộ nghèo chung toàn tỉnh xuống còn 2,42% [42, tr.30].

Bên cạnh những kết quả đạt được, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở cũng nghiêm túc tự đánh giá “công tác nắm bắt tình hình nhân dân có lúc, có nơi chưa kịp thời. Việc chuyển đổi mô hình hoạt động tại khu dân cư còn mang tính hình thức, chưa theo kịp những biến đổi nhanh chóng của đời sống xã hội tại địa phương. Công tác giám sát, phản biện xã hội vẫn còn là khâu yếu” [82, tr.12]. Thực trạng này đặt ra yêu cầu cần có những giải pháp quyết liệt và đồng bộ trong giai đoạn tiếp theo.

Tiểu kết chương 2

Từ năm 2010 đến năm 2015, trên cơ sở quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương của Đảng, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã đánh giá đúng thực tiễn địa phương, nhận diện cả thuận lợi, khó khăn và những yêu cầu đặt ra, từ đó, tỉnh chủ động cụ thể hóa thành các chủ trương, nghị quyết, kế hoạch phù hợp, làm cơ sở lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng HTCT ở cơ sở.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, công tác xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở được tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm: củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền cơ sở gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức; đồng thời kiện toàn tổ chức, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Với sự chỉ đạo quyết liệt, HTCT ở cơ sở từng bước được củng cố và kiện toàn. Tổ chức cơ sở đảng tại xã, phường, thị trấn được sắp xếp lại, đội ngũ đảng viên không ngừng được nâng lên cả về số lượng và chất lượng phát huy vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở; chính quyền cơ sở từng bước được kiện toàn, nâng cao hiệu lực quản lý, đội ngũ cán bộ, công chức được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng; hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể có chuyển biến theo hướng bám sát cơ sở. Nhìn chung, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, công tác xây dựng HTCT ở cơ sở giai đoạn 2010 - 2015 đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần củng cố HTCT, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xây dựng HTCT được Đảng bộ tỉnh nghiêm túc đánh giá vẫn còn hạn chế như: một số tổ chức cơ sở đảng tính chiến đấu bị suy giảm; một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở tuy có đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động song có nơi vẫn còn mang tính hành chính, chưa thực chất.

Những kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng HTCT ở cơ sở giai đoạn này là tiền đề quan trọng, trở thành kinh nghiệm quý cho quá trình Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo xây dựng HTCT cơ sở giai đoạn tiếp theo.

Chương 3

CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NINH (2015 - 2020)

3.1. NHỮNG YẾU TỐ MỚI VÀ CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ

3.1.1. Những yếu tố mới tác động đến sự lãnh đạo của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở

Giai đoạn 2015 - 2020 là thời kỳ có nhiều biến động sâu sắc cả trong nước và quốc tế, đặt ra những yêu cầu mới đối với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam nói chung và công tác xây dựng HTCT ở cơ sở nói riêng. So với giai đoạn trước, quá trình xây dựng HTCT ở cơ sở trong thời kỳ này chịu tác động tổng hợp của nhiều yếu tố mới, vừa tạo thời cơ, vừa đặt ra không ít thách thức đối với năng lực lãnh đạo, phương thức lãnh đạo của Đảng.

Thế giới chứng kiến sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, những diễn biến phức tạp về an ninh truyền thống và phi truyền thống “tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo trong khu vực và trên Biển Đông diễn ra gay gắt, phức tạp”[39, tr.73]. Sự kiện Trung Quốc đưa giàn khoan trái phép Hải Dương 981 và các tàu hộ tống vào vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam (từ ngày 01/5/2014 đến ngày 16/7/2014) các thế lực phản động, cực đoan lợi dụng để kích động, gây rối, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội ở một số địa phương, qua đó, yêu cầu đặt ra phải củng cố, nâng cao năng lực của HTCT ở cơ sở, nhằm chủ động giữ vững ổn định chính trị - xã hội ngay từ sớm, từ xa, từ cơ sở.

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế diễn ra mạnh mẽ đã mở ra nhiều cơ hội phát triển cho đất nước, nhưng bên cạnh đó cũng làm xuất hiện nhiều vấn đề mới về việc làm, an sinh xã hội, phân hóa giàu nghèo, di cư lao động, tác động trực tiếp đến đời sống kinh tế - xã hội ở các quốc gia, đòi hỏi HTCT ở cơ sở phải nâng cao năng lực quản lý xã hội, khả năng thích ứng và xử lý các tình huống phức tạp nảy sinh từ thực tiễn.

Trong giai đoạn này, đất nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững, gắn với phát triển kinh tế tri thức, kinh tế xanh, kinh tế số. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế tác động

trực tiếp đến cơ sở, làm thay đổi phương thức sản xuất, cơ cấu lao động và sinh kế của người dân. Điều đó đặt ra yêu cầu HTCT ở cơ sở không chỉ thực hiện tốt chức năng quản lý hành chính, mà còn phải đóng vai trò định hướng, vận động, hỗ trợ người dân thích ứng với những thay đổi của nền kinh tế, qua đó đặt ra yêu cầu đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của các tổ chức đảng ở cơ sở.

Sự bùng nổ của công nghệ thông tin, mạng xã hội và truyền thông số đã làm thay đổi sâu sắc phương thức tiếp cận thông tin, nhận thức và hành vi chính trị - xã hội của người dân. Ở cơ sở, thông tin lan truyền nhanh, đa chiều, khó kiểm soát, trong khi các thế lực thù địch gia tăng lợi dụng không gian mạng để xuyên tạc, kích động, chống phá Đảng và Nhà nước. Đây là yếu tố mới tác động mạnh đến công tác tư tưởng, dân vận và xây dựng niềm tin của nhân dân, đòi hỏi HTCT ở cơ sở phải nâng cao năng lực nắm bắt dư luận xã hội, chủ động thông tin, đối thoại và định hướng tư tưởng kịp thời.

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao dân trí, Nhân dân ngày càng quan tâm và đặt yêu cầu cao hơn đối với tính minh bạch, trách nhiệm giải trình, chất lượng phục vụ của chính quyền và cán bộ cơ sở. Những hạn chế trong giải quyết thủ tục hành chính, khiếu nại, tố cáo, những biểu hiện quan liêu, xa dân ở cơ sở dễ dẫn đến bức xúc xã hội. Điều đó buộc Đảng phải tăng cường lãnh đạo xây dựng HTCT ở cơ sở theo hướng gần dân, sát dân, phát huy dân chủ, lấy sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo hiệu quả hoạt động.

Trong giai đoạn 2015 - 2020, công tác xây dựng HTCT ở cơ sở chịu tác động của nhiều yếu tố mới, đan xen, đa chiều. Những yếu tố này vừa tạo động lực đổi mới, vừa đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đổi mới tư duy, nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng, nhằm xây dựng HTCT ở cơ sở hoạt động thực sự hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững trong bối cảnh mới.

3.1.2. Chủ trương của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở

Dưới tác động của những biến đổi nhanh chóng, phức tạp của tình hình thế giới và trong nước, yêu cầu củng cố HTCT vững mạnh từ Trung ương đến cơ sở, bảo đảm năng lực lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển đất nước trong bối cảnh mới, trở thành nhiệm vụ cấp bách và có ý nghĩa chiến lược. Trên tinh thần đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam (2016) đã xác định mục tiêu xuyên suốt: *“Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh”* [39, tr.52].

Đại hội XII, đồng thời nhấn mạnh nhiệm vụ trọng tâm trong đổi mới HTCT từ Trung ương đến cơ sở là: *“Xây dựng tổ chức bộ máy của toàn hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”* [39, tr.74]. Đây được coi là định hướng then chốt nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo, nâng cao chất lượng quản trị và hiệu quả phục vụ Nhân dân, trước hết và trực tiếp ở cấp cơ sở.

Đối với xây dựng HTCT ở cơ sở, Đại hội XII chỉ rõ yêu cầu: *“Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương; gắn kết đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp; hoàn thiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt theo luật định”* [39, tr.180]. Định hướng này thể hiện tư duy đổi mới toàn diện, coi trọng tính đặc thù của từng loại hình địa bàn, đồng thời đặt HTCT ở cơ sở vào vị trí trung tâm của quá trình tổ chức thực thi đường lối, chính sách.

Bên cạnh đó, Đại hội XII tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu đổi mới bộ máy của Đảng và HTCT theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành; gắn tinh giản tổ chức bộ máy với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Đại hội xác định “nghiên cứu thí điểm hợp nhất một số cơ quan Đảng và Nhà nước có chức năng, nhiệm vụ tương đồng; quản lý biên chế thống nhất trong toàn hệ thống chính trị; thực hiện kiêm nhiệm một số chức danh; cơ bản thực hiện mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch Hội đồng nhân dân các cấp, đồng thời sớm tổng kết mô hình bí thư cấp ủy kiêm chủ tịch Ủy ban nhân dân ở những địa phương đủ điều kiện... Tinh giản cán bộ được hưởng lương và phụ cấp ở cơ sở” [39, tr.203-204]. Những chủ trương này hướng trực tiếp tới việc nâng cao tính thống nhất, trách nhiệm cá nhân và hiệu quả hoạt động của HTCT ở cơ sở, đồng thời giảm gánh nặng biên chế, phụ cấp.

Nhằm cụ thể hóa các định hướng lớn của Đại hội XII, Trung ương Đảng đã ban hành các nghị quyết chuyên đề quan trọng, làm cơ sở chính trị và định hướng trực tiếp cho quá trình xây dựng, củng cố và đổi mới HTCT ở cơ sở trong giai đoạn này.

Hội nghị Trung ương 4 (10/2016) ra Nghị quyết *“Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ”*. Nghị quyết chỉ rõ những biểu hiện suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống và những

biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” vẫn chưa được ngăn chặn, đẩy lùi, thậm chí có mặt còn diễn biến phức tạp hơn, có thể gây ra những hậu quả khôn lường.

Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) xác định mục tiêu nâng cao nhận thức, nhận diện đúng các biểu hiện suy thoái, đồng thời đề ra hệ thống giải pháp đồng bộ nhằm ngăn chặn, đẩy lùi và khắc phục có hiệu quả tình trạng này. Trọng tâm là chấn chỉnh công tác cán bộ và quản lý cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, tinh thần trách nhiệm cao, năng lực và động cơ đúng đắn; đề cao trách nhiệm nêu gương, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, xử lý nghiêm minh các vi phạm. Việc thực hiện Nghị quyết có ý nghĩa then chốt trong củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, qua đó tác động trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của HTCT ở cơ sở.

Tiếp đó, Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (khóa XII) đã ra Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 về *“Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”*. Nghị quyết xác định: Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của HTCT tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; giảm chi thường xuyên và góp phần cải cách chính sách tiền lương.

Nghị quyết 18-NQ/TW, đề ra lộ trình và mục tiêu cụ thể cho các năm như sau:

Đến 2021, cơ bản hoàn thành việc sắp xếp, kiện toàn một số tổ chức và các đầu mối theo hướng giảm đầu mối, giảm tối đa cấp trung gian, giảm cấp phó. Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện một số quy định liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị để kịp thời khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý; Thực hiện thí điểm một số mô hình mới về tổ chức bộ máy và kiêm nhiệm chức danh để tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, góp phần làm rõ về lý luận và thực tiễn; Sắp xếp thu gọn hợp lý các đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt 50% tiêu chuẩn theo quy định về quy mô dân số, diện tích tự nhiên và giảm số lượng thôn, tổ dân phố; giảm tối thiểu 10% biên chế so với năm 2015.

Từ năm 2021 đến 2030: Hoàn thành việc nghiên cứu và tổ chức thực hiện mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu, điều kiện cụ thể của nước ta trong giai đoạn mới, giảm biên chế; Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; Tiếp tục cụ thể hoá, thể chế hoá chủ trương, nghị quyết, kết luận của Đảng về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy bằng các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; Phân định rõ và tổ chức thực hiện mô hình chính quyền đô thị, nông thôn, hải đảo và đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; Cơ bản hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, xã và thôn, tổ dân phố theo tiêu chuẩn quy định.

Như vậy, các định hướng tại Đại hội XII, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) *“Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ”*; Nghị quyết số 18-NQ/TW *“Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”* đã tạo khung chỉ đạo chiến lược và lộ trình cụ thể cho các Đảng bộ địa phương trong lãnh đạo xây dựng, củng cố và đổi mới HTCT ở cơ sở theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới.

3.2. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH VỀ XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ (2015 - 2020)

Những thành tựu quan trọng đạt được trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trong nhiệm kỳ (2010 - 2015) đã tạo ra thế và lực mới cho tỉnh Quảng Ninh vươn lên giữ vị trí ngày càng quan trọng trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, trở thành một trong ba trụ cột của tam giác tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Trên cơ sở tổng kết sâu sắc những kết quả đạt được, đồng thời thẳng thắn nhìn nhận những hạn chế và rút ra bài học kinh nghiệm trong giai đoạn trước, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XIV nhiệm kỳ 2015 - 2020 đã xác định: *“Tiếp tục đẩy mạnh công tác lãnh đạo xây dựng tổ chức đảng và hệ thống chính trị vững mạnh”* [42, tr.77] là mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt của nhiệm kỳ.

Đại hội yêu cầu tập trung đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 03/3/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa XIII về *“đổi*

mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế”, coi đây là khâu đột phá nhằm “Củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng ở cơ sở, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; đồng thời phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong tập hợp, đoàn kết Nhân dân” [42, tr.81].

Trên tinh thần đó, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đã xác định rõ những nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm trong xây dựng HTCT ở cơ sở: “Sắp xếp lại các tổ chức đảng theo hướng gắn với bộ máy chính quyền, tiếp tục thực hiện nhất thể hoá một số chức danh lãnh đạo để đảm bảo và nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng. Kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng và chất lượng của đội ngũ cán bộ bí thư chi bộ, trưởng thôn, khu, trưởng ban công tác mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy chính quyền các cấp. Đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân theo hướng bám sát cơ sở” [42, tr.109].

Trên cơ sở định hướng của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XIV, Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh đã ban hành các chương trình, nghị quyết chuyên đề nhằm cụ thể hóa chủ trương xây dựng HTCT ở cơ sở trong lĩnh vực.

Trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh xác định đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tư tưởng là khâu then chốt trong toàn Đảng bộ. Trên cơ sở đó, tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 18/12/2017 về “*Một số giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng trong tình hình mới*”.

Nghị quyết đã thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, kém hiệu quả công tác tư tưởng trong thời gian qua: “Một số cấp uỷ đảng và cán bộ đảng viên còn hạn chế nhận thức, lúng túng trong nhận diện đấu tranh ngăn chặn những biểu hiện “tự diễn biến”, tự chuyển hoá” và những luận điệu xuyên tạc. Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa chú trọng học tập lý luận chính trị và các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, còn qua loa, hình thức, do đó chưa tạo được bước chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động...” [7, tr.2].

Nghị quyết xác định mục tiêu “nâng cao nhận thức chính trị, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, chủ động ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng

chính trị, đạo đức, lối sống” [7, tr.2]; đồng thời đề ra các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như: tăng cường trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, nhất là người đứng đầu; đổi mới mạnh mẽ công tác giáo dục lý luận chính trị, đạo đức, lối sống; nâng cao hiệu quả quản lý, định hướng thông tin, nhất là trên internet và mạng xã hội; chủ động nắm bắt, định hướng dư luận xã hội; kiên quyết đấu tranh chống các âm mưu “diễn biến hòa bình”, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng ngay từ cơ sở. Nghị quyết số 10-NQ/TU nhấn mạnh, công tác tư tưởng phải được thực hiện từ mỗi đảng viên, ngay trong từng TCCSĐ, coi đây là giải pháp quan trọng đẩy lùi suy thoái “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Như vậy, so với nhiệm kỳ trước, trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, Đảng bộ tỉnh đã chú trọng hơn đến công tác tư tưởng, đặt ra nhiệm vụ cho công tác tư tưởng phải thực sự đi trước mở đường trong quy trình lãnh đạo.

Nhằm đẩy mạnh sắp xếp, xây dựng bộ máy của hệ thống chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 21-Ctr/TU, ngày 05/02/2018 “*tiếp tục thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW, Nghị quyết 19-NQ/TW tại Hội Nghị Trung ương 6, khóa XII*” với mục tiêu: Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước và chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy quyền làm chủ nhân dân; tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Theo đó, tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu như sau:

(1) Sắp xếp tổ chức bộ máy đối với cơ quan khối đảng, đoàn thể; cơ quan hành chính; đơn vị hành chính. Thực hiện 100% mô hình cơ quan tham mưu, giúp việc chung khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp huyện, hoàn thành vào đầu năm 2018. Thí điểm thực hiện mô hình ở cấp tỉnh, cấp xã để thực hiện liên thông.

Yêu cầu rà soát và xây dựng đề án để có lộ trình triển khai sắp xếp tổ chức lại một số đơn vị hành chính cấp xã và thôn, bản, khu phố chưa đạt 50% tiêu chuẩn theo quy định về quy mô dân số, diện tích tự nhiên theo lộ trình phù hợp.

(2) Về tinh giản biên chế: Năm 2017, sử dụng số lượng biên chế công chức theo đúng số lượng Trung ương giao. Năm 2018, mỗi năm thực hiện giảm 2,5% đảm bảo đến 2021 giảm 10% so với số lượng biên chế được Trung ương giao năm 2015. Trong giai đoạn 2017 - 2021, đơn vị, địa

phương nào có tổng số người nghỉ hưu đúng tuổi, nghỉ theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP và chuyển công tác mà chưa đảm bảo tinh giản 10% biên chế thì không được tuyển dụng bổ sung công chức, viên chức và sẽ bị cắt giảm chỉ tiêu biên chế được giao.

(3) Về công tác quản lý: Điều động, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện có chuyên môn phù hợp với tiêu chuẩn chức danh xuống làm việc tại các xã, phường có quy mô lớn, dân số đông để đảm bảo định mức tối đa theo quy định.

(4) Về cơ chế, chính sách: Dành nguồn lực thoả đáng để thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Thực hiện khoán quỹ lương và chi quản lý hành chính đối với cán bộ, công chức cấp xã theo định biên và thực hiện tinh giản 10%; khoán số lượng chức danh phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, bản, khu phố.

Chương trình hành động số 21-CTr/TU đã cụ thể hóa các nhóm nhiệm vụ, giải pháp đối với tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở. Qua đó cho thấy, so với nhiệm kỳ trước trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, Đảng bộ tỉnh quyết liệt đẩy mạnh hơn nữa quá trình đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của HTCT ở cơ sở theo hướng tinh gọn, đồng bộ từ TCCSĐ đến chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HTCT ở cơ sở.

Trong xây dựng chính quyền, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã

So với nhiệm kỳ trước, nhận thức và cách tiếp cận của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh trong xây dựng chính quyền và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ở nhiệm kỳ 2015 - 2020 có bước chuyển rõ nét, từ chú trọng tổ chức thực hiện sang nhấn mạnh chất lượng phục vụ, kỷ luật hành chính và trách nhiệm phục vụ nhân dân. Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 09/12/2015 “*về phương hướng, nhiệm vụ năm 2016*”, nhấn mạnh “Nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân, đề cao kỷ luật kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức; có cơ chế để người dân tham gia đánh giá cán bộ, công chức trực tiếp thực thi công vụ; thực hiện tốt công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở”[7, tr.8]. Đến năm 2018, Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 08/12/2017 “*về phương hướng, nhiệm vụ năm 2018*”, xác định “Nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền theo hướng đồng bộ, khoa học, hướng về cơ sở; tiếp tục chấn

chính nâng cao kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở xã, phường, thị trấn, có trình độ chuyên môn cao, ý thức trách nhiệm với công việc phân công và nhân dân.” [10, tr.3]. Nghị quyết số 20-NQ/TU, ngày 02/12/2019 “*về phương hướng, nhiệm vụ năm 2020*”, tập trung “Tiếp tục quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức nhất là cấp cơ sở, cấp phòng. Nhanh chóng sắp xếp bộ máy, cán bộ các cơ quan trong hệ thống chính trị ở những đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện sau sát nhập, giải quyết thỏa đáng chế độ chính sách cho công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã bị tác động trong quá trình sắp xếp”[11, tr.4].

Trong xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể

Trên cơ sở những hạn chế được chỉ ra trong giai đoạn 2010 - 2015, Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 03/12/2016 “*về phương hướng, nhiệm vụ năm 2017*” yêu cầu “Thông nhất mô hình hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ Tỉnh đến cơ sở để đảm bảo hoạt động thông suốt, hiệu quả mô hình cơ quan tham mưu giúp việc chung của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Mỗi đoàn thể chính trị - xã hội ngoài hoạt động toàn diện, cần chọn 1 đến 2 mô hình rõ việc, rõ nội dung để vận động tập trung, không dàn trải” [8, tr.5]. Tiếp tục phát triển nhận thức này theo chiều sâu, đến năm 2019, ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TU, ngày 02/12/2019 “*về phương hướng, nhiệm vụ năm 2020*”, nhằm “Tiếp tục củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng thực chất về cơ sở. Nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình cơ quan khối liên thông từ tỉnh đến cấp xã”. Như vậy, so với giai đoạn trước, trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, Đảng bộ tỉnh đã tăng cường chỉ đạo đưa nội dung đổi mới phương thức hoạt động, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trở thành nhiệm vụ trọng tâm trong các nghị quyết công tác năm.

Qua hệ thống các nghị quyết, chỉ thị và văn bản lãnh đạo của Tỉnh ủy có thể thấy, chủ trương của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh về xây dựng HTCT ở cơ sở trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, được bổ sung hoàn thiện từ nhận thức, mục tiêu, quan điểm, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp:

Về nhận thức, trên cơ sở tổng kết thực tiễn nhiệm kỳ 2010 - 2015 và quán triệt các nghị quyết của Trung ương, nhất là Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW, Đảng bộ tỉnh Quảng

Nhìn nhận thức ngày càng sâu sắc hơn vị trí, vai trò của HTCT ở cơ sở. Nếu như giai đoạn trước chủ yếu tập trung củng cố tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của từng thành tố trong HTCT, thì giai đoạn 2015 - 2020, Đảng bộ tỉnh xác định xây dựng HTCT ở cơ sở là khâu đột phá trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị địa phương và chất lượng phục vụ Nhân dân; coi đây là điều kiện quan trọng để thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững của tỉnh.

Về mục tiêu, Đảng bộ tỉnh hướng tới xây dựng HTCT ở cơ sở trong sạch, vững mạnh, hoạt động tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; xây dựng chính quyền cơ sở phục vụ Nhân dân; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; đồng thời đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng thiết thực, hiệu quả, bám sát cơ sở.

Về quan điểm, Đảng bộ tỉnh xác định xây dựng HTCT ở cơ sở phải được thực hiện đồng bộ giữa xây dựng, chỉnh đốn Đảng với đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; gắn đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng với thực hiện tinh giản bộ máy, tinh giản biên chế, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; lấy hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị và sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo kết quả lãnh đạo.

Về phương hướng, Đảng bộ tỉnh chủ trương tiếp tục đổi mới toàn diện HTCT ở cơ sở theo hướng tinh gọn, đồng bộ và hiện đại; tập trung đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy; nâng cao chất lượng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở; đẩy mạnh cải cách hành chính; kiện toàn tổ chức bộ máy gắn với sắp xếp đơn vị hành chính; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Về nhiệm vụ và giải pháp, Đảng bộ tỉnh tập trung triển khai đồng bộ các nhóm nhiệm vụ, giải pháp: nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, xây dựng, chỉnh đốn Đảng; thực hiện quyết liệt đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là cán bộ cơ sở; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; đổi mới hoạt động của chính quyền theo hướng phục vụ

Nhân dân; tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng thực chất, hướng mạnh về cơ sở; đồng thời đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, phát huy dân chủ và tăng cường sự tham gia của Nhân dân trong xây dựng hệ thống chính trị.

Nhìn chung, so với nhiệm kỳ 2010 - 2015, chủ trương của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh về xây dựng HTCT ở cơ sở trong giai đoạn 2015 - 2020 có bước phát triển mới cả về nhận thức và hành động. Nếu giai đoạn trước chủ yếu tập trung củng cố, kiện toàn từng bộ phận của HTCT thì giai đoạn này đã chuyển mạnh sang đổi mới đồng bộ tổ chức bộ máy, phương thức lãnh đạo và cơ chế vận hành của toàn HTCT ở cơ sở theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, tạo nền tảng quan trọng để Quảng Ninh trở thành một trong những địa phương tiên phong trong triển khai các chủ trương đổi mới về tổ chức và hoạt động của HTCT, đồng thời tạo thực tiễn phong phú để Trung ương nghiên cứu, tổng kết và hoàn thiện các chủ trương, chính sách về sắp xếp tổ chức bộ máy của HTCT.

3.3. ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NINH CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ (2015 - 2020)

3.3.1. Xây dựng tổ chức cơ sở đảng

Tỉnh ủy Quảng Ninh chỉ đạo công tác xây dựng TCCSD đồng bộ, toàn diện trên các mặt chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức, cán bộ.

3.3.1.1. Công tác chính trị, tư tưởng, đạo đức

So với giai đoạn trước, trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, công tác tư tưởng, chính trị được tăng cường triển khai đồng bộ gắn chặt với việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh cải cách hành chính, quyết liệt tinh gọn bộ máy và sắp xếp HTCT từ cấp tỉnh đến cơ sở. Tỉnh ủy đã chỉ đạo đổi mới mạnh mẽ cả về nội dung và phương thức thực hiện công tác tư tưởng, bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ. Đặc biệt, Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 18/12/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ về “*Một số giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng trong tình hình mới*” đã trở thành định hướng quan trọng, góp phần chuyển biến chất lượng công tác chính trị, tư tưởng ở cơ sở.

Nhằm định hướng lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và văn hoá cho thanh niên Quảng Ninh, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của thế hệ trẻ với tương lai của tỉnh, từ đó, có những đóng góp tích cực vào sự phát triển của quê hương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 11-CT/TU, ngày 17/10/2016 về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, văn hoá cho thế hệ trẻ Quảng Ninh trong giai đoạn hội nhập quốc tế hiện nay”*. Để đảm bảo các thông tin được đăng tải trên báo chí đảm bảo đúng định hướng tư tưởng, chính trị của Đảng, Nhà nước, góp phần xây dựng sự đồng thuận xã hội, Tỉnh ủy ban hành Quy định số 406-QĐ/TU, ngày 15/11/2016 *“về chỉ đạo, định hướng tư tưởng, chính trị đối với công tác thông tin báo chí và công tác tiếp nhận xử lý thông tin báo chí, dư luận xã hội”*. Dưới sự chỉ đạo Tỉnh uỷ, các cấp uỷ cơ sở đã triển khai thực hiện đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền. Nội dung tuyên truyền tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh và gắn với nhiệm vụ chính trị tại cơ sở như: Chương trình xây dựng Nông thôn mới, cải cách hành chính, giải phóng mặt bằng cho các dự án trọng điểm, sắp xếp bộ máy trong HTCT ở cơ sở...phương pháp tuyên truyền cũng được đổi mới theo hướng ngắn gọn, dễ nhớ, dễ hiểu, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, đánh giá. Thông qua các buổi sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề, các cấp uỷ cơ sở tiến hành thông tin, định hướng tư tưởng cho cán bộ, đảng viên về các chính sách, chủ trương, nghị quyết Đảng các cấp. Thường xuyên tuyên truyền, vận động đến cá nhân, hộ gia đình, tạo sự đồng thuận, ủng hộ trong nhân dân với các chủ trương của tỉnh. Tỉnh uỷ chỉ đạo duy trì nền nếp việc tổ chức học tập và quán triệt các nghị quyết, chỉ thị thông qua hình thức trực tiếp và trực tuyến đến tận cơ sở. So với nhiệm kỳ trước, trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, công tác tuyên truyền được chú trọng cấp hơn ở cơ sở. Tỉnh uỷ đã chỉ đạo mở rộng các mô hình hội nghị trực tuyến đến toàn bộ 186 xã, phường, thị trấn, thiết lập 239 điểm cầu truyền hình trực tuyến từ tỉnh đến tận xã, phường, thị trấn [149, tr.7], qua đó bảo đảm việc truyền tải kịp thời, đầy đủ các chủ trương của Trung ương và của tỉnh đến cơ sở một cách nhanh

chóng, hiệu quả. Tại các xã có đông đồng bào dân tộc thiểu số như xã Hà Lâu, Đại Dực (thuộc huyện Tiên Yên), tại các xã Húc Động, Đồng Văn, Hoàn Mô, Lục Hồn (thuộc huyện Bình Liêu), xã Hải Sơn, Bắc Sơn, Quảng Nghĩa (thành phố Móng Cái), Kỳ Thượng, Quảng La, Tân Dân...(thuộc huyện Hoàn Bô), yêu cầu đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên sử dụng tiếng dân tộc, đài phát thanh phát bằng tiếng dân tộc để tuyên truyền đến từng người dân. Cùng với đó, phát hành đĩa CD, sách, báo, pano, áp phích để hỗ trợ cho công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin chủ trương, chính sách chính sách của Đảng và Nhà nước, tỉnh kịp thời đến Nhân dân ở cơ sở.

Nhiệm kỳ 2015 - 2020, công tác xây dựng Đảng về đạo đức được nhấn mạnh hơn trong toàn Đảng bộ. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Chương trình hành động số 11-Ctr/TU, ngày 10/3/2017 *“về thực hiện Nghị quyết hội nghị Trung ương 4 (khoá XII) về xây dựng chỉnh đốn Đảng”*, yêu cầu các cấp uỷ hàng năm tổ chức kiểm điểm tập thể, cá nhân lãnh đạo, quản lý, nghiêm túc làm rõ khuyết điểm, chú trọng giải pháp, lộ trình khắc phục, gắn với kiểm điểm tự phê bình, phê bình, coi trọng *“tự soi, tự sửa”*. Cùng với Chương trình số 11-Ctr/TU, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã ban hành Quy định số 04-QĐ/TU, ngày 07/6/2017 về *“Rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống; không suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” đối với cán bộ, đảng viên”*, trong đó đưa ra 03 nhóm tiêu chuẩn đối với cán bộ, đảng viên (1) Về nhận thức, lập trường, tư tưởng; (2) Về ý thức trách nhiệm trong công tác; (3) Về rèn luyện đạo đức, lối sống, tác phong. Từ đó, yêu cầu cán bộ, đảng viên chủ động cam kết rèn luyện, phấn đấu, nêu gương trong thực hiện nhiệm vụ. Bên cạnh đó, Tỉnh uỷ Quảng Ninh ban hành các quy định như: Quy định số 06-QĐ/TU, ngày 08/4/2017 *“về việc tiếp nhận thông tin phản ánh liên quan đến tham nhũng, suy thoái đối với cán bộ, đảng viên”*; Quy định số 1957-QĐ/TU, ngày 28/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về *“tiếp nhận, xử lý những phản ánh của nhân dân liên quan đến tham nhũng, suy thoái theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khoá XII)”*. Hệ thống các văn bản chỉ đạo kịp thời của Tỉnh uỷ đã thể hiện

quyết tâm xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức lối sống “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Thực hiện sự chỉ đạo Tỉnh uỷ, cấp uỷ cơ sở đã chỉ đạo các TCCSĐ hàng năm yêu cầu đảng viên viết cam kết tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu, chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương, thực hiện tốt những điều đảng viên không được làm, nêu cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ. Qua quá trình triển khai thực hiện nghiêm túc đã tạo sự chuyển biến trong nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ ở cơ sở “Nhìn chung, nhận thức, trách nhiệm về phòng chống suy thoái đã có chuyển biến rõ nét, không có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong đội ngũ cán bộ, đảng viên” [149, tr.3].

Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về *“Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”*, nhiệm kỳ 2015 - 2020, Tỉnh uỷ đã ban hành 05 kế hoạch chỉ đạo đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong toàn tỉnh: Kế hoạch số 84-KH/TU, ngày 04/11/2016; Kế hoạch số 101-KH/TU, ngày 27/3/2017; Kế hoạch số 165-KH/TU, ngày 30/01/2018; Kế hoạch số 254-KH/TU, ngày 25/01/2019; Kế hoạch số 375-KH/TU, ngày 10/01/2020 về *“Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”*. Trên cơ sở kế hoạch của Tỉnh uỷ hàng năm, các cấp uỷ, TCCSĐ chỉ đạo đưa việc học tập, làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào các chương trình, kế hoạch của chi bộ, đảng bộ, gắn chặt chẽ với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XII), Quy định số 04-QĐ/TU, ngày 07/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về *“Rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, không suy thoái, tự diễn biến, tự chuyển hoá đối với cán bộ, đảng viên”*. Trên cơ sở đó, cấp uỷ các cấp rà soát, bổ sung, cụ thể hóa việc học tập theo Bác bằng việc làm cụ thể như: ban hành các quy định, xây dựng chuẩn mực đạo đức, văn hóa ứng xử... theo tấm gương của Bác và được niêm yết tại trụ sở cơ quan, đơn vị để hàng ngày nhắc nhở cán bộ, đảng viên nghiêm túc thực hiện.

So với giai đoạn trước, điểm đổi mới nổi bật trong giai đoạn này là việc học tập và làm theo Bác được Tỉnh uỷ chỉ đạo gắn chặt với giải pháp, thời gian khắc phục những tồn tại, hạn chế sau khi được tổ chức chỉ ra. Lấy kết quả khắc phục hạn chế làm căn cứ để kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân hàng năm. Việc học và làm theo Bác còn được chú trọng trong xây dựng

và nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả, qua đó tạo sức lan tỏa sâu rộng. Qua quá trình học tập theo Bác ở cơ sở, đã xuất hiện các cách làm sáng tạo, sát với nhiệm vụ được giao, xây dựng được nhiều mô hình tiêu biểu về học tập theo Bác như: các xã Đập Thanh, Đồn Đạc, Lương Minh, Nam Sơn, Thanh Lâm, Thanh Sơn thuộc huyện Ba Chẽ triển khai mô hình “học tập và làm theo Bác gắn với mô hình dân vận khéo”; Thị trấn Vân Đồn cụ thể hoá Chỉ thị 05-CT/TW, ngày 15/5/2016, bằng việc đề ra “tiêu chí, chuẩn mực đạo đức đối với cán bộ cơ sở theo tư tưởng, tấm gương Hồ Chí Minh”; Huyện Tiên Yên chỉ đạo các Đảng bộ xã duy trì “cuốn sổ vàng truyền thống” mỗi chi bộ, đảng bộ cơ sở lập 01 cuốn sổ để ghi chép, lưu trữ những tấm gương tiêu biểu của cán bộ, đảng viên học tập và làm theo Bác; Thành phố Móng Cái đã ban hành “Bộ quy tắc ứng xử chung cho đội ngũ cán bộ, công chức xã, phường”... Trong 4 năm (2016 - 2020), toàn tỉnh ghi nhận có 707 mô hình tập thể, 790 mô hình cá nhân điển hình, tiêu biểu trong học tập và làm theo Bác [148, tr.3]. Việc đẩy mạnh học và làm theo Bác đã góp phần tạo chuyển biến trong đội ngũ cán bộ đảng viên về ý thức trách nhiệm, tự giác rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, từng bước khắc phục biểu hiện quan liêu, hách dịch, vô cảm trong thi hành công vụ của đội ngũ cán bộ ở cơ sở, củng cố niềm tin của Nhân dân với Đảng. Theo kết quả điều tra xã hội học của Ban Dân vận Tỉnh ủy, tỷ lệ cán bộ, đảng viên, nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh được nâng lên hằng năm, từ 73,3% năm 2016, tăng lên 79% năm 2017, 85,1% năm 2018 và 96,1% năm 2019 và 95,21% năm 2020 [16, tr.3].

3.3.1.2. Công tác cán bộ

Nhiệm kỳ 2015 - 2020, công tác cán bộ được Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đặc biệt quan tâm, tăng cường với nhận thức ngày càng sâu sắc về vai trò then chốt của đội ngũ cán bộ trong việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng. Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy cơ sở thực hiện đồng bộ, chặt chẽ các khâu trong công tác cán bộ.

Trong giai đoạn này, công tác tuyển dụng cán bộ cơ sở được quan tâm đặc biệt. Tỉnh ủy chỉ đạo đổi mới công tác tuyển dụng cán bộ, công chức theo hướng coi trọng chất lượng. Chủ trương mở rộng ngành, chuyên ngành tuyển dụng đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh. Thông báo tuyển dụng được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng trong và ngoài tỉnh để mở rộng đối tượng, đảm bảo

có cạnh tranh. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tuyển dụng. Tổ chức thi trên máy tính đối với các môn thi trắc nghiệm kiến thức chung và môn ngoại ngữ.

Nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ và khắc phục những hạn chế của mô hình tuyển dụng phân tán tại cấp huyện theo Nghị định số 112/2011/NĐ-CP, Quảng Ninh với tư duy đổi mới, đã thực hiện bước đi đột phá khi chủ động đề xuất với Trung ương thí điểm tuyển dụng công chức cấp xã tập trung tại cấp tỉnh với quy mô lớn, với yêu cầu về tiêu chuẩn và điều kiện cao hơn quy định của Trung ương. Được sự đồng ý của Trung ương, Kế hoạch số 6056/KH-UBND, ngày 28/9/2016 *“về việc thí điểm tuyển dụng cán bộ công chức cấp xã tập trung tỉnh Quảng Ninh”*, Tỉnh đã tổ chức thi tuyển công chức cấp xã tập trung tại tỉnh với quy mô lớn. Trong giai đoạn từ năm 2015 đến 2020, tỉnh đã tuyển dụng 302 công chức, trong đó: thạc sỹ 68 người (*chiếm 22,52%*); đại học loại xuất sắc 06 người (*chiếm 1,98%*), giỏi 30 người (*chiếm 9,93%*), khá 140 người (*chiếm 46,36%*); đại học chính quy 221 (*chiếm 73,18%*) [181, tr.4]. Đây là nguồn lực chất lượng cao quan trọng được bổ sung trực tiếp vào bộ máy hành chính cấp xã.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ được quan tâm, chú trọng. Tỉnh ủy chỉ đạo tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án *“Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020”* (Đề án 293); Kế hoạch số 228-KH/TU, ngày 29/8/2018 về thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương (khoá XII) *“về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ”*. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, các cấp ủy, chính quyền cơ sở đã tiến hành rà soát tiêu chí, tiêu chuẩn cán bộ cơ sở để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ cơ sở. Trong 5 năm, từ 2016 - 2020, đã có 13.100 lượt cấp ủy viên, bí thư chi bộ xã, phường, thị trấn được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức [97, tr.4]. Cùng với đó, tỉnh cũng tăng cường đầu tư cơ sở vật chất các cơ sở đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên tại Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ và các Trung tâm chính trị cấp huyện trên địa bàn tỉnh. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, các cấp huyện đã phối hợp với Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ biên soạn tài liệu, cảm nang, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn hướng dẫn về nghiệp vụ về công tác đảng và chuyên môn cho đội ngũ cán bộ ở

cơ sở, đặc biệt là đội ngũ cán bộ thực hiện kiêm nhiệm chức danh Bí thư đồng thời là Chủ tịch UBND ở xã, phường, thị trấn, đội ngũ Bí thư chi bộ đồng thời là Trưởng thôn, bản, khu phố. Những giải pháp đồng bộ, đã tạo sự chuyển biến tích cực về chất lượng đội ngũ cấp ủy viên cơ sở.

Đến năm 2020, đội ngũ cấp ủy viên cấp xã, phường, thị trấn được củng cố cả về cơ cấu và chất lượng với tổng số 2.281 người. Trong đó nữ có 691 người (chiếm 30,29%) tăng 10,42% so với năm 2010; số cán bộ là người dân tộc thiểu số 372 người (chiếm 16,31%);

Trình độ học vấn có 2.253 người đã qua Trung học phổ thông (chiếm 98,77%) tăng 9,98% so với năm 2010; có 1.857 người có trình độ Cao đẳng, Đại học (chiếm 81,41%) tăng 40,23% so với 2010 và 211 người có trình độ trên Đại học (chiếm 9,25%) tăng 9,25% so với năm 2010;

Trình độ lý luận chính trị có 1.857 người đã qua đào tạo Trung cấp lý luận chính trị (chiếm 81,41%) tăng 29,76% so với năm 2010. [xem phụ lục 4]. Chất lượng của đội ngũ cấp ủy viên tác động trực tiếp đến hoạt động của các chi bộ đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo của TCCSĐ trong nhiệm vụ chính trị ở địa phương

Công tác quy hoạch cán bộ được triển khai thực hiện từ sớm, có tầm nhìn dài hạn; việc chuẩn bị nhân sự cấp ủy cơ sở được các cấp ủy quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, bảo đảm tính kế thừa, ổn định và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 61-KH/TU ngày 01/9/2016, “*về rà soát quy hoạch cán bộ giai đoạn 2015 - 2020; xây dựng quy hoạch cán bộ 2020 - 2025*”; Thông báo số 591-TB/TU ngày 05/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh “*về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý*” tạo cơ sở định hướng thống nhất trong toàn tỉnh. Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, các cấp ủy cơ sở đã tập trung rà soát, bổ sung quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý; chú trọng phát hiện, lựa chọn, đưa vào quy hoạch những nhân tố mới có đủ điều kiện, tiêu chuẩn, có triển vọng phát triển. Việc lựa chọn, giới thiệu cán bộ được thực hiện trên cơ sở kết quả đánh giá, xếp loại hằng năm, bảo đảm khách quan, sát thực tiễn. Công tác quy hoạch được tiến hành đúng quy trình, quy định, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy và trách nhiệm của người đứng đầu.

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, số lượng và chất lượng quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ cấp xã, phường, thị trấn nhiệm kỳ 2015 -

2020 được nâng lên, đảm bảo nhân sự cho Đại hội Đảng bộ cơ sở và bầu cử HĐND cùng cấp.

Trong số 5.265 cán bộ được quy hoạch Ban Chấp hành cấp xã, nữ có 1.597 người (chiếm 30,33%); *Độ tuổi*: dưới 40 tuổi có 2.078 người (chiếm 39,49%); *Trình độ chuyên môn*: Đại học có 3.612 người (chiếm 68,60%), thạc sỹ 167 người (chiếm 3,17%), tiến sỹ 01 người (chiếm 0,01%); *Trình độ lý luận chính trị*: Trung cấp 3.418 người (chiếm 64,91%), cao cấp, cử nhân là 225 người (chiếm 4,27%) [138, tr.12].

Quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp xã có 3.736 người. Trong đó, nữ 777, tuổi đời dưới 40 có 3.101 người. *Trình độ chuyên môn*: Tiến sỹ 01 người, Thạc sỹ 211 người, Đại học là 3.104 người. *Trình độ lý luận chính trị*: Cao cấp, cử nhân là 431 người, Trung cấp 3.117 người [138, tr.12].

Để chuẩn bị nhân sự cho nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ cơ sở, Tỉnh ủy đã ban hành: Quyết định số 226-QĐ/TU, ngày 01/6/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “*Ban hành Quy chế quản lý tổ chức và cán bộ*”; Quy định số 2128-QĐ/TU, ngày 6/5/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*về luân chuyển cán bộ*”; Kế hoạch 308-KH/TU, ngày 04/7/2019 “*về tổ chức Đại hội các cấp tiến tới Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV nhiệm kỳ 2020 - 2025*”, nhằm định hướng công tác nhân sự cho nhiệm kỳ mới đảm bảo cơ cấu, tiêu chuẩn, trong đó yêu cầu đẩy mạnh luân chuyển cán bộ từ cấp thành phố, huyện về cơ sở và giữa các xã được đẩy mạnh nhằm thực hiện mục tiêu bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch UBND tại 75% đơn vị cấp xã; phần đầu 75% bí thư cấp ủy không phải là người địa phương; đồng thời bảo đảm 100% bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, bản, khu phố. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, cấp ủy các cấp đã tổ chức rà soát, đánh giá trình độ, năng lực cán bộ, qua đó, thực hiện luân chuyển cán bộ đảm bảo chặt chẽ, khoa học, đúng người, đúng việc. Trong giai đoạn 2015 - 2020, đã luân chuyển 503 lượt cán bộ ở cơ sở, trong đó 226 cán bộ cấp huyện được luân chuyển về xã để tăng cường đội ngũ cán bộ cơ sở, 181 cán bộ xã, phường, thị trấn về huyện, 96 cán bộ xã, phường này sang xã phường khác [149, tr.8]. Cùng với đó, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, công tác nhân sự tại Đại hội Đảng bộ cơ sở nhiệm kỳ 2015 - 2020 được triển khai theo hướng tăng cường cán bộ không phải là người địa phương. Đến tháng 7/2020, toàn tỉnh có 153/177 bí thư cấp xã (chiếm 86,4%) và 116/177 Chủ tịch UBND cấp xã (chiếm 65,5%)

không phải là người địa phương [149, tr.10]. Công tác luân chuyển, điều động và tăng cường cán bộ về cơ sở đã từng bước hạn chế tư tưởng cục bộ, khép kín trong bố trí cán bộ; đồng thời bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng cho địa phương, hỗ trợ giải quyết những khó khăn, vướng mắc từ cơ sở. Quan trọng hơn, quá trình này còn tạo môi trường rèn luyện thực tiễn, giúp cán bộ nâng cao bản lĩnh chính trị, hình thành phong cách lãnh đạo sát cơ sở, gần dân và trưởng thành qua thực tiễn công tác.

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương về tăng cường lãnh đạo nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ biên giới, biển đảo trong tình hình mới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo Xây dựng Đề án số 174-ĐA/TU, ngày 21/3/2016 về *“Thí điểm chỉ định, bổ sung đồng chí Đoàn trưởng hoặc Chính trị viên đồn Biên phòng tham gia cấp ủy các huyện, thành phố biên giới, biển đảo của tỉnh Quảng Ninh nhiệm kỳ 2015-2020”*. Được sự đồng ý của Trung ương tại Công văn số 3389-CV/VPTW, ngày 1/3/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Quy định số 11-QĐ/TU, ngày 26/9/2017 *“Quy định chức trách, nhiệm vụ, mối quan hệ của cán bộ biên phòng tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, thành phố biên giới, hải đảo trên địa bàn tỉnh”*. Theo đó, Tỉnh đã lựa chọn 27 xã, phường biên giới, biển đảo để bố trí tăng cường mỗi xã, phường một đồng chí cán bộ biên phòng tham gia Phó Bí thư Đảng ủy cấp xã, thí điểm chỉ định 05 đồng chí cán bộ chủ chốt đồn biên phòng (Đồn trưởng hoặc Chính trị viên) vào Ban Chấp hành Đảng bộ 5 huyện, thành phố biên giới biển, đảo để tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng HTCT ở cơ sở. Sau 02 năm thực hiện mô hình đã chứng minh hiệu quả rõ rệt trong thực tiễn. Kết quả này là cơ sở quan trọng để Trung ương tổng kết ban hành Kết luận số 68-KL/TW ngày 05/2/2020 *“về Chủ trương tăng thêm cấp ủy viên là cán bộ Đồn Biên phòng tham gia cấp ủy cấp huyện, cấp xã biên giới, hải đảo”*.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, các giải pháp về công tác cán bộ được thực hiện đồng bộ hơn so giai đoạn trước, đội ngũ cán bộ cơ sở được tăng cường cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu và trưởng thành nhiều mặt, vững vàng bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống; năng lực lãnh đạo, quản lý được nâng lên, góp phần góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCCSĐ và hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HTCT ở cơ sở.

3.3.1.3. Xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017, “*về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”; Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 03/3/2015, của Tỉnh ủy “*về đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế*”; Chương trình hành động số 21-Ctr/TU, ngày 05/02/2018, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*về tiếp tục sắp xếp tinh gọn bộ máy tổ chức, tinh giản bộ máy biên chế*”, trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, Tỉnh ủy chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện sắp xếp bộ máy, kiện toàn TCCSĐ. Yêu cầu các cấp ủy, chính quyền từ Tỉnh đến cơ sở chủ động rà soát, sắp xếp lại một số đơn vị hành chính cấp xã và thôn, khu phố chưa đạt 50% tiêu chuẩn theo quy định về quy mô dân số, diện tích tự nhiên; Kiện toàn TCCSĐ trực thuộc đảng ủy xã, phường, thị trấn sau sắp xếp phù hợp với đặc điểm tình hình, nhiệm vụ chính trị của địa phương, đảm bảo đồng bộ, thống nhất với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của HTCT ở cơ sở.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, trong giai đoạn từ 2015 - 2020, việc sắp xếp, sát nhập đã được thực hiện ở 9 đơn vị hành chính cấp xã tại 5 địa phương là huyện Hải Hà (sát nhập 05 xã là Phú Hải, Quảng Trung, Quảng Điền, Quảng Thắng, Tiên Tới), huyện Bình Liêu (sát nhập 01 xã Tình Húc vào Thị trấn Bình Liêu), huyện Tiên Yên (sát nhập 01 xã là Đại Thành vào xã Đại Dực), huyện Đàm Hà (sát nhập 01 xã là Quảng Lợi vào xã Quảng Tân), Thành phố Uông Bí (sát nhập 01 xã là Điền Công vào phường Trung Vương). Sát nhập, giải thể 48 thôn, bản, khu phố [149, tr.5]. Đặc biệt, trong giai đoạn này, tỉnh đã chủ động xây dựng Đề án, báo cáo và được Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn Đề án “*mở rộng địa giới hành chính của thành phố Hạ Long và huyện Hoành Bồ*”. Theo đó, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TU, ngày 02/10/2019 “*về việc mở rộng địa giới hành chính, không gian phát triển của thành phố Hạ Long và huyện Hoành Bồ*”, trên cơ sở sát nhập huyện Hoành Bồ vào thành phố Hạ Long nhằm mở rộng địa giới hành chính và không gian phát triển, tạo dư địa, động lực và tiềm năng phát triển cho thành phố Hạ Long mới. Đến năm 2020, Quảng Ninh còn 13 đơn vị hành chính cấp huyện (giảm 1 huyện), 177 đơn vị hành chính cấp xã (giảm 09 xã), 1.543 thôn, bản, khu phố (giảm 30 thôn, bản, khu phố 1.573) so với năm 2015” [149, tr.5].

Cùng với việc sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp xã, Tỉnh uỷ chỉ đạo kiện toàn TCCSĐ đảm bảo đồng bộ, thống nhất với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của HTCT cơ sở, gắn nhiệm vụ xây dựng tổ chức đảng với lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị tại cơ sở. Đến tháng 12/2020, toàn Đảng bộ Tỉnh có 726 tổ chức cơ sở đảng (434 đảng bộ cơ sở, 292 chi bộ cơ sở) với 177 đảng bộ xã, phường, thị trấn; 2.241 chi bộ trực thuộc xã, phường, thị trấn [149, tr.2].

Thực hiện chủ trương Bí thư cấp uỷ đồng thời là Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Uỷ ban nhân dân cấp xã, Bí thư chi bộ đồng thời là Trưởng thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, Tỉnh uỷ đã ban hành Chỉ thị số 12-CT/TU, ngày 28/12/2016 *“về việc thống nhất nhiệm kỳ bầu trưởng thôn với Đại hội chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở”*, trong đó, đặt ra mục tiêu thực hiện 100% bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, bản, khu phố, với phương châm lựa chọn nhân sự theo phương thức “Dân tin, Đảng cử”. Cụ thể là, chọn những đảng viên vừa được Nhân dân tín nhiệm bầu làm Trưởng thôn, bản, khu phố để giới thiệu cho chi bộ bầu làm Bí thư chi bộ. Đồng thời, sau Đại hội chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở, Tỉnh uỷ ban hành Quy định số 10-QĐ/TU, ngày 26/9/2017, về *“chức năng, nhiệm vụ của chi bộ thôn, bản, khu phố trực thuộc đảng bộ xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh”*. Để khắc phục tình trạng thiếu đồng bộ, tạo sự thống nhất chung trong hoạt động của Đảng uỷ xã, phường, thị trấn và chi bộ thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, Tỉnh uỷ đã ban hành Quyết định số 2275-QĐ/TU, ngày 29/8/2020 về *“Quy chế làm việc mẫu cho đảng uỷ xã, phường, thị trấn và chi bộ thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”*. Với việc ban hành Quyết định 2275-QĐ/TU, Quảng Ninh trở thành một trong những địa phương đầu tiên ban hành quy chế mẫu cho chi bộ thôn, bản, khu phố. Việc ban hành quy chế mẫu giúp cấp uỷ cơ sở xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể, cá nhân và mối quan hệ công tác, thể hiện rõ vai trò lãnh đạo của cấp uỷ bằng các nguyên tắc, quy chế, quy trình, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, làm việc theo chương trình, kế hoạch từ đó, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo từ cấp xã, phường, thị trấn đến thôn, bản, khu phố.

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh uỷ, đến năm 2020, mô hình Bí thư đồng thời là Chủ tịch UBND xã đạt 119/177 chiếm 67,2% (đầu nhiệm kỳ là 30,65%); Bí thư đồng thời là chủ tịch HĐND xã đạt 13,57% (24/177). Ngày 05/01/2020, đã có 1.543 thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

đồng loạt tổ chức cuộc bầu cử Trưởng thôn, bản, khu phố với tỷ lệ 100% nhất thể hoá Bí thư chi bộ đồng thời là Trưởng thôn, bản, khu phố trên cơ sở quy trình “dân tin, Đảng cử” (đầu nhiệm kỳ Bí thư đồng thời là Trưởng thôn, bản, khu phố mới chiếm tỷ lệ 21,5%) [149, tr.6].

Thực hiện Kết luận 38-KL/TW ngày 13/11/2018 của Bộ Chính trị “*về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khoá X, “về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên”*”, chỉ đạo không tổ chức chi bộ cơ quan xã, phường, thị trấn, đưa đảng viên về sinh hoạt tại các chi bộ khu dân cư, Tỉnh ủy Quảng Ninh ban hành Công văn số 115-CV/TU ngày 08/01/2019 “*về việc giải thể chi bộ cơ quan xã, phường, thị trấn*”. Cấp uỷ cơ sở tại 186 xã, phường, thị trấn đã triển khai thực hiện với tinh thần khẩn trương, nghiêm túc. “Đến tháng 5 năm 2019, đã giải thể 150 chi bộ cơ quan xã, phường, thị trấn về sinh hoạt ở cơ sở hướng đến tinh gọn tổ chức đảng ở cơ sở. Đồng thời, thành lập 98 chi bộ công an xã nhằm thực hiện vai trò tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương, góp phần đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn” [149, tr.8].

Cùng với quá trình sắp xếp lại bộ máy, kiện toàn TCCSĐ, Tỉnh ủy chỉ đạo nâng cao năng lực lãnh đạo của TCCSĐ. Sau khi sắp xếp, TCCSĐ xã, phường, thị trấn khẩn trương xây dựng quy chế, chương trình làm việc, duy trì nghiêm túc nền nếp, chế độ sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp uỷ nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của các chi đảng bộ tại cơ sở. Thực hiện Quy định số 07-QĐ/TU, ngày 20/02/2019 “*về việc Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; uỷ viên ban thường vụ các huyện, thị, thành uỷ và đảng uỷ xã, phường, thị trấn dự sinh hoạt chi bộ thôn, khu phố*”; Hướng dẫn số 01-HD/BTCTU, ngày 22/01/2019 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về “*hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề*”, trong đó, thống nhất toàn tỉnh sinh hoạt chi bộ tập trung từ ngày mùng 03 đến ngày 05 hàng tháng. Riêng chi bộ các cơ quan, đơn vị cấp huyện sinh hoạt chi bộ vào ngày 4 hàng tháng, còn ngày mùng 03 dự sinh hoạt chi bộ tại thôn, bản, khu phố. Các đồng chí là Uỷ viên Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh, Ban Thường vụ Huyện uỷ, Thành uỷ theo dõi đảng bộ xã, phường, thị trấn và hàng tháng trực tiếp dự sinh hoạt chi bộ tại cơ sở. Những chi bộ có điều kiện đặc biệt khó khăn (đánh bắt thủy sản, khai thác hầm lò...), bố trí thời gian

sinh hoạt phù hợp nhưng không quá ngày mùng 10 hàng tháng. Việc phân công các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh, các đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện ủy, Thành ủy theo dõi Đảng bộ xã, phường, thị trấn và các hàng tháng dự sinh hoạt chi bộ tại cơ sở đã tạo kênh thông tin hai chiều thông suốt, giúp cấp ủy các cấp kịp thời nắm bắt tình hình cơ sở, các kiến nghị của đảng viên và Nhân dân từ đó, kịp thời kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc những vấn đề nổi cộm và định hướng nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ tại cơ sở.

Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, sự chủ động của các cấp ủy cơ sở, sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề dần đi vào nề nếp, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng được giữ vững, đã từng bước góp phần nâng cao chất lượng lãnh đạo của các TCCSĐ tại xã, phường, thị trấn. Thực hiện Hướng dẫn số 02-HD/TU ngày 05/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh về *“kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp”*; Công văn số 42-CV/TU ngày 22/10/2020 về *“công tác kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp năm 2020”*, các cấp ủy cơ sở đã tăng cường chỉ đạo việc phân loại, đánh giá chất lượng tổ chức đảng và đảng viên hằng năm, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ, đồng thời lấy hiệu quả hoạt động của HTCT làm tiêu chí quan trọng trong đánh giá. Qua đó, chất lượng TCCSĐ trong giai đoạn 2015 - 2020 có chuyển biến rõ nét.

Số TCCSĐ đạt trong sạch, vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ liên tục tăng lên (năm 2015 đạt 90,86%, năm 2017 tăng lên 96,23%) [xem phụ lục 2]. Từ năm 2018 thực hiện đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở đảng theo Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW, ngày 24/9/2018 của Ban Tổ chức Trung ương *“Hướng dẫn kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp”*. Theo đó, kết quả tổ chức đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ tăng từ 91,39% năm 2018 lên 95,48% năm 2020 [xem phụ lục 2].

Bên cạnh kết quả tích cực từ xếp loại TCCSĐ, năm 2018 vẫn còn 2,10% năm 2019 và 1,0% TCCSĐ chưa hoàn thành nhiệm vụ [xem phụ lục 2]. Kết quả này cũng minh chứng cho đánh giá khách quan của Tỉnh ủy trong chỉ ra hạn chế

về chất lượng TCCSD “năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới. Một số cấp ủy, người đứng đầu chưa thực sự quyết liệt, còn dùn dầy, né tránh, trông chờ, ỷ lại vào cấp trên” [43, tr.22].

Tỉnh ủy chỉ đạo cấp ủy cơ sở xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện tốt công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên, giao chỉ tiêu phát triển đảng viên cho từng tổ chức đảng. Đặc biệt là chú trọng phát triển đảng tại những vùng nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo, người lao động, tại các doanh nghiệp, trong các đơn vị kinh tế tư nhân, công nhân trong các khu công nghiệp, quan tâm kết nạp đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố theo hướng coi trọng chất lượng.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, các cấp ủy cơ sở đã tiến hành xây dựng kế hoạch rà soát quần chúng ưu tú, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng tổ chức, đảng viên hướng dẫn giúp đỡ quần chúng ưu tú vào Đảng, thực hiện tốt công tác tạo nguồn, phát triển đảng. Một số địa phương đã thành lập và duy trì các “câu lạc bộ đối tượng kết nạp đảng” tại xã, phường, thị trấn như: thành phố Hạ Long (có 80/98 đảng bộ cơ sở thành lập câu lạc bộ), Thị xã Đông Triều (32/46 đảng bộ cơ sở thành lập câu lạc bộ), Thị xã Quảng Yên (28/47 đảng bộ cơ sở thành lập câu lạc bộ) [149, tr.9]. Bên cạnh đó, tại các phường tập trung đông công nhân như: phường Mông Dương, phường Cửa Ông (Thành phố Cẩm Phả), phường Vàng Danh, phường Mạo Khê (Thị xã Đông Triều) tích cực mở các lớp cảm tình Đảng, bồi dưỡng nhận thức về Đảng riêng cho công nhân vào ngày nghỉ với địa điểm, thời gian phù hợp. Các câu lạc bộ, các lớp cảm tình Đảng tại cơ sở đã thu hút được lực lượng lớn quần chúng ưu tú tham gia từ đó, tạo nguồn trong lựa chọn kết nạp Đảng. Tỷ lệ được kết nạp Đảng sau bồi dưỡng đạt từ 70% trở lên, một số Đảng bộ cơ sở có tỷ lệ sau khi học nhận thức Đảng được kết nạp đạt tỷ lệ cao (đạt 90% trở lên) như Thành phố Hạ Long, Thành phố Móng Cái, Thị xã Quảng Yên, Thị xã Đông Triều [149, tr.9].

Thực hiện Kế hoạch số 273-KH/TU ngày 10/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 21/1/2019 của Ban Bí thư về “*nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng*”, thực hiện Kế hoạch số 273-KH/TU, các cấp ủy cơ sở quán triệt phương châm “chú trọng chất lượng hơn số lượng”

chỉ kết nạp vào Đảng những quần chúng ưu tú, có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, được rèn luyện và thử thách qua thực tiễn công tác, có nhận thức đầy đủ về Đảng và động cơ vào Đảng đúng đắn. Quy trình kết nạp và công nhận đảng viên chính thức được thực hiện nghiêm túc, đúng tiêu chuẩn, điều kiện và thủ tục theo quy định đảm bảo những đảng viên được kết nạp đều là những cá nhân tiêu biểu, quần chúng ưu tú, có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức tốt được đứng trong hàng ngũ của Đảng. Trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, Đảng bộ xã, phường, thị trấn đã kết nạp 8.299 đảng viên, đạt tốc độ tăng bình quân mỗi năm 4% - 5%, hoàn thành chỉ tiêu nghị quyết đề ra [149, tr.9]. Số lượng đảng viên ở xã, phường, thị trấn tăng đều qua các năm đã tăng cường củng cố TCCSĐ. Điểm sáng nổi bật trong công tác phát triển Đảng nhiệm kỳ 2015 - 2020 là đã kết nạp được 1.924 đảng viên là những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố. Tỷ lệ cán bộ cơ sở là đảng viên có sự chuyển biến rõ nét. Năm 2014, số lượng Trưởng thôn, bản, khu phố là đảng viên mới chiếm 45%, đến năm 2020 đạt 100% Trưởng thôn, bản, khu phố đều là đảng viên. Năm 2014, mới có 66,3% Trưởng ban công tác Mặt trận là đảng viên, đến 2020 đạt 90% Trưởng ban công tác Mặt trận tại khu dân cư là đảng viên [149, tr.9]. Việc thực hiện tốt công tác phát triển đảng viên ở cơ sở là điều kiện quan trọng để Quảng Ninh thực hiện thành công mô hình Bí thư chi bộ đồng thời là Trưởng thôn, bản, khu phố theo hình thức “dân tin, Đảng cử”, góp phần củng cố vững chắc chi bộ từ thôn, bản, khu phố.

Cùng với sự phát triển về số lượng, hoạt động giáo dục, rèn luyện tiếp tục được quan tâm, xác định là nhiệm vụ trọng tâm để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Thực hiện Quy định số 76-QĐ/TW, ngày 15/6/2000 “*về việc đảng viên đang công tác ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với chi uỷ, đảng uỷ cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú*”; Quy định số 213-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 “*về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú*” và Hướng dẫn số 33-HD/BTCTW, ngày 30/10/2020 về “*việc Thực hiện một số nội dung trong Quy định số 213-QĐ/TW của Bộ Chính trị về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú*”, Tỉnh uỷ Quảng Ninh đã chỉ đạo các cấp uỷ cơ sở xây dựng các tiêu chí, nội dung cụ thể về quản lý đảng viên sinh hoạt

đảng nơi cư trú trên các lĩnh vực: (1) Chính trị, tư tưởng, phẩm chất đạo đức; (2) Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; (3) Phong cách, lối sống, mối quan hệ với nhân dân. Thực hiện sự chỉ đạo của tỉnh ủy, các cấp ủy cơ sở tăng cường quản lý, giám sát đảng viên, đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt, bố trí thời gian, địa điểm thích hợp, tạo điều kiện cho đảng viên sinh hoạt tại nơi cư trú giữ mối liên hệ thường xuyên, phát huy thế mạnh, góp phần xây dựng địa phương, cơ sở.

Với những giải pháp đồng bộ, đến năm 2020, cơ cấu và chất lượng đội ngũ đảng viên ở các xã, phường, thị trấn đã có nhiều chuyển biến tích cực so giai đoạn trước. Trong tổng số 54.708 đảng viên, cơ cấu có sự cải thiện rõ rệt: đảng viên nữ đạt 18.355 người (33,55%), tăng 4% so với năm 2010; đảng viên là người dân tộc thiểu số có 4.196 người (7,67%), tăng 1,82%; đảng viên theo tôn giáo có 377 người (0,69%), tăng 0,29% so với năm 2010;

Về trình độ học vấn, số đảng viên tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 46.211 người (84,47%), tăng 3,67% so với năm 2010. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tiếp tục được nâng cao với 7.703 người có trình độ trung cấp (14,08%) và 27.097 người có trình độ cao đẳng, đại học (49,53%), tăng 10,73% so với năm 2010. Đặc biệt, số đảng viên có trình độ thạc sĩ tăng mạnh, đạt 6.846 người (12,51%), tăng 11,26% so với năm 2010;

Trình độ lý luận chính trị: có 48.197 người đã qua bồi dưỡng lý luận chính trị (chiếm 88,10%), tăng 12,42% so năm 2010 [xem Phụ lục 8].

Như vậy, dưới sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, chủ động của cấp ủy cơ sở đội ngũ đảng viên ở xã, phường, thị trấn giai đoạn 2015 - 2020 đã phát triển theo hướng toàn diện về số lượng và chất lượng. Hầu hết đảng viên đều có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, là hạt nhân đoàn kết trong khu dân cư, gương mẫu, đi đầu trong thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đảng viên đang công tác sinh hoạt tại địa phương tích cực đóng góp trí tuệ, hiến kế xây dựng địa phương; đồng thời gương mẫu vận động gia đình chấp hành tốt pháp luật. Sau 5 năm, đội ngũ đảng viên ở xã, phường, thị trấn phát triển rõ rệt cả về số lượng và chất lượng, trở thành lực lượng nòng cốt củng cố tổ chức cơ sở đảng, đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

3.3.1.4. Công tác kiểm tra, giám sát, đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí

Đảng bộ Tỉnh luôn coi trọng công tác kiểm tra, giám sát và xác định nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát chính là giải pháp hiệu quả nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng. Nhằm tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh đã ban hành Chương trình số 02-Ctr/TU 31/12/2015, về “*Chương trình công tác toàn khoá của Tỉnh uỷ nhiệm kỳ 2015-2020*”; Quyết định số 525-QĐ/TU, ngày 27/3/2017 của BCH Đảng bộ Tỉnh về “*Ban hành Quy trình thực hiện cuộc kiểm tra, giám sát của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ*”; Kế hoạch số 123-KH/TU, ngày 27/12/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về “*Quán triệt, triển khai thực hiện Quy định 86-QĐ/TW, ngày 01/6/2017 của Bộ Chính trị quy định về giám sát trong Đảng*”; Kế hoạch số 163-KH/TU, ngày 24/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về “*Quán triệt, triển khai thực hiện Quy định xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm và biểu mẫu về công tác kiểm tra, giám sát thi hành kỷ luật đảng*”; Kế hoạch số 322-KH/TU, ngày 01/8/2019 của tỉnh uỷ về “*Triển khai Quy định 195-QĐ/TW, ngày 18/6/2019 của Ban Bí thư về chỉ đạo của UBKT cấp trên đối với UBKT cấp dưới trong công tác kiểm tra giám sát và thi hành kỷ luật đảng*”; Công văn số 2156-CV/TU, ngày 29/10/2019 của tỉnh uỷ về “*Triển khai Thông báo 156-TB/TW, ngày 01/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 BCHTW (khóa X) “về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng”*”; Quyết định số 476-QĐ/UBKTT ngày 10/10/2019 “*về ban hành hệ thống văn bản mẫu về nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng*”. Trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, Tỉnh uỷ đã ban hành 65 văn bản chỉ đạo công tác kiểm tra giám sát trong toàn Đảng bộ [158, 22].

Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, các cấp uỷ cơ sở đã xây dựng chương trình kiểm tra toàn khoá và hằng năm bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, sự chỉ đạo của cấp uỷ cấp trên, hướng vào các lĩnh vực trọng tâm ở cơ sở. Thực hiện Kế hoạch số 164-KH/TU, ngày 26/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về “*Thực hiện Quy định số 109-QĐ/TW, ngày 03/01/2018 của Ban Bí thư về công tác kiểm tra của tổ chức đảng đối với việc rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên*”, các cấp uỷ cơ sở đã chú trọng nội dung kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên trong việc chấp hành chủ trương

đường lối, nghị quyết, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp uỷ cấp trên, nghị quyết của cấp mình; việc thực hiện những điều đảng viên không được làm; về việc rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, không suy thoái “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” ...

Cấp uỷ cơ sở chỉ đạo tổ chức thực hiện các cuộc kiểm tra, giám sát, kể cả các cuộc kiểm tra của cấp trên được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, tiến độ. Hình thức kiểm tra, giám sát được đổi mới, kết hợp nhiều phương pháp, theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, mở rộng giám sát, linh hoạt theo hình thức trực tiếp, gián tiếp nhằm đảm bảo hiệu quả trong công tác kiểm tra, giám sát.

Trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, cấp uỷ cấp huyện tiến hành kiểm tra 1.175 tổ chức cơ sở đảng, 52 đảng viên cấp cơ sở. Đảng uỷ cơ sở, Ban Thường vụ Đảng uỷ cơ sở tự tiến hành kiểm tra 5.015 tổ chức đảng với 1.738 đảng viên cấp cơ sở. Kịp thời phát hiện 03 tổ chức đảng và 130 đảng viên có vi phạm khuyết điểm đến mức phải kỷ luật [158, tr.22].

Cấp uỷ cấp huyện tiến hành giám sát 1.205 tổ chức cơ sở đảng, 260 đảng viên cấp cơ sở; Đảng uỷ cơ sở, Ban Thường vụ Đảng uỷ cơ sở tự tiến hành giám sát 3.956 tổ chức cơ sở đảng với 2.906 đảng viên cấp cơ sở. Phát hiện 03 tổ chức đảng vi phạm khuyết điểm [158, tr.22].

Thông qua công tác kiểm tra, giám sát, các cấp uỷ có điều kiện nắm chắc tình hình thực tiễn, từ đó đánh giá đúng kết quả lãnh đạo, chỉ ra kịp thời những hạn chế, lệch lạc trong quản lý và tổ chức thực hiện. Quá trình này đồng thời giúp phát hiện những bất cập trong cơ chế, chính sách để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, khuyến khích các mô hình, cách làm hiệu quả và tạo cơ sở để cấp uỷ bổ sung giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo phù hợp hơn trong giai đoạn tiếp theo.

Quán triệt tinh thần quyết liệt của Trung ương, với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, ngay từ đầu nhiệm kỳ, Đảng bộ Tỉnh ban hành Chương trình hành động số 05-Ctr/TU, ngày 02/3/2016 “*về thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TU, ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng”*”; Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 10/8/2017 về “*tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, điều tra, xử lý các vụ án tham nhũng, chức vụ*”; Quy định số 07-QĐ/TU, ngày 10/8/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về “*lãnh đạo, chỉ đạo công tác nội chính và phòng, chống*

tham nhũng”; Kế hoạch số 113-KH/TU ngày 02/6/2017 về “*thực hiện Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khoá X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí*”; Kết luận số 33-KL/TU, ngày 17/10/2016 về “*tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí*”; Kế hoạch số 269-KH/TU, ngày 28/3/2019 về “*thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực”*”. Đây là những văn bản chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ đối với công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, các cấp uỷ cơ sở đã tập trung triển khai các giải pháp phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Nội dung công tác phòng chống, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí được các cấp uỷ cơ sở đưa vào chương trình công tác nhiệm kỳ, trở thành một trong những nội dung quan trọng trong kiểm điểm công tác hàng năm của cấp uỷ, chính quyền và là nội dung trọng tâm trong chương trình kiểm tra, giám sát hàng năm. Thực hiện nêu gương của người đứng đầu trong thực hiện phòng chống tham nhũng, lãng phí. Tăng cường kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên có dấu hiệu vi phạm nhằm ngăn chặn kịp thời các hành vi tham nhũng, lãng phí. Thường xuyên rà soát, hoàn thiện quy chế, quy định gắn với trách nhiệm của người đứng đầu. Tăng cường công khai, minh bạch chế độ, định mức, tiêu chuẩn, các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai, giải quyết đơn thư, khiếu nại, kê khai tài sản thu nhập theo đúng quy định.

Chính quyền cơ sở cũng đẩy mạnh công tác tuyên truyền luật pháp, các quy định, văn bản của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí thông qua các pano, áp phích, khẩu hiệu treo tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn, nhà văn hoá với nội dung ngắn gọn, dễ nhớ, dễ hiểu để huy động nhân dân tham gia vào quá trình phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Để nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, công chức về phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, UBND tỉnh đã chỉ đạo đưa nội dung phòng chống tham nhũng, lãng phí trong nội dung các chương trình bồi dưỡng, cập nhật kiến thức tại các trung tâm chính trị cấp huyện và Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ tỉnh Quảng Ninh.

Dưới sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở, công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí đã đạt được nhiều kết quả. Nhiệm kỳ 2015 - 2020, số lượng cán bộ, đảng viên ở cơ sở bị xử lý vì tham nhũng là 19 đảng viên bị thi hành kỷ luật Đảng về nội dung tham nhũng trong tổng số 1.754 cán bộ, đảng viên cấp cơ sở bị thi hành kỷ luật Đảng. Nhiệm kỳ 2010 - 2015, số lượng cán bộ, đảng viên ở cơ sở bị xử lý vì tham nhũng là 22 đảng viên [158, tr.20]. Mặc dù đạt được kết quả tích cực song Tỉnh ủy vẫn nghiêm túc chỉ ra hạn chế “một số tổ chức cơ sở đảng vẫn chưa làm tốt công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm còn chậm và chưa triệt để. Vẫn còn phát sinh nhiều vụ việc tiêu cực, tham nhũng, lãng phí” [157, tr.22]. Những tồn tại này đòi hỏi phải sớm có giải pháp khắc phục kịp thời và hiệu quả.

3.3.1.5. Đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy cơ sở với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể

Trên nền tảng những kết quả và kinh nghiệm bước đầu được tích lũy trong giai đoạn 2010 - 2015, giai đoạn có ý nghĩa khởi động, định hình và tạo tiền đề quan trọng cho quá trình đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy cơ sở, bước vào nhiệm kỳ 2015 - 2020, trong bối cảnh yêu cầu tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của HTCT theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã đặt ra yêu cầu cao hơn, toàn diện hơn đối với việc đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy cơ sở đối với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Nội dung này được xác định là trọng tâm, mang tính đột phá, có ý nghĩa quyết định trong việc nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCCSĐ và hiệu lực, hiệu quả hoạt động của toàn bộ HTCT ở cơ sở.

Chủ trương này được cụ thể hóa thông qua việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án 25 và Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 03/3/2015, đồng thời đặt trong sự thống nhất với tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Trung ương về *Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*. Qua đó từng bước hoàn thiện cơ chế vận hành, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền giữa các chủ thể trong HTCT ở cơ sở.

Trên cơ sở quán triệt các chủ trương của Trung ương và của Tỉnh ủy, kế thừa những kết quả bước đầu có ý nghĩa định hình từ giai đoạn 2010 - 2015, cấp ủy cơ sở từng bước đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng khoa học, dân chủ,

sát thực tiễn, chuyển mạnh từ lãnh đạo bằng mệnh lệnh hành chính sang lãnh đạo bằng định hướng, cơ chế, quy chế và kiểm tra, giám sát. Việc ban hành và thực hiện quy chế làm việc được đặc biệt coi trọng. Trên cơ sở Quy chế làm việc mẫu của đảng ủy xã, phường, thị trấn và chi bộ thôn, bản, khu phố do Tỉnh ủy ban hành, các cấp ủy cơ sở đã tiến hành xây dựng quy chế làm việc phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mỗi tổ chức đảng. Đến năm 2020, “100% tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ bộ phận, chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở đã xây dựng quy chế làm việc phù hợp với đặc điểm của địa phương, đơn vị trong đó xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể, cá nhân và mối quan hệ công tác, thể hiện rõ vai trò lãnh đạo của cấp ủy bằng các nguyên tắc, quy trình, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, theo chương trình, kế hoạch công tác, từng bước hạn chế làm việc theo sự vụ, thiếu tính tổng thể, dài hạn; thường xuyên rà soát sửa đổi, bổ sung kịp thời và phù hợp với quy định của cấp trên” [160, tr.10]. Cùng với đó, các cấp ủy cơ sở đổi mới nội dung lãnh đạo theo hướng rõ chức năng, nhiệm vụ, tránh bao biện, làm thay. Tập trung phân định rạch ròi giữa vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng với chức năng quản lý, điều hành của chính quyền cơ sở. Qua đó, chính quyền cơ sở từng bước phát huy tính chủ động, sáng tạo trong tổ chức thực hiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Phương thức lãnh đạo tiếp tục được hoàn thiện thông qua tăng cường kiểm tra, giám sát, siết chặt kỷ luật, kỷ cương; gắn quyền hạn với trách nhiệm, đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Điều này góp phần hình thành phong cách lãnh đạo sâu sát cơ sở, gần dân, trọng dân, nâng cao chất lượng thực thi nghị quyết trong thực tiễn.

Đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, cấp ủy cơ sở từng bước đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng phát huy vai trò chủ thể của nhân dân. Cấp ủy không chỉ định hướng về chính trị, tư tưởng mà còn tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thực hiện tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền. Nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức này được đổi mới theo hướng thiết thực, hướng mạnh về cơ sở, gắn với quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên; các mô hình “dân vận khéo”, cơ chế để nhân dân tham gia đánh giá cán bộ, công chức, cũng như việc tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu với nhân dân được duy trì, góp phần tăng cường sự đồng thuận xã hội

Quá trình đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy cơ sở được triển khai gắn liền với sắp xếp tổ chức bộ máy của HTCT theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Nhiều mô hình được thí điểm và nhân rộng như nhất thể hóa chức danh bí thư cấp ủy với người đứng đầu chính quyền ở cấp xã; bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, bản, khu phố theo cơ chế “Dân tin, Đảng cử”; sắp xếp, kiện toàn đơn vị hành chính cấp xã; tinh giản đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách; đồng thời kiện toàn lại Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể theo hướng giảm đầu mối, nâng cao chất lượng hoạt động.

Đẩy mạnh duy trì cơ chế phối hợp thường xuyên thông qua các chương trình làm việc giữa Thường trực cấp ủy, HĐND, UBND và Mặt trận Tổ quốc; thực hiện chế độ hội ý định kỳ để thống nhất nội dung lãnh đạo, chỉ đạo ở cơ sở. Đặc biệt, việc tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với nhân dân được duy trì hàng tháng, hàng quý, góp phần kịp thời giải quyết những vấn đề bức xúc phát sinh từ cơ sở. Thông qua các cơ chế này, mối quan hệ giữa cấp ủy, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội từng bước được hoàn thiện theo hướng phối hợp chặt chẽ trong hiện thực hóa Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp tại cơ sở.

Nhìn chung, trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, trên nền tảng những kết quả của giai đoạn trước, việc đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy cơ sở đã có bước phát triển rõ nét từ nhận thức đến tổ chức thực hiện, bảo đảm giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể ở cơ sở, qua đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của toàn bộ HTCT ở cơ sở.

3.3.2. Xây dựng chính quyền và đội ngũ công chức

Nhiệm kỳ 2015 - 2020, Đảng bộ tỉnh tập trung nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở, củng cố tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của HĐND và UBND cấp xã.

3.3.2.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND cấp xã

Công tác kiện toàn tổ chức bộ máy của HĐND cấp xã được thực hiện theo Chương trình hành động số 21-Ctr/TU, ngày 05/02/2018 về “*tiếp tục thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW, Nghị quyết 19-NQ/TW tại Hội nghị Trung ương 6, khoá XII*”. Đầu nhiệm kỳ 2016 - 2021, tổng số đại biểu HĐND cấp xã có 4.636, trong đó, có 186 Chủ tịch, 185 Phó Chủ tịch; 1.220 trưởng, phó các ban; 3.045 đại biểu

[181, tr.3]. Cùng với củng cố về tổ chức, Tỉnh ủy chỉ đạo nâng cao chất lượng đại biểu HĐND xã thông qua việc tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đại biểu HĐND. Trên cơ sở sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 6256/KH-UBND, ngày 04/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh “*về việc bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp huyện, xã nhiệm kỳ 2016 - 2021*”. Trong nhiệm kỳ 2016 - 2021, công tác đào tạo, bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp xã đẩy mạnh so với nhiệm kỳ trước. Trong 5 năm (2016 - 2021), đã có 5.720 lượt đại biểu HĐND cấp xã được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đại biểu HĐND cấp xã [180, tr.4].

Xét về cơ cấu, trong tổng số 4.636 đại biểu HĐND cấp xã, đại biểu nữ có 1.542 người (chiếm 33,26%), tăng 6,11% so với nhiệm kỳ 2011 - 2016; đại biểu là người dân tộc thiểu số có 925 người (chiếm 19,95%); đại biểu là người ngoài Đảng 797 người (chiếm 17,19%) tăng 1,72% so với nhiệm kỳ 2011 - 2016; số đại biểu dưới 35 tuổi có 1.192 người (chiếm 25,71%), tăng 9,91% so với nhiệm kỳ trước [xem phụ lục 5].

Về trình độ chuyên môn, số đại biểu có trình độ Cao đẳng, Đại học có 2.442 người (chiếm 52,24%), tăng 14,03% so nhiệm kỳ 2011 - 2016; sau đại học 81 người (chiếm 1,75%), tăng 1,25% so với nhiệm kỳ 2011 - 2016;

Về trình độ lý luận chính trị, có 3.403 đại biểu đã được đào tạo, bồi dưỡng (chiếm 73,40%) tăng 2,7% so nhiệm kỳ 2011 - 2016;

Về quản lý Nhà nước, có 1.762 đại biểu đã qua bồi dưỡng (chiếm 38,01%) tăng 8,14% so nhiệm kỳ 2011 - 2016. [xem phụ lục 5].

Như vậy, nhìn vào cơ cấu đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2016 - 2021 cho thấy đội ngũ cán bộ vừa có tính kế thừa vừa đang được trẻ hóa, có tính năng động cao (đại biểu dưới 35 tuổi chiếm 25,71%). Tính đại diện trong thành phần của HĐND được đảm bảo (đại biểu dân tộc thiểu số chiếm 19,95%, nữ chiếm 33,23%) đại diện tiếng nói của các cộng đồng dân cư đặc thù tại Quảng Ninh. Trình độ của các thành viên trong HĐND xã cho thấy một bước tiến dài về trí thức hóa đội ngũ với hơn một nửa số đại biểu có trình độ từ Cao đẳng trở lên (53,99%), số lượng đại biểu được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước và lý luận chính trị tăng vọt (tăng 8,14% so nhiệm kỳ trước). Đây chính là kết quả của quá trình chỉ đạo quyết liệt của tỉnh trong công tác bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ ở cơ sở. Chất lượng đại biểu HĐND xã nhiệm kỳ 2016 - 2021 được nâng lên đã tác động trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của HĐND xã.

Hoạt động của HĐND xã, nhiệm kỳ 2016 - 2021 có nhiều đổi mới, thể hiện rõ vai trò là cơ quan quyền lực nhà nước, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Hoạt động tuyên truyền, quán triệt, phổ biến các quy định, văn bản của Trung ương như: Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; hệ thống các văn bản chỉ đạo của tỉnh Quảng Ninh được HĐND cấp xã triển khai kịp thời tới đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhân dân ở cơ sở.

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, trên cơ sở triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được HĐND và UBND cấp huyện phê chuẩn, HĐND xã đã chủ động cụ thể hoá thành các nhiệm vụ tại các địa phương thông qua việc ban hành nghị quyết về công tác phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, dự toán ngân sách... Trong nhiệm kỳ 2016-2021, HĐND cấp xã đã ban hành 4.153 nghị quyết [181, tr.2]. Các nghị quyết của HĐND được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự theo quy định. Nhìn chung, chất lượng nghị quyết của HĐND xã ngày càng được nâng lên, sát với thực tiễn cơ sở và có tính khả thi cao.

Hoạt động giám sát của HĐND xã ngày càng đi vào thực chất, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền địa phương. Các Ban HĐND xã đã chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện giám sát các vấn đề tại xã, thôn, bản, khu phố, chú trọng giám sát chuyên đề và giám sát thường xuyên tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm, lĩnh vực cử tri quan tâm phản ánh như công tác thu - chi tài chính, xây dựng cơ bản, thực hiện an sinh xã hội, xoá đói giảm nghèo, chương trình Nông thôn mới... Thường trực HĐND và các đại biểu HĐND xã thường xuyên đôn đốc, giám sát việc thực hiện nghị quyết trên mọi lĩnh vực, đề nghị quyết của HĐND xã nhanh chóng đi vào thực tế giúp cho kinh tế - xã hội ở cơ sở tăng trưởng ổn định, an ninh chính trị được giữ vững, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao. Nhiệm kỳ 2016 - 2021, HĐND xã đã phối hợp và tổ chức được 3.363 cuộc giám sát, khảo sát trên nhiều lĩnh vực tại địa bàn cơ sở [181, tr.4]. Thông qua hoạt động giám sát, thẩm tra và kiến nghị của các Ban, HĐND xã ban hành kết luận và các kiến nghị, đề nghị giải quyết kịp thời nhằm đảm bảo đúng tinh thần Nghị quyết HĐND đã đề ra.

Các kỳ họp của HĐND xã (các kỳ họp thường lệ giữa năm, cuối năm và các kỳ họp bất thường để kiện toàn công tác cán bộ theo thẩm quyền) được tổ

chức theo hướng ngắn gọn, thiết thực, giảm thời gian đọc văn bản, tăng thời gian thảo luận, trả lời chất vấn và giải trình. Các kỳ họp của HĐND xã đều được phát trực tiếp trên hệ thống truyền thanh của địa phương để nhân dân nắm bắt thông tin ở cơ sở. Hoạt động tiếp xúc cử tri được chỉ đạo theo hướng tăng cường chất lượng các cuộc tiếp xúc. Hoạt động tiếp xúc cử tri của HĐND xã được thực hiện theo đúng quy định, diễn ra trước và sau các kỳ họp thường lệ của HĐND xã. Các cuộc tiếp xúc cử tri trước kỳ họp đã mở rộng về thành phần, đối tượng, địa điểm tiếp xúc cử tri được thực hiện trực tiếp tại các thôn, bản, khu phố. Điểm mới so với nhiệm kỳ trước, nhiệm kỳ 2016 - 2021 hoạt động tiếp xúc cử tri tăng thời gian đối thoại, gợi mở để cử tri tham gia ý kiến góp ý, hiến kế các giải pháp thực hiện các nhiệm vụ chính trị trọng tâm tại địa phương. Ngoài các cuộc tiếp xúc theo quy định, HĐND xã còn tăng cường các buổi tiếp xúc cử tri theo chuyên đề, theo nhóm đối tượng. Công tác tiếp nhận, tổng hợp, theo dõi, đôn đốc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri được tiến hành thường xuyên. Thông qua các cuộc tiếp xúc cử tri, các đại biểu HĐND lắng nghe ý kiến, kiến nghị và phản ánh nguyện vọng của người dân, những vấn đề người dân quan tâm được HĐND xã kịp thời đưa ra thảo luận và kiến nghị xử lý. Các ý kiến, kiến nghị do HĐND, UBMTTQ tổng hợp, được chuyển đến UBND cấp xã chỉ đạo giải quyết. Qua theo dõi cho thấy, đa số kiến nghị của cử tri được quan tâm giải quyết thỏa đáng, đáp ứng tâm tư, nguyện vọng chính đáng của cử tri, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương.

3.3.2.2. Tăng cường vai trò quản lý của UBND cấp xã

Cùng với công tác nâng cao chất lượng hoạt động của HDND xã, Đảng bộ tỉnh chỉ đạo tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động UBND cấp xã thông qua việc đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ, công chức. Cấp cơ sở thực hiện nghiêm Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ “*Quy định về quy trình, thủ tục bầu, từ chức, bãi miễn, điều động, cách chức, số lượng, thành viên của UBND các cấp*” trong cơ cấu, thành phần của UBND cấp xã như sau:

Cơ cấu tổ chức của UBND cấp xã gồm 01 chủ tịch, 02 phó chủ tịch (đối với xã loại I, II) xã loại 3 có 01 phó chủ tịch, và 02 thành viên UBND (Công an, quân

sự). Thực hiện nghị quyết 837/NQ-UBTVQH14, ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “*về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, xã thuộc tỉnh Quảng Ninh*”; Quyết định số 1919-QĐ/TU, ngày 18/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh “*về sắp xếp, kiện toàn đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*”. Theo đó, đến ngày 01/01/2020 Quảng Ninh giảm từ 14 đơn vị cấp huyện xuống còn 13 đơn vị, từ 186 đơn vị hành chính cấp xã xuống còn 177 đơn vị, giảm 09 xã (98 xã, 72 phường và 07 thị trấn)

Đầu nhiệm kỳ 2016 - 2021, UBND xã có 792 thành viên, gồm 186 Chủ tịch, 263 Phó Chủ tịch và 343 ủy viên. Việc tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đã từng bước nâng cao chất lượng thành viên UBND xã trong nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Về trình độ chuyên môn có 538 người có trình độ Đại học, Cao đẳng (chiếm 67,93%); Trên Đại học có 45 người, chiếm 5,68% tăng 1,87% (nhiệm kỳ 2011 - 2016, chiếm 3,81%); *Trình độ lý luận chính trị*: có 785 người đã được đào tạo, bồi dưỡng chiếm 99,11%; *Trình độ quản lý nhà nước*: có 636 người đã qua bồi dưỡng chiếm 80,30% tăng 12,54%, (nhiệm kỳ 2011 - 2016 chiếm 69,76%) [xem phụ lục 6].

Như vậy, với 73,61% cán bộ có trình độ Thạc sỹ, Đại học, Cao đẳng; hơn 80% tỷ lệ đội ngũ ủy viên UBND cấp xã được đào tạo về lý luận chính trị, kiến thức quản lý nhà nước cho thấy, đội ngũ cán bộ đang được chuẩn hóa trình độ, đây là điều kiện quan trọng giúp chính quyền cơ sở thực hiện chuyển từ mô hình quản trị truyền thống sang chính quyền phục vụ.

Công tác cải cách hành chính trong giai đoạn 2015 - 2020 vẫn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của UBND từ tỉnh đến cơ sở. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Quảng Ninh về tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 03-CT/TU, ngày 29/12/2015 và chủ đề công tác năm 2016 “*về nâng cao chất lượng quản trị và hành chính công trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*”; Kế hoạch số 916/KH-UBND ngày 25/02/2016 về “*thực hiện Chỉ thị 03-CT/TU, ngày 29/12/2015*”; Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 “*về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016 - 2020*”. Đây là những văn bản chỉ đạo trực tiếp đối với nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính ở cấp cơ sở. Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy và UBND tỉnh, UBND cấp xã tập trung thực hiện cải tiến lề lối làm việc

trong đội ngũ cán bộ, công chức, cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp tại cơ sở.

Đến năm 2018, 100% các xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đã hoàn thành triển khai thực hiện mô hình “Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã” với hạ tầng cơ sở thông tin đồng bộ. Số lượng TTHC cấp xã ban hành được nâng lên, năm 2015, số lượng TTHC cấp xã là 75, đến 2020, đã lên đến 110 TTHC. Nếu năm 2015, tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp xã giải quyết đúng hạn là 91,06% thì đến năm 2020, tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp xã giải quyết đúng hạn đã tăng lên 97,16% [179, tr.6]. Việc triển khai mô hình “Bộ phận nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã” đã tạo sự chuyển biến căn bản trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tránh phiền hà về thủ tục hành chính, giảm bớt việc đi lại nhiều lần, đến nhiều cơ quan. Chất lượng giải quyết được nâng lên, người dân hài lòng, thời gian giải quyết thủ tục hành chính được rút ngắn từ 40% đến 50%, thái độ phục vụ của công chức có nhiều chuyển biến. Xác định mục tiêu “Lấy sự hài lòng của doanh nghiệp, người dân làm thước đo hiệu quả công việc”, Tỉnh ủy Quảng Ninh chỉ đạo đổi mới mạnh mẽ trong việc định lượng, đo lường đánh giá một cách thực chất, khách quan các kết quả đạt được về nội dung, mục tiêu cải cách. Trên tinh thần đó, ngày 17/8/2018, UBND tỉnh phê duyệt “*Đề án Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Quảng Ninh (SIPAS), giai đoạn 2018 - 2020*”. Nội dung khảo sát tập trung vào 5 nội dung: (1) Tiếp cận dịch vụ hành chính công của cơ quan hành chính nhà nước; (2) Thủ tục hành chính; (3) Công chức trực tiếp tiếp nhận và giải quyết TTHC; (4) Kết quả cung ứng dịch vụ hành chính công; (5) Tiếp nhận, giải quyết ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị. Theo kết quả khảo sát, đo lường khách quan sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ cải cách hành chính cấp xã, tỷ lệ liên tục tăng lên qua các năm từ 89,4% năm 2015 lên 89,89% năm 2018, 93,11% năm 2019, và đạt 95,26% năm 2020 [179, tr.6].

Nhằm chỉ đạo chính quyền cơ sở thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 36-CT/TU, ngày 20/4/2015 về “*tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo*”. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 06/CT-UBND, ngày 30/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh về “*Tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và*

phòng, chống tham nhũng trong tình hình mới"; Quyết định số 705-QĐ/TU, ngày 13/9/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về *"Kiểm tra công tác lãnh chỉ đạo thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo trên địa bàn tỉnh"*; Thông báo số 1336-TB/TU ngày 22/4/2019 *"Thông báo Kết luận Hội nghị rà soát công tác lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh"*. Các văn bản chỉ đạo yêu cầu các cấp uỷ, chính quyền, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nghiêm túc chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo. Nhằm tăng cường hơn nữa vai trò của người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ này, ngày 23/7/2019, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Quy định số 1717-QĐ/TU *"về việc thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị về 'Trách nhiệm của người đứng đầu cấp uỷ trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của người dân'"*; Quyết định số 1718-QĐ/TU, ngày 23/7/2019 về *"Quy chế tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân của người đứng đầu cấp uỷ"*; Quyết định số 1719-QĐ/TU ban hành *"Nội quy tiếp dân của người đứng đầu cấp uỷ"*; Thông báo số 1336-TB/TU ngày 22/4/2019 của Tỉnh uỷ về *"Thông báo Kết luận hội nghị rà soát công tác lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thời gian tới"*.

Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, UBND cấp xã đã nghiêm túc thực hiện công tác tiếp công dân định kỳ vào thứ Năm hàng tuần theo quy định. Các cấp huyện, tỉnh đã chủ động thành lập đoàn kiểm tra để kiểm tra đột xuất việc tổ chức tiếp công dân tại cấp xã. Niêm yết cụ thể, chi tiết các mẫu văn bản có liên quan đến đơn khiếu nại, đơn uỷ quyền khiếu nại, tạo điều kiện cho công dân đến trụ sở tiếp công dân làm việc. Việc thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, đối thoại với nhân dân, thường xuyên, sâu sát chỉ đạo giải quyết kịp thời bức xúc từ cơ sở không để khiếu kiện vượt cấp, hình thành các điểm nóng gây phức tạp về an ninh, trật tự. Từ năm 2016 đến năm 2020, UBND cấp xã đã thực hiện 22.407 lượt tiếp công dân, giải quyết 139 đơn thư khiếu nại tố cáo [181, tr.5] góp phần quan trọng vào việc ổn định tình hình trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tại cơ sở.

Đối với việc thực hiện QCDC ở cơ sở, Tỉnh uỷ đã ban hành Chỉ thị số 05-CT/TU ngày 27/4/2016, về thực hiện Kết luận số 120-KL/TW của Bộ Chính trị

“về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở”; Kế hoạch số 3460/KH-UBND ngày 16/6/2016 *“về tăng cường công tác dân vận trong cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới”* đây là những văn bản chỉ đạo trực tiếp đối với chính quyền cấp xã trong xây dựng và thực hiện hiệu quả QCDC ở cơ sở.

Tỉnh uỷ chỉ đạo xây dựng bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại thực hiện QCDC ở cơ sở trên địa bàn tỉnh; phát hành sách, báo *“Hỏi đáp về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở”* nhằm hướng dẫn, tuyên truyền tại cơ sở. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, chính quyền cơ sở đã thực hiện công khai các dự án, công trình đầu tư, quy hoạch địa phương, các chủ trương, chính sách an sinh xã hội; công bố các quy định, trình tự giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến nhân dân với các hình thức đa dạng được niêm yết tại trụ sở xã, phường, thị trấn và qua hệ thống trực tuyến dịch vụ công. Nhờ thực hiện tốt QCDC ở cơ sở đã huy động được nguồn lực lớn trong dân khi thực hiện các chủ trương lớn từ tỉnh đến cơ sở. Trong phong trào xây dựng Nông thôn mới nhân dân chủ động, tích cực tham gia đóng góp các loại quỹ, hiến đất, hiến công, phát triển kinh tế, xây dựng cộng đồng dân cư. Trong 5 năm, người dân đã hiến trên 1,2 triệu m² đất, đóng góp hàng ngàn ngày công lao động và hơn 16 tỷ đồng tiền mặt [16, tr.5]. Chế độ giao ban định kỳ hàng tháng giữa cấp uỷ cơ sở với đội ngũ Bí thư chi bộ, Trưởng ban công tác Mặt trận, Trưởng thôn, khu phố được duy trì, đảm bảo nên nhiều vấn đề bức xúc ở cơ sở đã được kịp thời giải quyết, góp phần giảm các vụ khiếu nại, tố cáo, tạo sự tin tưởng, đồng thuận trong nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Nhằm tăng cường vai trò giám sát của nhân dân, năm 2016, đã thành lập 186 Ban Thanh tra nhân dân với tổng số 1.138 thành viên, 185 Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng với tổng số 930 thành viên [16, tr.6]. Các Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng đã từng bước phát huy được hiệu quả trong công tác thanh tra, giám sát các công trình, dự án, tiếp công dân; kịp thời kiến nghị với nhà đầu tư, các cơ quan có thẩm quyền giải quyết các sai phạm. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng đã thực hiện giám sát được 1.243 số dự án công trình đầu tư của cộng đồng, đã phát hiện, kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền 397 vụ việc, trong đó, giải quyết được 368 vụ. Ban Thanh tra nhân dân đã phối hợp với đoàn thể nhân

dân duy trì tốt 1.680 tổ hoà giải, các tổ hoà giải ở các thôn, khu phố phát huy hiệu quả, hoà giải thành công nhiều vụ việc mâu thuẫn, tranh chấp trong nhân dân chủ yếu liên quan đến đất đai, mâu thuẫn gia đình, làng xóm được giải quyết, tỷ lệ hoà giải thành công đạt 70,3%. Theo số liệu điều tra khảo sát do Mặt trận Tổ quốc tỉnh tiến hành có 25% Ban thanh tra nhân dân xếp loại tốt, 35% xếp loại khá, 15% xếp loại trung bình và 5% xếp loại yếu. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xếp loại tốt chiếm 30%, khá chiếm 45%, trung bình là 15% và 10% ban xếp loại yếu [16, tr.6]. Việc thực hiện tốt QCDC ở cơ sở đã góp phần tích cực vào thành công của cuộc bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, đảm bảo an sinh trật tự an toàn xã hội ngay từ cơ sở.

3.3.2.3. Xây dựng đội ngũ công chức cấp xã

Nhiệm kỳ 2015 - 2020, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh xác định việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở là mắt xích then chốt trong nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT ở cơ sở. Để cụ thể hóa mục tiêu này, Tỉnh ủy chỉ đạo tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh “*về đẩy mạnh cải cách hành chính và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*”; “*Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng và phát triển toàn diện nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020*”; Kế hoạch số 228-KH/TU, ngày 29/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*về thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương (khoá XII) về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ*” và chủ đề công tác năm 2020 “*nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững*”. Nhằm cụ thể hoá chủ trương của Tỉnh ủy giai đoạn từ 2015 - 2020, UBND tỉnh đã ban hành 12 văn bản chỉ đạo, HĐND tỉnh ban hành 09 nghị quyết liên quan đến nâng cao chất lượng nguồn nhân lực [43, tr.3], tạo hành lang pháp lý vững chắc cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nói chung và đội ngũ công chức cấp xã nói riêng.

Để triển khai hiệu quả Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng và phát triển toàn diện nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 (Đề án 293), Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Quyết định số 172-QĐ/TU, ngày 07/3/2016

“về thành lập Ban điều hành công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển toàn diện nguồn nhân lực” (gọi tắt là Hội đồng Đào tạo tỉnh) do Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy làm Chủ tịch Hội đồng, đã thể hiện quyết tâm chính trị cao, tạo cơ chế điều hành tập trung, thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp xã trong nâng cao chất lượng đội ngũ công chức tỉnh nói chung và công chức cấp xã nói riêng. Nhằm triển khai, hướng dẫn thực hiện Đề án 293, Sở Nội vụ Tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Kế hoạch số 1577/KH-SNV ngày 22/9/2016 “về triển khai Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng và phát triển toàn diện nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ninh năm 2016”. Dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã được nâng lên. Theo thống kê của Sở Nội vụ, đến năm 2020, Quảng Ninh có tổng số 3.529 cán bộ công chức cấp xã, trong đó: Cán bộ là 1.714 người, công chức có 1.815 người. Tổng số cán bộ, công chức cấp xã được cử đi đào tạo bồi dưỡng là 27.526 lượt; số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã là 3.291 lượt [97, tr.3]. So với nhiệm kỳ trước, tần suất đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được nâng lên rõ rệt, bình quân mỗi cán bộ tham gia khoảng 7,8 lớp trong 5 năm. Mức độ cập nhật kiến thức này góp phần giúp đội ngũ cán bộ theo kịp yêu cầu phát triển nhanh của tỉnh.

Đặc biệt, trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ không chỉ dừng lại ở các lớp bồi dưỡng trong nước, mà còn có sự đổi mới tư duy khi cử cán bộ tham gia đào tạo, bồi dưỡng tại nước ngoài nhằm chuẩn hóa năng lực cán bộ theo tiêu chuẩn hiện đại. Bên cạnh những đối tượng là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt cấp tỉnh, cấp huyện, sở, ban, ngành được tham gia đào tạo, bồi dưỡng tại nước ngoài, Tỉnh ủy cử đội ngũ công chức cấp xã tham gia các lớp ngắn hạn tại nước ngoài. “Giai đoạn 2015 - 2020, tỉnh chọn cử 127 công chức, viên chức chuyên môn sâu (không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý), 30 cán bộ chủ chốt cấp xã, 15 bí thư chi bộ, trưởng thôn, bản, khu phố tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn hạn tại nước ngoài” [180, tr.5]. Do triển khai đồng bộ các giải pháp, chất lượng đội ngũ công chức cấp xã giai đoạn 2015 - 2020 đã có sự chuyển biến rõ rệt so với giai đoạn 2010 - 2015. Đến năm 2020, trong tổng số 1.815 công chức, trình độ chuyên môn được nâng lên đáng kể, số có trình độ trên đại học có 92 người (chiếm 5,07%), tăng 4,76% so với năm 2015; trình độ đại học có 1.502 người (chiếm 82,75%), tăng 30,38%; số công chức chưa qua đào tạo chuyên môn giảm xuống còn 1

người (chiếm 0,05%), giảm 1,74% so với năm 2015.

Về lý luận chính trị: có 1.533 người, chiếm 84,46% đã được đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, tăng 16,08% so năm 2015 (68,38%) còn 282 người, chiếm 15,54% chưa qua đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, giảm 16,07% so năm 2015 (31,61%);

Về quản lý nhà nước: có 1.405 người (chiếm 77,41%) đã được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, tăng 5,92% so năm 2015 (71,49%). Còn 410 người chiếm 22,58% chưa qua bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, giảm 5,92% so năm 2015 (28,50%) [xem phụ lục 10, 11].

Số liệu cho thấy, qua 5 năm tỷ lệ, trình độ Đại học và trên Đại học tăng mạnh (tổng cộng chiếm gần 88% đội ngũ), tỷ lệ bồi dưỡng chính trị tăng hơn 16%, kiến thức quản lý nhà nước tăng 5,92%, trong khi số lượng công chức chưa qua đào tạo chuyên môn gần như được xóa sổ (chỉ còn duy nhất 01 trường hợp) những con số cho thấy Quảng Ninh đã thành công trong việc trí thức hóa đội ngũ thực thi chính sách ở cấp cơ sở. Những con số trên không chỉ là thành tích về bằng cấp, mà đã chuyển hóa thành hiệu quả thực tiễn. Chất lượng đội ngũ công chức cấp xã được nâng lên đã tác động tích cực đến hiệu quả công việc của đội ngũ này.

Theo Báo cáo thống kê của Sở Nội vụ năm 2020, trong tổng số 1.815 công chức được đánh giá, 392 công chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (chiếm 21,59%) tăng 1,49% so với năm 2015 (20,1%); 1.339 công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ (chiếm 73,81%) tăng 3,44% so với năm 2015 (70,37%), 60 công chức hoàn thành nhiệm vụ (chiếm 3,30%), 24 công chức không hoàn thành nhiệm vụ (chiếm 1,32%) [181, tr.4]. Ý thức, thái độ, tác phong, lề lối làm việc của đội ngũ công chức cấp xã cũng dần được nâng lên. Trong tổng số 1.815 công chức được lấy ý kiến của nhân dân về phẩm chất, đạo đức, thái độ, tác phong, lề lối làm việc cho kết quả như sau: *Về phẩm chất đạo đức cán bộ*, có 1.770 công chức (chiếm 97,52%) đạt tốt, khá (so với năm 2014 là 71,80%); 45 công chức (chiếm 2,47%) còn hạn chế về tinh thần thái độ phục vụ nhân dân (so với năm 2014 là 28,1%) [181, tr.4].

Với 95,4% công chức cấp xã hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hơn 97,52% công chức được đánh giá tốt về phẩm chất đạo đức, cho thấy công tác đào tạo, bồi dưỡng trong nhiệm kỳ 2015 - 2020 đã có nhiều chuyển

biến so với nhiệm kỳ 2010 - 2020 không chỉ dừng lại ở kiến thức mà đã chạm đến ý thức trách nhiệm của mỗi công chức, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân ở cơ sở. Tuy nhiên, vẫn còn 5,78% công chức đánh giá hạn chế về thái độ phục vụ, 1,32% công chức chưa hoàn thành nhiệm vụ. Đây là nút thắt tiếp tục được nhận định trong giai đoạn 2015 - 2020 “Năng lực, phẩm chất, ý thức kỷ luật của một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Vẫn còn biểu hiện tiêu cực, quan liêu nhất là cấp cơ sở” [43, tr.22], đây chính là dư địa mà tỉnh cần tập trung xử lý trong giai đoạn tiếp theo để hướng tới sự hài lòng của người dân.

3.3.3. Xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân

Trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, Đảng bộ tỉnh tăng cường lãnh đạo, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; đồng thời tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy gắn với đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao hiệu quả hướng về cơ sở.

3.3.3.1. *Kiến toàn tổ chức và cán bộ*

So với nhiệm kỳ trước, nhiệm kỳ 2015 – 2020 đánh dấu bước chuyển mạnh mẽ của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Thực hiện Đề án 25 và Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 3/3/2015 “*về đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế*”, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành hệ thống 05 quyết định phê duyệt Đề án cho Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: (1) Quyết định số 1907-QĐ/TU, ngày 10/3/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*về phê duyệt đề án Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy biên chế của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ninh*” với mục tiêu: Nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể các cấp; củng cố, sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, rõ chức năng, nhiệm vụ, đạt hiệu quả cao. Khắc phục tình trạng “hành chính hoá”, tạo chuyển biến về cơ chế hoạt động nhằm thống nhất triển khai thực hiện nhiệm vụ, hướng về cơ sở để giải quyết lĩnh vực yếu, địa bàn trọng điểm; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chất lượng, cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của tỉnh; (2) Quyết định số 1905-QĐ/TU, ngày 15/3/2015, của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về phê duyệt Đề án “*Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, thực hiện tinh giản bộ máy biên chế của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh*”, hướng

đến nâng cao vai trò, vị thế và hiệu quả hoạt động của tổ chức Đoàn các cấp tại Quảng Ninh. Đề án tập trung rà soát, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy chuyên trách của Đoàn từ cấp tỉnh đến cơ sở theo hướng tinh gọn, rõ chức năng, nhiệm vụ, xây dựng tổ chức Đoàn vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, xứng đáng là đội dự bị tin cậy của Đảng, đồng thời là môi trường rèn luyện thực tiễn cho thanh niên; (3) Quyết định số 1903-QĐ/TU, ngày 20/3/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phê duyệt Đề án *“Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, thực hiện tinh giản bộ máy biên chế của Hội Cựu chiến binh tỉnh”*, nhằm mục tiêu: Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy chuyên trách của Hội từ cấp tỉnh đến cơ sở theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện lộ trình tinh giản biên chế phù hợp với chức năng, nhiệm vụ thực tế, tránh tình trạng chồng chéo hoặc thừa nhân lực ở các vị trí gián tiếp. Thay đổi lề lối làm việc theo hướng sâu sát cơ sở, giảm bớt các khâu trung gian và thủ tục hành chính không cần thiết; nâng cao chất lượng các phong trào thi đua "Cựu chiến binh gương mẫu"; (4) Quyết định số 1906-QĐ/TU, ngày 20/3/2015 về phê duyệt Đề án *“Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, thực hiện tinh giản bộ máy biên chế Hội Nông dân tỉnh Quảng Ninh”* với mục tiêu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đoàn, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Chi bộ Hội Nông dân tỉnh. Thay đổi nhận thức của cán bộ, đảng viên trong hệ thống Hội về việc tinh gọn bộ máy là yêu cầu tất yếu để nâng cao hiệu quả công việc; (5) Quyết định số 1908-QĐ/TU, ngày 28/3/2015 về phê duyệt Đề án *“Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế của Hội Phụ nữ các cấp tỉnh Quảng Ninh”* với nhiệm vụ trọng tâm hướng về cơ sở, bám sát đời sống và nhu cầu của hội viên phụ nữ; Giảm bớt tính hành chính, "hội họp hóa" trong công tác Hội; tăng cường tính chủ động, sáng tạo của cán bộ Hội các cấp; Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của Hội Phụ nữ các cấp theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả. Đây là những văn bản chỉ đạo quan trọng của Tỉnh ủy Quảng Ninh, tạo hành lang pháp lý vững chắc để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ tỉnh đến ở cơ sở hiện thực hóa mục tiêu tinh gọn bộ máy, khắc phục "hành chính hóa" và hướng mạnh về cơ sở.

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, sự hướng dẫn của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp trên, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở tập trung xây dựng kế hoạch sắp xếp lại tổ chức theo hướng giảm đầu mối, bố trí lại đội ngũ

cán bộ, tránh chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ. Trong giai đoạn này, Quảng Ninh đã mạnh dạn triển khai mô hình "kiêm nhiệm chức danh" đối với các đoàn thể tại cơ sở. Theo đó, một cán bộ đảm nhiệm nhiều chức danh, Chủ tịch Hội Phụ nữ xã kiêm Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ hoặc Hội Nông dân; Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc kiêm Chủ tịch Hội Cựu chiến binh hoặc ngược lại.

Dưới sự chỉ đạo quyết liệt, đến năm 2020, tổng số Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã còn 4.647 người (giảm 559 người so với năm 2015), Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc là 571 người (giảm 33 người so với năm 2015), tổng số ban công tác Mặt trận khu dân cư là 1.543 người (giảm 30 người so với năm 2015) [83, tr.5]. Các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã cũng tiến hành sắp xếp lại tổ chức theo hướng tinh gọn bộ máy tổ chức. Đến năm 2020, tổng số Chi đoàn thanh niên là 1.499 chi đoàn, với 29.211 đoàn viên (*giảm 122 chi đoàn; tăng 3.427 đoàn viên so năm 2015*); Tổng số Chi hội Phụ nữ là 1.609 chi hội, với 260.774 hội viên (*giảm 16 chi hội so năm 2015*); Hội Nông dân có 1.282 chi hội với 98.629 hội viên (*giảm 98 chi hội so năm 2015*); Hội Cựu chiến binh có 1.516 chi hội với số hội viên là 52.461 người, [xem phụ lục 7].

Việc giảm số lượng đầu mối và con người không phải là cắt giảm cơ học mà là sự sắp xếp lại để tránh chồng chéo, cắt bỏ vị trí hoạt động kém hiệu quả. Với việc giảm 122 chi đoàn Thanh niên, 16 chi hội Phụ nữ, 98 chi hội Nông dân cho thấy việc tinh giản bộ máy tổ chức và biên chế diễn ra đồng bộ với quá trình sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh.

Cùng với việc sắp xếp lại bộ máy, trong giai đoạn từ 2016 - 2020, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện các giải pháp nhằm thu hút đoàn viên, hội viên tham gia tổ chức. “Tỷ lệ thu hút đoàn viên, hội viên vào các tổ chức lên tới hơn 75%, trong vòng 4 năm đã kết nạp mới trên 12.869 đoàn viên, hội viên. Trong đó, số lượng đoàn viên thanh niên mới được kết nạp là 3.427 người. Hội viên Hội Phụ nữ được kết nạp 6.663 người. Hội Nông dân phát triển thêm 694 người, Hội Cựu chiến binh tăng 2.085 người” [xem phụ lục 7]. Như vậy, việc tinh giản bộ máy không làm yếu đi sức mạnh phong trào của các tổ chức hội, thực tế cho thấy tỷ lệ thu hút đoàn viên, hội viên tại Quảng Ninh đã tăng lên ấn tượng, đạt mức hơn 70%. Trong 4 năm, toàn tỉnh đã kết nạp mới trên 12.869 thành viên, minh chứng cho sức sống mới của các tổ chức sau khi được tinh gọn và tối ưu hóa bộ máy.

Cùng với tinh gọn bộ máy, chất lượng đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở cũng được chuẩn hóa. Trong tổng số 571 Ủy viên Thường trực Mặt trận Tổ quốc cấp xã: *Trình độ chuyên môn*: Đại học, trên Đại học có 450 người (chiếm 78,80%) *Trình độ lý luận chính trị*: Cao cấp có 32 người (chiếm 5,60%), Trung cấp có 481 người (chiếm 84,32%). Nhiệm kỳ 2014 - 2019 có 145/186 (chiếm 78%), Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc cấp xã tham gia cấp ủy, Thường vụ cấp ủy, trình độ được chuẩn hoá theo công chức Đảng, đoàn thể. [83, tr.7]. 60% Bí thư Chi đoàn Thanh niên, 54,10% Chi hội trưởng Hội Phụ nữ ở khu dân cư trình có trình độ độ cao đẳng trở lên [16, tr.10]. Chất lượng đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở cho thấy, đội ngũ này không chỉ là những cán bộ phong trào thuần túy mà đang được chuẩn hóa về trình độ chuyên môn và lý luận chính trị, với tỷ lệ có bằng cao đẳng, đại học chiếm đa số, đây là yếu tố quan trọng đảm bảo năng lực tham mưu và thực thi nhiệm vụ trong bối cảnh tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy tổ chức.

Thực hiện mô hình cơ quan tham mưu, giúp việc chung cho khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội (chung bộ máy kế toán, văn phòng, tổ chức...) nhằm tiết kiệm nguồn lực, nâng cao hiệu quả hoạt động, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 44-QĐ/TU ngày 30/11/2015 “*về xây dựng cơ quan tham mưu giúp việc chung khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện*” (gọi tắt là Cơ quan Khối cấp huyện) và Quyết định số 963-QĐ/TU ngày 16/3/2018 “*Thành lập cơ quan tham mưu giúp việc chung khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh*” (gọi tắt là Cơ quan Khối cấp tỉnh), nhằm tạo sự thống nhất từ tỉnh đến cơ sở, thực hiện liên thông trong triển khai mô hình cơ quan tham mưu, giúp việc chung khối Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn toàn tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiếp tục ban hành Quy định 2041-QĐ/TU ngày 13/3/2020 “*về tổ chức và hoạt động của Khối dân vận xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*”. Theo đó, bộ máy Khối dân vận xã, phường, thị trấn được thành lập bao gồm: 01 Trưởng Khối: là đồng chí Phó Bí thư Đảng uỷ đồng thời là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn; 02 Phó trưởng Khối. Các thành viên gồm: Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội (Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên) và các đoàn thể nhân dân; Trưởng công an, quân sự. Đến năm 2020, đã có 177/177 xã, phường, thị trấn tiến hành kiện

toàn, tổ chức hoạt động của Khối dân vận cơ sở với 1.704 thành viên, trong đó 95 khối dân vận có Trưởng khối là Phó Bí thư Đảng uỷ hoặc trong Thường trực Đảng uỷ cấp xã [16, tr.9]. Việc thành lập và đưa vào hoạt động Khối dân vận ở cấp xã, phường, thị trấn đã tạo chuyển biến rõ nét trong đời sống chính trị ở cơ sở. Công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo được tăng cường, góp phần nâng cao hiệu quả các phong trào thi đua và chương trình xây dựng nông thôn mới. Qua đó, sức mạnh của Nhân dân được phát huy, đóng góp tích cực vào thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh tại địa phương.

3.3.2.2. *Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động*

Nhằm đẩy mạnh hơn nữa quá trình đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở, Tỉnh uỷ ban hành Chỉ thị số 42-CT/TU, ngày 25/9/2015, về việc *“Triển khai Kết luận số 114-KL/TU, ngày 14/7/2015 của Ban Bí thư về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”*; Chỉ thị số 02-CT/TU, ngày 12/11/2015, về *“Tiếp tục thực hiện phong trào thi đua Dân vận khéo trong tình hình mới”*; Quyết định số 403-QĐ/TU, ngày 15/11/2016, của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về phê duyệt Đề án *“Tăng cường công tác dân vận trong thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”*; Nghị quyết số 17-NQ/TU, ngày 05/8/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Quảng Ninh về *“Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận trong tình hình mới”*.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ Mặt trận Tổ quốc tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 16/KH-MTTQ-BTT ngày 06/12/2015 về Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 02-CT/TU, ngày 12/11/2015, về *“Tiếp tục thực hiện phong trào thi đua Dân vận khéo trong tình hình mới”*; Kế hoạch số 14/KH-MTTQ-BTT ngày 30/5/2016 *“về Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 02-KL/ĐCT ngày 29/15/2015 của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam về đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ Việt Nam đối với công tác tôn giáo”*. Đây là những văn bản tạo hành lang pháp lý và động lực cho Mặt trận Tổ quốc là các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong tỉnh tiến hành đổi mới nội dung, phương thức hoạt động.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, hướng dẫn của Mặt trận Tổ quốc tỉnh công tác tuyên truyền tại cơ sở đã có những chuyển biến mạnh mẽ về cả nội dung lẫn hình thức so với giai đoạn 2010 - 2015. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể đã tập trung đưa Nghị quyết Đại hội XII, Nghị quyết Đảng bộ tỉnh

lần thứ XIV và Chỉ thị 05-CT/TW về học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh... vào thực tiễn đời sống một cách linh hoạt. Điểm cốt lõi trong sự đổi mới này chính là việc đa dạng hóa phương thức tiếp cận theo phương châm sát đối tượng, gần địa bàn. Sự phối hợp nhịp nhàng giữa đổi mới phương pháp giáo dục và phát huy năng lực đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên đã giúp các chủ trương, chính sách pháp luật được lan tỏa sâu rộng, hiệu quả và chính xác.

Công tác tuyên truyền được triển khai linh hoạt không chỉ dừng lại ở các hình thức truyền thống mà đã được đa dạng hóa. Từ các hình thức truyền thống như sinh hoạt chi hội, tổ hội, cổ động trực quan (băng rôn, phát thanh địa phương) đến các hình thức sáng tạo như sân khấu hóa qua hội thi “Cán bộ Hội giỏi”. Đặc biệt, việc ứng dụng công nghệ thông tin qua mạng xã hội (Facebook, Zalo) và các trang thông tin cộng đồng đã tạo ra bước đột phá, giúp chuyển tải chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đến đoàn viên, hội viên nhanh và chính xác. Phương thức này không chỉ nâng cao hiệu quả tương tác mà còn giúp cán bộ Hội nắm bắt kịp thời diễn biến tư tưởng, dư luận xã hội để tham mưu, kiến nghị cấp trên xử lý hiệu quả các vấn đề phát sinh từ cơ sở.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cơ sở đã tích cực nâng cao chất lượng các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước tại địa phương. Mỗi tổ chức đã xây dựng được “thương hiệu”, phong trào riêng, đóng góp trực tiếp vào mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh: Mặt trận Tổ quốc với nhiệm vụ trọng tâm là tập hợp lực lượng, tăng cường khối đoàn kết trong nhân dân, xây dựng đời sống văn hóa và an ninh cơ sở, đã phát động phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng văn hoá”*, *“Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”*, thi đua giành danh hiệu *“xã, phường, thị trấn tiên tiến”*, *“xã, phường, thị trấn văn minh”*; Hội Phụ nữ đi đầu mới mô hình *“Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”*, *“xây dựng gia đình hạnh phúc”* các mô hình đều gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới đã góp phần thay đổi diện mạo khu dân cư; Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh tập trung vào phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững với các phong trào điển hình như *“Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”*, *“Cựu chiến binh chung tay xây dựng nông thôn mới”*, *“Thắp sáng đường quê”*; Đoàn Thanh niên chú trọng nhiệm vụ phát huy vai trò xung kích trong khởi nghiệp và xây dựng xã hội học tập gắn với phong trào *“Tuổi trẻ lập thân, lập nghiệp”*, *“Tuổi trẻ Quảng Ninh chung tay xây dựng nông thôn mới”*, *“Tuổi trẻ Quảng Ninh đi đầu xây dựng xã hội học tập”*... Các

cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước do Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội phát động đã thu hút đông đảo cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tham gia, nhiều phong trào đã thực sự phát huy hiệu quả, khơi dậy tiềm năng, sức mạnh của cộng đồng tham gia giải quyết các vấn đề dân sinh, dân chủ, dân trí ở cơ sở.

Thực hiện Quyết định số 1717-QĐ/TU và 1718-QĐ/TU ngày 23/7/2019 “*về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân và đối thoại trực tiếp*”; Quyết định số 1901-QĐ/TU ngày 6/12/2019 “*về trách nhiệm tiếp thu góp ý của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các cấp ủy, chính quyền*”, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền cùng cấp trong tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong nhân dân về các chủ trương lớn của tỉnh. Trong quá trình triển khai sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân. Kết quả cho thấy sự đồng thuận rất cao: Sáp nhập huyện Hoàn Bò vào thành phố Hạ Long: 98,55% người dân đồng ý; Nhập xã Quảng Điền, Quảng Trung, Phú Hải vào thị trấn Quảng Hà: 98,5% người dân đồng ý; Nhập xã Quảng Thắng vào xã Quảng Minh: 97,37% người dân đồng ý; Nhập xã Tiến Tới vào xã Đường Hoa: 97,5% người dân đồng ý; Nhập xã Điền Công vào phường Trung Vương: 95,75% người dân đồng ý; Sáp nhập xã Quảng Lợi vào xã Quảng Tân: 92,11% người dân đồng ý; Nhập xã Đại Thành vào xã Đại Dục: 100% người dân đồng ý; Sáp nhập xã Tình Húc vào thị trấn Bình Liêu: 96,13% người dân đồng ý [16, tr.11]. Những con số trên đã khẳng định vai trò quan trọng của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong tạo sự đồng thuận xã hội “giữa ý Đảng, lòng dân”. Đây là minh chứng cho thấy Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể không chỉ là người tuyên truyền, mà đã trở thành chủ thể tạo dựng sự đồng thuận xã hội, biến các chủ trương lớn thành ý chí và hành động tự nguyện của nhân dân. Đây chính là tiền đề cốt lõi để xây dựng một chính quyền trong sạch, vững mạnh và thực sự của dân, do dân, vì dân.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cơ sở đã phát huy vai trò điểm tựa vững chắc cho nhân dân thông qua việc thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi. Việc phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Chính sách xã hội đã tạo ra đòn bẩy tài chính quan trọng, giúp hội viên, đoàn viên khơi thông nguồn lực để phát triển sản xuất và vươn lên làm giàu bền vững. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội ở cơ sở chủ động kiến nghị, phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội cho hội viên, đoàn viên vay vốn phát triển sản

xuất, thoát nghèo vươn lên làm giàu. Sự chủ động và trách nhiệm của các cấp Hội trong việc hỗ trợ sinh kế cho nhân dân đã khơi thông nguồn vốn, tạo đà cho nhân dân ở cơ sở phát triển kinh tế vươn lên thoát nghèo. “Trong 5 năm từ 2015 - 2020 đã có 2.369 đoàn viên thanh niên vay 363 tỷ đồng qua 923 dự án. Đã có 12.852 hội viên Hội Nông dân được tiếp cận vốn vay đạt 1.800 tỷ đồng. Đã có 34.692 hội viên Hội Phụ nữ được tiếp cận vay đạt trên 2.000 tỷ đồng. Hội Cựu chiến binh, hội viên được vay không tính lãi 21 tỷ đồng. Nhờ được tiếp cận vốn, được hướng dẫn quá trình sản xuất từ các tổ chức hội, tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh, năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo trong toàn tỉnh chỉ còn 0,4% (giảm 4,16% so với năm 2015) [16, tr.12].

Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 07-CT/TU ngày 27/5/2016 về thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016-2020. Đồng hành cùng chương trình xây dựng Nông thôn mới, Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 về bố trí nguồn lực đưa các xã, thôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh” với nguồn lực trên 1.340 tỷ đồng, giúp đỡ cho 22 xã và 11 thôn đặc biệt khó khăn; Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 17/01/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án “nhiệm vụ và giải pháp đưa các xã, thôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn, hoàn thành mục tiêu chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”. “Đến năm 2020, Tỉnh Quảng Ninh đã có 05 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng Nông thôn mới; trong đó thị xã Đông Triều là địa phương cấp huyện đầu tiên miền Bắc đạt chuẩn Nông thôn mới; huyện Cô Tô là huyện đảo đầu tiên trong cả nước đạt chuẩn Nông thôn mới, Toàn tỉnh có 81/98 xã đạt chuẩn Nông thôn mới, bằng 82,65% số xã (bình quân cả nước là 50,26%); có 12/98 xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao, xã Việt Dân (thuộc thị xã Đông Triều) là xã đầu tiên của cả nước đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu. Toàn tỉnh có 17/17 xã ra khỏi xã khu vực III hoàn thành chương trình 135. Thu nhập bình quân đầu người tại khu vực nông thôn năm 2019 đạt 42,3 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều năm 2019 là 0,52 % (giảm 6,68% so với năm 2010; tỷ lệ hộ nghèo cả nước là 4,5%)” [16, tr.12]. Ý thức của nhân dân có những chuyển biến tích cực trong thực hiện phát triển sản xuất, giảm nghèo bền vững; tham gia giữ gìn và bảo vệ môi trường nông thôn, thực hiện xây dựng Nông thôn mới nâng cao, Nông thôn mới kiểu mẫu...

Bên cạnh những kết quả đạt được hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở cũng nghiêm túc tự đánh giá “phương thức hoạt động chưa theo kịp tình hình mới; chức năng giám sát phản biện xã hội còn yếu; công tác phối hợp với cấp ủy và chính quyền cùng cấp còn chưa chủ động” [83, tr.10]

Tiểu kết chương 3

Trước yêu cầu đẩy mạnh xây dựng HTCT ở cơ sở, nhiệm kỳ 2015 - 2020, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã phát triển nhận thức và cụ thể hóa nhiều chủ trương của Đảng về xây dựng HTCT ở cơ sở phù hợp với yêu cầu phát triển của địa phương.

So với giai đoạn 2010 - 2015, chủ trương của Đảng bộ tỉnh có bước phát triển rõ nét cả về tư duy và nội dung lãnh đạo. Nếu giai đoạn trước chủ yếu tập trung củng cố, kiện toàn từng thành tố của HTCT thì giai đoạn 2015 - 2020 chuyển mạnh sang đổi mới đồng bộ tổ chức bộ máy, phương thức lãnh đạo và cơ chế vận hành của toàn HTCT ở cơ sở theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ, cải cách hành chính và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội được xác định là những nội dung trọng tâm, tạo bước phát triển mới trong chủ trương lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh.

Quá trình chỉ đạo thực hiện được triển khai đồng bộ, quyết liệt và sáng tạo. Công tác xây dựng TCCSD được đẩy mạnh toàn diện; chính quyền cơ sở được kiện toàn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; đội ngũ cán bộ được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa; Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tiếp tục đổi mới tổ chức, phương thức hoạt động theo hướng thực chất, hướng về cơ sở. Nhiều mô hình mới, cách làm sáng tạo được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của HTCT ở cơ sở, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng.

Mặc dù vẫn còn những hạn chế nhất định song những kết quả đạt được trong xây dựng HTCT ở cơ sở giai đoạn 2015 - 2020 đã tạo chuyển biến tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, khẳng định vai trò tiên phong của Quảng Ninh trong đổi mới HTCT, cung cấp luận cứ thực tiễn quan trọng để Trung ương nghiên cứu, hoàn thiện các chủ trương về tổ chức và hoạt động của HTCT trong thời kỳ mới. Đây cũng là cơ sở để Chương 4 phân tích những ưu điểm, hạn chế và rút ra các bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh trong xây dựng HTCT ở cơ sở.

Chương 4

NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM

4.1. NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NINH LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ (2010 - 2020)

4.1.1. Ưu điểm và nguyên nhân

4.1.1.1. Ưu điểm

Thứ nhất, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh luôn quán triệt, vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng, kịp thời đề ra chủ trương xây dựng HTCT ở cơ sở phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương

Xây dựng HTCT ở cơ sở vững mạnh là một trong những quan điểm cốt lõi, xuyên suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, là nền tảng bảo đảm sự ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường gắn kết giữa Đảng với Nhân dân. Trong giai đoạn 2010 - 2020, cùng với tiến trình đẩy mạnh đổi mới toàn diện và hội nhập quốc tế sâu rộng, Trung ương Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, kết luận quan trọng nhằm hoàn thiện HTCT từ Trung ương đến cơ sở: Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (1/2012) “*Về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*”; Hội nghị Trung ương 7 (5/2013) đã ban hành Kết luận “*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở*”; Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 “*về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức*”; Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (10/2016) “*Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ*”; Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII “*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”... Đây là những định hướng chiến lược, tạo khung lý luận và thực tiễn cho các địa phương trong việc tổ chức, vận hành và nâng cao chất lượng HTCT ở cơ sở.

Quán triệt đầy đủ các quan điểm của Trung ương, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã kịp thời cụ thể hóa vào điều kiện thực tiễn của địa phương, coi việc xây dựng HTCT ở cơ sở là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong toàn bộ quá

trình lãnh đạo. Trên cơ sở định hướng của Đại hội XI của Đảng và các nghị quyết Trung ương liên quan, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2010 - 2015 đã xác định rõ mục tiêu: “Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng, đảng viên; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp; nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân” [41, tr.62]. “Xây dựng HTCT cơ sở vững mạnh, nghiên cứu ban hành chính sách cho cán bộ cơ sở nhằm khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ cơ sở nâng cao trình độ, yên tâm công tác” [41, tr.71].

Để hiện thực hóa mục tiêu đó, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành nhiều nghị quyết chuyên đề: Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 27/10/2010 “*về xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020*”; Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 01/12/2011 “*về phương hướng, nhiệm vụ năm 2012*”; Nghị quyết 08-NQ/TU, ngày 15/7/2013 “*về một số nhiệm vụ, giải pháp ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên*”; Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 5/12/2013 “*về phương hướng, nhiệm vụ năm 2014*”; Nghị quyết số 15-NQ/TU, ngày 6/9/2014 “*về đẩy mạnh cải cách hành chính và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn 2030*”. Đặc biệt, việc xây dựng và triển khai Đề án 25 cùng với Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 3/3/2015 “*về đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế*”, thể hiện rõ tư duy đổi mới, sáng tạo của Đảng bộ tỉnh trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy, đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HTCT ở cơ sở. Đây không chỉ là sự cụ thể hóa chủ trương của Trung ương, mà còn là minh chứng cho năng lực vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn địa phương.

Bước sang giai đoạn 2016 - 2020, trong bối cảnh yêu cầu đổi mới HTCT nói chung và HTCT ở cơ sở ngày càng cao, nhất là trước tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu thế quản trị hiện đại, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh tiếp tục quán triệt sâu sắc tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và đặc biệt là Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 “*Một số vấn đề về tiếp tục*

đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã có thêm những căn cứ chính trị, lý luận vững chắc để khẳng định tính đúng đắn của hướng đi đã được xác lập từ Đề án 25 và Nghị quyết số 19-NQ/TU của Tỉnh ủy.

Trên cơ sở đó, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2015 - 2020, tiếp tục thể hiện quyết tâm chính trị cao trong việc thực hiện quan điểm của Trung ương về xây dựng HTCT ở cơ sở, với mục tiêu: “tiếp tục đẩy mạnh công tác lãnh đạo xây dựng tổ chức đảng và hệ thống chính trị vững mạnh” [42, tr.77], nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy, gắn với yêu cầu tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ Nhân dân. Quan điểm này được Tỉnh ủy cụ thể hóa bằng các nghị quyết, kế hoạch, chương trình hành động quan trọng, như Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 18/12/2017 về “*Một số giải pháp đổi mới nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng trong tình hình mới*”, Chương trình hành động số 21-Ctr/TU, ngày 05/02/2018 về “*tiếp tục thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW, Nghị quyết 19-NQ/ TW tại Hội nghị Trung ương 6, khóa XII*”.

Có thể thấy, các chủ trương của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh qua các kỳ Đại hội XIII nhiệm kỳ 2010 - 2015, Đại hội XIV nhiệm kỳ 2015 - 2020 cùng với hệ thống nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh, phản ánh rõ nét quá trình quán triệt nghiêm túc, nhận thức ngày càng sâu sắc và vận dụng sáng tạo quan điểm của Trung ương vào điều kiện cụ thể của địa phương. Trong quá trình tổ chức thực hiện, Đảng bộ Tỉnh luôn bám sát thực tiễn, đề cao tư duy đổi mới, linh hoạt, qua đó từng bước nâng cao hiệu quả xây dựng HTCT ở cơ sở. Chính sự thống nhất giữa nhận thức và hành động, giữa chủ trương và thực tiễn đã tạo nền tảng quan trọng làm nên thành công trong quá trình Đảng bộ Tỉnh lãnh đạo các cấp ủy xây dựng HTCT cơ sở trong sạch, vững mạnh.

Thứ hai, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở với quyết tâm cao, chỉ đạo thống nhất và hành động quyết liệt

Quyết tâm chính trị cao, thống nhất trong ban hành, tổ chức thực hiện nghị quyết.

Trong giai đoạn 2010 - 2020, xây dựng và củng cố HTCT ở cơ sở được Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, gắn chặt với yêu cầu ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội và

nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ. Điểm nổi bật trong quá trình lãnh đạo nhiệm vụ này là sự thể hiện rõ nét quyết tâm chính trị cao, nỗ lực bền bỉ và phương thức chỉ đạo thống nhất, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở.

Quyết tâm chính trị cao trước hết được thể hiện trong cách thức xây dựng và ban hành các nghị quyết, chỉ thị, kết luận. Đảng bộ Tỉnh không coi việc ban hành văn bản chỉ đạo là hoạt động hành chính đơn thuần, mà xem đó là khâu mở đầu của một quy trình lãnh đạo khép kín, bao gồm: xây dựng chủ trương, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, điều chỉnh, bổ sung.

Trong nhiệm kỳ 2010 - 2015, Đảng bộ Tỉnh đã ban hành 12 nghị quyết, chỉ 07 thị, 09 kết luận, 13 quyết định cùng nhiều văn bản chỉ đạo quan trọng khác. Sang nhiệm kỳ 2015 - 2020, Đảng bộ tiếp tục ban hành 09 nghị quyết, 08 chỉ thị, 10 kết luận, 15 quyết định và nhiều văn bản quan trọng liên quan trực tiếp đến công tác xây dựng HTCT ở cơ sở [154, tr.2]. Việc ban hành các văn bản trong hai nhiệm kỳ cho thấy sự quan tâm thường xuyên, liên tục của Đảng bộ Tỉnh đối với công tác xây dựng HTCT ở cơ sở, đồng thời phản ánh sự chủ động trong việc điều chỉnh chủ trương nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra.

Quá trình xây dựng và ban hành các nghị quyết, chỉ thị về xây dựng HTCT ở cơ sở đều được thực hiện đúng quy trình, thẩm quyền, bám sát các quy định và hướng dẫn của Trung ương. Tuy nhiên, các chủ trương của Đảng bộ Tỉnh không mang tính sao chép máy móc, mà được xây dựng trên cơ sở tổng kết thực tiễn, nhận diện rõ những hạn chế, bất cập trong tổ chức và hoạt động của HTCT ở cơ sở. Từ đó, Đảng bộ Tỉnh lựa chọn những lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm để tập trung chỉ đạo, vừa phù hợp với yêu cầu chung, vừa phát huy được lợi thế của từng địa phương.

Trước khi ban hành nghị quyết, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức nghiên cứu kỹ các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, đồng thời chỉ đạo các cơ quan tham mưu tiến hành khảo sát thực tiễn, thu thập số liệu, lấy ý kiến góp ý của các cấp ủy trực thuộc và đội ngũ cán bộ chủ chốt ở cơ sở. Cách làm này giúp các chủ trương của Đảng bộ Tỉnh bảo đảm tính thực tiễn, khả thi và nhận được sự đồng thuận cao ngay từ đầu.

Sau khi ban hành nghị quyết, Đảng bộ Tỉnh đặc biệt coi trọng công tác học tập, quán triệt và tuyên truyền nhằm thống nhất nhận thức trong toàn hệ thống. Việc triển khai hơn 200 điểm cầu trực tuyến từ tỉnh đến huyện, xã,

phường, thị trấn đã tạo điều kiện để các nghị quyết của Đảng, Đảng bộ Tỉnh được truyền tải nhanh chóng, chính xác và đồng bộ đến tận cơ sở.

Không dừng lại ở hình thức tuyên truyền một chiều, Tỉnh ủy còn tổ chức khảo sát mức độ nắm bắt nội dung nghị quyết của cán bộ, đảng viên. Kết quả cho thấy: năm 2016 có 56,46%; năm 2017 có 77,96%; năm 2020 có 54,33% cán bộ, đảng viên nắm được những nội dung cốt lõi của nghị quyết [154, tr.4]. Những con số này không chỉ phản ánh nỗ lực của tỉnh trong việc nâng cao chất lượng quán triệt nghị quyết, mà còn là cơ sở để điều chỉnh phương thức tuyên truyền theo hướng hiệu quả hơn.

Chính sự thống nhất về nhận thức đã tạo tiền đề cho sự thống nhất trong hành động. Đây là yếu tố quan trọng hình thành quyết tâm chính trị cao trong toàn HTCT từ tỉnh đến cơ sở, góp phần đưa các chủ trương về xây dựng HTCT ở cơ sở đi vào cuộc sống.

Chỉ đạo quyết liệt trong tinh giản bộ máy của hệ thống chính trị ở cơ sở

Trên nền tảng thống nhất về chủ trương và phương thức lãnh đạo, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp nhằm hiện thực hóa mục tiêu xây dựng HTCT ở cơ sở vững mạnh. Quá trình này không chỉ dừng ở việc ban hành nghị quyết, mà được cụ thể hóa bằng các chương trình hành động, kế hoạch tổ chức thực hiện gắn với từng lĩnh vực, từng địa bàn cụ thể.

Trong xây dựng TCCSĐ, Tỉnh ủy xác định đây là khâu quan trọng, nền tảng của HTCT ở cơ sở. Trên cơ sở đó, Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh tập trung chỉ đạo việc sắp xếp, kiện toàn TCCSĐ theo hướng tinh gọn, hiệu quả, kịp thời chấn chỉnh những tổ chức đảng có biểu hiện mất đoàn kết nội bộ, suy giảm năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu. Kết quả là, từ 186 (năm 2010), giảm xuống còn 177 (năm 2020) đảng bộ xã, phường, thị trấn. Cùng với việc sắp xếp, củng cố tổ chức, công tác phát triển đảng viên được Đảng bộ tỉnh quan tâm đẩy mạnh, đặc biệt chú trọng các địa bàn khó khăn như vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nhờ đó, số lượng đảng viên tăng đáng kể, từ 33.161 đảng viên năm 2010 lên 54.708 đảng viên năm 2020. Trong giai đoạn 2010 - 2015, tốc độ tăng trung bình đạt 6,63%/năm; giai đoạn 2015 - 2020 đạt 4,77%/năm, vượt chỉ tiêu nghị quyết đề ra (tăng 4 - 5%/năm) [xem phụ lục 1]. Đến 2015, 100% thôn, bản, khu phố, trường học trên địa bàn tỉnh đã có đảng

viên và thành lập chi bộ riêng. Tình trạng “trắng đảng viên” và sinh hoạt ghép được xóa bỏ hoàn toàn, hoàn thành mục tiêu trước hai năm so với Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 02/20/2008 *“Về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên”* [157, tr.8]. Đặc biệt, đến năm 2017, Quảng Ninh hoàn thành mục tiêu 100% Trưởng thôn, bản, khu phố đều là đảng viên tạo cơ sở chính trị, tổ chức vững chắc để Tỉnh ủy triển khai thành công mô hình Bí thư chi bộ đồng thời là Trưởng thôn, bản, khu phố theo phương châm “Dân tin, Đảng cử”. Trên nền tảng đó, Tỉnh ủy quyết liệt thực hiện chủ trương nhất thể hóa các chức danh lãnh đạo ở cơ sở: Bí thư Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch HĐND hoặc UBND; Phó Bí thư Đảng kiêm nhiệm các chức danh như Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra hoặc Trưởng khối dân vận. Kết quả đến năm 2020, tỷ lệ Bí thư đồng thời là Chủ tịch UBND xã đạt 67,2% (đầu nhiệm kỳ 30,65%); Bí thư đồng thời là Chủ tịch HĐND xã đạt 13,57% [157, tr.8]. Những mô hình kiêm nhiệm không chỉ góp phần tinh gọn bộ máy, mà còn nâng cao tính thống nhất trong lãnh đạo, điều hành ở cơ sở.

Song song với việc sắp xếp, củng cố TCCSĐ, Tỉnh ủy Quảng Ninh tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy chính quyền cơ sở. Việc sắp xếp đơn vị hành chính, tinh giản biên chế được triển khai theo hướng phù hợp với quy mô dân số, diện tích và yêu cầu nhiệm vụ.

Trong 10 năm (2010 - 2020) sau sắp xếp, Quảng Ninh đã giảm 01 huyện, 09 xã và 48 thôn, bản, khu phố. Theo đó, bộ máy chính quyền cơ sở cũng được quyết liệt tinh giản. Số lượng thành viên UBND cấp xã giảm từ 840 người (nhiệm kỳ 2011 - 2016) xuống còn 792 người (nhiệm kỳ 2016 - 2021). Cùng với đó nâng cao chất lượng đội ngũ, tỷ lệ cán bộ có trình độ đại học, thạc sĩ tăng từ 66,91% (nhiệm kỳ 2011 - 2016) lên 71,59% (nhiệm kỳ 2016 - 2021); tỷ lệ được đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị tăng từ 99,04% (nhiệm kỳ 2011 - 2016) lên 99,12% (nhiệm kỳ 2016 - 2021); tỷ lệ có chứng chỉ quản lý nhà nước cũng tăng từ 69,76% (nhiệm kỳ 2011 - 2016) lên 80,30% (nhiệm kỳ 2016 - 2021) [xem phụ lục 6]. Cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ của chính quyền cơ sở được chú trọng đầu tư. Đến năm 2020, 100% xã, phường, thị trấn có trụ sở làm việc đạt chuẩn, được trang bị hạ tầng cơ sở thông tin hiện đại [181, tr.6]. Công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh, góp phần rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, giảm chi phí xã hội, hạn chế phiền hà cho người dân và doanh nghiệp. Các hình thức

tiếp xúc, đối thoại trực tiếp giữa cán bộ với người dân được duy trì thường xuyên nhằm kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn.

Cùng với việc củng cố tổ chức đảng và chính quyền cơ sở, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh quan tâm lãnh đạo việc kiện toàn Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Trên cơ sở sắp xếp, điều chỉnh tổ chức bộ máy, đến năm 2020, tổng số ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã là 4.647 người (giảm 559 người so với năm 2015); số lượng ủy viên Thường trực là 571 người (giảm 33 người so năm 2015); Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư là 1.543 người (giảm 30 người so năm 2015) [83, tr.5].

Sau 10 năm, các tổ chức chính trị - xã hội cũng được sắp xếp lại theo hướng giảm số lượng các tổ chức thành viên, nhưng tăng số lượng hội viên tham gia: Đoàn Thanh niên giảm 324 tổ chức, tỷ lệ thu hút tập hợp đoàn viên tham gia tổ chức tăng từ 58% năm 2010, lên 63% năm 2020; Hội Nông dân giảm 174 chi hội, tỷ lệ thu hút tập hợp hội viên tham gia tăng từ 76,78% năm 2010, lên 78,43% năm 2020; Hội Phụ nữ giảm 156 chi hội, tỷ lệ thu hút tập hợp hội viên tham gia tăng từ 65,43% năm 2010, lên 78,5% năm 2020; Hội Cựu chiến binh tỷ lệ thu hút tham gia hội tăng từ 90,54% năm 2010 lên 96,26% năm 2020 [xem phụ lục 7].

Những kết quả đạt được cho thấy, việc đổi mới tổ chức bộ máy của HTCT ở cơ sở tại Quảng Ninh được triển khai một cách đồng bộ, quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm từ TCCSĐ, chính quyền đến Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể ở cơ sở. Quá trình đổi mới này gắn chặt với sắp xếp, tinh gọn đầu mối, nhất thể hóa chức danh, nâng cao chất lượng đội ngũ và đổi mới phương thức hoạt động, qua đó từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả vận hành của HTCT ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới.

Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết bảo đảm tính hiệu quả của chủ trương

Một đặc điểm nổi bật trong phương thức lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh là gắn chặt việc ban hành nghị quyết với công tác tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và tổng kết thực tiễn. Đây được xem là cơ chế quan trọng bảo đảm cho các chủ trương về xây dựng HTCT ở cơ sở không rơi vào hình thức, mà từng bước đi vào chiều sâu và phát huy hiệu quả bền vững.

Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy trực thuộc sau khi tiếp thu nghị quyết phải nhanh chóng xây dựng chương trình hành động, kế hoạch triển khai cụ thể. Các kế hoạch, chương trình hành động được thảo luận dân chủ, bảo đảm sự đồng thuận cao trước khi tổ chức thực hiện. Công tác sơ kết, tổng kết được tiến hành theo các mốc 3 năm, 5 năm, 10 năm nhằm đánh giá toàn diện kết quả đạt được, chỉ rõ những hạn chế, phân tích nguyên nhân và đề ra giải pháp tiếp tục thực hiện.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng thường xuyên bám sát cơ sở, nắm bắt thực tiễn, phát huy dân chủ, kịp thời nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả. Quá trình kiểm tra, giám sát trở thành kênh phản hồi chính sách, giúp tỉnh kịp thời điều chỉnh chủ trương cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Thông qua cơ chế này, nhiều cách làm sáng tạo từ cơ sở đã được tổng kết, nâng lên thành chủ trương chung của tỉnh, tạo ra hiệu ứng lan tỏa trong toàn HTCT. Đây là minh chứng cho phương thức lãnh đạo vừa mang tính định hướng chiến lược, vừa phát huy được tính năng động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở.

Như vậy, từ năm 2010 đến năm 2020, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã thể hiện rõ quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn và chỉ đạo quyết liệt trong xây dựng HTCT ở cơ sở. Sự thống nhất từ khâu xây dựng chủ trương, tổ chức thực hiện đến kiểm tra, giám sát, sơ kết và tổng kết đã tạo nên một quy trình lãnh đạo đồng bộ, khoa học và hiệu quả. Đây chính là nền tảng quan trọng góp phần tạo nên những thành tựu nổi bật của tỉnh trong tiến trình phát triển toàn diện.

Thứ ba, chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương

Một trong những chỉ số quan trọng phản ánh mức độ thành công trong quá trình lãnh đạo xây dựng HTCT ở cơ sở của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2010 - 2020 là sự chuyển biến rõ nét về chất lượng và hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong HTCT cơ sở. Nếu như trước năm 2010, HTCT ở cơ sở của tỉnh vẫn tồn tại hạn chế phổ biến là “tổ chức cơ sở đảng chưa thực sự vững chắc, nhất là tại các địa bàn khó khăn. Vẫn còn tình trạng thôn, bản chưa thành lập được chi bộ, đảng viên phải sinh hoạt ghép” [41, tr.50]; “bộ máy chính quyền ở một số nơi chưa theo kịp yêu cầu phát triển” [41, tr.54]; “phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể còn mang nặng tính hành chính, hiệu quả tuyên truyền, vận động quần chúng chưa cao” [41, tr.55], thì từ năm 2010, dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng bộ tỉnh, những hạn chế trên từng bước được khắc phục.

Chất lượng, hiệu quả hoạt động của HTCT ở cơ sở trước hết thể hiện tập trung ở việc củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các TCCSĐ. Thông qua việc ban hành và tổ chức thực hiện đồng bộ các chủ trương, nghị quyết về xây dựng Đảng, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã tạo ra những chuyển biến thực chất trong chất lượng sinh hoạt chi bộ, trong phương thức lãnh đạo và trong hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của các TCCSĐ ở xã, phường, thị trấn. Các số liệu đánh giá trong 10 năm (2010 - 2020) cho thấy, tỷ lệ TCCSĐ đạt danh hiệu “trong sạch, vững mạnh” có xu hướng tăng ổn định trong giai đoạn nghiên cứu: từ 64,51% năm 2010, lên 70,69% năm 2013, tăng 14,9% so với năm 2010 [xem phụ lục 2]. Khi có hướng dẫn mới của Trung ương, Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW ngày 25/9/2014 “*về kiểm điểm tập thể, cá nhân và đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên hàng năm*”; Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW ngày 24/9/2018 “*về kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp*”, Tỷ lệ TCCSĐ xã, phường, thị trấn xếp loại hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ vẫn có xu hướng tăng từ 91,39% năm 2018, lên 95,48% năm 2020 [xem Phụ lục 2]. Kết quả này cho thấy, mặc dù tiêu chí đánh giá ngày càng chặt chẽ, song chất lượng thực chất của các TCCSĐ của tỉnh Quảng Ninh tiếp tục được củng cố và nâng lên, qua đó góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đặc biệt chú trọng xây dựng chính quyền cơ sở theo hướng hoạt động hiệu lực, hiệu quả, lấy người dân làm trung tâm phục vụ. HĐND xã, phường, thị trấn từng bước phát huy tốt hơn vai trò là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân. Chất lượng ban hành nghị quyết của HĐND được nâng lên rõ rệt; các nghị quyết ngày càng bám sát thực tiễn, kịp thời cụ thể hóa chủ trương của cấp ủy, phản ánh đúng yêu cầu phát triển của địa phương. Hoạt động tiếp xúc cử tri, giám sát và chất vấn được đổi mới theo hướng thực chất, tập trung vào những vấn đề bức xúc từ cơ sở. UBND xã, phường, thị trấn từng bước nâng cao năng lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, nhất là trong giải quyết thủ tục hành chính, quản lý đất đai, xây dựng cơ bản, an sinh xã hội. Việc thực hiện nghiêm QCDC ở cơ sở đã tạo điều kiện để người dân tham gia trực tiếp vào các quá trình ra quyết định liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Đáng chú ý, Quảng Ninh là một trong những địa phương tiên phong xác định mức độ hài

lòng của người dân là thước đo quan trọng đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền. Kết quả khảo sát các năm cho thấy tỷ lệ hài lòng của người dân đối với thủ tục hành chính cấp xã liên tục tăng: năm 2015 đạt 89,4%, năm 2018 đạt 89,89%, năm 2019 đạt 93,11% và năm 2020 đạt 95,26% [179, tr.6]. Đây là minh chứng thuyết phục cho sự chuyển biến từ mô hình chính quyền quản lý sang chính quyền phục vụ.

Trong 10 năm (2010 - 2020), chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn có sự chuyển biến toàn diện và rõ nét, trở thành một trong những nhân tố then chốt quyết định hiệu quả hoạt động của HCT ở cơ sở. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Tỉnh, công tác đào tạo, bồi dưỡng được triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với yêu cầu vị trí việc làm và nhiệm vụ chính trị cụ thể của từng địa phương. Trình độ chuyên môn và lý luận chính trị của đội ngũ cán bộ cấp ủy xã, phường, thị trấn không ngừng được nâng cao. Tỷ lệ cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học tăng từ 66,1% năm 2010 lên 71,1% năm 2020; đặc biệt, tỷ lệ cán bộ có trình độ trên đại học tăng mạnh từ 3,2% lên 25,4%. Về lý luận chính trị, tỷ lệ cán bộ đạt trình độ trung cấp và cao cấp tăng từ 78,8% lên 98,1% [Phụ lục 9, 11]. Những kết quả này phản ánh quá trình chuẩn hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở được thực hiện một cách bài bản và hiệu quả. Cùng với đội ngũ cán bộ, chất lượng đội ngũ công chức cấp xã cũng được nâng lên rõ rệt. Tỷ lệ công chức chưa qua đào tạo chuyên môn nghiệp vụ giảm mạnh từ 4,96% năm 2010, xuống còn 0,06% vào năm 2020; tỷ lệ chưa qua bồi dưỡng lý luận chính trị giảm từ 62,17% năm 2010, xuống còn 15,54% năm 2020; tỷ lệ chưa qua bồi dưỡng quản lý nhà nước giảm từ 94,07% năm 2010, xuống còn 22,59% năm 2020 [Phụ lục 9, 11]. Điều này cho thấy, trong 10 năm công tác đào tạo, bồi dưỡng và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức được triển khai nghiêm túc, có lộ trình và đạt hiệu quả thực chất. Không chỉ được nâng cao về trình độ và năng lực chuyên môn, đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở còn từng bước được rèn luyện về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và ý thức kỷ luật. Thông qua thực tiễn công tác, đội ngũ này ngày càng phát huy vai trò là lực lượng nòng cốt, là cầu nối trực tiếp giữa Đảng với nhân dân; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của quần chúng, đồng thời phản ánh những vấn đề phát sinh từ thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, quản lý của cấp ủy, chính quyền các cấp.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở ngày càng được phát huy rõ nét. Tổ chức, bộ máy của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể được sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, nội dung, phương thức hoạt động được đổi mới theo hướng thiết thực gắn với cơ sở, sát với đời sống và nhu cầu của nhân dân. Thông qua việc triển khai sâu rộng các phong trào thi đua yêu nước và các cuộc vận động lớn, các tổ chức này đã thu hút đông đảo đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tham gia, góp phần tạo sự đồng thuận xã hội trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Đến năm 2020, có 85% Mặt trận Tổ quốc cấp xã được xếp loại vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ; 80% Ban công tác Mặt trận, các tổ chức đoàn thể ở cơ sở hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ [83, tr.10]. Các tổ chức này không chỉ đóng vai trò tập hợp lực lượng mà còn là kênh phản biện xã hội, góp phần củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, chính quyền với nhân dân.

Đặt kết quả xây dựng và nâng cao chất lượng HTCT ở cơ sở của tỉnh Quảng Ninh trong tương quan so sánh với một số địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng như Hải Phòng và Thái Nguyên cho thấy những đặc điểm nổi bật về mức độ ổn định, phát triển và tính bền vững của mô hình TCCSD tại xã, phường, thị trấn.

Bảng 4.1: So sánh kết quả đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng tại xã, phường, thị trấn năm 2020

Tổ chức cơ sở đảng xã, phường, thị trấn	Quảng Ninh		Hải Phòng		Thái Nguyên	
	<i>Số lượng</i>	<i>Tỷ lệ%</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tỷ lệ%</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tỷ lệ%</i>
	177		217		178	
Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	38	21,47	53	24,42	39	21,91
Hoàn thành tốt nhiệm vụ	131	74,01	153	70,50	128	71,91
Hoàn thành nhiệm vụ	8	4,52	11	5,06	11	6,18
Không hoàn thành nhiệm vụ	0	0,00	0	0,00	0	0,00

Nguồn: Tỉnh ủy Quảng Ninh [150], Thành ủy Hải Phòng [111], Tỉnh ủy Thái Nguyên [156]

Nhìn vào Bảng 4.1, khi so sánh có thể thấy tổng số TCCSD xã, phường, thị trấn của Quảng Ninh là 177, Hải Phòng là 217 và Thái Nguyên là 178. Xét trên

phương diện chất lượng TCCSD, điểm đáng chú ý là trong khi cả ba địa phương đều không có TCCSD không hoàn thành nhiệm vụ. Tỷ lệ TCCSD xã, phường, thị trấn của Quảng Ninh được xếp loại hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2020 đạt 95,48%, cao hơn Thái Nguyên (93,82%) và Hải Phòng (94,92%) [Bảng 4.1]. Mặc dù mức chênh lệch giữa các địa phương không lớn về mặt số học, song kết quả trên cho thấy chất lượng TCCSD ở xã, phường, thị trấn của Quảng Ninh nhìn chung ở mức cao so với Hải Phòng và Thái Nguyên.

**Bảng 4.2. So sánh kết quả đánh giá xếp loại đảng viên
tại xã, phường, thị trấn năm 2020**

Tổng số	Quảng Ninh		Hải Phòng		Thái Nguyên	
	Số lượng	Tỷ lệ%	Số lượng	Tỷ lệ%	Số lượng	Tỷ lệ%
	54.708		85.500		69.462	
Số đã đánh giá chất lượng	47.626		76.005		59.578	
Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	7.083	14,87	12.009	15,80	9.228	15,49
Hoàn thành tốt nhiệm vụ	35.159	73,82	54.434	71,62	46.480	78,02
Hoàn thành nhiệm vụ	5.179	10,87	9.282	12,21	3.649	6,12
Không hoàn thành nhiệm vụ	205	0,43	280	0,37	221	0,37

Nguồn: *Tỉnh ủy Quảng Ninh [150], Thành ủy Hải Phòng [111], Tỉnh ủy Thái Nguyên [157]*

Từ số liệu tại Bảng 4.2 cho thấy, công tác đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên ở cấp xã, phường, thị trấn của tỉnh Quảng Ninh năm 2020 có nhiều điểm tích cực, đồng thời cũng đặt ra những vấn đề cần tiếp tục quan tâm trong quá trình xây dựng đội ngũ đảng viên ở cơ sở.

Trước hết, xét về kết quả đạt được, tỷ lệ đảng viên được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ của Quảng Ninh đạt 88,69%, cao hơn so với Hải Phòng (87,41%). Điều này cho thấy đội ngũ đảng viên ở cơ sở của Quảng Ninh nhìn chung có chất lượng tương đối tốt, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Tỷ lệ này phản ánh những nỗ lực của Đảng bộ Tỉnh trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, quản lý và sử dụng đội ngũ đảng viên, cũng như hiệu quả của các chủ trương về củng cố TCCSD trong giai đoạn 2010 - 2020.

Tuy nhiên, so với Thái Nguyên, tỷ lệ đảng viên hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ của Quảng Ninh vẫn thấp hơn đáng kể (Thái Nguyên

đạt 93,51%). Sự chênh lệch này đặt ra yêu cầu tiếp tục nâng cao hơn nữa chất lượng đội ngũ đảng viên ở cơ sở, đặc biệt trong bối cảnh Quảng Ninh là địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển năng động, yêu cầu nhiệm vụ đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên ngày càng cao và phức tạp.

Ở chiều ngược lại, tỷ lệ đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ của Quảng Ninh là 0,43%, cao hơn Hải Phòng (0,36%) và Thái Nguyên (0,37%). Kết quả này được xem là một hạn chế cần khắc phục. Dưới góc độ công tác xây dựng Đảng ở cơ sở, tỷ lệ đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ (0,43%) cho thấy đây là hệ quả của sự chênh lệch về trình độ, năng lực giữa các địa bàn đặc thù của các xã vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; áp lực công việc lớn trong bối cảnh Quảng Ninh đẩy mạnh tinh giản bộ máy; cán bộ thực hiện kiêm nhiệm nhiều chức danh. Quảng Ninh cũng đặt ra yêu cầu cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế hỗ trợ, phân công, phân cấp, bồi dưỡng năng lực đối với đội ngũ đảng viên, đặc biệt là đội ngũ kiêm nhiệm chức danh, nhằm bảo đảm vừa phát huy hiệu quả của mô hình tinh gọn bộ máy, vừa hạn chế nguy cơ quá tải, ảnh hưởng đến chất lượng thực thi nhiệm vụ. Như vậy, so sánh với Hải Phòng và Thái Nguyên cho thấy, chất lượng đảng viên cấp xã, phường, thị trấn của Quảng Ninh nhìn chung đạt kết quả tích cực, song chưa đồng đều, đây là vấn đề Đảng bộ Tỉnh cần tiếp tục chấn chỉnh, sàng lọc và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên ở cơ sở trong giai đoạn tiếp theo.

Đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, so sánh liên tỉnh càng làm nổi bật nét đặc thù trong cách tiếp cận của Quảng Ninh. Trong giai đoạn 2010 - 2020, Quảng Ninh giảm 367 cán bộ, công chức cấp xã (9,41%), mức giảm cao hơn Hải Phòng (2,66%) và Thái Nguyên (6,45%) [Bảng 4.3]. Điều này cho thấy Đảng bộ Tỉnh đã thực hiện tinh giản biên chế một cách quyết liệt, thực chất, không chỉ dừng ở chủ trương mà đi vào hành động.

Quan trọng hơn, quá trình tinh giản này không làm suy giảm chất lượng đội ngũ, mà trái lại còn góp phần nâng cao chất lượng. Tỷ lệ cán bộ, công chức có trình độ đại học và sau đại học của Quảng Ninh đạt 87,85%, cao hơn Hải Phòng (83,81%) và Thái Nguyên (80,75%). Về trình độ lý luận chính trị, tỷ lệ đạt trung cấp và cao cấp của Quảng Ninh đạt (86,22%), vượt trội so với hai địa phương còn lại.

Đặc biệt, trong lĩnh vực quản lý nhà nước, một tiêu chí phản ánh trực tiếp năng lực điều hành bộ máy, tỷ lệ cán bộ có trình độ chuyên viên và chuyên viên chính của Quảng Ninh đạt (80,78%), cao hơn đáng kể so với Hải Phòng

(55,42%) và Thái Nguyên (65,35%). Điều này cho thấy Quảng Ninh không chỉ chú trọng đào tạo cho đủ chuẩn, mà còn định hướng phát triển đội ngũ theo hướng chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ địa phương.

Tuy nhiên, so sánh cũng cho thấy những hạn chế cần được nhìn nhận thẳng thắn. Tỷ lệ cán bộ, công chức chưa qua đào tạo chuyên môn và chưa qua bồi dưỡng lý luận chính trị của Quảng Ninh vẫn cao hơn Hải Phòng, dù thấp hơn Thái Nguyên. Điều này phản ánh đặc thù địa bàn rộng, nhiều khu vực miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, nơi điều kiện tiếp cận đào tạo, bồi dưỡng còn hạn chế. Đồng thời, cũng đặt ra yêu cầu tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn nữa công tác đào tạo, bồi dưỡng trong giai đoạn tiếp theo.

Bảng 4.3. So sánh kết quả đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ tại xã, phường, thị trấn năm 2020

		Quảng Ninh		Hải Phòng		Thái Nguyên	
		Tổng số	Tỷ lệ%	Tổng số	Tỷ lệ%	Tổng số	Tỷ lệ%
		3.529		4.245		3.379	
Trình độ chuyên môn	<i>Trên Đại học</i>	217	6,15	260	6,12	144	4,24
	<i>Đại học</i>	2.855	80,90	3.298	77,69	2.599	76,51
	<i>Cao đẳng</i>	61	1,73	96	2,26	154	4,53
	<i>Trung cấp</i>	346	9,80	591	13,92	480	14,13
	<i>Chưa qua đào tạo</i>	50	1,42	0	0	20	0,59
Lý luận chính trị	<i>Cao cấp, cử nhân</i>	213	6,04	87	2,05	51	1,50
	<i>Trung cấp LLCT</i>	2.829	80,16	3.457	81,44	2.502	74,13
	<i>Sơ cấp (bồi dưỡng)</i>	159	4,51	777	18,30	293	8,63
	<i>Chưa qua đào tạo</i>	328	9,29	76	1,79	551	16,22
Quản lý nhà nước	<i>Chuyên viên chính và tương đương</i>	341	9,66	44	1,04	29	0,85
	<i>Chuyên viên</i>	2.510	71,12	2.351	55,38	2.919	64,50
	<i>Chưa qua bồi dưỡng</i>	678	19,21	1.850	43,58	1.177	34,65
Tin học	<i>Đã bồi dưỡng, có chứng chỉ</i>	2.958	83,82	4.004	94,32	2.354	69,30
	<i>Chưa qua bồi dưỡng</i>	571	16,18	241	5,68	1.283	30,70

Nguồn: Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh [98], Sở Nội vụ Thành phố Hải Phòng [99], Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên [101]

Các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, an sinh xã hội được giữ vững

Quá trình xây dựng HTCT ở cơ sở trong giai đoạn 2010 - 2020 không tách rời các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội của tỉnh Quảng Ninh. Thực tiễn cho thấy, khi HTCT ở cơ sở được xây dựng theo hướng vững mạnh, đồng bộ, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, sẽ tạo ra môi trường chính trị, xã hội ổn định, củng cố niềm tin của nhân dân, từ đó hình thành nền tảng xã hội vững chắc cho phát triển bền vững của tỉnh.

Quảng Ninh duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định so với mặt bằng chung cả nước. Giai đoạn 2010 - 2015, tốc độ tăng trưởng GRDP đạt bình quân 9,2%/năm, cao hơn đáng kể mức bình quân chung cả nước (5,82%) [42, tr.17]; giai đoạn 2015 - 2020 tiếp tục được nâng lên, đạt 10,7%/năm. Đến năm 2020, GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 6.700 USD, cao hơn hơn hai lần so với bình quân cả nước [43, tr.18]. Những con số này không chỉ phản ánh thành công về mặt tăng trưởng, mà còn cho thấy hiệu quả của một mô hình phát triển dựa trên nền tảng ổn định từ cơ sở, nơi các chủ trương, chính sách được triển khai đồng bộ, nhất quán và nhận được sự đồng thuận xã hội cao.

Đáng chú ý, sự phát triển kinh tế của Quảng Ninh không mang tính tăng trưởng thuần túy, mà gắn chặt với chất lượng cuộc sống nhân dân. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giảm mạnh từ 4,56% năm 2015 xuống còn 0,36% năm 2020; chương trình giảm nghèo bền vững đã giúp 17 xã và 54 thôn thoát khỏi diện đặc biệt khó khăn [43, tr.40]. Đây là minh chứng cho thấy HTCT ở cơ sở không chỉ thực hiện tốt chức năng lãnh đạo, quản lý, điều hành mà còn đóng vai trò trung tâm trong việc tổ chức thực hiện các chính sách xã hội theo hướng sát thực tiễn, đúng đối tượng và bền vững. Trong xây dựng Nông thôn mới, năm 2020, Quảng Ninh tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong với 89/98 xã đạt chuẩn (91%), trong đó có 20 xã đạt chuẩn nâng cao; đặc biệt, xã Việt Dân (thị xã Đông Triều) trở thành xã Nông thôn mới kiểu mẫu đầu tiên của cả nước. Thu nhập bình quân khu vực nông thôn đạt 45 triệu đồng/người/năm, cao hơn mức bình quân chung toàn quốc; tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn giảm xuống còn 1% [43, tr.35]. Những kết quả này cho thấy, HTCT ở cơ sở đã chuyển từ vai trò truyền đạt mệnh lệnh hành chính sang vai trò tổ chức phát triển, chủ động huy

động nguồn lực cộng đồng, phát huy nội lực địa phương và khơi dậy tính chủ thể của người dân trong quá trình phát triển.

Trong giai đoạn 2017- 2020, Quảng Ninh đạt được những kết quả nổi bật trong cải cách hành chính, thể hiện qua việc liên tục đứng trong nhóm dẫn đầu cả nước về các chỉ số PCI, PAR Index và SIPAS [179, tr.8]. Kết quả cải cách hành chính nêu trên phản ánh năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ của chính quyền các cấp, trong đó có vai trò quan trọng của chính quyền cơ sở, khâu trực tiếp hiện thực hóa các chủ trương cải cách của tỉnh. Việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở đã góp phần củng cố niềm tin của người dân và doanh nghiệp đối với bộ máy nhà nước, tạo nền tảng xã hội quan trọng cho việc giữ vững ổn định chính trị và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện rõ rệt; các chính sách an sinh xã hội được bảo đảm; diện mạo đô thị và nông thôn thay đổi theo hướng hiện đại, văn minh; môi trường chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng - an ninh được giữ vững, chủ quyền biên giới, biển đảo được bảo đảm, không để xảy ra các tình huống bị động, bất ngờ. Điều này cho thấy chất lượng của HTCT ở cơ sở chính là nền tảng quan trọng, quyết định đến sự phát triển bền vững tại địa phương.

4.1.1.2. Nguyên nhân của ưu điểm

Những kết quả nổi bật trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng hệ HTCT ở cơ sở của tỉnh Quảng Ninh là kết tinh của nhiều nhân tố tác động.

Về khách quan

Một là, do sự đúng đắn, kịp thời trong đường lối, chủ trương của Đảng về xây HTCT ở cơ sở.

Từ năm 2010 đến năm 2020, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, kết luận quan trọng liên quan trực tiếp đến xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đổi mới HTCT, như: Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI, 1/2012) “*Về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*”; Kết luận Hội nghị Trung ương 7 (khóa XI, 5/2013) “*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện HTCT từ Trung ương đến cơ sở*”; Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 “*Về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức*”; Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa XII, 10/2016) “*Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng...*”; Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương

Đảng khóa XII “*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của HTCT tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”... Đây là những định hướng chiến lược có ý nghĩa nền tảng, tạo khuôn khổ chính trị, pháp lý quan trọng để các địa phương, trong đó có Quảng Ninh, triển khai công cuộc xây dựng HTCT ở cơ sở một cách bài bản, đồng bộ và có chiều sâu.

Hai là, đội ngũ cán bộ của tỉnh kế thừa truyền thống “*kỷ luật và đồng tâm*” của vùng mỏ.

Kế thừa truyền thống cách mạng, tinh thần đoàn kết và ý chí vươn lên, đội ngũ cán bộ tỉnh Quảng Ninh có lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Mỗi cán bộ, công chức đều xác định xây dựng HTCT nói chung và HTCT ở cơ sở nói riêng là trách nhiệm chính trị của bản thân, từ đó không ngừng rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm.

Ba là, sự đồng thuận xã hội cao và vai trò tích cực của Nhân dân trong xây dựng HTCT ở cơ sở.

Một trong những yếu tố cốt lõi làm nên thành công của Quảng Ninh là sự gắn bó chặt chẽ giữa “*ý Đảng*” và “*lòng dân*”. Các chủ trương, chính sách của tỉnh đều nhận được sự hưởng ứng tích cực từ đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Không chỉ đồng tình, ủng hộ, nhân dân còn tham gia ngày càng sâu rộng vào quá trình xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thông qua góp ý, phản biện, giám sát và đề xuất giải pháp. Chính sự tham gia chủ động, có trách nhiệm của nhân dân đã tạo nên nguồn nội lực xã hội to lớn, góp phần xây dựng HTCT ở cơ sở vững mạnh.

Về chủ quan

Một là, trong quá trình lãnh đạo xây dựng HTCT ở cơ sở, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã thể hiện rõ sự nhất quán trong nhận thức và hành động, xác định là một nhiệm vụ chính trị quan trọng gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững và nâng cao đời sống nhân dân.

Hai là, trên cơ sở quán triệt nghiêm túc các nghị quyết của Trung ương, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh với tinh thần đổi mới, dám nghĩ, dám làm đã ban hành nhiều nghị quyết, chương trình hành động... phản ánh tư duy đổi mới mạnh mẽ, qua đó, hình thành những cách làm riêng có tính đột phá, phù hợp với đặc điểm

kinh tế - xã hội của tỉnh. Chính sự linh hoạt, sáng tạo này đã tạo ra động lực thực tiễn cho quá trình xây dựng HTCT ở cơ sở.

Ba là, quyết tâm chính trị cao của cấp ủy các cấp khi thực hiện xây dựng HTCT ở cơ sở. Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh luôn xác định xây dựng HTCT ở cơ sở là nhiệm vụ trọng tâm, lâu dài, có ý nghĩa then chốt đối với sự ổn định và phát triển bền vững của địa phương. Quyết tâm này được thể hiện rõ qua việc đưa các mục tiêu xây dựng HTCT vào nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp; gắn kết quá trình xây dựng HTCT với việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức đảng và người đứng đầu; đồng thời chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở. Nhờ đó, quá trình triển khai không bị gián đoạn, hình thức, mà diễn ra liên tục tạo chuyển biến thực chất.

4.1.2. Hạn chế, nguyên nhân

4.1.2.1. Hạn chế

Thứ nhất, một bộ phận cấp ủy, người đứng đầu thiếu quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở.

Thực tế cho thấy, vẫn còn cấp ủy và người đứng đầu ở một số địa phương chưa nhận thức đầy đủ về vai trò nền tảng của cơ sở và xây dựng HTCT ở cơ sở. Từ đó, dẫn đến tình trạng thiếu chủ động, còn ỷ lại, trông chờ vào cấp trên trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghị quyết. Báo cáo tổng kết của Đảng bộ Tỉnh chỉ rõ: “Một số cấp ủy chưa thật sự quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, còn ỷ lại, trông chờ vào cấp trên” [43, tr. 62]. Trong quá trình triển khai, việc cụ thể hóa nghị quyết của Tỉnh ủy ở một số cơ sở còn mang tính rập khuôn, máy móc, chưa xuất phát đầy đủ từ điều kiện và yêu cầu thực tiễn của địa phương; chưa mạnh dạn đề xuất các cách làm mới, phù hợp. Vẫn tồn tại tình trạng “nghị quyết khi áp dụng thiếu tính khả thi, hiệu quả mang lại thấp” [43, tr.63], làm cho chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. “Mặc dù một số hạn chế đã được phát hiện trong quá trình kiểm tra, giám sát, song việc khắc phục ở một số nơi còn chậm, chưa thật sự quyết liệt” [43, tr.63], phản ánh quyết tâm chính trị chưa cao trong tổ chức thực hiện nghị quyết. Báo cáo của Tỉnh ủy đánh giá “Công tác tư tưởng và tuyên truyền, quán triệt nghị quyết ở cơ sở còn nhiều hạn chế” [43, tr.63], ảnh hưởng đến sự thống nhất ý chí và hành động trong thực hiện nhiệm vụ. Ở một số địa phương, hiệu quả công tác tư tưởng chưa cao, có nơi cấp ủy còn khoán trắng việc nghiên cứu, xây dựng nghị quyết cho một vài cá

nhân trong Đảng ủy; chưa coi trọng việc nắm bắt dư luận xã hội; việc tuyên truyền, học tập nghị quyết chủ yếu giao cho đội ngũ báo cáo viên cơ sở, trong khi trình độ, kỹ năng truyền đạt còn hạn chế, làm cho nội dung nghị quyết trở nên khô cứng, thiếu sức thuyết phục. Qua kết quả khảo sát cho thấy, tỷ lệ cán bộ, đảng viên nắm được những nội dung cốt lõi của nghị quyết còn chưa cao: năm 2016 đạt 56,46%, đến năm 2020 giảm xuống còn 54,33% [154, tr.4]. Điều này dẫn đến ở một số địa phương chưa đạt được sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong thực hiện nghị quyết.

Năng lực vận dụng nghị quyết, chủ trương của cấp trên vào thực tiễn cơ sở còn hạn chế “một số chủ trương của tỉnh khi triển khai xuống cơ sở gặp khó khăn, hiệu quả chưa cao, chưa tạo được chuyển biến rõ nét trong thực tiễn” [151, tr.10]. Điều này cho thấy ở một số cơ sở, việc tiếp thu nghị quyết còn mang tính thụ động, thiếu sáng tạo trong vận dụng, quá trình cụ thể hóa nghị quyết thành chương trình hành động chưa thật sự sát với điều kiện, đặc điểm từng địa bàn.

Một số cấp ủy cơ sở, người đứng đầu chưa thật sự gương mẫu trong chấp hành nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng. Công tác tự phê bình và phê bình ở một số nơi còn hình thức, nể nang, ngại va chạm, chất lượng sinh hoạt chi bộ ở một số nơi còn biểu hiện hành chính hóa, nội dung nghèo nàn, tính chiến đấu chưa cao, giảm sức chiến đấu của tổ chức đảng. Qua công tác kiểm tra, giám sát, số lượng đảng viên cấp cơ sở bị kỷ luật còn tương đối cao, trong đó tỷ lệ cấp ủy viên chiếm tỷ lệ đáng kể. Giai đoạn 2010 - 2015, có 194 đảng viên cấp cơ sở bị kỷ luật, trong đó 96 người là cấp ủy viên (49,48%) [158, tr.20]; giai đoạn 2015 - 2020, có 203 đảng viên cấp cơ sở bị kỷ luật, trong đó 88 người là cấp ủy viên (43,34%) [158, tr.20]. Các sai phạm chủ yếu liên quan đến vi phạm những điều đảng viên không được làm, chấp hành nghị quyết, nguyên tắc tập trung dân chủ, đạo đức, lối sống và trách nhiệm nêu gương...

Thứ hai, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở chưa đồng đều, chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ trong bối cảnh phát triển mới.

Mặc dù tổ chức bộ máy đã được sắp xếp, kiện toàn, song ở một số địa phương, hiệu quả hoạt động thực chất còn thấp. “Hoạt động quản lý hành chính ở một số xã, phường, thị trấn còn yếu; việc tổ chức điều hành thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội còn lúng túng. Tình trạng cán bộ né tránh

trách nhiệm, đùn đẩy, quan liêu, tiêu cực vẫn còn tồn tại” [181, tr.8]. Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã không hoàn thành nhiệm vụ có xu hướng tăng: năm 2015 là 0,34%, đến năm 2020 là 1,30% [xem phụ lục 3]. Thực tiễn cho thấy, tại một số địa phương vẫn tồn tại tình trạng UBND xã, phường, thị trấn chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý nhà nước theo thẩm quyền, mà có xu hướng chuyển giao một số nhiệm vụ xuống cho thôn, bản, khu phố. Cách làm này vô hình trung đã biến thôn, bản, khu phố thành một cấp trung gian trong bộ máy quản lý, làm sai lệch bản chất tổ chức và chức năng của các thiết chế cộng đồng này. Hệ quả là trưởng thôn, bản, khu phố phải đảm nhiệm nhiều công việc vốn thuộc trách nhiệm của chính quyền cấp xã, phường, thị trấn. Trong khi đó, về mặt pháp lý và tổ chức, thôn, bản, khu phố chỉ là các tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, không phải là một cấp hành chính hay đơn vị trực thuộc của chính quyền cấp xã. Việc giao phó không đúng thẩm quyền như vậy không chỉ làm gia tăng gánh nặng công việc cho đội ngũ trưởng thôn, bản, khu phố, mà còn dẫn đến sự chồng chéo, thiếu rõ ràng trong phân định chức năng, nhiệm vụ giữa chính quyền cơ sở và các tổ chức tự quản cộng đồng. Về lâu dài, tình trạng này có thể làm suy giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở cơ sở, đồng thời ảnh hưởng đến tính tự chủ, tự quản vốn có của cộng đồng dân cư.

Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể tuy có đổi mới nhưng chưa toàn diện “Việc đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc ở cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu chung. Công tác nắm bắt tình hình tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của nhân dân cũng như việc phản ánh chưa kịp thời. Việc phối hợp, thống nhất hành động với các tổ chức thành viên cùng cấp có lúc, có nơi còn chưa chặt chẽ, chưa tạo được sức mạnh tổng hợp. Công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở vẫn là một khâu yếu” [83, tr.10].

Ở một số địa phương, “mối quan hệ phối hợp giữa cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chưa chặt chẽ; việc phân công, phân nhiệm có lúc chưa rõ ràng, có nơi còn biểu hiện đùn đẩy, né tránh trách nhiệm” [151, tr.11], trách nhiệm chưa được xác lập cụ thể, làm giảm hiệu quả hoạt động chung của toàn bộ hệ thống. Sự phối hợp thiếu đồng bộ này dẫn đến tình trạng chồng chéo trong thực hiện nhiệm vụ, có việc thì nhiều tổ chức cùng làm, có việc lại bị bỏ trống; thiếu cơ chế liên thông trong xử lý những vấn đề phức tạp phát sinh từ cơ sở.

Thứ ba, một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

Mặc dù trong những năm qua, lãnh đạo tỉnh đã dành sự quan tâm cho công tác xây dựng đội ngũ cán bộ thông qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, song thực tiễn cho thấy vẫn còn “một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong bối cảnh mới” [42] đây là hạn chế được liên tiếp chỉ ra trong hai nhiệm kỳ 2010 - 2015; 2015 - 2020. Những hạn chế này không chỉ thể hiện ở trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, mà còn ở năng lực quản lý, điều hành, khả năng tiếp cận và vận dụng linh hoạt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước của tỉnh vào điều kiện cụ thể của địa phương. Đặc biệt, trước những áp lực từ việc sắp xếp đơn vị hành chính, tinh giản biên chế khi số lượng cán bộ giảm đi trong khi yêu cầu công việc cao hơn và chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ hoạt động khai thác than là chủ yếu sang phát triển các ngành du lịch, dịch vụ, năng lực cán bộ cơ sở chưa theo kịp với yêu cầu phát triển. Đội ngũ cán bộ hiện đang là khâu yếu trong thực thi nhiệm vụ tại cơ sở.

Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở cũng không đồng đều, đặc biệt tại một số khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, những hạn chế này càng bộc lộ rõ nét hơn. Do điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, môi trường công tác thiếu tính hấp dẫn, cùng với những rào cản về ngôn ngữ, tập quán, trình độ học vấn, đội ngũ cán bộ cơ sở ở các địa bàn này thường gặp khó khăn trong việc cập nhật tri thức mới, tiếp cận các phương thức quản lý hiện đại và triển khai hiệu quả các chương trình, chính sách phát triển. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở, mà còn làm suy giảm hiệu quả thực thi chính sách, tác động trực tiếp đến đời sống của người dân.

Những hạn chế về chất lượng cán bộ cũng thể hiện rõ trong hoạt động của HĐND xã. Số liệu cho thấy, tỷ lệ đại biểu HĐND chưa qua đào tạo chuyên môn vẫn ở mức khá cao: nhiệm kỳ 2011 - 2016 là 19,68%, nhiệm kỳ 2016 - 2021 là 19,63%. Tỷ lệ đại biểu chưa được bồi dưỡng lý luận chính trị lần lượt là 29,30% và 26,60%; đặc biệt, tỷ lệ chưa qua bồi dưỡng về quản lý nhà nước lên tới 68,90% và 61,99% ở hai nhiệm kỳ tương ứng [xem phụ lục 5].

Thực trạng này đã tác động trực tiếp đến chất lượng hoạt động của HĐND cấp xã, nhất là chức năng giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng ở địa

phương. Do hạn chế về kiến thức chuyên môn, kỹ năng phân tích chính sách và kinh nghiệm quản lý, nhiều đại biểu chưa thực hiện đầy đủ vai trò đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân; hoạt động giám sát còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu, chưa kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý những vấn đề phát sinh trong quản lý, điều hành ở cơ sở.

Về tổng thể, sự không đồng đều về chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở đã và đang trở thành một trong những lực cản đối với quá trình nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HTCT ở cơ sở. Đây là vấn đề cần được nhìn nhận một cách nghiêm túc, có giải pháp căn cơ, lâu dài, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Như vậy, trong quá trình triển khai xây dựng, đổi mới và HTCT ở cơ sở, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên, nhìn một cách tổng thể và trong bối cảnh thực tiễn khách quan, vẫn còn tồn tại một số hạn chế, bất cập, vừa mang tính lịch sử, vừa phản ánh những thách thức đặt ra cho tỉnh trong giai đoạn tiếp theo.

Những hạn chế trong quá trình xây dựng và vận hành HTCT ở cơ sở tại tỉnh Quảng Ninh là kết quả của sự tác động tổng hợp từ nhiều yếu tố khác nhau, trong đó có cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan. Việc nhận diện đầy đủ các nguyên nhân này không chỉ giúp lý giải bản chất của những hạn chế đã nêu, mà còn là cơ sở quan trọng để rút ra những bài học kinh nghiệm quý trong giai đoạn tiếp theo.

4.1.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

Về khách quan:

Trước hết, sự phát triển kinh tế và những biến đổi xã hội nhanh đã làm nảy sinh nhiều vấn đề mới, phức tạp ở cơ sở, đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với HTCT ở cơ sở. Quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ khai thác than sang phát triển các ngành dịch vụ, tốc độ đô thị hóa nhanh, hội nhập kinh tế quốc tế... đã làm thay đổi mạnh mẽ cấu trúc xã hội, nhu cầu của người dân và phương thức quản lý. Trong khi đó, năng lực thích ứng của đội ngũ cán bộ ở cơ sở chưa theo kịp những biến đổi này, dẫn đến tình trạng lúng túng trong xử lý các vấn đề phát sinh tại cơ sở.

Thứ hai, đặc điểm tự nhiên - xã hội của tỉnh Quảng Ninh cũng là một nhân tố khách quan tác động mạnh mẽ đến quá trình xây dựng HTCT ở cơ sở. Là tỉnh

miền núi, biên giới, hải đảo, có địa hình phức tạp, chia cắt, dân cư phân bố không đồng đều, nhiều thôn, bản nằm ở khu vực khó khăn, trình độ dân trí chênh lệch giữa các vùng miền. Đây là thách thức lớn trong việc tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, triển khai chính sách và bảo đảm sự đồng bộ trong hoạt động của HTCT. Ở những khu vực này, việc tiếp cận thông tin, triển khai chủ trương, tổ chức các hoạt động chính trị - xã hội thường gặp nhiều trở ngại, làm giảm hiệu quả thực thi chính sách.

Thứ ba, đặc thù phát triển kinh tế của tỉnh, nhất là thế mạnh về khai thác than và công nghiệp, đã thu hút một lực lượng lớn lao động từ các địa phương khác đến sinh sống và làm việc. Sự gia tăng nhanh của dân số cơ học, cùng với sự đa dạng về văn hóa, lối sống, trình độ và nhu cầu xã hội, đã tạo ra áp lực lớn đối với chính quyền cơ sở trong công tác quản lý dân cư, bảo đảm an sinh xã hội, giữ gìn an ninh trật tự và ổn định xã hội. Trong nhiều trường hợp, HTCT ở cơ sở chưa kịp thích ứng với những biến động này, dẫn đến quá tải trong quản lý và giảm hiệu quả hoạt động.

Thứ tư, khuôn khổ thể chế về tổ chức và vận hành HTCT ở cơ sở còn có những điểm chưa hoàn thiện, thiếu tính đồng bộ. Một số quy định về phân cấp, phân quyền, về mối quan hệ giữa chính quyền cấp xã với thôn, tổ dân phố; giữa cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể... chưa thật sự rõ ràng, dẫn đến tình trạng chồng chéo, đùn đẩy trách nhiệm xuống các tổ chức tự quản cộng đồng. Điều này góp phần làm suy giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở cơ sở.

Về chủ quan:

Thứ nhất, hạn chế trong nhận thức của một bộ phận cấp ủy, người đứng đầu về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của HTCT ở cơ sở. Mặc dù các nghị quyết của Trung ương và của tỉnh đều nhấn mạnh vai trò nền tảng của cơ sở, song trong thực tiễn, ở một số nơi vẫn tồn tại tư duy xem nhẹ công tác này, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, ít có tính đột phá. Điều đó dẫn đến việc thiếu quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo; thiếu chủ động trong nghiên cứu thực tiễn; còn trông chờ, ỷ lại vào sự chỉ đạo từ cấp trên.

Thứ hai, phương thức lãnh đạo của một số cấp ủy cơ sở còn chậm đổi mới, thiếu tính sáng tạo và linh hoạt. Việc quán triệt và cụ thể hóa nghị quyết ở một số địa phương còn mang tính sao chép, rập khuôn, chưa xuất phát từ điều kiện đặc

thù của từng địa bàn. Một số cấp ủy chưa chủ động tham mưu, đề xuất những mô hình, cách làm mới; thậm chí còn tồn tại tâm lý ngại đổi mới, sợ trách nhiệm, dẫn đến sự lúng túng, thiếu hiệu quả trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Thứ ba, chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở tuy đã được nâng lên, song vẫn còn những mặt chưa đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh mới. Ở một số nơi, trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý, năng lực dự báo và xử lý các vấn đề phức tạp của cán bộ còn hạn chế. Điều này làm giảm khả năng chuyển hóa các chủ trương, chính sách thành kết quả cụ thể trong thực tiễn.

Thứ tư, việc triển khai các mô hình thí điểm về nhất thể hóa, kiêm nhiệm chức danh (như Bí thư chi bộ đồng thời là Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn; Bí thư chi bộ đồng thời là Trưởng thôn, bản, khu phố) tuy mang lại nhiều kỳ vọng, song do chưa có tiền lệ và chưa được chuẩn hóa đầy đủ về quy trình, chức năng, quyền hạn, nên trong thực tế không tránh khỏi những lúng túng, vướng mắc. Ở một số nơi, việc phân định trách nhiệm giữa hai vai còn chưa rõ ràng, dẫn đến quá tải công việc, dễ phát sinh sai sót.

Thứ năm, cơ chế, chính sách, chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ cơ sở, đặc biệt là cán bộ kiêm nhiệm còn nhiều bất cập. Mặc dù trách nhiệm ngày càng lớn, khối lượng công việc ngày càng nhiều, song chế độ, chính sách chưa thật sự tương xứng. Việc tinh giản biên chế giúp bộ máy gọn nhẹ hơn, nhưng đồng thời cũng làm tăng áp lực công việc đối với những người còn lại, trong khi thu nhập và điều kiện làm việc không có sự cải thiện tương ứng. Điều này ảnh hưởng đến động lực cống hiến, sự yên tâm công tác và tính ổn định của đội ngũ cán bộ cơ sở.

4.2. KINH NGHIỆM TỪ THỰC TIỄN QUÁ TRÌNH ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NINH LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ (2010 - 2020)

Những bài học thành công và những hạn chế, tồn tại trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng HTCT ở cơ sở của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh từ năm 2010 đến năm 2020, đã để lại một số kinh nghiệm:

4.2.1. Nhận thức đúng về đặc điểm tình hình của cơ sở và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở tại Quảng Ninh

Cấp cơ sở có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong cấu trúc vận hành của HTCT, là nơi trực tiếp kết nối giữa cấp ủy, chính quyền với từng hộ dân; là không gian hiện thực hóa quyền làm chủ của Nhân dân; là địa bàn tổ chức thực hiện và kiểm nghiệm hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách,

pháp luật của Nhà nước. Cơ sở vừa là cấp cuối cùng trong hệ thống hành chính, nhưng đồng thời lại là nơi khởi nguồn của mọi chuyển động xã hội, nơi các chính sách đi vào đời sống và cũng là nơi phát sinh sớm nhất những vấn đề mới, những mâu thuẫn xã hội tiềm ẩn. Do đó, chất lượng tổ chức và hiệu quả hoạt động của HTCT ở cơ sở có ý nghĩa quyết định đối với việc xây dựng một nền hành chính phục vụ, một HTCT vững mạnh, gần dân, sát dân và vì dân.

Trước năm 2010, HTCT ở cơ sở Quảng Ninh còn tồn tại hạn chế “tổ chức cơ sở đảng chưa thực sự vững chắc [41, tr.51]; hoạt động của bộ máy chính quyền ở cơ sở trên một số lĩnh vực chưa theo kịp yêu cầu phát triển; trình độ cán bộ đặc biệt ở đồng bào dân tộc thiểu số chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ” [41, tr.54]. Những hạn chế đó không chỉ làm giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý ở cơ sở, mà còn tác động trực tiếp đến năng lực tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong thực tiễn đời sống xã hội. Thực tiễn đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nâng cao nhận thức một cách toàn diện, đầy đủ và đúng đắn về vị trí, vai trò của cơ sở cũng như nhiệm vụ xây dựng HTCT ở cơ sở. Bước vào giai đoạn từ năm 2010, trong bối cảnh phát triển mới của tỉnh, khi các đặc trưng riêng về địa chính trị, kinh tế - xã hội và cơ cấu dân cư ngày càng tác động sâu sắc đến tổ chức và vận hành của HTCT ở cơ sở, yêu cầu này càng trở nên cấp bách. Là tỉnh có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh, Quảng Ninh là địa phương duy nhất vừa có đường biên giới trên bộ, vừa có đường biên giới trên biển giáp với Trung Quốc. Với đặc trưng của một tỉnh giáp biên, Quảng Ninh thường xuyên phải đối mặt với các nguy cơ về buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển hàng hóa trái phép, xuất nhập cảnh trái phép qua biên giới. Đồng thời, quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa diễn ra nhanh chóng đã làm gia tăng mạnh mẽ dòng di cư cơ học từ các địa phương khác đến làm việc, nhất là tại các khu công nghiệp, khu kinh tế và vùng khai thác khoáng sản. Những biến động đó đặt ra nhiều thách thức phức tạp đối với công tác quản lý dân cư, bảo đảm an sinh xã hội và giữ vững trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở. Bên cạnh đó, sự phân hóa giàu nghèo, chênh lệch mức sống giữa các khu vực đô thị, nông thôn, miền núi và hải đảo, nếu không được quản lý tốt có thể trở thành nguồn gốc phát sinh các mâu thuẫn xã hội tiềm ẩn.

Quảng Ninh là một trong ba cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và là trung tâm công nghiệp khai khoáng lớn của cả nước. Đây cũng là

địa phương sớm hình thành và phát triển giai cấp công nhân Việt Nam, với “văn hóa mỏ” trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng trong bản sắc văn hóa địa phương. Những đặc điểm này tạo nên sự đa dạng về cơ cấu xã hội, sự phân tầng về lợi ích, cũng như sự đan xen giữa các nhóm cư dân truyền thống và lực lượng lao động nhập cư, làm gia tăng tính phức tạp của các quan hệ xã hội ở cơ sở.

Về mặt hành chính, năm 2020, Quảng Ninh có 13 đơn vị hành chính cấp huyện, với 177 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 72 phường, 7 thị trấn và 98 xã; có 1.542 thôn, bản, khu phố. Trong đó, có đến 67 xã, thị trấn thuộc khu vực miền núi, biên giới, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc thiểu số; 113 xã và 208 thôn thuộc diện đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017. Tỉnh có tới 42 thành phần dân tộc thiểu số sinh sống phân tán trên không gian rộng, chủ yếu tại các huyện miền núi, biên giới như Bình Liêu, Ba Chẽ, Tiên Yên, Đầm Hà, Hải Hà, thành phố Móng Cái... Sự phân tán dân cư, điều kiện giao thông khó khăn, trình độ dân trí không đồng đều, sự khác biệt về phong tục, tập quán và ngôn ngữ tạo ra những thách thức lớn đối với công tác tổ chức, vận động và quản lý xã hội ở cơ sở.

Nhận thức sâu sắc những đặc điểm đó, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh qua nhiều nhiệm kỳ đã xác định xây dựng HTCT ở cơ sở là nhiệm vụ thường xuyên, có ý nghĩa chiến lược lâu dài. Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 30/10/2001 về “củng cố, xây dựng, nâng cao hiệu quả hệ thống chính trị ở cơ sở giai đoạn 2001- 2010” là dấu mốc quan trọng, tạo tiền đề về tư duy và thể chế. Bước sang giai đoạn 2010 - 2020, nhận thức này tiếp tục được nâng lên một tầm cao mới, qua hai nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII (2010-2015), lần thứ XIV (2015-2020) cùng với các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, chương trình hành động có tính hệ thống và đồng bộ: Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 5/12/2013 “*phương hướng, nhiệm vụ năm 2014*”, Đề án 25, Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 3/3/2015 “*về đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng*”, Chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 05/02/2018 về “*tiếp tục thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW, Nghị quyết 19-NQ/ TW tại Hội nghị Trung ương 6, khoá XII*”... Đây không chỉ là các quyết sách tổ chức hành chính, mà còn thể hiện bước chuyển trong tư duy lãnh đạo, từ coi cơ sở là khâu thực hiện sang coi cơ sở là nền tảng chiến lược của toàn bộ HTCT tỉnh.

Nhận thức đúng về đặc điểm tình hình cơ sở, Đảng bộ tỉnh đã tập trung

nguồn lực, triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tổ chức đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Việc xây dựng HTCT cơ sở không chỉ hướng tới tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả, mà còn chú trọng tăng cường năng lực giải quyết các vấn đề xã hội phức tạp, quản lý sự đa dạng dân cư, bảo đảm an ninh, trật tự ở những địa bàn nhạy cảm.

Những kết quả đạt được trong xây dựng HTCT ở cơ sở của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh từ năm 2010 đến năm 2020 là kết quả của sự quán triệt sâu sắc các chủ trương đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhận thức đúng về đặc điểm tình hình và tầm quan trọng của xây dựng HTCT ở cơ sở. Chính từ tư duy đúng, quyết tâm chính trị cao và sự thống nhất trong hành động, nhiều chủ trương của Đảng bộ Tỉnh đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, được nhân dân đón nhận và ủng hộ. Đây là yếu tố quan trọng, quyết định phát triển kinh tế, xã hội bền vững của tỉnh Quảng Ninh trong những năm qua.

4.2.2. Kết hợp giữa đổi mới tổ chức bộ máy với nâng cao chất lượng hoạt động và phân định rõ chức năng, nhiệm vụ trong hệ thống chính trị ở cơ sở

Thực tiễn 10 năm (2010 - 2020) lãnh đạo xây dựng HTCT ở cơ sở của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh cho thấy, đổi mới tổ chức bộ máy chỉ thực sự có ý nghĩa khi được triển khai đồng bộ với nâng cao chất lượng hoạt động và phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ giữa các tổ chức trong hệ thống. Nếu chỉ dừng lại ở sắp xếp tổ chức theo hướng cơ học, tinh giản biên chế mà không đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý và cơ chế vận hành, thì không những không tạo ra hiệu quả bền vững mà còn làm suy giảm năng lực hệ thống. Ngược lại, khi ba yếu tố này được kết hợp chặt chẽ, sẽ tạo ra sự chuyển biến thực chất trong hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HTCT ở cơ sở.

Thứ nhất, đổi mới tổ chức bộ máy gắn với nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng

Trong HTCT ở cơ sở, TCCSĐ giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo toàn diện. Do đó, Đảng bộ Tỉnh xác định tinh gọn tổ chức đảng không phải là mục tiêu tự thân, mà là điều kiện để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và uy tín chính trị của tổ chức đảng. Trên cơ sở đó, việc sắp xếp tổ chức được triển khai theo hướng tinh gọn đầu mối, gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo.

Một trong những biểu hiện rõ nét của sự gắn kết này là Tỉnh ủy chỉ đạo đổi mới cách thức ban hành và tổ chức thực hiện nghị quyết từ tỉnh đến cơ sở. Không chỉ yêu cầu các cấp ủy cơ sở có nghị quyết, mà đặt ra yêu cầu cao hơn là không sao chép máy móc nghị quyết của cấp trên, nghị quyết phải đúng, trúng, sát thực tiễn và khả thi. Thực tiễn cho thấy, ở những địa phương khi nghị quyết được xây dựng trên cơ sở điều tra, khảo sát kỹ lưỡng tình hình thực tế, xác định đúng trọng tâm, trọng điểm, phân công trách nhiệm cụ thể, thì hiệu quả tổ chức thực hiện cao hơn hẳn so với những nơi ban hành nghị quyết còn chung chung, hình thức “Chất lượng xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nghị quyết ở một số tổ chức cơ sở đảng còn yếu, triển khai nhiệm vụ, lãnh đạo còn chung chung, lúng túng, xác định nhiệm vụ chưa rõ, nhất là trong lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết những vấn đề nhân dân quan tâm, bức xúc gây ảnh hưởng đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, làm giảm niềm tin của nhân dân” [151, tr.9].

Đối với các mô hình mới tại cơ sở như: Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch UBND, Bí thư, Phó bí thư kiêm Chủ tịch HĐND; Bí thư chi bộ đồng thời là Trưởng thôn, bản, khu phố, Tỉnh ủy chủ trương thí điểm rút kinh nghiệm từng bước, tránh triển khai ồ ạt khi chưa đủ điều kiện chín muồi.

Đảng bộ xác định chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, đặc biệt là đội ngũ cấp ủy cơ sở đóng vai trò then chốt quyết định đến năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của TCCSĐ. Do đó, Đảng bộ Tỉnh đã tập trung thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để đổi mới công tác nhân sự và nâng cao năng lực lãnh đạo của TCCSĐ. Trước hết, tập trung vào việc lựa chọn nhân sự một cách kỹ lưỡng các chỉ tiêu đề bạt, bổ nhiệm được xây dựng chặt chẽ, không chỉ dựa trên bằng cấp mà còn có đủ phẩm chất, uy tín, năng lực hoạt động thực tiễn tại cơ sở. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức thường xuyên. Đưa việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Bác trở thành nhiệm vụ thường xuyên, giải pháp cơ bản nhằm góp phần rèn luyện tư tưởng, chính trị, đạo đức lối sống, chống suy thoái trong đội ngũ. Tỉnh ủy chỉ đạo, phân công các cấp ủy viên từ tỉnh đến huyện, xã, phường, thị trấn và trưởng các đoàn thể phụ trách tại từng địa bàn, tổ dân, khu phố... thường xuyên tiếp xúc với đảng viên và nhân dân ở cơ sở để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng và kịp thời xử lý các vấn đề tại cơ sở. Qua đó, đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ lãnh đạo từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở, đặc biệt là lãnh đạo chủ chốt cấp xã, phường, thị trấn gần dân, lắng nghe dân, hiểu dân.

Thực tiễn cho thấy, khi đổi mới tổ chức đảng được tiến hành đồng thời với đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng nêu gương, đối thoại, kiểm soát quyền lực, thì vai trò hạt nhân chính trị của TCCSD càng được củng cố vững chắc hơn.

Tinh gọn bộ máy chính quyền và đội ngũ cán bộ gắn với nâng cao năng lực quản lý, điều hành ở cơ sở

Từ thực tiễn lãnh đạo, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh không tiếp cận đổi mới chính quyền cơ sở theo hướng thuần túy hành chính, kỹ thuật, mà đặt trong tổng thể yêu cầu xây dựng chính quyền phục vụ. Việc sắp xếp lại đơn vị hành chính, tinh giản biên chế, hợp nhất một số chức danh, triển khai mô hình “bộ phận nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã” nhằm khắc phục tình trạng công kênh, chồng chéo, giảm tầng nấc trung gian và tăng tính chịu trách nhiệm cá nhân, nâng cao khả năng giải quyết công việc đúng hạn, đúng pháp luật, minh bạch, hạn chế những nhiễu.

Tuy nhiên, điều làm nên bản sắc cải cách của Quảng Ninh không nằm ở việc tinh gọn đơn thuần, mà ở chỗ Đảng bộ Tỉnh gắn chặt tinh gọn tổ chức tại cơ sở với cải cách phương thức hoạt động chuyển từ quản lý sang phục vụ. Lấy sự hài lòng của người dân là thước đo đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ máy. Tỷ lệ kết quả khảo sát hài lòng của người dân đối với thủ tục hành chính cấp xã liên tục tăng: năm 2015 đạt 89,4%, năm 2018 đạt 89,89%, năm 2019 đạt 93,11% và năm 2020 đạt 95,26% [179, tr.6] là minh chứng thuyết phục cho sự chuyển biến từ mô hình chính quyền quản lý sang chính quyền phục vụ.

Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở gắn với nâng cao chất lượng hoạt động

Trong giai đoạn 2010 - 2020, Quảng Ninh triển khai nhiều dự án trọng điểm như sân bay quốc tế Vân Đồn, tuyến cao tốc Vân Đồn – Móng Cái và hàng loạt dự án phát triển đô thị, khu công nghiệp. Điểm chung của các dự án này là yêu cầu giải phóng mặt bằng với phạm vi ảnh hưởng rộng, liên quan trực tiếp đến đời sống của người dân, kéo theo nhiều ý kiến phản ánh, kiến nghị về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Trong bối cảnh đó, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, đặc biệt ở cơ sở, đã phát huy vai trò đại diện, tiếp nhận và phản ánh ý kiến của nhân dân tới chính quyền. Thực tiễn cho thấy, nếu chỉ triển khai theo phương thức hành chính, mệnh lệnh thì dễ phát sinh khiếu kiện, bức xúc. Trước yêu cầu đó, Mặt trận và

các đoàn thể đã điều chỉnh phương thức hoạt động theo hướng gần dân, sát dân, tăng cường đối thoại trực tiếp, lắng nghe kiến nghị và giám sát việc thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ. Qua đó, góp phần ổn định tình hình, tạo sự đồng thuận xã hội và bảo đảm tiến độ thực hiện các dự án.

Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy “một số nơi, hoạt động của Mặt trận và đoàn thể còn mang nặng tính hành chính, phụ thuộc nhiều vào chính quyền cùng cấp; việc tham gia các cuộc họp, triển khai văn bản, báo cáo theo quy trình hành chính có lúc lấn át vai trò đại diện, vận động và tập hợp quần chúng. Có nơi còn xuất hiện tình trạng lẫn lộn giữa chức năng quản lý nhà nước với chức năng vận động xã hội, khiến Mặt trận và đoàn thể khó phát huy vai trò độc lập tương đối trong việc phản ánh tiếng nói của nhân dân” [83, tr.11]. Đây là sự tự đánh giá phản ánh đúng thực trạng tại một số xã, phường, thị trấn trong tỉnh.

Thực tiễn đó khẳng định, chỉ khi Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trở về đúng chức năng đại diện, vận động và giám sát xã hội, thì mới có thể phát huy đầy đủ vai trò cầu nối giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân trong quá trình phát triển ở cơ sở.

Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở

Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của HTCT ở cơ sở theo hướng tinh gọn, đồng bộ, gắn với việc xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức. Trong đó, tổ chức cơ sở đảng lãnh đạo chính quyền bằng chủ trương, nghị quyết, thông qua đội ngũ cán bộ và công tác kiểm tra, giám sát...; chính quyền cơ sở là chủ thể tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội, tập hợp, vận động nhân dân. Mỗi quan hệ này được thực hiện theo cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”. Nhằm xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ của các tổ chức ngay từ đầu nhiệm kỳ Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy cơ sở xây dựng quy chế làm việc, trong đó duy trì giao ban đều đặn hàng tháng, quý giữa Bí thư Đảng ủy với Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND và Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc nhằm đảm bảo sự phối hợp, thống nhất giữa các tổ chức trong thực hiện nhiệm vụ. Chính sự phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ giữa các tổ chức đã giúp cho quá trình triển khai các mô hình đổi mới tổ chức bộ máy và thực hiện

kiêm nhiệm chức danh ở cơ sở tránh được tình trạng tập trung quyền lực nhưng thiếu kiểm soát, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống.

Thực tiễn cho thấy, chỉ khi chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa các tổ chức được phân định rõ ràng, thì việc tinh gọn tổ chức mới không dẫn đến tập trung quyền lực thiếu kiểm soát, đồng thời tạo điều kiện để từng chủ thể phát huy đúng vai trò, nâng cao tính chịu trách nhiệm và hiệu quả phối hợp trong toàn hệ thống.

Từ thực tiễn Quảng Ninh, có thể khẳng định, đổi mới tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng hoạt động và phân định rõ chức năng, nhiệm vụ không phải là ba quá trình song song, mà là ba mặt thống nhất của một chỉnh thể trong xây dựng HTCT ở cơ sở. Tinh gọn tổ chức là điều kiện, nâng cao chất lượng hoạt động là mục tiêu, còn phân định rõ chức năng và cơ chế phối hợp là yếu tố bảo đảm cho hệ thống vận hành thông suốt, hiệu quả. Trên thực tế “Ở một số địa phương, đổi mới tổ chức còn thiên về sắp xếp cơ học; quy trình làm việc mới chưa được thiết lập đồng bộ; phân công trách nhiệm còn lúng túng [43, tr.5]. Nguyên nhân sâu xa là do nhận thức chưa đầy đủ về chức năng, mối quan hệ giữa tổ chức trong hệ thống. Một số nơi còn coi tinh gọn là mục tiêu, thay vì coi đó là phương tiện.

Bài học có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc ở Quảng Ninh là đổi mới tổ chức bộ máy chỉ thực sự có ý nghĩa khi được tiến hành đồng bộ với nâng cao chất lượng hoạt động, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ của các tổ chức trong HTCT. Tinh gọn tổ chức không phải là đích đến, mà là phương tiện để nâng cao năng lực lãnh đạo, quản trị và phục vụ nhân dân. Nếu tách quá trình này, cải cách sẽ rơi vào hình thức; nếu kết hợp chặt chẽ, cải cách sẽ đi vào chiều sâu và bền vững. Đây là bài học có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, khi không gian hành chính được tổ chức lại và quyền hạn được phân cấp mạnh hơn cho cơ sở. Nếu không đồng thời nâng cao năng lực quản trị, đổi mới phương thức hoạt động thì nguy cơ gọn về hình thức nhưng yếu về thực chất là hiện hữu.

4.2.3. Xây dựng đội ngũ cán bộ đủ năng lực, bản lĩnh, tinh thần đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm

Từ thực tiễn lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở giai đoạn 2010 - 2020, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh rút ra một bài học có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc: xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở đủ năng lực, bản lĩnh, tinh thần đổi

mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm là nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

Bài học này được hình thành từ yêu cầu khách quan của quá trình đổi mới và phát triển. Trong 10 năm (2010 - 2020), Quảng Ninh là địa phương tiên phong triển khai nhiều mô hình mới, mang tính đột phá, chưa có tiền lệ, đặc biệt ở cấp cơ sở như: mô hình Bí thư chỉ bộ đồng thời là Trưởng thôn, bản, khu phố theo hình thức “Dân tin, Đảng cử”; thí điểm thi tuyển tập công chức cấp xã tập trung tại tỉnh; tiên phong thành lập Trung tâm hành chính công cấp tỉnh và huyện, mô hình trả kết quả nhanh hiện đại tại cấp xã tạo đột phá trong tiến trình hiện đại hóa nền hành chính; mô hình tăng thêm cấp ủy viên là cán bộ Đoàn Biên phòng tham gia cấp ủy cấp huyện, cấp xã ở khu vực biên giới, hải đảo của tỉnh Quảng Ninh; là một trong những tỉnh đi đầu về sắp xếp đơn vị hành chính, tinh giản đội ngũ cán bộ, công chức... Đây đều là những mô hình mới, chưa có tiền lệ trong cả nước “Những thử nghiệm mới và cách làm sáng tạo, có tính khả thi cao của Quảng Ninh không chỉ mang lại hiệu quả thiết thực trong thực tiễn địa phương, mà còn cung cấp những luận cứ khoa học và thực tiễn quan trọng để Trung ương nghiên cứu, tổng kết và ban hành các chủ trương, chính sách lớn phục vụ phát triển chung của cả nước” [12, tr.1], đặc biệt là Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017, *“Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”*, Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 *“Về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công nghiệp”*. Những kết quả đạt được không chỉ bắt nguồn từ sự đổi mới tư duy lãnh đạo và quyết tâm chính trị cao của Đảng bộ Tỉnh, mà trước hết là nhờ xây dựng được đội ngũ cán bộ từ tỉnh đến cơ sở có đủ năng lực, bản lĩnh, tinh thần đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ.

Trên cơ sở nhận thức đó, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã từng bước đổi mới công tác cán bộ theo hướng toàn diện, đồng bộ, quy trình thống nhất, liên thông giữa các khâu quy hoạch, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, đánh giá và sử dụng trong công tác cán bộ. Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện sớm, có tầm nhìn dài hạn, thường xuyên rà soát, bổ sung. Trong hai nhiệm kỳ 2010 - 2015 và 2015 - 2020, toàn tỉnh đã tiến hành quy hoạch tổng cộng 10.243 lượt Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã và 7.223 lượt cán bộ giữ các chức danh

lãnh đạo, quản lý ở cơ sở [155, tr.22]. Qua đó, tạo điều kiện để cán bộ được rèn luyện, tích lũy kinh nghiệm trước khi đảm nhiệm vị trí lãnh đạo, quản lý. Đồng thời, việc đổi mới tuyển dụng theo hướng nâng cao chất lượng đầu vào đã góp phần hình thành đội ngũ cán bộ có nền tảng chuyên môn tốt, tạo tiền đề quan trọng cho phát triển năng lực lâu dài. Bên cạnh đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng được triển khai theo hướng gắn lý luận với thực tiễn, chú trọng nâng cao kỹ năng lãnh đạo, quản lý, khả năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Tỉnh đã ban hành nhiều nghị quyết, đề án và chương trình hành động nhằm phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là Đề án 293 đã đào tạo, bồi dưỡng và phát triển toàn diện đội ngũ cán bộ từ tỉnh đến cơ sở.

Đặc biệt, bản lĩnh chính trị và năng lực thực tiễn của cán bộ được hình thành rõ nét thông qua môi trường rèn luyện ở cơ sở. Việc luân chuyển cán bộ được thực hiện thường xuyên. Trong hai nhiệm kỳ từ năm 2010 đến năm 2020, Đảng bộ Tỉnh đã thực hiện 955 lượt luân chuyển cán bộ, trong đó có tỷ lệ lớn cán bộ từ cấp trên về cơ sở [42, tr.16], [149, tr.8], đã rèn luyện, thử thách cán bộ ở những vị trí công tác, những vấn đề mới, phức tạp, qua đó nâng cao khả năng xử lý tình huống, tính chủ động và tinh thần trách nhiệm.

Trong quá trình đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn việc thực hiện mô hình kiêm nhiệm chức danh ở cơ sở như Bí thư Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch UBND xã; Bí thư hoặc Phó Bí thư kiêm Chủ tịch HĐND xã; Bí thư chi bộ đồng thời là Trưởng thôn, bản, khu phố, không chỉ là giải pháp tinh gọn bộ máy, mà còn phản ánh yêu cầu thực tiễn của địa phương. Trong mô hình này, cán bộ không chỉ dừng lại ở việc đề ra chủ trương, mà còn trực tiếp tổ chức triển khai thực hiện; không chỉ thực hiện chức năng công tác Đảng, mà còn phải nắm vững và điều hành hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước; không chỉ giữ vai trò lãnh đạo tập thể, mà còn gắn với trách nhiệm cá nhân cụ thể, rõ ràng. Việc một cá nhân đồng thời đảm nhiệm hai vai trò đặt ra yêu cầu cao hơn về năng lực, bản lĩnh chính trị và phương pháp công tác. Trong điều kiện đó, cán bộ không chỉ dừng lại ở việc triển khai chủ trương, mà phải trực tiếp xử lý các vấn đề phát sinh trong thực tiễn, đòi hỏi sự chủ động, quyết đoán và tinh thần dám chịu trách nhiệm. Qua đó cho thấy, chính môi trường đổi mới tổ chức bộ máy đã trở thành phép thử thực tiễn, góp phần sàng lọc và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ.

Thực tiễn triển khai tại Quảng Ninh cũng cho thấy, không phải ở mọi nơi, mọi thời điểm, các mô hình đổi mới đều đạt hiệu quả như nhau. Sự khác biệt chủ yếu không nằm ở bản thân mô hình, mà ở năng lực tổ chức thực hiện của đội ngũ cán bộ. Ở những nơi cán bộ có năng lực, bản lĩnh và tinh thần trách nhiệm, mô hình mới được vận hành linh hoạt, sáng tạo và phát huy hiệu quả rõ rệt; ngược lại, ở những nơi cán bộ còn hạn chế, thiếu chủ động, thì việc triển khai gặp lúng túng, hiệu quả chưa cao. Điều đó càng khẳng định vai trò quyết định của yếu tố con người trong quá trình đổi mới HTCT ở cơ sở.

Cùng với đó, việc đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo hướng thực chất, lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ và mức độ tín nhiệm của Nhân dân làm thước đo đã tạo động lực để cán bộ không ngừng rèn luyện, nâng cao năng lực và giữ vững bản lĩnh. Đây là cơ chế quan trọng để sàng lọc đội ngũ, bảo đảm những cán bộ có năng lực, dám nghĩ, dám làm được phát huy, trong khi những trường hợp không đáp ứng yêu cầu từng bước được thay thế.

Từ thực tiễn Quảng Ninh có thể rút ra một nhận thức mang tính quy luật: hiệu quả hoạt động của HTCT ở cơ sở không chỉ phụ thuộc vào mô hình tổ chức, mà phụ thuộc trực tiếp vào chất lượng đội ngũ cán bộ. Mô hình tổ chức dù hợp lý đến đâu cũng chỉ có thể phát huy hiệu quả khi được vận hành bởi đội ngũ cán bộ có đủ năng lực, bản lĩnh và tinh thần đổi mới; ngược lại, nếu đội ngũ cán bộ không đáp ứng yêu cầu, thì ngay cả những mô hình tiên tiến cũng khó có thể triển khai thành công trong thực tiễn. Quy luật này cho thấy, đổi mới tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ là hai quá trình có quan hệ hữu cơ, trong đó xây dựng đội ngũ cán bộ giữ vai trò quyết định. Vì vậy, nâng cao năng lực và bản lĩnh cán bộ phải được đặt ở vị trí trung tâm của mọi chủ trương đổi mới HTCT.

Trên cơ sở đó, bài học từ Quảng Ninh có thể được vận dụng trong các địa phương khác với những điều kiện cụ thể khác nhau, trên cơ sở bảo đảm ba yêu cầu có tính nguyên tắc: (1) tổ chức công tác cán bộ theo quy trình đồng bộ, liên thông; (2) gắn đào tạo với rèn luyện trong thực tiễn, nhất là ở cơ sở; (3) thực hiện đánh giá, sử dụng cán bộ dựa trên hiệu quả công việc và mức độ tín nhiệm xã hội.

Như vậy, bài học từ Quảng Ninh không chỉ có ý nghĩa tổng kết thực tiễn, mà còn cung cấp một cách tiếp cận có tính phương pháp luận đối với xây dựng đội ngũ cán bộ trong điều kiện chính quyền địa phương hai cấp hiện nay.

4.2.4. Dựa vào dân, lấy sự hài lòng của nhân dân đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân luôn được xác định là chủ thể của lịch sử, là nguồn sức mạnh quyết định mọi thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Người khẳng định: *“Để trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”*, coi việc dựa vào dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quán triệt sâu sắc quan điểm đó, Đảng bộ Tỉnh luôn nhất quán xây dựng HTCT ở cơ sở phải đặt dưới sự giám sát của nhân dân, vì lợi ích của nhân dân và do nhân dân tham gia. Thực tiễn lãnh đạo xây dựng HTCT ở cơ sở của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2010 - 2020 cho thấy, một trong những nhân tố có ý nghĩa quyết định tạo nên sự ổn định chính trị, đồng thuận xã hội và động lực phát triển bền vững chính là việc kiên trì quán triệt và thực hiện nhất quán quan điểm dựa vào nhân dân để xây dựng HTCT ở cơ sở. Đây không chỉ là một phương châm hành động, mà đã được nâng lên thành một bài học kinh nghiệm có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, phản ánh sự vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng vào điều kiện cụ thể của địa phương.

Dựa vào nhân dân để xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh

Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh nhận thức sâu sắc rằng: tổ chức cơ sở đảng là nền tảng của hệ thống chính trị ở cơ sở, là hạt nhân lãnh đạo trực tiếp mọi mặt đời sống xã hội ở địa bàn dân cư. Do đó, xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh không thể chỉ dựa vào các quy định, tiêu chuẩn nội bộ, mà phải gắn chặt với sự tham gia, giám sát và tín nhiệm của quần chúng nhân dân.

Trong giai đoạn 2010 - 2020, Đảng bộ Tỉnh đã từng bước mở rộng dân chủ trong xây dựng Đảng, coi việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân là một kênh quan trọng để nâng cao chất lượng tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên. Các chủ trương, nghị quyết, quy định của cấp ủy các cấp được công khai hóa thông qua nhiều hình thức như hội nghị nhân dân, hệ thống truyền thanh, truyền hình cơ sở, cổng thông tin điện tử của tỉnh và địa phương. Nhờ đó, người dân có điều kiện tiếp cận thông tin đầy đủ hơn, hiểu rõ hơn về các quyết sách của Đảng, tham gia góp ý và giám sát việc thực hiện. Một điểm nổi bật trong quá trình này là việc duy trì và mở rộng cơ chế đối thoại trực tiếp giữa cấp ủy, chính quyền với nhân dân. Quy định 07-QĐ/TU ngày 20/02/2019 “về

việc Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Ủy viên Ban Thường vụ huyện, thị thành ủy và đảng ủy xã, phường, thị trấn dự sinh hoạt chi bộ thôn, khu phố”; Quy định số 1717-QĐ/TU ngày 23/7/2019 về việc thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW của Bộ Chính trị về “*Trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của người dân*”; Quyết định số 1718-QĐ/TU về “*Quy chế tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân của người đứng đầu cấp ủy*”; Quyết định số 1719-QĐ/TU ban hành “*Nội quy tiếp dân của người đứng đầu cấp ủy*”. Thông qua hệ thống các quy định này, việc tiếp dân, đối thoại với dân không còn mang tính hình thức, phong trào mà trở thành một nội dung thường xuyên, có nền nếp trong sinh hoạt của cấp ủy các cấp. Quy định này đã tạo ra một kênh kết nối trực tiếp giữa cấp ủy cấp trên với chi bộ và nhân dân ở địa bàn dân cư, qua đó giúp lãnh đạo các cấp lắng nghe tiếng nói từ cơ sở, nắm bắt sát thực tiễn, hiểu đúng tâm tư, nguyện vọng của quần chúng và kịp thời điều chỉnh chủ trương, biện pháp lãnh đạo chấn chỉnh những hạn chế ngay từ cơ sở.

Theo các báo cáo của Ban Dân vận Tỉnh ủy, trong 10 năm từ năm 2010 đến năm 2020 toàn tỉnh đã tổ chức 132 cuộc đối thoại giải quyết các khiếu nại của công dân tập trung vào những vấn đề bức xúc của nhân dân như đất đai, giải phóng mặt bằng, môi trường, an sinh xã hội, cải cách hành chính [15, tr.6], [16, tr.5]. Thông qua đối thoại, nhiều kiến nghị chính đáng của nhân dân đã được tiếp thu, điều chỉnh kịp thời, hạn chế tình trạng khiếu kiện kéo dài và vượt cấp.

Đặc biệt, Quảng Ninh là một trong những địa phương đi đầu trong việc triển khai mô hình “Dân tin, Đảng cử” đối với công tác cán bộ ở thôn, bản, khu phố. Theo mô hình này, nhân dân trực tiếp bầu Trưởng thôn, bản, khu phố, trên cơ sở đó, cấp ủy giới thiệu đề đại hội chi bộ bầu Bí thư chi bộ. Cách làm này đã khắc phục tình trạng khép kín, hình thức trong công tác cán bộ cơ sở, đồng thời khẳng định vai trò của nhân dân trong xây dựng tổ chức đảng ở địa bàn dân cư. Theo các báo cáo tổng kết của tỉnh, đến năm 2020, tỷ lệ Bí thư chi bộ đồng thời là Trưởng thôn, bản, khu phố đạt 100%, trong đó đa số được nhân dân tín nhiệm cao.

Việc thực hiện Đề án 25 và Nghị quyết 19-NQ/TU của Tỉnh ủy về “*Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế*” cũng được tiến hành trên cơ sở lấy ý kiến rộng rãi của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Nhờ đó, quá trình sắp xếp, tinh gọn bộ máy không

chỉ đạt được mục tiêu nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, mà còn nhận được sự đồng thuận cao trong xã hội, hạn chế tâm lý hoài nghi, lo lắng của người dân. Xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh không thể tách rời sự tham gia, giám sát và tín nhiệm của nhân dân; càng mở rộng dân chủ, càng công khai, minh bạch, thì tổ chức đảng càng vững mạnh, uy tín của Đảng càng được củng cố.

Dựa vào nhân dân để xây dựng chính quyền cấp xã và đội ngũ cán bộ, công chức

Chính quyền cấp xã là cấp chính quyền gần dân nhất, trực tiếp tiếp xúc, giải quyết những nhu cầu thiết yếu hằng ngày của nhân dân. Quảng Ninh xác định rằng, nếu tổ chức cơ sở đảng giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo thì chính quyền cơ sở chính là lực lượng trực tiếp tổ chức triển khai và hiện thực hóa các chủ trương, nghị quyết vào đời sống. Do đó, hiệu quả vận hành của HTCT ở cơ sở được biểu hiện rõ nét, cụ thể thông qua chất lượng hoạt động của chính quyền cấp xã.

Trong giai đoạn 2010 - 2020, Đảng bộ Tỉnh đã chú trọng thực hiện nghiêm túc QCDC ở cơ sở, bảo đảm để người dân được “biết, bàn, làm, kiểm tra, giám sát” đối với các vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống của mình. Các nội dung như quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán và quyết toán ngân sách xã, các dự án đầu tư cộng đồng đều được công khai tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa thôn, bản, khu phố và trên các phương tiện thông tin đại chúng. Bên cạnh đó, Đảng bộ Tỉnh đã phát huy vai trò của các thiết chế giám sát của nhân dân như Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng. Thông qua các thiết chế này, người dân có điều kiện trực tiếp theo dõi, phản ánh kịp thời những sai phạm, bất cập trong quá trình triển khai các chương trình, dự án ở cơ sở. Nhiều vụ việc đã được phát hiện sớm và xử lý ngay tại chỗ, góp phần hạn chế tiêu cực, tham nhũng và lãng phí. Một điểm nổi bật trong quá trình xây dựng chính quyền cơ sở của Quảng Ninh là việc gắn cải cách hành chính với sự hài lòng của người dân. Đảng bộ Tỉnh xác định, sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp là thước đo hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính. Chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã liên tục tăng lên từ năm 2015 đến năm 2020 [179, tr.4], là biểu hiện sinh động của một phương thức quản lý mới lấy người dân làm trung tâm. Song song với đó, lãnh đạo Tỉnh thực hiện nghiêm túc việc lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với cán bộ

trước khi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử. Đây là một khâu quan trọng để bảo đảm lựa chọn được những cán bộ không chỉ “đúng quy trình” mà còn “đúng lòng dân”. Từ thực tiễn trên có thể rút ra bài học kinh nghiệm: chính quyền cấp xã chỉ thực sự hiệu lực, hiệu quả khi đặt trong sự giám sát thường xuyên của nhân dân; càng tôn trọng quyền làm chủ của Nhân dân, thì chất lượng quản lý ở cơ sở càng được nâng cao.

Dựa vào nhân dân để phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở

Trong hệ thống chính trị ở cơ sở, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tập hợp, đoàn kết Nhân dân, phát huy quyền làm chủ, đồng thời là cầu nối giữa Đảng, chính quyền với quần chúng. Nhận thức rõ vai trò đó, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh trong giai đoạn 2010 - 2020 đã chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo, tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể thực sự phát huy vai trò đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân.

Một trong những nội dung nổi bật là việc đẩy mạnh chức năng giám sát và phản biện xã hội. Trên cơ sở các văn bản của Trung ương, Tỉnh ủy về giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở đã cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương. Trong giai đoạn 2010 - 2020, Mặt trận Tổ quốc cấp xã đã chủ trì và phối hợp tổ chức các cuộc giám sát liên quan đến những lĩnh vực nhạy cảm, tác động trực tiếp đến đời sống nhân dân ở cơ sở như: quản lý đất đai, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chính sách người có công, bảo hiểm y tế, thực hiện các dự án đầu tư ở cơ sở. Thông qua hoạt động giám sát, nhiều bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách đã được phát hiện và kiến nghị điều chỉnh kịp thời. Điều này không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của chính quyền cơ sở, mà còn củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Bên cạnh đó, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể ở Quảng Ninh đã không ngừng đổi mới phương thức vận động quần chúng theo hướng gần dân, sát dân, phù hợp với từng nhóm đối tượng và từng địa bàn. Các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động lớn như “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” được triển khai linh hoạt, thiết thực, tránh hình thức. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 98/98 xã đạt chuẩn Nông thôn mới, nhiều xã đạt chuẩn

nâng cao và kiểu mẫu. Kết quả đó không thể đạt được nếu thiếu sự tham gia tích cực của nhân dân với tư cách là chủ thể. Các tổ chức như Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh... đã phát huy vai trò nòng cốt trong việc vận động hội viên tham gia phát triển kinh tế hộ gia đình, xây dựng nếp sống văn minh, giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ môi trường. Qua đó, hệ thống chính trị ở cơ sở không chỉ được củng cố về mặt tổ chức, mà còn được tăng cường về chất lượng hoạt động.

Thực tiễn cho thấy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp cơ sở chỉ thực sự phát huy vai trò khi hoạt động trên nền tảng dân chủ, bám sát cơ sở, đại diện một cách thực chất cho tiếng nói và lợi ích chính đáng của nhân dân. Ngược lại, nếu bị hành chính hóa, xa rời quần chúng thì hiệu quả tuyên truyền, vận động và tập hợp nhân dân sẽ suy giảm rõ rệt. Đây là một bài học kinh nghiệm quan trọng được rút ra trong quá trình xây dựng và củng cố HTCT ở cơ sở.

Dựa vào nhân dân để phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững an ninh, trật tự ở cơ sở

Một trong những biểu hiện sinh động nhất của việc “dựa vào dân” trong xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở tại Quảng Ninh là sự tham gia trực tiếp, chủ động và tự giác của nhân dân vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, trật tự.

Trong xây dựng Nông thôn mới, đô thị văn minh và các công trình hạ tầng lớn, người dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng, mà còn là chủ thể tham gia. Nhiều hộ gia đình đã tự nguyện hiến đất, đóng góp ngày công lao động, vật tư để xây dựng đường giao thông, nhà văn hóa, trường học, trạm y tế. Chính sự đồng thuận và tham gia tích cực của nhân dân đã giúp nhiều dự án được triển khai đúng tiến độ, hạn chế khiếu kiện, tiết kiệm đáng kể ngân sách nhà nước.

Bên cạnh đó, Quảng Ninh đã phát huy tốt vai trò của cộng đồng dân cư trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển xanh, phát triển du lịch cộng đồng, kinh tế sinh thái, làng nghề truyền thống. Nhiều mô hình kinh tế hộ gia đình, hợp tác xã kiểu mới được hình thành trên cơ sở sáng kiến của người dân, qua đó không chỉ nâng cao thu nhập, mà còn tạo sự gắn kết cộng đồng.

Trong lĩnh vực bảo đảm an ninh, trật tự, phong trào “*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*” được triển khai sâu rộng với nhiều mô hình tự quản hiệu quả như

“Tổ tự quản an ninh trật tự”, “Camera an ninh”, “Dòng họ tự quản”. Các mô hình này không chỉ hỗ trợ lực lượng chức năng trong phòng, chống tội phạm, mà còn góp phần xây dựng ý thức pháp luật, tinh thần trách nhiệm công dân trong mỗi người dân.

Nhờ phát huy vai trò của nhân dân, nhiều mâu thuẫn, tranh chấp trong cộng đồng đã được hòa giải ngay từ cơ sở, không để phát sinh thành điểm nóng. Điều này tạo nên nền tảng vững chắc cho ổn định chính trị - xã hội, một điều kiện tiên quyết cho phát triển bền vững. Như vậy, phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững an ninh, trật tự ở cơ sở không thể chỉ dựa vào mệnh lệnh hành chính, mà phải dựa vào sự đồng thuận, tự giác và sáng tạo của nhân dân, khi nhân dân được tin tưởng và trao quyền, họ sẽ trở thành nguồn lực mạnh mẽ nhất.

Từ thực tiễn lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2010 - 2020, có thể đúc kết thành bài học, dựa vào nhân dân không chỉ là một khẩu hiệu chính trị, mà là một phương thức lãnh đạo khoa học, dân chủ và hiệu quả. Bài học dựa vào nhân dân để xây dựng HTCT ở cơ sở, không chỉ có giá trị đối với Quảng Ninh, mà còn mang tính phổ quát đối với quá trình xây dựng và hoàn thiện HTCT ở cơ sở trong bối cảnh hiện nay, nhất là khi cả nước đang triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đẩy mạnh chuyển đổi số và yêu cầu ngày càng cao về chất lượng quản trị quốc gia.

Tiểu kết chương 4

Từ việc phân tích toàn diện quá trình lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng HTCT ở cơ sở của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh trong giai đoạn 2010 - 2020, có thể khẳng định: đây là một quá trình vận động liên tục, thể hiện rõ sự phát triển về nhận thức lý luận và năng lực tổ chức thực tiễn của Đảng bộ Tỉnh trong điều kiện đẩy mạnh công cuộc đổi mới và hội nhập. Trên cơ sở quán triệt sâu sắc các chủ trương của Trung ương, Đảng bộ Tỉnh đã chủ động, sáng tạo trong vận dụng vào điều kiện cụ thể của địa phương, với quyết tâm chính trị cao, sự chỉ đạo thống nhất và hành động quyết liệt, qua đó tạo ra những chuyển biến rõ nét trong xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu chính trị, kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thực tiễn 10 năm cho thấy, hệ thống chính trị ở cơ sở từng bước được củng cố, kiện toàn theo hướng tinh gọn, hợp lý; phương thức lãnh đạo của Đảng có sự

đổi mới theo hướng khoa học, dân chủ, đề cao trách nhiệm và kiểm soát quyền lực; hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền cơ sở không ngừng được nâng cao; vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng được phát huy theo hướng thiết thực, gắn bó với nhân dân.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Đảng bộ tỉnh nghiêm túc chỉ ra những hạn chế còn tồn tại như: sự quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy và người đứng đầu chưa thật sự đồng đều; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HTCT ở cơ sở tại một số địa phương chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ; chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở, đặc biệt ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vẫn còn những mặt hạn chế. Những hạn chế này xuất phát từ cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, phản ánh những khó khăn trong quá trình đổi mới tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng hoạt động của HTCT ở cơ sở trong bối cảnh phát triển mới.

Từ thực tiễn lãnh đạo và tổ chức thực hiện, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã rút ra một số bài học kinh nghiệm quan trọng: Nhận thức đúng về đặc điểm tình hình và vai trò xây dựng HTCT ở cơ sở; Kết hợp chặt chẽ giữa đổi mới tổ chức bộ máy với nâng cao chất lượng hoạt động, phân rõ chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trong HTCT ở cơ sở; Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở; đồng thời phát huy vai trò của nhân dân, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo hiệu quả hoạt động của HTCT. Những bài học này không chỉ có ý nghĩa đối với quá trình xây dựng HTCT ở cơ sở của tỉnh Quảng Ninh, mà còn có giá trị tham khảo đối với các địa phương trong quá trình tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của HTCT cơ sở trong giai đoạn hiện nay.

KẾT LUẬN

Hệ thống chính trị ở cơ sở giữ vị trí nền tảng của hệ thống chính trị Việt Nam, là nơi trực tiếp tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đồng thời là không gian phản ánh sinh động mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Trong điều kiện đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp từ ngày 01/7/2025, vai trò của hệ thống chính trị ở cơ sở càng được khẳng định là cấp trực tiếp tổ chức thực thi quyền lực nhà nước và bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong đời sống xã hội.

Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng đó, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, kết luận nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 (khóa IX) ngày 18/3/2002 về “Đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở xã, phường, thị trấn”; Kết luận số 64-KL/TW ngày 28/5/2013 của Hội nghị Trung ương 7 (khóa XI) “về tiếp tục khẳng định mục tiêu đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở”; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 (khóa XII) về “Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”, đây là những định hướng trực tiếp quan trọng để các địa phương thực hiện xây dựng và củng cố hệ thống chính trị tại cơ sở.

Quảng Ninh là địa bàn có vị trí địa chính trị - địa kinh tế đặc biệt quan trọng, được ví như “Việt Nam thu nhỏ” khi hội tụ đầy đủ các vùng từ miền núi, biên giới, đến hải đảo; cơ cấu dân cư đa dạng với 43 dân tộc, trong đó có 42 thành phần dân tộc thiểu số, cư trú chủ yếu ở vùng núi, biên giới, hải đảo; nền kinh tế phát triển đa ngành, đa lĩnh vực; là tỉnh duy nhất có đường biên giới trên bộ và trên biển giáp với Trung Quốc. Những đặc điểm này không chỉ tạo ra tiềm năng, lợi thế nổi trội cho phát triển, mà còn đặt ra yêu cầu cao đối với công tác quản lý xã hội, giữ vững ổn định chính trị, an ninh - quốc gia ngay từ cơ sở. Chính vì vậy, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh luôn được Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh xác định là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, giữ vai trò nền tảng trong quá trình lãnh đạo phát triển nhanh và bền vững của địa phương.

Trong hai nhiệm kỳ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII (2010 - 2015) và lần thứ XIV (2015 - 2020), trên cơ sở quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã bám sát chủ trương của Đảng, vận dụng sáng tạo vào điều kiện thực tiễn của địa phương, ban hành nhiều nghị quyết, đề án và chương trình hành động mang tính hệ thống, đồng bộ nhằm củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

Quá trình lãnh đạo được triển khai toàn diện trên các trụ cột cơ bản: xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh; xây dựng chính quyền cơ sở tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức; đồng thời đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội theo hướng thiết thực, gần dân, sát dân. Các chủ trương, giải pháp không chỉ hướng tới việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, mà còn đặt trọng tâm vào đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực thực thi, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và phát huy vai trò chủ thể của nhân dân.

Dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh qua 10 năm (2010 - 2020), công tác xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở đã đạt được nhiều kết quả: Tổ chức cơ sở đảng được củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, khẳng định vai trò hạt nhân lãnh đạo ở cơ sở; hệ thống chính quyền cơ sở được sắp xếp tinh gọn, từng bước nâng cao năng lực quản lý, điều hành. Đội ngũ cán bộ, công chức được chuẩn hóa điều kiện, tiêu chuẩn, năng lực thực thi nhiệm vụ được nâng lên; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát huy tốt hơn vai trò đại diện, tập hợp, vận động quần chúng nhân dân, trở thành cầu nối quan trọng giữa Đảng, chính quyền và nhân dân ở cơ sở. Hệ thống chính trị ở cơ sở được củng cố, góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng - an ninh tại địa bàn biên giới.

Bên cạnh những ưu điểm trong quá trình Đảng bộ tỉnh lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở như: Đảng bộ tỉnh luôn quán triệt, vận dụng sáng tạo quan điểm của Đảng vào thực tiễn địa phương; lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở với quyết tâm cao, hành động quyết liệt; hiệu quả hoạt động hệ

thống chính trị ở cơ sở góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ địa phương, luận án cũng chỉ ra, quá trình lãnh đạo xây hệ thống chính trị ở cơ sở của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh vẫn còn những hạn chế nhất định: Một bộ phận cấp ủy, người đứng đầu thiếu quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng HTCT ở cơ sở; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở chưa đồng đều, chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ; chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở chưa đồng đều nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Những hạn chế đó xuất phát từ cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, đòi hỏi phải tiếp tục được nghiên cứu và khắc phục trong giai đoạn tiếp theo.

Từ thực tiễn lãnh đạo xây dựng HTCT ở cơ sở của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh trong 10 năm (2010 - 2020), đã rút ra những kinh nghiệm quý. Đó là bài học về nhận thức đúng đắn về đặc điểm tình hình cơ sở và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở tại Quảng Ninh, nơi vừa có những đặc điểm tương đồng với cả nước nhưng đồng thời có những nét đặc thù riêng của một tỉnh miền núi, biên giới, hải đảo từ đó, Đảng bộ tỉnh hoạch định chủ trương đúng đắn và chỉ đạo thực hiện hiệu quả; Kết hợp chặt chẽ giữa đổi mới tổ chức bộ máy với nâng cao chất lượng hoạt động và phân định rõ chức năng, nhiệm vụ trong hệ thống chính trị ở cơ sở để công tác xây dựng hệ thống chính trị đi vào thực chất và bền vững; xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở đủ bản lĩnh, năng lực, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; Luôn dựa vào dân, lấy sự hài lòng của nhân dân làm thước đo đánh giá hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

Có thể khẳng định, quá trình lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh từ năm 2010 đến năm 2020 thể hiện sự chủ động, sáng tạo, quyết liệt của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh trong hiện thực hóa quan điểm của Đảng tại địa phương. Những kết quả đạt trong xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở không chỉ tạo ra những chuyển biến quan trọng về tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở địa phương, mà còn phản ánh sự phát triển về nhận thức và phương thức cầm quyền của Đảng ở cơ sở. Những kinh nghiệm rút ra từ quá trình lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, góp phần bổ sung, làm rõ hơn phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đồng thời tạo nền tảng quan trọng cho việc triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Thị Thu Hiền (2023), “Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ở tỉnh Quảng Ninh hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, (354), tr.79-82.
2. Nguyễn Thị Thu Hiền (2026), “Đổi mới tổ chức và hoạt động hệ thống chính trị ở cơ sở của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp”, *Tạp chí Quản lý nhà nước* điện tử đăng ngày 20/01/2026.
3. Nguyễn Thị Thu Hiền (2026), “Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trong bối cảnh chính quyền địa phương hai cấp”, *Tạp chí cộng sản* điện tử đăng ngày 11/3/2026.
4. Nguyễn Thị Thu Hiền (2026), “Quảng Ninh đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cho hệ thống chính trị ở cơ sở trong tình hình mới”, *Tạp chí Quản lý nhà nước* điện tử đăng ngày 19/3/2026.
5. Nguyễn Thị Thu Hiền (2026), “Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị cơ sở” (2010 - 2020), *Tạp chí Lịch sử Đảng* điện tử, đăng ngày 26/3/2026.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2001), *Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 30/10/2001 về củng cố, xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở giai đoạn 2010 - 2010*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2013), *Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 15/7/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Một số nhiệm vụ, giải pháp ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên”*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2013), *Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 5/12/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh “về phương hướng, nhiệm vụ năm 2014”*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.
4. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2014), *Nghị quyết số 15-NQ/TU, ngày 6/9/2014 “về đẩy mạnh cải cách hành chính và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn 2030”*, Lưu tại Văn phòng tỉnh ủy.
5. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2014), *Kế hoạch số 83-KH/TU, ngày 12/3/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh về “thực hiện Thông báo Kết Luận số 151-TB/TW ngày 24/01/2014 của Bộ Chính trị về kết quả kiểm tra việc tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay””*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh.
6. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2015), *Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 03/3/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh “về đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế”*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.
7. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2015), *Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 9/12/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh “về phương hướng, nhiệm vụ năm 2016”*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.
8. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2016), *Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 3/12/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh “về phương hướng, nhiệm vụ năm 2017”*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.

9. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2017), *Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 18/12/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh “về một số giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng trong tình hình mới”*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.
10. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2017), *Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 8/12/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh “về phương hướng, nhiệm vụ năm 2018”*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.
11. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2019), *Nghị quyết số 20-NQ/TU, ngày 2/12/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh “về phương hướng, nhiệm vụ năm 2020”*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.
12. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2026), Thông báo Kết luận số 14-TB/VPTW ngày 13/2/2026 về “*Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm trong chuyến thăm và làm việc với Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh*”, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.
13. Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ Tỉnh Quảng Ninh (2015), *Báo cáo số 424-BC/BCĐ, ngày 29/7/2015 Báo cáo Tổng kết thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW của Ban Bí thư (khóa VIII) về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở Tỉnh Quảng Ninh*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh.
14. Ban Dân vận Tỉnh Quảng Ninh (2014), *Kế hoạch số 18-HD/BDVTU ngày 07/4/2021, “Hướng dẫn Triển khai thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị (khóa XI)”*, Lưu tại Ban Dân vận Tỉnh ủy.
15. Ban Dân vận Tỉnh Quảng Ninh (2015), *Báo cáo số 312-BC/BDVTU, ngày 10/12/2015, Báo cáo Tổng kết công tác dân vận nhiệm kỳ 2010-2015, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác nhiệm kỳ 2015-2020*, Lưu tại Ban Dân vận Tỉnh ủy.
16. Ban Dân vận Tỉnh ủy Quảng Ninh (2020), *Báo cáo số 572-BC/BDVTU, ngày 12/12/2020, Báo cáo Tổng kết công tác dân vận nhiệm kỳ 2015-2020, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác nhiệm kỳ 2020-2025*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.
17. Ban Dân vận Tỉnh ủy Quảng Ninh (2020), *Báo cáo số 563 ngày 25/01/2020 Báo cáo chuyên đề “Nâng cao hiệu quả hoạt động mô hình Khối Dân vận cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.

18. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh (2011), *Kế hoạch số 12-KH/TU, ngày 24/8/2011 “về việc tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh giai đoạn 2011-2015”*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh.
19. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh (2012), *Kế hoạch số 23-KH/TU, ngày 21/3/2012 “về việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”*”, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh.
20. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh (2013), *Chỉ thị số 18-CT/TU, ngày 21/3/2013 “về tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh.
21. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh (2013), *Chỉ thị số 25-CT/TU, ngày 28/02/2014 về việc triển khai thực hiện Kết luận số 64-KL/TW, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI và Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 05/12/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nội dung “đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; tinh giản bộ máy, biên chế”*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh.
22. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh (2014), *Chỉ thị số 29-CT/TU, ngày 18/7/2014 “về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng”*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh.
23. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Quảng Ninh (2011), *Hướng dẫn số 02-HD/BTCTU, ngày 28/10/2011, “Hướng dẫn đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên”*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.
24. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Quảng Ninh (2013), *Hướng dẫn số 22-HD/BTCTU, ngày 04/11/2019, Hướng dẫn việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình gắn với Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) về xây dựng Đảng*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.
25. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Quảng Ninh (2014), *Hướng dẫn số 06-NQ/TU ngày 12/11/2014 “về kiểm điểm tập thể, cá nhân và đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên hành năm”*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh.
26. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Quảng Ninh (2019), *Báo cáo số 23-BC/BTCTU, ngày 25/6/2019, Báo cáo số lượng bí thư đảng ủy xã, phường, thị trấn đồng thời là chủ tịch HĐND, hoặc đồng thời là chủ tịch UBND và không là người địa phương; bí thư chi bộ đồng thời trưởng thôn, bản, khu phố đến tháng 6/2019*, Lưu tại Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

27. Hoàng Chí Bảo, (2004), “Cơ sở và hệ thống chính trị ở cơ sở đối với sự ổn định và phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta”, *Tạp chí Xã hội học*, (3), tr.25-34.
28. Hoàng Chí Bảo (2005), *Hệ thống chính trị ở cơ sở nông thôn nước ta hiện nay*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
29. Hoàng Chí Bảo (2005), “Đảng bộ xã lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở nông thôn hiện nay”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (2), tr.30-35.
30. Nguyễn Văn Bạo (2024), *Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn các tỉnh biên giới. Một số vấn đề lý luận, thực tiễn và vai trò của bộ đội biên phòng*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
31. Phan Xuân Biên (2005), *Một số vấn đề đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cấp cơ sở*, NXB Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
32. Bùi Minh Châu (2019), “Kết quả và bài học kinh nghiệm trong xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở của tỉnh Phú Thọ”, *Tạp chí Cộng sản*, (915), tr.88-92.
33. Hà Chi (2018), “Quảng Ninh tập trung xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ ở cơ sở”, *Tạp chí Tổ chức Nhà nước và Lao động*, điện tử đăng ngày 21/10/2018.
34. Vũ Hoàng Công (2002), *Hệ thống chính trị cơ sở - đặc điểm, xu hướng và giải pháp*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
35. Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh (2025), *Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ninh*, NXB Thống kê, Hà Nội.
36. Nghiêm Xuân Cường, Đặng Thị Thúy Hà (2017), “Kinh nghiệm xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên của Đảng Cộng sản Trung Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, (194), tr.3-13.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
40. Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2006), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh*

- Quảng Ninh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2006 - 2010*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.
41. Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2010), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2010 - 2015*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.
 42. Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2015), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2015-2020*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.
 43. Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2020), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.
 44. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh lần thứ X, nhiệm kỳ 2011-2017*, Lưu tại Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh.
 45. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh (2017), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh lần thứ X, nhiệm kỳ 2017-2022*, Lưu tại Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh.
 46. Lê Văn Đính (2012), “*Về hệ thống chính trị Xingapo*”, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 47. Nguyễn Hữu Đông (2010), *Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 48. Bùi Thế Đức, (2004), “Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở”, *Tạp chí Tư tưởng văn hoá*, (9), tr.25-27.
 49. Vũ Minh Giang (1995), *Hệ thống chính trị Việt Nam - quá trình xây dựng và đánh giá thực trạng*. Đề tài khoa học cấp Nhà nước, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, Hà Nội.
 50. Nguyễn Văn Giang, Đinh Ngọc Giang, Nguyễn Ngọc Ánh đồng chủ biên (2025), *Xây dựng mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị ở Việt Nam trong tình hình mới - Lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
 51. Nguyễn Thị Thu Hà (2015), *Đảng bộ Thái Bình lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị cấp cơ sở nông thôn từ năm 1997 đến năm 2013*, Luận án tiến sĩ Lịch sử, Đại học Khoa học xã hội - Nhân văn, Hà Nội.
 52. Trịnh Thị Hạnh (2018), “Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị”, *Tạp chí Cộng sản* (845), tr.58-62.

53. Lê Hồ Hiếu (2018), *Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo phát triển nguồn nhân lực từ năm 2005 đến 2015*, Luận án tiến sĩ Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
54. Trần Đình Hoan (2004), “Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, (7), tr3-5.
55. Trần Đình Hoan (2008), *Quan điểm và nguyên tắc đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam giai đoạn 2005 - 2020*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
56. Trịnh Công Hoàn (2004), “Nhưng kết quả và kinh nghiệm trong thực hiện quy chế dân chủ gắn với xây dựng hệ thống chính trị cơ sở của tỉnh Quảng Ninh”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (8), tr.29-31.
57. Hội Cựu chiến binh tỉnh Quảng Ninh (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu Hội Cựu chiến binh tỉnh Quảng Ninh lần thứ V, nhiệm kỳ 2011-2017*, Lưu tại Hội Cựu chiến binh tỉnh Quảng Ninh.
58. Hội Cựu chiến binh tỉnh Quảng Ninh (2017), *Văn kiện Đại hội đại biểu Hội Cựu chiến binh tỉnh Quảng Ninh lần thứ VI, nhiệm kỳ 2017-2022*, Lưu tại Hội Cựu chiến binh tỉnh Quảng Ninh.
59. Hội đồng lý luận Trung ương (2019), *Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong tình hình mới*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
60. Hội Nông dân tỉnh Quảng Ninh (2013), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Hội Nông dân tỉnh Quảng Ninh lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2013-2018*, Lưu tại Hội Nông dân tỉnh Quảng Ninh.
61. Hội Nông dân tỉnh Quảng Ninh (2018), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Hội Nông dân tỉnh Quảng Ninh lần thứ IX, nhiệm kỳ 2018-2023*, Lưu tại Hội Nông dân tỉnh Quảng Ninh.
62. Hội Phụ nữ tỉnh Quảng Ninh (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu Phụ nữ tỉnh Quảng Ninh lần thứ X, nhiệm kỳ 2011-2016*, Lưu tại Hội Phụ nữ tỉnh Quảng Ninh.
63. Hội phụ nữ tỉnh Quảng Ninh (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu Phụ nữ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2016-2021*, Lưu tại Hội Phụ nữ tỉnh Quảng Ninh.
64. Đoàn Minh Huân (2005), “*Tạo nguồn cán bộ hệ thống chính trị cơ sở ở các tỉnh Tây Bắc nước ta hiện nay*”, Đề tài khoa học cấp bộ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

65. Nguyễn Dương Hùng (2008), *Kiến toàn hệ thống chính trị ở xã nhằm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
66. Nguyễn Văn Huyền (2008), “*Hệ thống chính trị của Anh, Pháp, Mỹ - mô hình tổ chức và hoạt động*”, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
67. Nguyễn Văn Huyền (2008), “Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (4), tr.38-41.
68. Trần Đình Huynh, Mạch Quang Thắng (2005), *Đảng Cộng sản Việt Nam trong hệ thống chính trị*, NXB Sự Thật, Hà Nội.
69. Doãn Trung Khanh (2010), “*Chế độ chính trị Trung Quốc*” Nguyễn Mạnh Sơn dịch sang tiếng Việt, NXB Truyền bá Ngũ Châu, Trung Quốc.
70. Phạm Gia Khiêm (2000), “Thực hiện Quy chế dân chủ gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở”, *Tạp chí Cộng sản* (9), tr.65-68.
71. Nguyễn Hữu Khiển (1998), “*Hệ thống chính trị Việt Nam*”, Đề tài cấp Nhà nước, Học viện hành chính Quốc gia, Hà Nội.
72. Nguyễn Huy Kiệm (2013), “Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản*, (80), tr.61-65
73. Nguyễn Xuân Ký (2020), “Đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở tỉnh Quảng Ninh”, *Tạp chí Cộng sản* điện tử đăng ngày 22/3/2020.
74. Nguyễn Ngọc Lan (2025), “*Tình hình chính trị, đối ngoại, kinh tế, xã hội của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào giai đoạn 2011-2021*”, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
75. Lê Tân Lập, (2007), *Sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng trong việc thực thi quyền lực của nhân dân ở nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
76. Đỗ Ngọc Linh (1995), *Nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Đảng nông thôn (cấp xã) vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay*. Luận án Phó Tiến sĩ khoa học Lịch sử, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
77. Lý Vĩnh Long (2012), *Hệ thống chính trị Việt Nam từ năm 1986 đến nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Đại học Khoa học xã hội - Nhân văn, Hà Nội.

78. Nguyễn Hồng Lương (2006), *Phát huy vai trò nhân tố chủ quan trong hoạt động của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở Bà Rịa - Vũng Tàu hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
79. Lê Quốc Lý (2013), “Những nhân tố cơ bản bảo đảm ổn định và phát triển hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay” *Tạp chí Lý luận chính trị*, số (3), tr.24-27.
80. Nông Đức Mạnh, Trần Đình Hoan, Chu Văn Thành (2005), *Chủ trương, chính sách và quy định của Đảng về xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở trong sạch, vững mạnh*, NXB Thông tấn, Hà Nội.
81. Mặt trận Tổ quốc tỉnh Quảng Ninh (2011), Báo cáo số 51/BC-MTTQ-BTT, ngày 25/6/2011, *Báo cáo một số giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, Lưu tại Mặt trận Tổ quốc tỉnh Quảng Ninh.
82. Mặt trận Tổ quốc tỉnh Quảng Ninh (2014), *Văn kiện Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ninh lần thứ X nhiệm kỳ 2014 - 2019*. Lưu tại Mặt trận Tổ quốc tỉnh Quảng Ninh.
83. Mặt trận Tổ quốc tỉnh Quảng Ninh (2019), *Văn kiện Đại hội Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ninh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2019 - 2024*, Lưu tại Mặt trận Tổ quốc tỉnh Quảng Ninh.
84. Lê Hữu Nghĩa (2008), *Đổi mới quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
85. Lê Hữu Nghĩa (2015), “Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị ở nước ta”, *Tạp chí Cộng sản* (877), tr.21-28.
86. Nguyễn Đức Ngọc (2009), *Đổi mới hệ thống chính trị cấp cơ sở vùng dân tộc Chăm ở nước ta hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
87. Nguyễn Quốc Phẩm (2000), *Hệ thống chính trị cấp cơ sở và dân chủ hóa đời sống xã hội, nông thôn miền núi, vùng dân tộc thiểu số*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
88. Nguyễn Xuân Phương (2009), “Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội”, *Tạp chí Giáo dục lý luận chính trị*, (4), tr.44-48.
89. Lê Minh Quân (2010), *Nhà nước trong hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

90. Nguyễn Duy Quý (2008), “Hệ thống chính trị nước ta trong thời kỳ đổi mới”, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
91. Tô Huy Rứa (2003), *Các giải pháp đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị các tỉnh miền núi nước ta hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
92. Tô Huy Rứa (2008), “Mô hình tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị một số nước trên thế giới”, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
93. Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh (2015), *Báo cáo số 148/BC-SNV, ngày 15/12/2014 Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã năm 2014*, Lưu tại Văn phòng Sở Nội vụ.
94. Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh (2015), *Báo cáo số 153/BC-SNV, ngày 29/12/2015 Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã năm 2015 và giai đoạn 2011 - 2015*, Lưu tại Văn phòng Sở Nội vụ.
95. Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh (2016), *Kế hoạch số 1577/KH-SNV, ngày 22/9/2016 của Sở Nội vụ về triển khai Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng và phát triển toàn diện nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ninh năm 2016*, Lưu tại Văn phòng Sở Nội vụ.
96. Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh (2017), *Báo cáo số 166/BC-SNV, ngày 03/10/2017 Báo cáo kết quả bồi dưỡng Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã nhiệm kỳ 2016-2021*, Lưu tại Văn phòng Sở Nội vụ.
97. Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh (2020), *Báo cáo số 1794/SNV-VP, ngày 28/8/2020 về Công tác đào tạo, bồi dưỡng trong việc triển khai thực hiện Đề án Xã hội hợp tác giai đoạn 2012-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*, Lưu tại Văn phòng Sở Nội vụ.
98. Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh (2021), *Báo cáo số 54/BC-SVN, ngày 15/01/2021 Báo cáo xếp loại chất lượng cán bộ, công chức năm 2020*, Lưu tại Văn phòng Sở Nội vụ.
99. Sở Nội vụ Thành phố Hải Phòng (2021), *Báo cáo số 1214/BC-SNV ngày 10/6/2021, Báo cáo số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức năm 2020*, Lưu tại Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng.
100. Sở Nội vụ Thành phố Hải Phòng (2011), *Đề án số 6724/ĐA-SNV ngày 03/11/2011, Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở tại thành phố Hải Phòng giai đoạn 2011-2016, định hướng đến năm 2020*, Lưu tại Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng.

101. Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên (2021), *Báo cáo số 118/SNV-XDCQ&CTTN, ngày 20/01/2021 Báo cáo thống kê số lượng chất lượng, cán bộ, công chức cấp xã năm 2020*. Lưu tại Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên.
102. Sở Nội vụ Tỉnh Thái Nguyên (2021), *Báo cáo số 98/BC-SNV, ngày 13/01/2021, Báo cáo xếp loại chất lượng cán bộ, công chức năm 2020*, Lưu tại Sở Nội vụ Tỉnh Thái Nguyên.
103. Phan Xuân Sơn (2001), “Các đoàn thể nhân dân ở cấp xã, phường và một số vấn đề đổi mới hệ thống chính trị ở cơ sở”, *Kỷ yếu đề tài khoa học về hệ thống chính trị ở cấp cơ sở*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
104. Đặng Đình Tân (2001), “Chính quyền cấp cơ sở (xã) ở nước ta hiện nay: thực trạng và giải pháp”, *Kỷ yếu đề tài khoa học về hệ thống chính trị ở cấp cơ sở*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
105. Nguyễn Xuân Tê (1999), *“Thể chế chính trị một số nước ASEAN”*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
106. Phan Sĩ Thanh (2014), *Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Khoa học chính trị, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
107. Đỗ Thị Thạch, Phạm Thành Nam (2006), *Hệ thống chính trị cấp cơ sở với việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân hiện nay*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
108. Hồ Đức Thành (2005), “Nghệ An nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở vùng dân tộc thiểu số”, *Tạp chí Cộng sản*, (13), tr.49-52.
109. Chu Văn Thành (2008), *Hệ thống chính trị cơ sở - Thực trạng và một số giải pháp đổi mới*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
110. Nguyễn Đăng Thành (2015), “Đổi mới tổ chức bộ máy của Đảng, bộ máy chính quyền địa phương” Đề tài khoa học cấp Nhà nước, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
111. Thành uỷ Hải Phòng (2021), *Báo cáo số 132-BC/TU, ngày 18/12/2021 Báo cáo tổng kết công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên từ năm 2010 đến nay*, Lưu tại Văn phòng Thành uỷ Hải Phòng.
112. Lê Minh Thông (2007), *Cơ sở lý luận về tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

113. Kham Kiêng Cho Houa Thor (2024), *Vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng bản phát triển ở tỉnh Luong Pha Bang hiện nay*, Luận án tiến sỹ Xã hội học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
114. Lê Thị Hồng Thuận (2020), *Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chức cơ sở đảng từ năm 2005 đến năm 2015*, Luận án Tiến sỹ Lịch sử Đảng, Đại học Khoa học xã hội - Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
115. Nguyễn Thị Thuỷ (2013), “Những khó khăn, bất cập và giải pháp xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, (5), tr.76-79.
116. Bùi Thị Hồng Tiến (1994), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo quá trình xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị cơ sở từ năm 1975 đến 1993*. Luận án Tiến sỹ khoa học Lịch sử, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
117. Tỉnh ủy Quảng Ninh (2009), *Báo cáo số 163-BC/TU ngày 28/10/2009, Đánh giá chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở*, Lưu trữ tại Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh.
118. Tỉnh ủy Quảng Ninh (2010), *Báo cáo số 01-BC/TU, ngày 30/11/2010, Báo cáo Kết quả 4 năm triển khai Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.
119. Tỉnh ủy Quảng Ninh (2011), *Báo cáo số 34-BC/TU, ngày 16/8/2011, Báo cáo sơ kết thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương 9 (khoá X) về “Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên”*; *Chỉ thị 10-CT/TW của Ban Bí thư (khoá X) về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.
120. Tỉnh ủy Quảng Ninh (2012), *Báo cáo số 101-BC/TU, ngày 17/8/2012, Báo cáo thực hiện Đề án “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động quần chúng trong tình hình mới”*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.
121. Tỉnh ủy Quảng Ninh (2012), *Báo cáo số 138-BC/TU, ngày 20/11/2012, Báo cáo kết quả học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh năm 2012*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.
122. Tỉnh ủy Quảng Ninh (2012), *Báo cáo số 147-BC/TU, ngày 29/12/2012, Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW của Ban Chấp hành*

Trung ương 9 (khoá X) về “Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên”, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.

123. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2012), *Báo cáo số 148-BC/TU, ngày 29/12/2012, Báo cáo Tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (Khoá X) “về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, định hướng về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội”, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.*
124. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2012), *Báo cáo số 64-BC/TU, ngày 27/3/2012, Báo cáo thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW “về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.*
125. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2012), *Báo cáo số 83-BC/TU, ngày 07/06/2012, Báo cáo Kết quả triển khai, quán triệt, nghiên cứu, học tập Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.*
126. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2012), *Kế hoạch số 12-KH/TU ngày 20/3/2012 về thực hiện Quy chế chất vấn trong Đảng, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ Quảng Ninh.*
127. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2014), *Báo cáo số 285-BC/TU, ngày 09/5/2014, Báo cáo Sơ kết 03 năm thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW “về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.*
128. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2014), *Chỉ thị số 25-CT/TU, ngày 28/02/2014, Chỉ thị của Ban Thường vụ tỉnh uỷ về việc triển khai Kết luận 64-KL/TW ngày 28/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI và Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 05/12/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nội dung “đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; tinh giản bộ máy, biên chế”, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.*
129. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2014), *Chỉ thị số 32-CT/TU, ngày 27/11/2014, Chỉ thị của Ban Thường vụ tỉnh uỷ về việc đẩy mạnh thực hiện “Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội” và “Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý kiến xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền” theo các Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-*

QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị (khoá XI), Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.

130. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2014), *Kết luận số 47-KL/TU, ngày 08/5/2014, Kết luận tại Hội nghị triển khai Chỉ thị số 25-CT/TU, ngày 28/02/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về “Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; tinh giản bộ máy, biên chế”, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.*
131. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2014), *Thông báo số 1493-TB/TU, ngày 17/11/2014, Thông báo Kết luận về kết quả giám sát thực hiện công tác khắc phục các hạn chế, khuyết điểm sau kiểm điểm tự phê bình, phê bình theo Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” gắn với việc thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị (khoá XI) “về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.*
132. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2015), *Báo cáo số 70-BC/TU, ngày 02/5/2015, Báo cáo Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.*
133. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2015), *Báo cáo số 29-BC/TU, ngày 29/7/2015, Báo cáo Tổng kết quả thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khoá VIII) về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở”, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.*
134. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2015), *Báo cáo số 451-BC/TU ngày 01/10/2015 Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ Quảng Ninh.*
135. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2016), *Báo cáo số 34-BC/TU, ngày 08/5/2016, Báo cáo Tổng kết 5 thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW “về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.*
136. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2016), *Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 02/3/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.*
137. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2016), *Chương trình hành động số 65-CTr/TU ngày 11/4/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.*

138. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2016), *Kế hoạch số 61-KH/TU, ngày 01/9/2016, Kế hoạch về rà soát quy hoạch cán bộ giai đoạn 2015-2020; xây dựng quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020-2025*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.
139. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2017), *Báo cáo số 145-BC/TU, ngày 13/4/2017, Báo cáo kết quả tổng kết đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng tổ chức của bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.
140. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2017), *Báo cáo số 146-BC/TU, ngày 14/4/2017, Báo cáo sơ kết 01 năm thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.
141. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2017), *Chương trình hành động số 11-NQ/TU, ngày 10/3/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh “về thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khoá XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng”*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.
142. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2017), *Kết luận số 38-KL/TU, ngày 25/01/2017, Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 03/3/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gắn với Nghị quyết số 17-NQ/TW ngày 01/8/2007 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá X)*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.
143. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2018), *Báo cáo số 216-BC/TU, ngày 05/01/2018, Báo cáo Sơ kết 5 năm (2012-2017) thực hiện Quy định số 101-QĐ/TW, ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.
144. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2018), *Báo cáo số 221-BC/TU, ngày 30/01/2018, Báo cáo triển khai thực hiện chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2017*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.
145. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2018), *Báo cáo số 236-BC/TU, ngày 02/4/2018, Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.
146. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2018), *Báo cáo số 275-BC/TU ngày 09/02/2018 Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 01/02/2018 của*

Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Lưu trữ tại Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh.

147. Tỉnh ủy Quảng Ninh (2018), *Báo cáo số 302-BC/TU, ngày 22/10/2018, Báo cáo kết quả 05 năm triển khai thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW, Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị (Khóa XI), Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.*
148. Tỉnh ủy Quảng Ninh (2020), *Báo cáo số 490-BC/TU, ngày 15/4/2020, Báo cáo sơ kết 04 năm thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.*
149. Tỉnh ủy Quảng Ninh (2020), *Báo cáo số 231-BC/TU, ngày 15/9/2020, Báo cáo Tổng kết công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ 2015-2020, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.*
150. Tỉnh ủy Quảng Ninh (2021), *Báo cáo số 128-BC/TU, ngày 30/9/2021, Báo cáo kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở từ đầu nhiệm kỳ 2015-2020 đến nay, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.*
151. Tỉnh ủy Quảng Ninh (2021), *Báo cáo số 161-BC/TU, ngày 15/12/2021, Báo cáo Tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa X về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.*
152. Tỉnh ủy Quảng Ninh (2021), *Báo cáo số 69-BC/TU, ngày 20/5/2021, Báo cáo kết quả thực hiện Quy định số 102-QĐ/TW ngày 15/11/2017 của Bộ Chính trị về “xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm” và Quy định số 07-QĐ ngày 28/8/2018 của Bộ Chính trị “về xử lý kỷ luật tổ chức đảng vi phạm”, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.*
153. Tỉnh ủy Quảng Ninh (2021), *Báo cáo số 70-BC/TU, ngày 20/5/2021, Báo cáo tổng kết quả thực hiện “Quy định số 47-QĐ/TW, ngày 01/11/2011 của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm”, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.*
154. Tỉnh ủy Quảng Ninh (2021), *Báo cáo số 79-BC/TU, ngày 10/6/2021, “Báo cáo kết quả công tác ban hành sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận nhiệm kỳ 2010-2015 và nhiệm kỳ 2015-2020 góp phần nâng cao chất*

lượng hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ đảng trong tình hình mới”, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.

155. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2021), *Báo cáo số 89-BC/TU, ngày 29/6/2021, Báo cáo Tổng kết công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý từ đầu nhiệm kỳ khoá XI đến nay*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.
156. Tỉnh uỷ Thái Nguyên (2021), *Báo cáo số 143-BC/TU, ngày 25/11/2021 của về Tổng kết công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên*. Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ Thái Nguyên.
157. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2022), *Báo cáo số 189-BC/TU, ngày 28/01/2022, Báo cáo tổng kết về xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên từ năm 2010 đến nay*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.
158. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2024), *Báo cáo số 489-BC/TU ngày 26/02/2024, của Tỉnh uỷ Quảng Ninh về Tổng kết 15 năm thực hiện Điều lệ Đảng (2011-2025) về công tác kiểm tra, giám sát thi hành điều lệ Đảng*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.
159. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2024), *Báo cáo số 490-BC/TU, ngày 26/02/2024, Báo cáo Tổng kết công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ 2020-2025*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.
160. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (2024), *Báo cáo số 629-BC/TU ngày 26/12/2024, Báo cáo Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU, ngày 25/10/2024 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*, Lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.
161. Nguyễn Viết Toàn (2019), *Vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong quá trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay*, Luận án Tiến sỹ Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
162. Phạm Ngọc Trâm (2011), *Quá trình đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam 1986 - 2011*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
163. Lưu Minh Trị (1993), *Đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị ở cơ sở nông thôn ngoại thành Hà Nội (cấp xã) trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sỹ Chủ nghĩa cộng sản khoa học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội

164. Nguyễn Phú Trọng (2024), *Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
165. Hồng Văn Ụn (2004), “Đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn tại Trà Vinh”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, (10), tr.20-22.
166. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2010), *Báo cáo số 100/BC-UBND, ngày 22/12/2010, Báo cáo việc giải quyết khiếu nại tố cáo năm 2010, phương hướng nhiệm vụ năm 2011*, Lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ninh.
167. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2012), *Báo cáo số 03/BC-UBND, ngày 22/01/2012, Báo cáo công tác giải quyết khiếu nại tố cáo năm 2011, phương hướng nhiệm vụ năm 2012*” Lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ninh.
168. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2013), *Báo cáo số 04/BC-UBND, ngày 11/01/2013, Báo cáo công tác giải quyết khiếu nại tố cáo năm 2012*, Lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ninh.
169. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2013), *Báo cáo số 210/BC-UBND, ngày 31/12/2013, Báo cáo công tác giải quyết khiếu nại tố cáo năm 2013*, Lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ninh.
170. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2014), *Báo cáo số 38/BC-UBND ngày 3/4/2014, Báo cáo việc giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân thuộc thẩm quyền của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 - 2014*, Lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ninh.
171. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2015), *Báo cáo số 250/BC-UBND ngày 30/12/2015, Báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo năm 2015, phương hướng nhiệm vụ năm 2016*, Lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ninh.
172. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2015), *Báo cáo số 144/BC-UBND, ngày 06/8/2015, Báo cáo thực hiện và kết quả thực hiện pháp luật về tiếp công dân 2010-2015*, Lưu tại Văn phòng UBND Tỉnh Quảng Ninh.
173. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2016), *Báo cáo số 50/BC-UBND ngày 29/12/2016, Báo cáo kết quả tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo năm 2016*, Lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ninh.

174. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2017), *Báo cáo số 221/BC-UBND ngày 01/12/2017, Báo cáo tổng kết công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo năm 2017*, Lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ninh.
175. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2018), *Báo cáo số 201/BC-UBND ngày 5/12/2018, Báo cáo tổng kết công tác thanh tra, phòng chống tham nhũng, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo và tham gia giải quyết các vụ án hành chính năm 2018; triển khai nhiệm vụ 2019*, Lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ninh.
176. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2019), *Báo cáo số 281/BC-UBND ngày 22/12/2019, Báo cáo tổng kết công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo và tham gia giải quyết các vụ án hành chính năm 2019; triển khai nhiệm vụ 2020*. Lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ninh.
177. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2020), *Báo cáo số 263/BC-UBND ngày 25/12/2020, “Báo cáo tổng kết công tác thanh tra, , giải quyết khiếu nại tố cáo quý IV và năm 2020; phương hướng, nhiệm vụ 2021”*. Lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ninh.
178. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2020), *Quyết định số 2786/QĐ-UBND ngày 04/8/2020, Quyết định về việc điều chỉnh phân loại đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*. Lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ninh.
179. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2020), *Báo cáo số 168 BC/UBND, ngày 14/6/2020 về “Tổng kết công tác cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020 theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP và phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2030”*, Lưu tại Văn phòng UBND Tỉnh Quảng Ninh.
180. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2021), *Báo cáo số 187/BC-UBND, ngày 30/9/2021, “Báo cáo kết quả thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng và phát triển toàn diện nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020”*, Lưu tại Văn phòng UBND Tỉnh Quảng Ninh.
181. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2022), *Báo cáo số 145/ BC-UBND, ngày 23/6/2022, “Báo cáo tổng kết đánh giá hoạt động của chính quyền cấp xã giai đoạn 2016-2021”*, Lưu tại Văn phòng UBND Tỉnh Quảng Ninh.

182. Viện nghiên cứu khoa học tổ chức nhà nước (2004), *Hệ thống chính trị cơ sở: Thực trạng và một số giải pháp đổi mới*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
183. Nguyễn Nghĩa Vụ (1996), *Sự lãnh đạo của Đảng đối với việc củng cố, hoàn thiện chính quyền cấp xã vùng cao phía Bắc*, Luận án Phó tiến sĩ khoa học Lịch sử, Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Hà Nội.
184. Ngô Minh Vương (2020), *Đảng bộ Đồng Nai lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị cơ sở từ năm 1991 đến năm 2015*, Luận án tiến sĩ Lịch sử, Đại học Khoa học xã hội - Nhân văn, Hà Nội.
185. Ngô Minh Vương (2021), *Quá trình xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai - Kết quả và kinh nghiệm thực tiễn (1991-2021)*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.

Tiếng Anh

186. Mattner Mark (2004), “Power Belongs to the People: Local Governance and Politics in VietNam”, *Environment and Urbanization*, 16 (1), pp. 121 - 128.

Tiếng Trung Quốc

187. Shiraishi Masaya (2006), *越南政治、经济制度研究*, 毕世宏译, 云南大学出版社, 中国.
188. 冯定国 (2024), “越共革新开放以来的政治制度改革研究”, *国外社会主义理论与实践研究杂志*, (5), 第110 - 118页.
189. 林怀艺, 洪谊雅 (2018), “越南共产党在革新开放中对政治建设的探索”, *中国学术期刊*, (1), 第103 - 112页.
190. 闫杰花 (2025), “革新以来越南共产党的基层组织”, *社会主义论坛杂志*, (2), 第12 - 14页.
191. 文贵 (2025), “越南共产党: 重视党的基层组织建设”, *社会主义论坛杂志*, (3), 第13 - 14页.
192. 郭权锋 (2020), “越南共产党重视新时期党的基层组织建设”, *中国学术期刊*, (1), 第130 - 136页.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1 KẾT QUẢ XẾP LOẠI ĐẢNG VIÊN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN CỦA TỈNH QUẢNG NINH CÁC NĂM 2010, 2015, 2020

Nguồn: Ban Tổ chức tỉnh ủy Quảng Ninh

	Năm 2010	Tỷ lệ%	Năm 2015	Tỷ lệ%	Năm 2020	Tỷ lệ%
Tổng số đảng viên	33.161		44.164		54.708	
Số đảng viên được đánh giá	29.738		38.710		47.626	
Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	3.233	<i>10,87</i>	4.400	<i>11,36</i>	7.083	<i>14,87</i>
Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ	22.683	<i>76,27</i>	28.791	<i>74,37</i>	35.159	<i>73,82</i>
Đảng viên hoàn thành nhiệm vụ	3.681	<i>12,37</i>	5.407	<i>13,69</i>	5.179	<i>10,87</i>
Đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ	141	<i>0,47</i>	112	<i>0,28</i>	205	<i>0,43</i>

PHỤ LỤC 2

**TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC
CƠ SỞ ĐẢNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN CỦA
TỈNH QUẢNG NINH TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2020**

Nguồn: Ban Tổ chức tỉnh ủy Quảng Ninh

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng số đảng bộ xã, phường, thị trấn	186	186	186	186	186	186	186	186	186	186	177
Trong sạch, vững mạnh (hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ)	120 (64,51%)	123 (66,66%)	123 (66,12%)	132 (70,69%)	98 (52,60%)	102 (54,83%)	102 (54,83%)	101 (54,30%)	40 (21,50%)	45 (24,19%)	38 (21,46%)
Hoàn thành tốt nhiệm vụ	55 (29,56%)	51 (27,41%)	53 (28,49%)	40 (21,50%)	75 (40,32%)	67 (36,02%)	68 (36,55%)	76 (40,86%)	130 (74,19%)	131 (70,43%)	131 (74,01%)
Hoàn thành nhiệm vụ	11 (5,91%)	11 (5,90%)	10 (5,30%)	14 (7,52%)	13 (6,98%)	17 (9,10%)	16 (8,6%)	9 (4,83%)	12 (6,40%)	8 (4,30%)	8 (4,50%)
Không hoàn thành nhiệm vụ	0	0	0	0	0	0	0	0	4 (2,10%)	2 (1,0%)	0

PHỤ LỤC 3

**TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ
CÔNG CHỨC CẤP XÃ CỦA TỈNH QUẢNG NINH
CÁC NĂM 2010, 2015, 2020**

Nguồn: Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh

Stt		Năm 2010	Tỷ lệ %	Năm 2015	Tỷ lệ%	Năm 2020	Tỷ lệ%
	Tổng số	3.896		3.784		3.529	
1	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	573	14,71	612	16,17	855	24,22
2	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	2.872	73,72	3.020	79,81	2.528	71,66
3	Hoàn thành nhiệm vụ	426	10,93	139	3,67	82	2,32
4	Không hoàn thành nhiệm vụ	25	0,64	13	0,34	46	1,30
5	Không đủ điều kiện đánh giá	0	0	0	0	18	0,51

PHỤ LỤC 4
THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG ỦY VIÊN
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN CỦA
TỈNH QUẢNG NINH CÁC NĂM 2010, 2015, 2020

Nguồn: Ban Tổ chức tỉnh ủy Quảng Ninh

Stt			Năm 2010	Tỷ lệ	Năm 2015	Tỷ lệ	Năm 2020	Tỷ lệ
1	Tổng số		2.149		2.338		2.281	
2	Nữ		427	19.87	559	23.91	691	30.29
3	Dân tộc thiểu số		355	16.5	390	16.68	372	16.31
4	Độ tuổi	<i>Dưới 35</i>	398	18.5	543	23.22	319	13.99
		<i>Từ 35-45</i>	755	35.13	875	37.43	1040	45.59
		<i>Từ 45-55</i>	858	39.93	787	33.66	681	29.86
5	Trình độ học vấn	<i>Tiểu học</i>	2	0.09	0	0.00	0	0.00
		<i>Trung học cơ sở</i>	239	11.12	66	2.82	28	1.23
		<i>Trung học phổ thông</i>	1908	88.79	2272	97.18	2253	98.77
6	Trình độ chuyên môn	<i>Sơ cấp</i>	32	1.49	52	2.22	53	2.32
		<i>Trung cấp</i>	737	34.30	491	21.00	160	7.01
		<i>Cao đẳng, đại học</i>	885	41.18	1707	73.01	1857	81.41
		<i>Trên đại học</i>	0	0.00	88	3.76	211	9.25
7	Lý luận chính trị	<i>Sơ cấp</i>	424	19.73	235	10.05	116	5.09
		<i>Trung cấp</i>	1112	51.74	1833	78.40	1857	81.41
		<i>Cao cấp</i>	337	15.68	270	11.55	273	11.97

PHỤ LỤC 5
THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
CẤP XÃ QUẢNG NINH NHIỆM KỲ (2004 - 2011), (2011 - 2016), (2016 - 2021)

Nguồn: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh

Stt			2004 - 2011	Tỷ lệ%	2011 - 2016	Tỷ lệ%	2016 - 2021	Tỷ lệ%
	Tổng số		4530		4379		4636	
1	Nữ		1046	23,09	1189	27,15	1542	33,26
2	Dân tộc thiểu số		937	20,68	958	21,88	925	19,95
2	Người ngoài Đảng		342	1,14	673	15,37	797	17,19
3	Độ tuổi	Dưới 35	1058	23,35	692	15,80	1192	25,71
		Từ 35 đến 45	2592	57,22	1151	26,28	1546	33,35
4	Trình độ học vấn	Tiểu học	296	6,53	276	6,30	40	0,86
		THCS	1603	35,39	975	22,27	642	13,85
		THPT	2631	58,08	3128	71,43	3954	85,29
5	Trình độ chuyên môn	Sơ cấp, trung cấp	2262	49,93	1822	41,61	1223	26,38
		Cao đẳng, đại học	1061	23,42	1673	38,21	2422	52,24
		Thạc sỹ	5	0,11	22	0,50	81	1,75
		Chưa qua đào tạo	1202	26,53	862	19,68	910	19,63
6	Lý luận chính trị	Sơ cấp, trung cấp	2249	49,64	3005	68,62	3202	69,07
		Cử nhân, cao cấp	74	1,63	91	2,08	201	4,34
		Chưa bồi dưỡng	2207	48,71	1283	29,30	1233	26,60
7	Quản lý Nhà nước	Đã qua bồi dưỡng	691	15,25	1308	29,87	1762	38,01
		Chưa bồi dưỡng	3839	48,74	3017	68,90	2874	61,99
8	Tin học	Có bằng, chứng chỉ	886	19,55	1958	44,71	2415	52,09
		Chưa có bằng, chứng chỉ	3644	80,44	2421	55,29	2221	47,91
9	Ngoại ngữ	Có bằng, chứng chỉ	867	19,13	1288	29,41	1731	37,34
		Chưa có bằng, chứng chỉ	3663	80,86	3091	70,59	2905	62,66

PHỤ LỤC 6
THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG THÀNH VIÊN CỦA
UBND CẤP XÃ NHIỆM KỲ (2011 - 2016), (2016 - 2021)

Nguồn: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh

Stt	Tổng số		2011 - 2016	Tỷ lệ %	2016 - 2021	Tỷ lệ %
			840		792	
1	Nữ		54	6,43	52	6,57
2	Độ tuổi	Dưới 35 tuổi	83	9,88	110	13,89
		Từ 35 đến dưới 45	642	76,43	260	32,83
3	Trình độ văn hoá	THCS	7	0,83	7	0,88
		THPT	833	99,17	785	99,12
4	Trình độ chuyên môn	Sơ cấp, trung cấp	228	27,14	208	26,26
		Cao đẳng	45	5,36	16	2,02
		Đại học	530	63,10	522	65,91
		Thạc sỹ	32	3,81	45	5,68
		Chưa qua đào tạo	5	0,60	1	0,13
5	Lý luận chính trị	Sơ cấp, trung cấp	774	92,14	691	87,25
		Cao cấp, cử nhân	58	6,90	94	11,87
		Chưa qua đào tạo	8	0,95	7	0,88
6	Quản lý nhà nước	Đã qua bồi dưỡng	586	69,76	636	80,30
		Chưa qua bồi dưỡng	254	30,24	156	19,70
7	Tin học	Có bằng, chứng chỉ	576	68,57	691	87,25
		Chưa có bằng, chứng chỉ	264	31,43	101	12,75
8	Ngoại ngữ	Có bằng, chứng chỉ	601	71,55	611	77,15
		Chưa có bằng, chứng chỉ	239	28,45	181	22,85

PHỤ LỤC 7

**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG ĐOÀN VIÊN, HỘI VIÊN CỦA MẶT
TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI Ở XÃ,
PHƯỜNG, THỊ TRẤN NĂM 2010, 2015, 2020**

Ban Tuyên giáo và Dân Vận tỉnh ủy Quảng Ninh

Stt	Tổ chức	Nội dung	Năm		
			2010	2015	2020
1	Ban Công tác mặt trận	<i>Tổng số</i>	1.146	1.567	1.543
		Số lượng thành viên	15.230	14.093	13.887
2	Đoàn Thanh niên	<i>Tổng số chi đoàn</i>	1.823	1.621	1.499
		Tổng số đoàn viên	24.987	25.784	29.211
		Số lượng đoàn viên được kết nạp mới	2.654	2.811	2.958
		Tỷ lệ thu hút, tập hợp đoàn viên tham gia tổ chức đoàn	58%	62,5%	63%
3	Hội Nông dân	<i>Tổng số chi hội</i>	1.456	1.380	1.282
		Tổng số hội viên	95.645	97.935	98.629
		Số lượng hội viên được kết nạp mới	2.976	2.539	1.672
		Tỷ lệ thu hút, tập hợp hội viên tham gia tổ chức Hội	76,78%	75,45%	78,43%
4	Hội Phụ nữ	<i>Tổng số chi hội</i>	1.765	1.625	1.609
		Tổng số hội viên	248.345	254.111	260.774
		Số lượng hội viên được kết nạp mới	2.151	2.951	3.549
		Tỷ lệ thu hút, tập hợp hội viên tham gia tổ chức Hội	65,43%	77,62	78,5%
5	Hội Cựu chiến binh	<i>Tổng số chi hội</i>	1498	1512	1516
		Tổng số hội viên	49.567	50.376	52.461
		Số lượng hội viên được kết nạp mới	567	650	790
		Tỷ lệ thu hút, tập hợp hội viên tham gia tổ chức Hội	90,54%	92,6%	96,26%

PHỤ LỤC 8

**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG ĐẢNG VIÊN XÃ,
PHƯỜNG, THỊ TRẤN CỦA TỈNH QUẢNG NINH NĂM 2010, 2020**

Nguồn: Ban Tổ chức tỉnh ủy Quảng Ninh

Stt			Năm 2010	Tỷ lệ %	Năm 2020	Tỷ lệ %
1	Tổng số đảng viên		33.161		54.708	
2	Nữ		9.802	29.56	18.355	33.55
3	Dân tộc thiểu số		1.940	5.85	4.196	7.67
4	Tôn giáo		133	0.4	377	0.69
5	Trình độ học vấn	<i>Tiểu học</i>	710	2.14	914	1.67
		<i>Trung học cơ sở</i>	5.631	16.98	7.583	13.86
		<i>Trung học phổ thông</i>	26.794	80.8	46.403	84.82
6	Trình độ chuyên môn	<i>Trung cấp</i>	6.735	20.31	7.703	16.6
		<i>Cao đẳng</i>	3.578	10.79	6.691	12.23
		<i>Đại học</i>	9.288	28.01	20.406	37.3
		<i>Thạc sỹ</i>	415	1.25	6.846	2.6
7	Trình độ lý luận chính trị	<i>Sơ cấp</i>	18.056	54.45	24.279	44.38
		<i>Trung cấp</i>	5.969	18	11.538	21.09
		<i>Cao cấp, cử nhân</i>	1.071	3.23	2.380	4.35

PHỤ LỤC 9
BIỂU TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ TỈNH QUẢNG NINH NĂM 2010

Nguồn: Sở Nội vụ Tỉnh Quảng Ninh

Số TT	CHỨC VỤ, CHỨC DANH (Không tính kiêm nhiệm)	Tổng số	Nữ	Đảng viên	Dân tộc ít người	Chia theo trình độ đào tạo																	
						THCS	THPT	Chuyên môn					Chính trị			Tin học		Ngoại ngữ		QLNN			
								Trên Đại học	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Chưa qua đào tạo	Cử nhân / Cao cấp	Trung cấp	Còn lại	Chứng chỉ	Còn lại	Chứng chỉ	Còn lại	Chuyên viên cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Còn lại
1	2	3	4	5	8	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	25	26	27	28
1	Bí thư	186	6	186	29	6	179	21	116	2	42	5	75	107	4	128	58	91	95	1	20	59	106
2	Phó Bí thư	140	28	140	32	5	135	0	62	5	59	14	2	127	11	83	57	41	99	0	3	31	106
3	TT Đảng ủy	22	4	22	0	1	21	0	10	1	10	1	0	20	2	14	8	8	14	0	0	3	19
4	Chủ tịch HĐND	72	14	70	11	4	67	1	34	2	34	1	7	57	8	48	24	29	43	0	1	16	55
5	Phó Chủ tịch HĐND	168	34	165	36	13	153	0	81	8	63	16	1	141	26	97	71	55	113	0	2	33	133
6	Chủ tịch UBND	163	14	163	32	2	161	5	109	2	43	4	36	110	17	114	49	75	88	0	11	59	93
7	Phó Chủ tịch UBND	292	38	288	45	3	288	9	189	3	85	6	7	255	30	218	74	153	139	0	5	85	202
8	Chủ tịch UBM TTQ	180	39	178	36	27	150	0	54	2	84	40	3	122	55	71	109	35	145	0	1	21	158
9	Chủ tịch Hội Nông dân	161	43	151	37	22	137	0	32	5	79	45	0	101	60	65	96	30	131	0	0	8	153
10	Chủ tịch Hội Phụ nữ	178	172	166	29	13	164	0	41	2	114	21	0	114	64	92	86	44	134	0	0	12	166
11	Chủ tịch Hội CCB	186	2	175	25	57	124	0	11	5	89	81	0	86	100	36	150	11	175	0	0	2	184
12	Bí thư Đoàn	176	40	165	34	2	173	0	64	14	77	21	0	106	70	124	52	86	90	0	0	15	161
	Tổng	1924	434	1869	346	155	1752	36	803	51	779	255	131	1346	447	1090	834	658	1266	1	43	344	1536
13	Chỉ huy trưởng quân sự	169	0	166	34	9	160	0	21	3	137	8	0	139	30	114	55	67	102	0	0	14	155
14	Trưởng Công an	106	1	106	27	5	101	0	12	2	89	3	1	67	38	76	30	37	69	0	0	9	97
15	Tư pháp-Hộ tịch	278	103	227	55	7	272	0	118	1	145	14	0	127	151	203	76	132	147	0	0	37	241
16	Tài chính-Kế toán	329	209	221	40	3	326	0	174	31	114	10	0	80	249	280	48	197	132	0	0	34	295
17	Địa chính-Xây dựng	386	90	239	61	4	381	4	207	27	140	8	0	101	285	308	78	211	174	0	1	27	358
18	Văn phòng-Thống kê	347	186	255	72	4	343	0	125	19	181	22	0	161	186	290	57	172	175	0	3	53	291
19	Văn hóa-Xã hội	357	123	254	68	13	341	1	125	61	142	28	0	132	225	268	89	170	187	0	0	33	324
	Tổng	1972	712	1468	357	45	1924	5	782	144	948	93	1	807	1164	1539	433	986	986	0	4	207	1761
	Cộng	3896	1146	3337	703	200	3676	41	1585	195	1727	348	132	2153	1611	2629	1267	1644	2252	1	47	551	3297

PHỤ LỤC 10
BIỂU TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2015

Nguồn: Sở Nội Vụ tỉnh Quảng Ninh

ST T	Chức vụ	Tổng số	Trong đó			Trình độ đào tạo chia theo														
			Nữ	Đảng viên	Dân tộc thiểu số	Chuyên môn, nghiệp vụ					Lý luận chính trị				Quản lý nhà nước			Tin học		
						Trên Đại học	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Chưa qua đào tạo	Cử nhân/ ĐH	Trung cấp	Sơ cấp (Bồi dưỡng)	Chưa qua đào tạo	Chuyên viên chính và TĐ	Chuyên viên (Bồi dưỡng)	Chưa qua Bồi dưỡng	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	Còn lại
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Bí thư Đảng ủy	186	14	186	26	36	139	0	9	2	95	84	1	6	41	141	4	3	174	9
2	Phó Bí thư Đảng ủy	148	26	148	37	1	112	0	31	4	9	136	0	3	4	125	19	1	130	17
3	Thường trực Đảng ủy	16	4	16	1	0	12	1	3	0	1	14	1	0	0	12	4	0	14	2
4	Chủ tịch HĐND	94	18	94	22	1	60	3	27	3	11	81	1	1	4	82	8	1	79	14
5	Phó Chủ tịch HĐND	168	47	168	34	2	111	2	46	7	0	155	9	4	0	155	13	0	145	23
6	Chủ tịch UBND	123	3	123	25	13	97	1	10	2	32	86	1	4	9	107	7	0	114	9
7	Phó Chủ tịch UBND	282	35	278	50	10	224	2	44	2	4	269	3	6	2	222	58	1	262	19
8	Chủ tịch MTTTQ	172	48	167	38	0	90	2	69	12	2	151	10	9	0	124	49	1	122	49
9	Bí thư Đoàn TNCS HCM	180	50	167	38	0	101	21	51	7	0	128	10	42	0	118	61	2	165	13
10	Chủ tịch Hội LHPN	177	157	167	34	0	68	4	92	13	0	135	15	27	0	122	55	0	139	38
11	Chủ tịch Hội Nông dân	157	42	140	33	0	54	4	64	35	1	122	16	18	0	112	45	0	105	52
12	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	183	1	164	33	0	14	6	102	60	1	103	42	37	0	99	84	0	91	92
	Tổng số cán bộ	1886	445	1818	371	63	1082	46	548	147	156	1464	109	157	60	1419	407	9	1540	337
13	Trưởng Công an	106	1	104	32	0	31	4	69	2	1	88	9	8	0	95	11	1	97	8
14	Chỉ huy Trưởng Quân sự	167	0	148	38	0	35	5	124	3	0	146	19	2	0	113	54	1	148	18
15	Văn phòng - Thống kê	338	188	268	70	1	183	24	124	6	0	171	66	101	2	249	86	5	291	41
16	Địa chính - XD - ĐT - MT (phường, thị trấn)	162	51	80	7	2	117	18	25	0	0	43	45	74	0	76	87	3	142	17
16	Địa chính - NN - XD - MT (xã)	203	31	145	57	2	121	13	63	4	0	95	27	81	1	173	29	2	187	14
17	Tài chính - kế toán	316	215	198	42	0	213	26	76	1	0	136	38	142	0	212	104	0	275	41
18	Tư pháp - hộ tịch	273	122	215	56	0	162	10	97	4	0	147	49	77	1	195	77	3	248	23
19	Văn hóa - xã hội	333	110	244	70	1	132	64	122	14	0	158	60	115	0	240	93	2	301	30
	Tổng số công chức	1898	718	1402	372	6	994	164	700	34	1	984	313	600	4	1353	541	17	1689	192
	Tổng số cán bộ, công chức	3784	1163	3220	743	69	2076	210	1248	181	157	2448	422	757	64	2772	948	26	3229	529

PHỤ LỤC 11

BIỂU TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ TỈNH QUẢNG NINH NĂM 2020																									
		Nguồn: <i>Sơ Nội vụ Tỉnh Quảng Ninh</i>																							
STT	Chức vụ	Tổng số	Số kiêm nhiệm	Trong đó			Trình độ đào tạo chia theo																		
				Nữ	Đảng viên	Dân tộc thiểu số	Chuyên môn, nghiệp vụ					Lý luận chính trị				QLNN			Tin học			Ngoại ngữ			
							Trên Đại học	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Chưa qua đào tạo	Cử nhân/ Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp (bồi dưỡng)	Chưa qua bồi dưỡng	Chuyên viên chính và TD	Chuyên viên (bồi dưỡng)	Chưa qua bồi dưỡng	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	Còn lại	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	Còn lại	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
1	Bí thư Đảng ủy	175	0	25	176	19	73	102	0	0	0	139	36	0	0	99	71	5	5	170	0	6	158	11	
2	Phó Bí thư Đảng ủy	289	0	63	278	48	24	258	0	7	0	34	255	0	0	35	235	19	0	270	19	0	247	42	
3	Thường trực Đảng ủy	9	0	3	9	1	0	9	0	0	0	1	8	0	0	2	6	1	0	9	0	0	9	0	
4	Chủ tịch HĐND	29	135	4	30	8	4	23	2	0	0	1	28	0	0	10	18	1	0	29	0	0	29	0	
5	Phó Chủ tịch HĐND	163	8	43	161	34	7	150	0	6	0	2	160	0	1	14	136	13	1	158	4	1	131	31	
6	Chủ tịch UBND	23	151	2	23	5	5	18	0	0	0	8	15	0	0	13	10	0	0	23	0	0	23	0	
7	Phó Chủ tịch UBND	293	3	50	290	43	45	242	0	4	2	28	265	0	0	43	223	27	1	291	1	1	260	32	
8	Chủ tịch MTTTQ	82	91	34	81	21	1	75	1	4	1	0	77	5	0	13	59	10	2	80	0	0	60	22	
9	Bí thư Đoàn TNCS HCM	168	4	68	168	37	14	146	4	4	0	0	150	6	12	5	104	59	2	163	3	0	147	21	
10	Chủ tịch Hội LHPN	169	4	169	162	33	3	144	6	14	2	0	158	4	7	17	114	38	0	164	5	0	124	45	
11	Chủ tịch Hội Nông dân	146	3	41	144	35	2	105	6	29	6	0	142	3	1	11	99	36	0	136	10	0	107	39	
12	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	168	2	1	164	28	1	81	6	64	18	0	130	13	25	0	109	59	0	116	52	0	85	83	
Tổng số cán bộ		1714	401	503	1686	312	179	1353	25	132	29	213	1424	31	46	262	1184	268	11	1609	94	8	1380	326	
13	Trưởng Công an	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
14	Chỉ huy Trưởng Quân sự	159	2	0	159	37	0	97	4	58	0	0	152	1	6	5	115	39	0	159	0	1	122	36	
15	Văn phòng - Thống kê	357	0	211	333	64	15	305	3	35	0	0	291	23	42	2	289	66	9	348	0	1	306	50	
16	Địa chính - XD - ĐT - MT (phường, thị trấn)	203	1	66	180	10	30	160	5	8	0	0	124	17	62	6	126	71	0	203	0	0	188	15	
16	Địa chính - NN - XD - MT (xã)	177	1	30	160	45	14	145	2	16	0	0	142	15	21	11	148	18	1	174	2	0	148	29	
17	Tài chính - kế toán	291	0	218	258	37	11	262	3	15	0	0	209	27	55	23	195	73	3	283	5	3	264	24	
18	Tư pháp - hộ tịch	297	0	127	274	51	13	258	0	25	1	0	238	22	37	19	213	65	5	287	5	0	254	43	
19	Văn hóa - xã hội	331	4	153	302	72	9	275	19	32	0	0	249	23	59	13	240	78	0	325	6	0	283	48	
	Tổng công chức	1815	4	805	1666	316	92	1502	36	189	1	0	1405	128	282	79	1326	410	18	1779	18	5	1565	245	
	Tổng số cán bộ, công chức	3529	405	1308	3352	628	271	2855	61	321	30	213	2829	159	328	341	2510	678	29	3388	112	13	2945	571	